

• Phạm Thị Tú Uyên, SN 08-11-2005 ở BV Đức Phổ. Gia đình Phạm Thị Ngọc hiện ở quê An Thạch.

- Ông Thảo đi du kích, hy sinh vào khuya 18 rạng 19 tháng 01 Âm năm 1968 ở đầu cầu Hội An, an táng, sau cải táng về nghĩa trang liệt sĩ Phổ An. Người vợ được mẹ nhận làm con gái và gả chồng khác.

® Ông Phạm Hữu Năm: SN Kỷ Mão 1939 ở An Thạch, có vợ là Dương Thị Ở, SN Quý Mùi 1943 ở Hội An, sinh đời VII là:

1- Phạm Quang, SN Tân Sửu 1961 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Mười, SN 1963, sinh 3 trai 1 gái. Gia đình đang ở quê An Thạch làm nông và nghề xây dựng.

2- Phạm Sĩ, SN Quý Mão 1963 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Màu, SN 1967, sinh 2 gái 1 trai. Gia đình ở quê An Thạch làm nông và nghề xây dựng.

3- Phạm Hà, SN Bính Ngọ 1966 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Thanh, SN 1968, sinh 3 gái 1 trai. Gia đình đang ở An Thạch làm nông và nghề xây dựng.

4- Phạm Thị Vân, SN Kỷ Dậu 1969 ở An Thạch, có chồng là Bùi Mai, sinh 4 trai. Gia đình ở quê Quần Huân, làm nông.

5- Phạm Dũng, SN Bính Thìn 1976 ở An Thạch, có vợ là Lê Thị Kim Dư, SN 1979, sinh 1 trai 1 gái. Gia đình đang ở An Thạch làm nông và nghề xây dựng.

6- Phạm Thị Hồng, SN Mậu Ngọ 1978 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Hòa, sinh 4 con. Gia đình ở quê An Thạch, làm nông và nghề xây dựng.

7- Phạm Út, SN Kỷ Mùi 1979 ở An Thạch, có vợ có con. Gia đình ở Sài Gòn, bán trái cây.

8- Phạm Thị Loan, SN Tân Dậu 1981 ở An Thạch, đang làm nghề may ở Sài Gòn.



- Ông Năm tham gia hoạt động c/m, bị bắt đưa ra Côn Đảo, năm 1975 về lại quê làm ruộng, vườn và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhà ở quê An Thạch, ĐT: (055)972708.

◎ **Bà Phạm Thị Sáu:** SN Quý Mùi 1943 ở An Thạch, đỗ tiểu học năm 1958 ở trường làng, có chồng là Nguyễn Văn A, SN Tân Tị 1941 ở Phổ Long, sinh hạ đời VII là:

1- Nguyễn Minh Kha, SN Quý Mão 1963 ở An Thạch, có vợ tên Siêu, người Hoa, chưa con. Gia đình đang ở Bình Chánh.

2- Phạm Minh Hoa (họ mẹ), SN Mậu Thân 1968 ở Sài Gòn, lớp 10, có vợ chưa con, đang làm chung với Điệp ở Đồng Nai.

3- Phạm Minh Điệp (họ mẹ), SN Canh Tuất 1970 ở Sài Gòn, lớp 12, có vợ là Lê Thị Ngọc Thảo, SN 1972 ở Đồng Tháp, sinh 2 con. Gia đình ở Đồng Nai, làm ở cảng Đồng Nai.

4- Phạm Thị Thu Trang (họ mẹ), SN Quý Sửu 1973 ở Sài Gòn, giáo viên Anh Văn, có chồng là Trần Nguyễn Minh Châu, SN 1970 ở Sài Gòn, ĐH, đang làm cho Cty điện lạnh, có 2 con. Gia đình đang ở phường 7, Phú Nhuận.

5- Nguyễn Thị Minh Trâm, SN Bính Thìn 1976 ở TP.HCM, ĐH sư phạm, giáo viên trường đa quốc gia ở quận 5, có chồng là Lê Hoàng Anh, lớn hơn 10 tuổi, đang kinh doanh mua bán xe honda. Gia đình ở Phú Nhuận.

- Ông A bị bệnh mất không nhớ ngày, an táng ở quê Phổ Long.

- Bà Sáu đang ở Bình Thạnh, ĐT: (08)5391893.

◎ **Ông Phạm Việt Hùng** SN Kỷ Sửu 1949 ở An Thạch, qua Miên định cư, có vợ người bản xứ, sinh 2 con là:

1- Phạm Xi-Vi-Lây (con trai), SN...

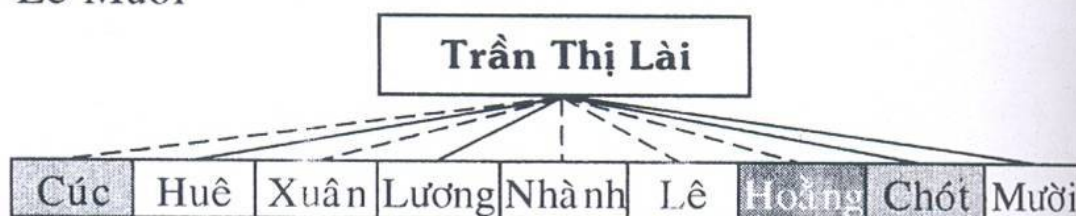
2- Phạm Bô-Pha (con gái), SN...

- Ông Hùng hiện là chủ bút tờ báo Đông Phương đang xuất bản ở Mỹ. Gia đình đang ở Mỹ.



**Đời V: Bà Trần Thị Lài:** SN Nhâm Dần 1902 ở An Thạch, có chồng là Lê Niên, SN Canh Tí 1900 cùng quê, sinh:

- 1- Lê Thị Cúc
- 2- Lê Huê
- 3- Lê Thị Xuân
- 4- Lê Duy Lương (Nường)
- 5- Lê Thị Nhanh (Hong Liên)
- 6- Lê Thị Lê
- 7- Lê Thị Hoàng
- 8- Lê Chót
- 9- Lê Mười



- Bà Lài cùng chồng là ông Lê Niên với người con dâu thứ 3, người con gái thứ 8, 2 người cháu nội con của người thứ 5 và 2 người hàng xóm bị đạn đại bác ở biển bắn vào trúng hầm chết hết ngày 02-08 Âl 1964, chỉ duy nhất có người cháu nội gái tên Nga còn nhỏ, con của người thứ 3 là còn sống sót mà thôi!

Ôi, chiến tranh! Thật là một thảm họa!...

**Đời VI: ① Bà Lê Thị Cúc:** SN Đinh Mão 1927 ở An Thạch, bị bệnh chết lúc 6 tuổi. Mộ ở dốc Bồ Đề.

② **Ông Lê Huê:** SN Mậu Thìn 1928 ở An Thạch, có vợ là Bùi Thị Ty, quê An Thổ, sinh:

- 1- Lê con trai bệnh gì không rõ, chết lúc nhỏ.
- 2- Lê con trai lớn lên nhập ngũ, tử trận.
- 3- Lê Thị Nga-duy nhất may mắn còn sống khi đạn đại bác ở biển bắn vào trúng hầm ngày 02-08 Âl 1964, chết hết 8 người.



- Bà Ty bị đạn chết. Một thời gian sau ông Huê có vợ khác là Phạm Thị Nhỏ, sinh:

1- Lê Huy

Gia đình đang sống ở 1A Đào Duy Từ, Quy Nhơn.

③ **Bà Lê Thị Xuân:** SN Kỷ Tị 1929 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Điều, đồng tuổi, cùng xóm, sinh: một là Ngân, hai là Bé (bị đạn chết chung hầm), ba là Bưng, bốn là Đây, năm là Hoa, sáu là Tài.

④ **Ông Lê Duy Lương (Nương):** SN Quý Dậu 1933 ở An Thạch, có vợ là Dương Thị Bảy, SN Bính Tí 1936 cùng quê, sinh những người con:

1- Lê Dũng, nhập ngũ tử trận.

2- Lê Cử và Lê Lang bị đạn chết chung hầm.

3- Lê Duy Anh-Thanh-Trang-Nhân-Liễu-Lý-Long-Điệp.

- Ông Lương làm nghề mộc, gia đình ở bến Bình Đông, quận 6 từ khi nơi này còn bèo bộn về mọi mặt. Ông bị đột tử trong lúc đang kéo đỡ cái khung cửa sổ ở nhà sau ngày chữa bệnh ở BV về. Gia đình vợ con đang ở chỗ khác, vì nơi cũ đã giải tỏa mở rộng đường.

⑤ **Bà Lê Thị Nhanh (Hong Liên):** SN Bính Tí 1936 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Đình Phúc, SN Giáp Tuất 1934 ở Hội An, sinh:

1- Nguyễn Đình Thạnh, SN Canh Tí 1960 ở An Thạch, có vợ có 2 con gái, gia đình ở TP.QNgãi, kinh doanh xe tải chở hàng.

⑥ **Bà Lê Thị Lê:** SN Canh Thìn 1940 ở An Thạch, có chồng là Trương Tập đồng tuổi cùng quê, sinh:

1- Trương Thị Hoa

2- Trương Chất

3- Trương Thái

⑦ **Bà Lê Thị Hoàng:** SN Quý Mùi 1943 ở An Thạch, bị trúng đạn chết năm 1964, an táng ở quê.



⑧ **Lê Chót:** SN Giáp Thân 1944 ở An Thạch, bệnh gì không rõ chết lúc nhỏ, an táng ở quê.

⑨ **Ông Lê Mười:** SN Mậu Tí 1948 ở An Thạch, lớp đệ tứ, có vợ là Phạm Thị Anh, SN Kỷ Sửu 1949 ở Phổ Thuận, sinh hạ đời VII là:

1- Lê Thanh Tâm, SN Mậu Thân 1968 ở An Thạch, có vợ là Phạm Thị Bé Ba, SN 1972 ở Long An, sinh 1 trai 1 gái. Gia đình ở Bình Hưng Hòa, làm nghề mộc.

2- Lê Kim Khánh, SN Tân Hợi 1971 ở An Thạch, có vợ là Phạm Thúy Hồng, SN 1977 ở Long An, sinh 1 trai 1 gái. Gia đình ở chung với cha mẹ làm nghề mộc.

3- Lê Thị Mai, SN Quý Sửu 1973 ở An Thạch, có chồng là Phạm Văn Thành, SN 1971 cùng quê, sinh 2 trai. Gia đình ở Lạc Long Quân, làm nghề xây dựng.

4- Lê Thị Linh, SN Ất Mão 1975 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Văn Dũng, SN 1969 ở Phổ Quang, sinh 1 trai 2 gái. Gia đình ở quê, làm nghề biển.

- Ông Mười là người có kiến thức làm nông và làm nông giỏi. Nhưng không thể phát huy sở trường vốn có, vì bị hạn chế nhiều mặt, nên năm 1997, ông đã phải chuyển gia đình từ quê vô Sài Gòn để ở làm đủ nghề, trong đó có nghề chạy xe... làm nên sự nghiệp. Gia đình đang ở Bình Tân. Các người con của ông có nghề nghiệp chuyên và giỏi làm ăn.

• **Từ và Bi:**

- Từ là cho thêm niềm vui
- Bi là giảm bớt đau khổ.

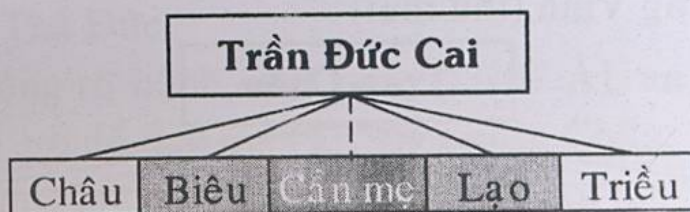
*Theo kinh Phật*

**Đời IV:** Ông Trần Đức Cai (Đức Nhuận): SN Bính Dần 1866 ở An Thạch. Năm lên 12 tuổi cha mất, ông với các huynh đệ về



ở với người chú là ông bá hộ Sáu. Nhưng chú bỏ bê, không có trách nhiệm nuôi dưỡng các anh em ông như đã hứa lúc ban đầu, nên sau năm năm, tất cả về ở với chú út là ông bá hộ Mười. Ông thông minh và chăm học, thi đỗ tú tài Hán ngữ, làm quan chánh tổng thời xưa. Trong thời trai trẻ, ông cũng gặp nhiều trắc trở về tình duyên. Ông có vợ là Nguyễn Thị Báu, sinh những người con đời V là:

- 1- Trần Châu (Nhi)
- 2- Trần Biêu
- 3- Trần Thị Cấn mẹ
- 4- Trần Đức Lạo
- 5- Trần Triều (Xuân Tiên)



- Ông làm quan chánh tổng Ca Đức mấy năm, nhưng buồn việc người, chán việc đời nên từ quan về nghỉ. Sau một thời gian, ông vô Nam đến Cần Thơ, làm thầy bán thuốc chữa bệnh mấy năm thì dừng chân ở lại gần đầu Cầu Sáu, Cái Răng mở trường dạy chữ cho dân làng và mất nơi đây ngày 04-02 Âl 1917.

Đã 2 lần, cháu nội đích tôn là ông Trần Tòa về tìm mộ, nhưng không kết quả, phải đành gửi bà con nơi này nhang khói chung. Hiện nay, ở đây đã giải tỏa dời mộ và nhà phố đã mọc lên thay thế rồi!

- Bà ở lại nhà cho đến khi già yếu thì mất vào ngày 12-12 Âl. Mộ ở đất mạ Gò Găng được đắp đất cao lên chống ngập.

---

**Đời V: Ông Trần Châu (Hương Văn).** Lúc nhỏ ông còn có tên là Nhi, biết chữ Hán, thông chữ Việt, làm chức hương văn lo việc nghi lễ, cúng tế cho làng, có con đầu tên Phố nên



thường gọi là Hương Văn Phố. Ông là con trai trưởng của quan chánh tổng Trần Đức Cai, sinh năm Đinh Dậu 1897 ở An Thạch, có vợ là Phạm Thị Trọng, SN Tân Sửu 1901 cùng quê, sinh hạ đời VI là:

- 2- Trần Thị Phố (thứ 3)
- 3- Trần Tòa (thứ 4)
- 4- Trần Tụ (Văn Hoa, thứ 5)
- 5- Trần Thị Sum (Thanh Vân, thứ 6)
- 7- Trần Hòa (thứ 8)
- 8- Trần Thị Lương (thứ 9)
- 10- Trần Thị Đống (thứ dư)
- 11- Trần Văn Khoa (thứ thừa)
- 12- Trần Đăng Vinh (thứ thãi)



- Ông già yếu bị bệnh mấy năm thì mất ngày 27-05 Âl 1979, an táng ở Cao Lao Hạ, Thủ Đức.

Ngày xưa, hàng năm vào ngày 07-03 Âl, ông thường về Bàn An lễ tổ và ăn giỗ nơi nhà ông Chánh Yển. Nhờ vậy nên sự liên kết mối giềng họ tộc giữa Bàn An (gốc của tổ tiên) và An Thạch đến nay luôn bền chặt.

- Bà mất vào ngày 01-06 Âl 1964, an táng nơi Cấm Trước. Con trưởng Trần Tòa xây mộ năm 1994.

---

**Đời VI: Bà Trần Thị Phố:** SN Nhâm Tuất 1922 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Cao Ký, sinh hạ đời VII là:

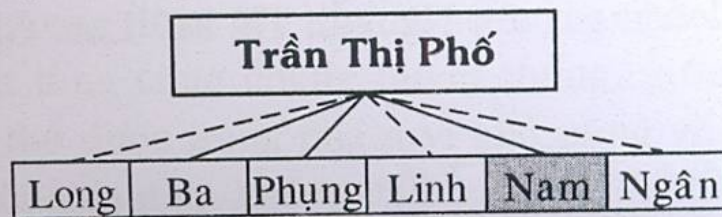
- 1- Nguyễn Thị Kim Long
- 2- Nguyễn Ba



### 3- Nguyễn Phụng (Phi Hùng)

Sau khi chồng chết nhiều năm, bà Phố có chồng khác là Huỳnh Quang Vinh, SN Tân Hợi 1911 ở An Thạch, sinh hạ đời VII tiếp theo là:

- 1- Huỳnh Thị Kim Linh
- 2- Huỳnh Thanh Nam
- 3- Huỳnh Thị Kim Ngân



- Bà Phố già yếu mất ngày 26-11 Âl (02-01-2000), an táng ở Cao Lao Hạ, Thủ Đức.
- Ông Ký không rõ bệnh, mất ngày 11-07 Âl, an táng, sau hốt cốt hỏa thiêu, tro để ở chùa Vạn Thọ, xóm Chùa, Tân Định.
- Ông Vinh bệnh mất ngày 03-03 Âl 1982, an táng ở...

**Đời VII:** ① Bà Nguyễn Thị Kim Long: SN Quý Mùi 1943 ở An Thạch, trước năm 1975 qua Nhật giải phẫu mũi và có chồng người bản xứ, sinh 3 người con (2 gái 1 trai). Gia đình đang định cư ở Mỹ.

② Ông Nguyễn Ba: SN Giáp Thân 1944 ở Trà Niên, có vợ không biết tên, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Nguyễn Thị Bích Thủy, TNPT.
- 2- Nguyễn Thị Bích Liên, TNCS.
- 3- Nguyễn Ngọc Minh, TN đại học kinh tế.

- Ông Ba bị bệnh chết năm 1992, ngày..., an táng ở nghĩa trang Trung Việt, Gò Dưa.

③ Ông Nguyễn Phụng (Phi Hùng): SN Đinh Hợi 1947 ở An Thạch, tú tài trước 1975, bị bệnh rối loạn trí nhớ.

④ **Bà Huỳnh Thị Kim Linh:** SN Quý Mão 1963 ở Sài Gòn, có chồng là Huỳnh Văn Trung, SN Đinh Hợi 1947 cùng quê, sinh:

1- Huỳnh Thanh Kim Phượng, SN 1979 ở TP.HCM, cử nhân kinh tế, có chồng bộ đội, có con tên...

2- Huỳnh Thanh Phúc, SN 1980 ở TP.HCM, lớp 9.

⑤ **Ông Huỳnh Thanh Nam:** SN không rõ, chết lúc nhỏ.

⑥ **Bà Huỳnh Thị Kim Ngân:** SN Bính Ngọ 1966 ở Sài Gòn, có chồng có 1 con gái tên Nguyễn Thị Mỹ Lan. Gia đình đang định cư ở Mỹ.

- Đình khoa bảng nhà đời Trần
- Năm mươi bảy tuổi trọng thần họ Lê (Văn Hưu)

*Chuyên kể về ông Lê Văn Hưu.*

**Đời VI: Ông Trần Tòa:** SN Giáp Tí 1924 ở An Thạch, đỗ diplomaire trước 1945, dạy học và kế tiếp làm việc ở tòa án tỉnh Quảng Ngãi thời Việt Minh. Năm 1954 tập kết ra Bắc, ông tiếp tục công tác trong ngành tư pháp, tòa án và theo học ngành luật ở Bắc; sau năm 1975 phục vụ cho cơ quan thông tấn xã phía Nam, TN khoa luật, trở thành luật sư và là thành viên của luật sư đoàn TP.HCM. Ông có vợ là Lê Thị Phong, SN Mậu Thìn 1928 ở Đồng Cát, đỗ primaire làm nghề dạy học, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Thị Thanh Nhàn

2- Trần Thị Thanh Tâm



- Với cuộc đời của một nam nhi, ông Tòa là người có nhiều nghị lực về tinh thần cũng như thể chất; là người gánh cả và



ven toàn đôi vai tình nhà nợ nước. Hơn hai mươi năm xa cách, vẫn một dạ kiên trung, làm tròn bổn phận của một người con với quê hương; một lòng son sắt, thủy chung với gia đình; giữ gìn phẩm hạnh đạo đức trước sau. Thật là:

- Người đời há dễ mấy ai
- Tình nhà nợ nước hai vai chu toàn.

Với bà con trong dòng tộc dẫu là nội ngoại gần xa, ông luôn thể hiện tấm lòng cùng chung huyết thống, giúp đỡ tận tình những gì có thể được trong phạm vi khả năng về tinh thần và vật chất. Thời chín năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), lúc ấy ông đang tòng sự tại tòa án tỉnh Quảng Ngãi, có giúp ông Nguyễn Văn Hằng (cháu ngoại ông đội trưởng Trần Quang Hiến) không phải vướng vào cảnh lao lý oan uổng. Sự việc dẫu nhỏ nhưng tích thiện không nhỏ, dư âm đời đời thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa những người trong dòng tộc, dẫu khác họ nhưng đồng một Tổ một Tông, một Gốc một Nôi. Đúng với câu tục ngữ:

- Một giọt máu đào hơn ao nước lã.  
(Một người bà con hơn trăm người ngoài họ).

Ông bị bệnh sỏi mật, nhiều lần đến bệnh viện chữa trị, và vì sức khỏe không cho phép, nên không thể giải phẫu cắt bỏ túi mật được, về nhà vợ con chăm sóc, sau một năm thì mất vào sáng ngày 21-05 Âm nhuận (11-07-2001), an táng nơi nghĩa trang TP.HCM.

- Bà Phong ở lại quê với muôn ngàn gian nan phải đối mặt, khó khăn chồng chất khó khăn, nhưng vẫn kiên tâm vượt qua tất cả, nuôi con cho ăn học chờ chồng về. Ôi! Hai năm rồi lại hai năm! Làng thôn lửa khói lại bùng lên sau mười mùa lá đổ bình yên trong giấc mộng đợi chờ...



Hai mươi mốt năm đôi bờ không còn ngăn cách, gia đình lại gặp nhau trong niềm vui đoàn tụ, bỏ đi năm tháng âu lo, khắc khoải mỗi mòn... Hiện tại bà còn khỏe nhưng sức đã yếu nhiều, đang sống với các con ở 120/2 Trần Quốc Thảo, quận 3, TP.HCM, ĐT: (08)9316436.

---

**Đời VII:** ① **Trần Thị Thanh Nhân:** SN Mậu Tí 1948 ở An Thạch, tốt nghiệp đại học sư phạm khoa sử địa, giáo viên cấp 3, trường Phan Đăng Lưu, Phú Nhuận, đã nghỉ hưu. Cô không có chồng.

Cô có góp ý bổ sung một ít về từ ngữ cũng như câu chữ ở phần phả ký của gia phả, và khích lệ tinh thần, ủng hộ vật chất cho người làm việc này. Ngoài ra cô cũng có nhiều ý kiến rất thiết thực để xây dựng và củng cố tính bền vững cho sự nối kết lâu dài giữa các đời trong họ tộc. Hơn nữa cô còn tự thân cũng như động viên mọi người đóng góp tài chánh cho quỹ họ, cho việc xây dựng nhà thờ ở quê và các việc ích lợi khác v.v... Cô đang sống chung với mẹ và em gái ở quận 3, ĐT: (08)9316436.

② **Trần Thị Thanh Tâm:** SN Tân Mão 1951 ở An Thạch, TN trung cấp sư phạm, giáo viên tiểu học, đã nghỉ hưu, không có chồng, đang ở chung với mẹ và chị ở quận 3.

---

**Đời VI:** Ông **Trần Tụ (Văn Hoa):** SN Bính Dần 1926 ở An Thạch, có vợ quê Trà Vinh, sinh 2 con gái đời VII là:

1- Trần Thị Nguyệt

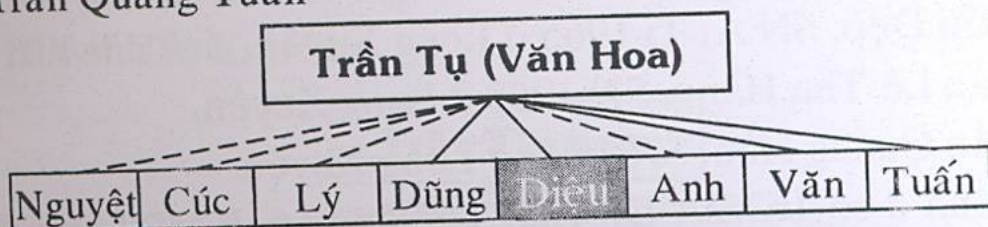
2- Trần Thị Cúc

Hai bên thôi nhau không hiểu lý do, thời gian sau ông có vợ khác là Bùi Thị Thiểu, SN Ất Hợi 1935 ở Bình Định, sinh hạ tiếp đời VII là:

1- Trần Thị Minh Lý (Bội Hoàng)



- 2- Trần Quang Dũng
- 3- Trần Quang Diệu
- 4- Trần Thị Kim Anh
- 5- Trần Quang Văn
- 6- Trần Quang Tuấn



- Sau năm 1975, ông Tụ có về quê An Thạch ở trên vườn nhà cũ một thời gian rồi trở vô lại Sài Gòn, cho đến ngày 10-09 Âl 1990 thì mất, an táng ở Cao Lao Hạ, Thủ Đức.

- Bà Thiểu bị đột tử lúc 18h15 ngày 13-04 Âl (10-05-2006) trong lúc đang xem ti vi, giữa khi ở nhà chỉ một mình. Hàng xóm đi ngang trông thấy báo cho tổ trưởng hay, gọi con cháu đang đi làm và ở các nơi về, ngay cả người con gái lớn ở Mỹ cũng về ngay ngày hôm sau, an táng ở Cao Lao Hạ, Thủ Đức, đã xây mộ.

**Đời VII:** ① **Trần Thị Nguyệt:** SN không rõ, không biết chồng con thế nào và nghe nói hiện giờ đang ở Bạc Liêu hoặc Cà Mau. Năm ông Hương Văn Phố mất, cô có đến lạy và để tang cho ông nội rồi từ đó đến nay không có tin tức.

② **Trần Thị Cúc:** có hoàn cảnh và hành xử công việc cũng như người chị, chưa rõ đang ở đâu.

③ **Trần Thị Minh Lý (Bội Hoàng):** SN Kỷ Hợi 1959 ở An Thạch, TNPT, có chồng là Lâm Văn Quân - việt kiều Mỹ, hiện đang định cư ở Mỹ.

Cô dẫu sống xa quê, nhưng luôn nhớ về cội nguồn dòng tộc nội ngoại; sống rất chân thành và có nhiều nghị lực vươn lên



trong cuộc sống; thể hiện đầy đủ bốn phận làm con đối với cha mẹ và làm chị đối với các em, nhất là với người em trai út (nuôi nấng cho ăn học thành danh); rất được bà con dòng tộc quý mến, xứng đáng là một tấm gương sáng...

④ **Trần Quang Dũng:** SN 02-01-1962 ở Sài Gòn, lớp 9, có vợ là Lê Thị Đẹp, SN Ất Tị 1965 ở Long Xuyên, sinh đời VIII là:

1- Trần Lê Thu Hằng, SN 1990 ở Long Xuyên.

2- Trần Quang Hậu, SN 1992 ở Long Xuyên.

- Gia đình ở số 163/2A Lý Thái Tổ, khóm 6, P.Mỹ Long, Long Xuyên, ĐT: (076)944296, bán hàng ăn uống.

⑤ **Trần Quang Diệu:** SN Quý Mão 1963 ở Sài Gòn, lớp 10, bị bệnh chết ngày 02-04 Âl (13-05-2002), hỏa táng, cốt tro để ở chùa Vạn Thọ, Tân Định.

⑥ **Trần Thị Kim Anh:** SN Đinh Mùi 1967 ở Sài Gòn, lớp 11, có chồng là Dương Ngọc Tràng, SN Giáp Thìn 1964 ở Sài Gòn, sinh hạ đời VIII là:

1- Dương Ngọc Anh Trang, SN 08-12-1996 ở BV Từ Dũ.

2- Dương Anh Khôi, SN 19-05-2005 ở BV Từ Dũ.

- Gia đình ở 576/3B Lê Hồng Phong, Q.10, ĐT: (08)8330752.

⑦ **Trần Quang Văn:** SN Mậu Thân 1968 ở Sài Gòn, có vợ là Lê Thị Lan, SN Kỷ Dậu 1969 ở Châu Đốc.

⑧ **Trần Quang Tuấn:** SN Bính Thìn 1976 ở Bình Định, TNHH kinh tế, đang làm việc ở Cty người nước ngoài, có vợ là.....

---

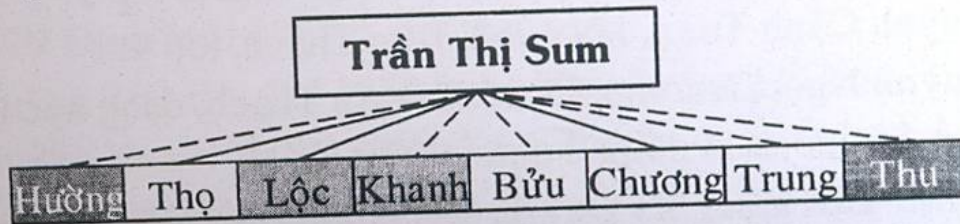
**Đời VI: Bà Trần Thị Sum (Thanh Vân):** SN Mậu Thìn 1928 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh A, SN Bính Dần 1926 cùng quê, đỗ yếu lược, lớp 7 Việt Minh, sinh hạ đời VII là:

1- Huỳnh Thị Hường

2- Huỳnh Ngọc Thọ



- 3- Huỳnh Tấn Lộc
- 4- Huỳnh Thị Mỹ Khanh
- 5- Huỳnh Thị Bửu
- 6- Huỳnh Văn Chương
- 7- Huỳnh Thị Kim Trung
- 8- Huỳnh Thị Kim Thu



- Bà Sum đã già yếu và bị lẩn mấy năm rồi, đang sống với con trai ở An Thạch. Bà mất lúc 1h khuya ngày 3-10 Âl 2007, an táng ở nghĩa địa đội 10, Giồng Biển.
- Ông A bị bom đạn chết ngày 08-11 Âl 1970 ở Đức Lân, an táng ở Hội An, đã xây mộ.

**Đời VII:** ① **Huỳnh Thị Hường:** SN Kỷ Sửu 1949 ở An Thạch, có chồng là Trương Quang Vinh, SN Giáp Thân 1944 cùng quê, giáo viên, sinh hạ đời VIII là:

1- Trương Quang Việt, SN 1967 ở An Thạch, thạc sĩ quản lý kinh tế, có vợ có 2 con. Gia đình ở Kontum.

2- Trương Thị Kiều, SN 1970 ở An Thạch, TNPT, có chồng có 3 con. Chồng chết do tai nạn giao thông. Gia đình đang ở quê làm nghề mua bán.

- Bà Hường bị lạc đạn chết ở Thạch Trụ ngày 23-08 Âl 1973, an táng ở Thạch Trụ, chồng xây mộ.

- Ông Vinh một thời gian sau có vợ khác, có 3 con.

② **Huỳnh Ngọc Thọ:** SN Tân Mão 1951 ở An Thạch, học hết trung học đệ nhị cấp trước 1975; sau 1975 dạy học, hiệu phó



trường tiểu học Phổ An, một thời gian nghỉ dạy về làm ruộng. Ông có vợ là Nguyễn Thị Tám, SN Mậu Tuất 1958 cùng quê, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Huỳnh Thị Thanh Thảo, SN 1976 ở An Thạch, lớp 9.
  - 2- Huỳnh Ngọc Thức, SN 1978 ở An Thạch, lớp 9.
  - 3- Huỳnh Thị Kim Thoa, SN 1980 ở An Thạch, lớp 9.
  - 4- Huỳnh Cảnh Toàn, SN 1982 ở An Thạch, lớp 9.
  - 5- Huỳnh Ngọc Trường, SN 1985 ở An Thạch, đang học ĐH.
- Tất cả 5 người con đang ở quận 9, TP.HCM.

③ **Huỳnh Tấn Lộc:** SN Quý Tị 1953, bệnh chết lúc sơ sinh.

④ **Huỳnh Thị Mỹ Khanh:** SN Giáp Ngọ 1954 ở An Thạch, bị bom chết ngày 15-07-1969, an táng ở quê.

⑤ **Huỳnh Thị Bửu:** SN Đinh Dậu 1957 ở An Thạch, có chồng là Lê Thanh Trà, SN Quý Tị 1953 ở Hội An, sinh:

1- Lê Thị Xuân Hương, SN 04-04 Âm 1976 ở Hội An, lớp 9, có chồng là Nguyễn Thành Lưu, SN Kỷ Dậu 1969 ở Phổ Thuận, kỹ sư nông lâm đang làm ở huyện Đức Phổ, sinh 3 con là Nguyễn Lê Hoa - Nguyễn Lê Quỳnh - Nguyễn Lê Trinh. Gia đình ở Phổ Thuận buôn bán.

2- Lê Thị Mỹ Hạnh, SN 07-10 Âm 1977 ở Hội An, lớp 9, có chồng tên Tuấn, SN 1975 ở Phổ Quang, sinh 1 gái tên Na. Gia đình đang ở An Thạch đi biển và kinh doanh điện tử.

3- Lê Hải Dương, SN 1979 ở Hội An, TNCĐ sư phạm kỹ thuật điện, đang làm ở Thủ Đức.

4- Lê Thị Bích Liễu, SN 1982 ở Hội An, lớp 9, có chồng là Nguyễn Thành Châu, SN 1976 cùng quê, lớp 9. Gia đình ở Hội An, sửa xe honda và mua bán.

5- Lê Hà Kiệt, SN 20-10 Âm 1986, đang học năm II, ĐHBK, khoa điện tử (thi năm 2005 đạt 29.5 đ).



6- Lê Tiến Kỳ, SN 04-01 Â1 1988, TNPT (53.5 đ), đang học năm I, ĐHBK, khoa hóa (thi năm 2006 đạt 27.5 đ).

- Gia đình bà Bửu đang ở quê Hội An làm ruộng vườn, chăn nuôi gia súc, gia cầm, mua bán ở chợ nuôi con cho ăn học.

⑥ **Huỳnh Văn Chương:** SN Nhâm Dần 1962 ở An Thạch, TNCD sư phạm khoa ngữ văn, giáo viên, có vợ là Trần Thị Chín, SN Đinh Mùi 1967 ở An Thổ, sinh:

1- Huỳnh Thủ Đô, SN 1989 ở An Thạch, đang đi học.

2- Huỳnh Hoa Hội, SN 1990 ở An Thạch, đang đi học.

- Gia đình ở quê An Thạch, nhà gần chợ An, buôn bán tạp hóa và dạy học.

⑦ **Huỳnh Thị Kim Trung:** SN Ất Tị 1965 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Tiến, SN Giáp Thìn 1964 cùng quê, sinh:

1- Huỳnh Trúc Sang, SN 1987 ở An Thạch, đang đi học.

2- Huỳnh Thế Công, SN 1989 ở quận 9, đang đi học.

- Gia đình ở quận 9, kinh doanh nhà đất.

⑧ **Huỳnh Thị Kim Thu:** SN 1969 ở An Thạch, chết năm 1987.

**Đời VI: Ông Trần Hòa:** SN Tân Mùi 1931 ở An Thạch, trung học thời Việt Minh (1945-1954), có vợ là Lê Thị Bột (Minh Tâm), SN Mậu Dần 1938 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Thị Thanh Diễm

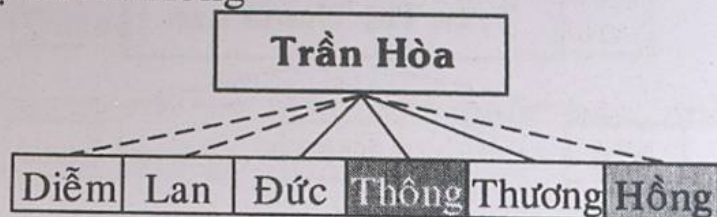
2- Trần Thị Thanh Lan

3- Trần Văn Đức

4- Trần Văn Thông

5- Trần Văn Thương

6- Trần Thị Thanh Hồng





- Ông Hòa mất ngày 05-06 Âm 1990, an táng ở đất vườn nhà. Ngày xưa hàng năm vào ngày 07-03 Âm, ông thường theo cha về Bàn An ăn giỗ nơi nhà ông Chánh Yển.

- Bà Bột (Minh Tâm) là một phụ nữ giỏi giang, đảm đang mọi việc trong ngoài của gia đình; chịu đựng và khắc phục các tình huống khó khăn nhất để tất cả có thể trở nên bình thường v.v... Hiện bà đang sống với con trai, làm nghề mua bán như từ xưa. Nhà ở gần ngã tư Thạch Trụ, quốc lộ 1A, ĐT: (055)855613.

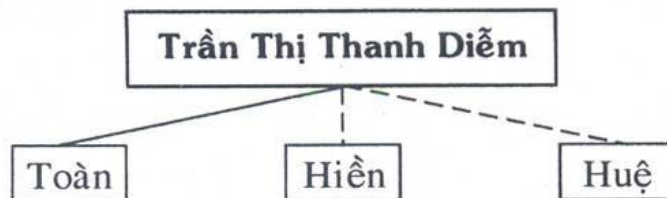
**Đời VII:** ① **Trần Thị Thanh Diễm:** SN Quý Mão 1963 ở An Thạch, có chồng là Ngô Quang Vĩnh, đồng tuổi, quê An Thổ, sinh hạ đời VIII là:

1- Ngô Nhật Toàn, SN 1981 ở An Thạch, lớp 9.

2- Ngô Thị Diệu Hiền, SN 1984 ở An Thạch, lớp 9.

3- Ngô Nữ Diệu Huệ, SN 1988 ở An Thạch, đang đi học.

Hai bên đã ly hôn. Nhà ở An Thổ, có đi mua bán ở thành phố Hồ Chí Minh.



② **Trần Thị Thanh Lan:** SN Ất Tị 1965 ở An Thạch, có chồng là Võ Hồng Bình, SN Quý Mão 1963 ở An Thổ, lớp 11, sinh:

1- Võ Thị Hồng Nhị, SN 1986 ở An Thổ, đang đi học.

2- Võ Hồng Kiệt, SN 1988 ở An Thổ, là học sinh giỏi cấp tỉnh, có đi thi đường lên đỉnh Olympia.

3- Võ Thị Diệu Linh, SN 1991 ở An Thổ, đang đi học.

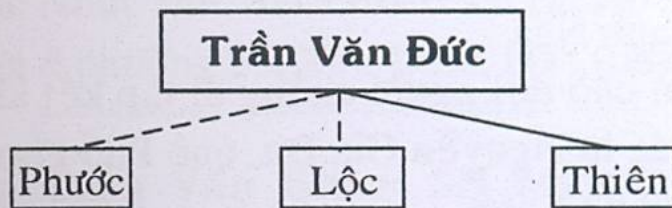




- Gia đình ở quê làm nông, buôn bán, đi biển nuôi con cho ăn học. Nhà ở phía trong vườn đào, mát mẻ và vắng vẻ.

③ **Trần Văn Đức:** SN Đinh Mùi 1967 ở AThạch, lớp 10, có vợ là Lương Thị Lan, SN Nhâm Tý 1972 ở Đức Phong, lớp 9, sinh:

- 1- Trần Thị Kim Phước, SN 1991 ở An Thạch, đang đi học.
- 2- Trần Thị Kim Lộc, SN 1992 ở An Thạch, đang đi học.
- 3- Trần Minh Thiên, SN 1995 ở An Thạch, đang đi học.

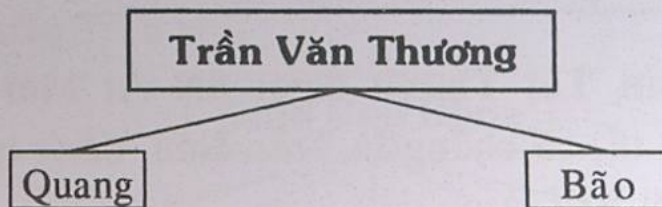


- Ông Đức là người có những suy nghĩ hay, nhận định tốt về một dòng tộc đã từng nổi tiếng về văn võ và phú quý của một thời nơi làng An Thạch, mà đến nay vẫn còn dư âm trong lòng mọi người gần xa. Gia đình đang ở quê An Thạch, ĐT: (055)983698, làm nông, có đi mua bán ở TP.HCM.

④ **Trần Văn Thông:** SN Kỷ Dậu 1969 ở An Thạch, đụng xe bị thương, chữa trị đã lành nhưng không khỏi hẳn, sau 19 năm thì chết ngày 22-05-1991, an táng nơi đất vườn nhà, gần mộ cha.

⑤ **Trần Văn Thương:** SN Tân Hợi 1971 ở An Thạch, lớp 9, có vợ là Trần Thị Thu Hương, đồng tuổi, quê ở Huế, sinh:

- 1- Trần Đăng Quang, SN 1993 ở An Thạch, đang đi học.
- 2- Trần Quang Bảo, SN 1995 ở An Thạch, đang đi học.



- Gia đình ở chung với mẹ làm nghề buôn bán, nhà ở gần ngã tư Thạch Trụ, có đi làm ăn ở tỉnh khác.



© **Trần Thị Thanh Hồng:** SN Mậu Ngọ 1978, bị bệnh chết năm 1982, mộ ở đất vườn nhà.

---

**Đời VI:** ① **Trần Thị Lương:** SN Quý Dậu 1933 ở An Thạch, bị bệnh chết lúc nhỏ.

② **Bà Trần Thị Đống:** SN Ất Hợi 1935 ở An Thạch, có chồng là Bùi Công Hiến (Chải), SN Quý Dậu 1933 ở An Thổ, sinh:

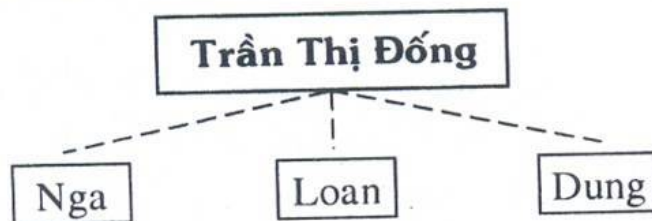
1- Bùi Thị Thanh Nga

Sau mười năm chờ đợi người chồng đi tập kết không thấy về, bà có chồng khác là Nguyễn Gia Du, quê Phổ Phong, sinh:

2- Trần Thị Thanh Loan.

Năm 1967, người chồng cũ vô lại chiến trường miền Nam, gặp bà ở Sađéc, sinh:

3- Trần Bùi Thanh Dung.



- Bà mất ngày 15-04 Âl (25-05-1975)! An táng ở Cao Lao Hạ.

- Ông Du không rõ hoàn cảnh.

- Ông Hiến có vợ khác, có con gái tên Thúy, SN 1976 đã có chồng. Vợ ông bị tai nạn xe chết ở quê Đức Phổ khi con còn nhỏ. Hiện ông đang ở với con gái ở Gò Vấp.

---

**Đời VII:** ① **Bùi Thị Thanh Nga:** SN Ất Mùi 1955 ở An Thạch, cán sự y tế, có chồng là Trần Hóa, đồng tuổi, quê Hải Lăng, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Đăng Bảo Khánh, SN 1980 ở TP.HCM, BS nha khoa.

2- Trần Thanh Bảo Trâm, SN 1985 ở TP.HCM, đang đi học.



Gia đình ở quận 3, ĐT: (08)8436562, làm việc ở BV và chạy xe du lịch nhà.

② **Trần Thị Thanh Loan:** SN Ất Tị 1965 ở An Thạch.

③ **Trần Bùi Thanh Dung:** SN Mậu Thân 1968 ở Sađéc, TC y tế, có chồng là Bạch Sơn Vũ, SN Giáp Thìn 1964, quê ở Hải Lăng, sinh hạ đời VIII là:

1- Bạch Ngọc Thanh Xuân, SN 1997 ở TP.HCM.

2- Bạch Ngọc Nhựt Tân, SN 1999 ở TP.HCM.

- Gia đình đang ở phường 15, Tân Bình, ĐT: (08)8152942.

**Đời VI: Ông Trần Văn Khoa:** SN Mậu Dần 1938 ở An Thạch, đỗ tú tài toàn phần năm 1958 ở Sài Gòn (ở quê gia đình cha mẹ tổ chức tiệc ăn mừng, có mời bà con họ hàng và xóm giềng đến dự), năm 1962 TNĐH sư phạm khoa sử địa, và là giáo sư trung học đệ nhị cấp của thời trước 1975 ở Sađéc và ở Sài Gòn. Ông có vợ là Lưu Thị Quán Tuyết, SN Canh Thìn 1940 ở Nha Trang, gốc Huế, TNTH sư phạm, giáo viên, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Đức Trí

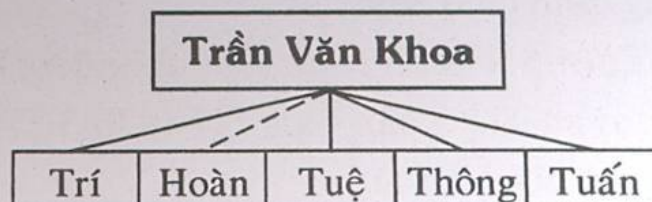
2- Trần Bội Hoàn

3- Trần Đức Tuệ

4- Trần Đức Thông

Ông có thêm người vợ thứ 2 là Đỗ Thị Hà, đồng tuổi, tú tài, sinh hạ tiếp đời VII là:

1- Rober Tuấn Trần Đỗ



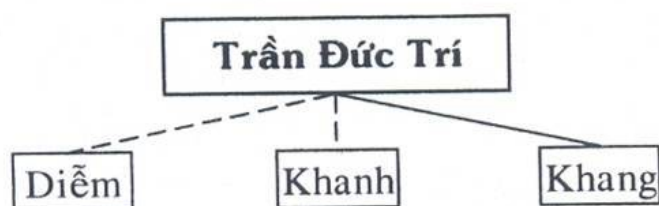


- Sau năm 1975, ông Khoa với 3 người con trai lớn vượt biển qua Mỹ, gặp lại bà Hà cũng đã vượt biển qua Mỹ trước đó. Hai bên nối lại duyên xưa một nhà. Sau đó ông bảo lãnh cho vợ và người con út qua luôn bên ấy đoàn tụ gia đình.

Ngày xưa, hàng năm vào ngày 07-03 Âm, ông thường theo cha về Bàn An ăn giỗ nơi nhà ông Chánh Yển.

**Đời VII:** ① **Trần Đức Trí:** SN Quý Mão 1963 ở Sài Gòn, năm 1992 đỗ tiến sĩ hóa ở Mỹ, có vợ là Lookooicheng, đồng tuổi, người Mã Lai, gốc Tàu, CN Quản trị kinh doanh, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Trần Chi Diễm (Samamtha), SN 1992 ở Wisconsin, Mỹ.
- 2- Trần Chi Khanh (Anissa), SN 1994 ở California, Hoa Kỳ.
- 3- Trần Chí Khang (Dustin), SN 1996 ở California, Hoa Kỳ.



Gia đình đang định cư ở Mỹ.

② **Trần Bội Hoàn:** SN Giáp Thìn 1964 ở Sài Gòn, thạc sĩ QTKD ở Mỹ, có chồng là Tô Bảo Steve, SN Mậu Tuất 1958 ở Bình Định, KSTH, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Tô Bảo Thư (Synthia), SN 1989 ở California, Hoa Kỳ.

Gia đình đang định cư ở Mỹ.

③ **Trần Đức Tuệ:** SN Bính Ngọ 1966 ở Sađéc, kỹ sư cơ khí ở Mỹ, có vợ là Huỳnh Thị Xuân Lan, SN 1976 ở TP.HCM, cán sự y tế ở Mỹ, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Alvarez Trần, SN 2005 ở California, Hoa Kỳ.

Gia đình đang định cư ở Mỹ.



④ **Trần Đức Thông:** SN Canh Tuất 1970 ở Sài Gòn, BS y khoa ở Mỹ, có vợ người Lào tên Shou, đồng tuổi, lớp 12 (vượt biên đi đường bộ qua Thái Lan rồi qua Mỹ), sinh 2 trai là:

- 1- Dustin Trần, SN 2001 ở Los Angeles, Hoa Kỳ.
- 2- Alvarez Trần, SN 2004 ở Los Angeles, Hoa Kỳ.

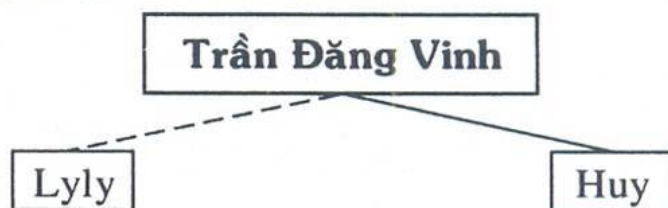
Gia đình đang định cư ở Mỹ.

⑤ **Rober Tuấn Trần Đỗ:** SN 1975 ở Sài Gòn, CNKT hành chánh ở Mỹ, có vợ là Trần Bích Ngọc, SN 1976 ở TP.HCM, kỹ sư CNTT ở Mỹ, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Mathew Trần Đỗ, SN 2001 ở California, Hoa Kỳ.
- 2- Andrew Trần Đỗ, SN 2004 ở California, Hoa Kỳ.
- 3- Katlyn Trần Đỗ, SN 2005 ở California, Hoa Kỳ.
- 4- ...

**Đời VI: Ông Trần Đăng Vinh:** SN Quý Mùi 1943 ở An Thạch, BS y khoa chỉnh hình trước năm 1975 ở Sài Gòn. Những năm trước và sau 1975, ông có làm việc ở BV Sài Gòn, rồi sau đó vượt biển qua Na Uy ở Oslo, có vợ là Trần Nguyên Diệp (Nguyễn Thị Hồng Diệp), SN Canh Tí 1960 ở Sài Gòn, gốc Bắc 54, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Mai Lyly, SN 1987 ở Oslo.
- 2- Trần Đăng Huy, SN 1989 ở Oslo.



- Ông Vinh đã tu nghiệp hết cấp chuyên môn của khoa chỉnh hình ngành y, đang làm ở BV ở Oslo và có phòng mạch ở nhà.
- Bà Diệp cũng làm ở BV chung với ông.

• *Người cách xa cội nguồn, còn có gì buồn hơn!*

*Tìm về nguồn cội - đài truyền hình TP.HCM.*



**Đời V:** ① Ông Trần Biêu: SN không rõ, bệnh chết lúc nhỏ.

② Bà Trần Thị Cần mẹ: không biết tên huý, năm sinh có lẽ là Tân Sửu 1901 ở An Thạch, có chồng là Lê Công, SN Canh Tí 1900 ở Thiết Trường. Ông Lê Công làm việc ở xã, có con đầu tên Cần nên thường gọi là Xã Cần. Ông bà sinh hạ đời VI là:

- 2- Lê Cần
- 3- Lê Kiệm
- 4- Lê Thị Hân
- 5- Lê Thị Hưng
- 6- Lê Văn Thế



- Bà đi trồng lang trên rẫy bị trúng gió độc quá nặng, không chạy chữa kịp, mất ngày 06-11 Âm 1934 hoặc 1935 khi mới ngoài 30 tuổi, lúc Lê Văn Thế vừa biết bò. Mộ bà ở Rộc Già, Thiết Trường.

- Ông khi bà mất mới khoảng 35 tuổi, ở vậy suốt đời nuôi những người con khôn lớn. Bên cạnh cũng nhờ người em gái trợ sức chăm sóc, gánh vác một phần nào khó khăn cho ông, nhất là nhận nuôi người con út từ khi chưa biết đi. Khi về già ông bị huyết áp cao, mất ngày 15-08 Âm 1977. Mộ ở Rộc Già, bên cạnh mộ bà. Ngày giỗ của ông là 14-08 Âm thường niên.

---

**Đời VI:** ① Ông Lê Cần: SN Nhâm Tuất 1922 ở Thiết Trường, có vợ là Nguyễn Thị Nghị, SN Quý Hợi 1923 cùng quê, sinh hạ đời VII là:



1- Lê Thị Lê, SN Giáp Thân 1944 ở Thiết Trường, có chồng là Võ Bão, lớn hơn 4 tuổi, quê Đức Phong, sinh 2 gái và 1 trai. Gia đình ở phường 8, Tân Bình, sản xuất hàng may mặc.

2- Lê Thường, SN Mậu Tí 1948 ở Thiết Trường, tú tài trước 1975, có vợ là Trần Thị Minh Nguyệt, SN Canh Dần 1950 ở Đức Hiệp, lớp đệ tứ, sinh 2 gái và 3 trai. Các con vừa TNPT vừa TNDH. Gia đình ở P.10, Tân Bình, ĐT: (08)4447294, sản xuất và bán áo quần.

3- Lê Thịnh (Trung Dũng), SN Nhâm Thìn 1952 ở Thiết Trường, TNDH văn khoa Sài Gòn trước năm 1975, sau năm 1975 dạy học mấy năm thì nghỉ, có vợ là Nguyễn Thị Tịnh, nhỏ tuổi hơn, cũng giáo viên dạy cùng trường, mấy năm rồi cũng nghỉ, sinh 2 gái cùng TNDH ngoại ngữ tin học. Gia đình ở Gò Vấp, ĐT: (08)8618431, sản xuất hàng may mặc.

4- Lê Thị Thu, SN Bính Thân 1956 ở Thiết Trường, TNPT, có chồng là Huỳnh Phích, cùng quê, giáo viên dạy môn sử ở Thiết Trường, sinh 3 trai. Các con vừa TNDH vừa TNCD. Gia đình ở quê Thiết Trường.

5- Lê Thị Xuân Phương, SN Mậu Tuất 1958 ở Thiết Trường, TNPT, có chồng là Bùi Thuận, có 3 trai là: Hòa - Bình - Định. Gia đình ở quê Thiết Trường.

6- Lê Hữu Thức, SN Ất Tị 1965 ở Thiết Trường, TNPT, có vợ là Lê Thị Thu Nguyệt, SN Kỷ Dậu 1969 ở Sài Gòn, lớp 9, sinh 3 gái. Gia đình ở khu phố 1, P.10, Tân Bình, làm nghề may và mua bán.

- Ông Lê Cần bị bệnh huyết áp mất ngày 23-07 ÂL 1992, an táng ở Rộc Già, Thiết Trường.

- Bà Nghị cũng bị bệnh giống như chồng, mất ngày 09-02 ÂL 1993, mộ gần mộ ông.

© Ông Lê Kiệm: SN Ất Sửu 1925 ở Thiết Trường, có vợ là Lê Thị Đề (Đặng), SN Bính Dần 1926 cùng quê, sinh:



2- Lê Đức Danh, SN Canh Dần 1950 ở Thiết Trường, có vợ có nhiều con. Nhà ở số 33 Bành Văn Trân, Quận Tân Bình, ĐT: (08)8647874, chủ doanh nghiệp may mặc.

3- Lê Thị Lưu, SN Quý Tị 1953 ở Thiết Trường.

4- Lê Thị Phước, SN...

5- Lê Đức Thạnh, SN Quý Hợi 1959 ở Thiết Trường, có vợ có con. Gia đình ở Tân Bình, ĐT: (08)8649200, sản xuất hàng may mặc.

6- Lê Thị Thuận, SN Bính Dần 1962 ở Thiết Trường, có chồng có con. Gia đình ở Gia Ray.

7- Lê Đức Toàn, SN Ất Tị 1965.

8- Lê Đức Quyền, SN Mậu Thân 1968, có vợ có con. Gia đình ở TP.HCM.

9- Lê Thị Hồng, SN Canh Tuất 1970 ở Thiết Trường, có chồng có con. Gia đình ở quê.

- Ông Kiệm bệnh huyết áp mất ngày 04-05 Âm 1993, an táng nơi đất nhà, xứ Rộc Già, gần mộ mẹ cha ở Thiết Trường.

- Bà Đề còn khỏe đang sống với con trai lớn ở Tân Bình.

③ Bà Lê Thị Hân: SN Mậu Thìn 1928 ở Thiết Trường, có chồng tên Lương, quê Đức Phong, chưa có con. Đôi bên thôi nhau! Ông chồng tập kết ra Bắc, có vợ khác, vẫn còn sống. Bà Hân bị nhồi máu cơ tim qua đời ngày 23-05 Âm 1957, an táng, sau cải táng về trong núi Một, thôn 6, Đức Tân.

④ Bà Lê Thị Hưng: SN Tân Mùi 1931 ở Thiết Trường, có chồng là Trương Văn Quy, SN Đinh Mão 1927 cùng quê, lớp nhì đệ nhị, sinh hạ đời VII là:

1- Trương Văn Huấn, SN Giáp Ngọ 1954, TNDH sư phạm toán, giáo viên trường Lê Khiết, có vợ là Đỗ Thị Bạch Tuyết, SN Bính Thân 1956 ở Nghĩa Thương, TNPT, sinh 1 trai 2 gái. Gia đình ở TP. Quảng Ngãi, mua bán.



2- Trương Văn Hoạt, SN Mậu Tuất 1958 ở Thiết Trường, kỹ sư cơ khí, có vợ là Trần Thị Duy Ngãi, SN Canh Tí 1960 ở TX. Quảng Ngãi, TNDH ngân hàng, sinh 2 trai. Gia đình ở Phú Nhuận. Hoạt làm cho hãng Amata Thái Lan; Ngãi làm ở ngân hàng công thương Việt Nam.

3- Trương Thị Hồng Khỏe, SN Tân Sửu 1961 ở Thiết Trường, lớp 12, có chồng là Hồ Ngọc Dũng, SN Canh Tí 1960 cùng quê, sinh 1 trai 1 gái. Gia đình ở TP. Quảng Ngãi, kinh doanh nghề chụp hình và nghề may.

4- Trương Thị Hồng Khánh, SN Giáp Thìn 1964 ở Thiết Trường, TNDH anh văn, giáo viên trường BỒ ĐỀ, có chồng là Nguyễn Văn Vinh, SN Mậu Tuất 1958 cùng quê, thạc sĩ kinh tế tài chính, giảng viên đại học, sinh 2 con. Gia đình ở Thành Phố Quảng Ngãi.

5- Trương Thị Kim Khuê, SN Bính Ngọ 1966 ở TX. Quảng Ngãi, TNPT, có chồng là Nguyễn Hữu Sinh, SN Nhâm Dần 1962 ở Nghĩa Hà, sĩ quan công an, sinh 1 trai 1 gái. Gia đình ở TP. Quảng Ngãi, chủ nhà may.

6- Trương Văn Hiệu, SN Canh Tuất 1970 ở TX. Quảng Ngãi, BS y khoa. có vợ là Trần Thị Ngọc Dung, đồng tuổi, kỹ sư thủy sản, sinh 1 trai 1 gái. Gia đình ở TP. Quảng Ngãi, làm việc ở BV và Cty hải sản Quảng Ngãi.

7- Trương Thị Hồng Khương, SN 16-02-1973 ở TX. Quảng Ngãi, BS nha khoa, có chồng là Huỳnh Tấn Tư, SN Đinh Mùi 1967 ở An Thạch, kỹ sư cơ khí hành chánh, sinh 2 con là: Thiên Hương và Thiên Kim. Gia đình ở phường 13, Bình Thạnh, TP.HCM, ĐT: (08)5163677 và 0913.805278. Khương hành nghề nha khoa, có phòng mạch khám chữa răng ở nhà. Tư đang là giám đốc Cty cao su.

- Ông Quy còn khỏe, nhà ở TP. Quảng Ngãi, dưỡng già.



- Bà Hưng bị bệnh mất ngày 05-02 Âl (04-03-2006), an táng ở nghĩa trang Nghĩa Kỳ, đã xây mộ.

© Ông Lê Văn Thế: SN Giáp Tuất 1934 ở Thiết Trường, mới biết bò thì mẹ mất, được cô ruột mang về nuôi dưỡng, có vợ là Tô Thị Chuyên, SN Ất Hợi 1935 ở Tú Sơn, sinh:

1- Lê Minh Phô, SN Bính Thân 1956 ở Thiết Trường, lớp 12, có vợ là Nguyễn Thị Hồng Ký, SN Canh Tí 1960 ở Tú Sơn, sinh: Thùy Trang 1980 được sĩ, Thùy Trúc 1983 CNKT, Thùy Trinh 1985 CDKT, Minh Trứ 1987 đang đi học. Vợ bị bệnh ung thư mất ngày 04-05 Âl 2000, an táng ở thị trấn Eatling, Cuzút, Đắc Nông. Nhà đang ở gần chợ Cuzút, mặt tiền quốc lộ 14, mua bán tạp hóa và giày dép.

2- Lê Thị Xuân Nương, SN Mậu Tuất 1958, có 1 con gái tên Lê Thị Xuân Mai. Nhà ở gần chùa Hạnh Đức, Q.12, TP.HCM, làm nghề may.

3- Lê Minh Hùng, SN Tân Sửu 1961 ở Thiết Trường, học đến lớp 11 thì đi bộ đội qua Miên, sau 2 năm bị bệnh được cho về. Ông có vợ là Trần Thị Ba, sinh 1 trai là Lê Văn Khoa, SN 1987 ở Thiết Trường. Ông Hùng đang ở Q.12 gần chùa Hạnh Đức.

4- Lê Minh Đắc, SN Bính Ngọ 1966 ở Thiết Trường, TNPT, đỗ ĐHSP, nhưng không được vào trường vì hoàn cảnh, đành ngâm ngùi cho thân phận. Quá uổng! Ông có vợ là Lê Thị Thương, SN Giáp Dần 1974 ở Đồng Cát, sinh 2 gái. Gia đình ở gần chùa Hạnh Đức, quận 12 làm nghề may.

- Ông Thế đi lính thiết giáp - trưởng xa - ở trại Hoa Lư bị trúng đạn do đụng trận dữ dội tử thương lúc 4h sáng ngày 02-01 Âl 1968 (khuya mừng 1 tết Mậu thân) tại TX.Quảng Ngãi, an táng trong chiếc hòm kẽm ở Rộc Già, Thiết Trường.

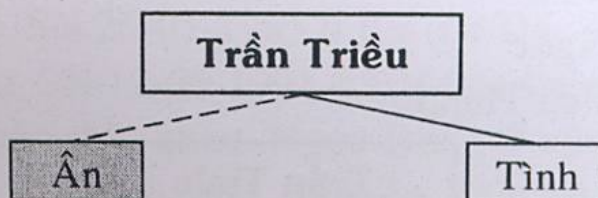
- Bà Chuyên năm ấy vừa 33 tuổi ở vậy nuôi con. Bà còn khỏe mạnh đang ở với các con ở gần chùa Hạnh Đức, Q.12.



**Đời V:** ① Ông Trần Đức Lạc: SN không rõ, bị bệnh mất lúc còn nhỏ.

② Ông Trần Triều (Xuân Tiên): sinh khoảng từ năm 1905 đến năm 1910 ở An Thạch, có vợ là Huỳnh Thị Huệ, cùng quê, cùng nhau vô Nam đến Bình Dương trước năm 1945 làm ăn, sinh sống và sinh con ở đây. Sau gia đình chuyển đến Sài Gòn ở đường Trần Quang Diệu, Q.3. Ông bà chỉ sinh có 2 người con đời VI là:

- 1- Trần Thị Ân
- 2- Trần Tình



- Ông không rõ bệnh gì, mất ngày 02-02 Âm, an táng ở Chơn Thành, Lai Uyên, Bình Dương.

- Bà, năm 1954 vừa tiếp thu, có về quê An Thạch thăm người thân và bà con, sau có dất theo vài người cháu thân sơ vô Sài Gòn học nghề và làm ăn. Bà bệnh gì không biết mất ngày 24-07 Âm 1968, an táng ở Quảng Ngãi, sau cải táng về nơi vườn anh chồng bà Năm An ở Chợ Cầu.

---

**Đời VI:** ① Trần Thị Ân: SN không biết, bệnh gì không rõ, chết lúc nhỏ.

② Ông Trần Tình: SN Ất Hợi 1935 ở Bình Dương, có vợ là Nguyễn Thị Ký, SN Bính Tí 1936 ở An Thạch, sinh đời VII là:

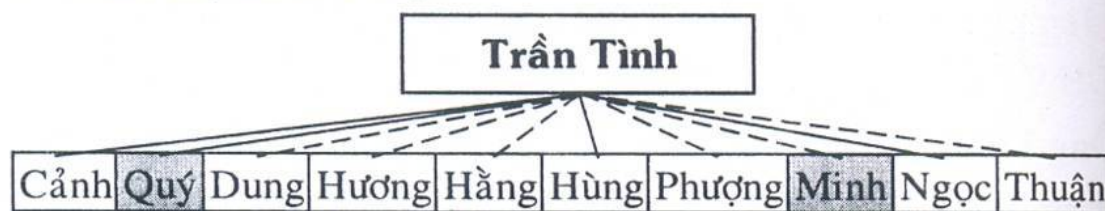
- 1- Trần Văn Cảnh
- 2- Trần Văn Quý
- 3- Trần Ngọc Dung
- 4- Trần Ngọc Hương (Bích Liên)
- 5- Trần Bích Hằng



Ông Tình giữa lúc đang làm ăn ở Sài Gòn, thì có lệnh phải nhập ngũ và được đưa ra miền Trung, nên chuyển gia đình về Quảng Ngãi ở thị xã. Nơi đây, ông tìm cách để tiếp tục làm nghề may, kiếm tiền nuôi con. Cảnh nhà có phần túng thiếu, bà Ký phải bươn chải cùng chồng để giải quyết phần nào khó khăn cho gia đình. Nhưng rồi hoàn cảnh đưa đẩy bà...

Mấy năm sau, ông tình có vợ khác là Võ Thị Sào, SN Đinh Sửu 1937 ở Hành Tín, sinh hạ tiếp đời VII là:

- 1- Trần Văn Hùng
- 2- Trần Thị Kim Phượng
- 3- Trần Thị Minh
- 4- Trần Văn Ngọc
- 5- Trần Thị Bích Thuận



- Ông Tình sau năm 1975, mang cả gia đình vô lại Sài Gòn mưu sinh với nghị lực của bản thân, gặp không ít gian nan trong cuộc sống qua những năm tháng sau hòa bình. Với ý chí cộng nghị lực và tay nghề, dần dần ông đã gầy dựng lại sự nghiệp từ con số không, bên cạnh người vợ giỏi giang, đảm đang, tề gia nội trợ, giúp ông vượt qua tất cả những khó khăn, nuôi dạy con cái cho ăn học nên người. Hầu hết những người con của ông nay đã thành đạt trên trường đời. Ông bị bệnh ung thư mất ngày 19-05 Âm 1996, an táng ở Gò Dưa, Thủ Đức.

- Bà Ký có chồng khác, có con, đang định cư ở Mỹ, thỉnh thoảng có về quê thăm các con.

- Bà Sào sống với con trai, chăm sóc các con bị bệnh, nhà ở 82/06 Nguyễn Văn Quá, khu phố 2, Đông Hưng Thuận, quận 12, ĐT: (08)8917040.



**Đời VII:** ① **Trần Văn Cảnh:** SN Bính Thân 1956 ở Sài Gòn, có vợ là Lê Chung Thủy, SN Tân Sửu 1961 ở Long Xuyên, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Thanh Bình, SN 1985 ở TP.HCM.

2- Trần Thùy Dương, SN 1988 ở TP.HCM.

Gia đình ở Tân Bình, ĐT: (08)8460426.

② **Trần Văn Quý:** SN không rõ, bệnh chết lúc nhỏ.

③ **Trần Ngọc Dung:** SN Kỷ Hợi (29-09-1959) ở Sài Gòn, TNPT, có chồng là Lê Văn Tín, SN Mậu Tuất 1958 ở Quảng Nam, sinh hạ đời VIII là:

1- Lê Ngọc Thi, SN 26-01-1985 ở BV Từ Dũ, TNPT.

2- Lê Ngọc Thơ, SN 12-06-1991 ở BV Gia Định, đang đi học.

Bất đồng, hai bên thôi nhau. Ngọc Dung ở vậy nuôi con, gần 10 năm sau, có chồng khác là Nguyễn Tấn Tô, SN Giáp Ngọ 1954 ở TX. Quảng Ngãi. Gia đình ở số 15 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức (gần đầu cầu Bình Triệu), ĐT: (08)7268558, mua bán các mặt hàng vôi sơn v.v...

④ **Trần Ngọc Hương (Bích Liên):** SN Tân Sửu 1961 ở Sài Gòn, TNPT, có chồng là Trần Văn Cư, SN Kỷ Hợi 1959 ở Hóc Môn, lớp 12, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Quốc Cường, SN 1985 ở TP.HCM, đang đi học.

2- Trần Quốc Phương, SN 1987 ở TP.HCM, đang đi học.

Gia đình ở quận 12, ĐT: (08)8911308, buôn bán các mặt hàng vôi sơn v.v... (nhà ở gần đầu cầu Chợ Cầu).

⑤ **Trần Thanh Hằng:** SN Giáp Thìn 1964 ở Sài Gòn, có chồng là Phạm Quốc Khanh, sinh hạ đời VIII là:

1- Phạm Quốc Hiệp, SN 1991 ở TP.HCM.

Hai bên bất đồng thôi nhau. Hằng đã có chồng khác.

⑥ **Trần Văn Hùng:** SN Mậu Thân 1968 ở Cẩm Thành, lớp 11, có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh Giao, đồng tuổi, quê Sài Gòn, TNPT, sinh hạ đời VIII là:



1- Trần Quỳnh Uyên, SN 1994 ở TP.HCM.

2- Trần Minh Thư, SN 2003 ở TP.HCM.

Gia đình ở chung với mẹ và các em ở Q.12. ĐT: (08)8917040, làm nghề sửa chữa và mua bán các loại máy móc, thiết bị.

⑦ **Trần Thị Kim Phượng:** SN Canh Tuất 1970 ở Cẩm Thành, bị bệnh bẩm sinh - lọt lòng mẹ đã bị bệnh rồi, đang sống với mẹ và anh ở quận 12.

⑧ **Trần Thị Minh:** SN Tân Hợi 1971 ở Cẩm Thành, bị bệnh chết lúc 6 tuổi, an táng, sau cải táng về gần mộ cha.

⑨ **Trần Văn Ngọc:** SN Giáp Dần 1974 ở CThành, bị bệnh...

⑩ **Trần Thị Bích Thuận:** SN Đinh Tị 1977 ở TP.HCM, có chồng là Trần Quốc Việt, SN Giáp Thìn 1964, TNDH tổng hợp Huế, qua Mỹ học lại và đã hợp thức bằng đại học ở Mỹ, sinh 1 trai tên Devis, SN 2001 ở Mỹ. Gia đình đang định cư ở Mỹ.

- Người nhân không lo buồn, người trí không nghi kỵ, người dũng không sợ hãi  
*Khổng tử.*

**Đời IV:** Ông Trần Đức Tổng (hương hộ): SN Canh Ngọ 1870 ở An Thạch. Cha mất khi ông mới vừa 8 tuổi - thơ ngây nào đã biết gì, cùng với các anh về ở với người chú thứ 6, sau năm năm tất cả về ở với chú thứ 10. Năm 29 tuổi, ông xây dựng gia đình với bà Phạm Thị Thơ, quê An Thổ, sinh đời V là:

- 1- Trần Triêm (ông Hai Thống)
- 2- Trần Thị Ri (bà Ba Mạnh)
- 3- Trần Thị Rìa (bà Bốn Giảng)
- 4- Trần Lờ (ông Năm Hiệu)
- 5- Trần Khôi (ông Sáu Tường)
- 6- Trần Thị Đồi (chết nhỏ)



## 7- Trần Thị Nhụy (bà Tám Nở)

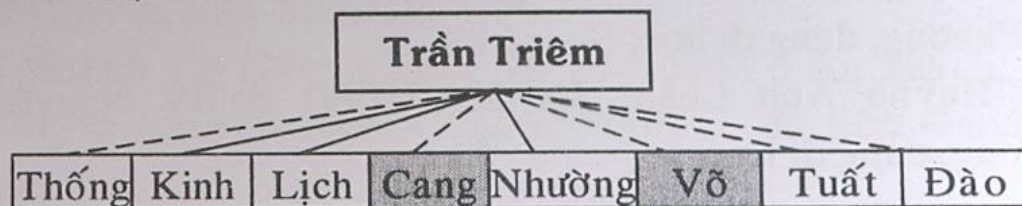


- Ông là con út, khi cha mất hầy còn quá nhỏ nên đã phải chịu nhiều bất hạnh hơn. Lúc lớn lên có gia đình thì số ruộng đất của cha để lại còn một ít cũng không thấy đâu! Con ông bá hộ mới qua một đời đã trắng tay! Ông bà cật lực, ngày đêm tảo tần làm nghề buôn hàng xáo đậu-mè-lúa-khoai, làm 1 nên 2 nên dần dần cũng mua lại được một ít đất đai canh tác, làm ăn và để lại cho con cháu. Chức sắc trong làng của ông là hương hộ. Không rõ ông bệnh gì, mất ngày 28-12 Âl, an táng ở bao An Thạch, đã xây mộ.

- Bà thì già mất ngày 10-09 Âl, thọ 80 tuổi. Mộ ở gần mộ ông.

**Đời V: Ông Trần Triêm:** SN Canh Tí 1900 ở An Thạch, làm nông có thêm nghề buôn bán gần xa, có vợ là Bùi Thị Để, SN Mậu Thân 1908 ở xóm Câu, sinh hạ đời VI là:

- 1- Trần Thị Thống
- 2- Trần Kinh (Ngọc Anh - Ba Hoanh)
- 3- Trần Lịch
- 4- Trần Ngọc Cang
- 5- Trần Nhường (Hường)
- 6- Trần Ngọc Võ
- 7- Trần Thị Tuất
- 8- Trần Thị Đào

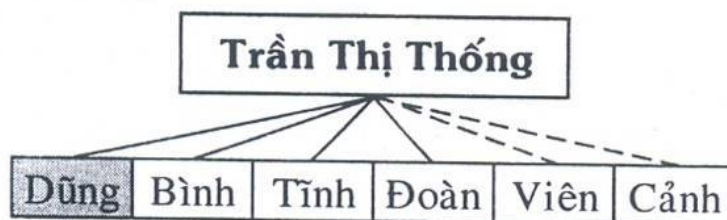




- Ông bị bệnh mất ngày 07-02 Âm 1968, an táng, sau hốt cốt hỏa thiêu, tro để ở chùa Vạn Thọ, xóm Chùa, Tân Định.
- Bà bệnh già mất ngày 06-06 Âm 1990, an táng ở Gò Dưa.

**Đời VI: Bà Trần Thị Thống:** SN Đinh Mão 1927 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Ri, SN Mậu Thìn 1928 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

- 1- Huỳnh Dững
- 2- Huỳnh Bình (Phong)
- 3- Huỳnh Tĩnh
- 4- Huỳnh Công Đoàn
- 5- Huỳnh Thị Hồng Viên
- 6- Huỳnh Thị Hồng Cảnh



- Bà bị đột tử ngày 03-09 Âm 1991, an táng ở Gò Dưa.
- Ông bị tử nạn ngày 30-03 Âm 1962, an táng ở dốc ông Đơn.

**Đời VII: ① Huỳnh Dững:** SN không rõ, bị bệnh chết lúc nhỏ.

② Ông Huỳnh Bình( Phong): SN Quý Tị 1953 ở An Thạch, ĐHTC, có vợ là Võ Thị Mừng, SN Mậu Tuất 1958 ở Cần Đức, TCTC tiền lương, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Huỳnh Anh Minh, SN 22-05-1987 ở BV Nguyễn Tri Phương, đang học ĐH.
- 2- Huỳnh Ngọc Lan Phương, SN 23-02-1990 ở BV Nguyễn Tri Phương, đang đi học.
- 3- Huỳnh Anh Luân, SN 23-07-1991 ở BV Nguyễn Tri Phương, đang đi học.



- Gia đình ông Bình ở quận 10, ĐT: (08)9271437, mua bán mặt hàng màn trúc.

③ **Ông Huỳnh Tĩnh:** SN Ất Mùi 1955 ở An Thạch, KS điện tử, chuyên viên về thông tin tin hiệu ở tổng cục đường sắt, có vợ là Phạm Thị Thu Hà, SN Kỷ Hợi 1959 ở Hà Nội, TNTC thông tin, sinh hạ đời VIII là:

1- Huỳnh Phương Tuân, SN 1983 ở BV Từ Dũ, CĐKT.

2- Huỳnh Phương Huy, SN 1985 ở BV Từ Dũ, CĐTP.

Vợ bị bệnh qua đời, nhiều năm sau, ông Tĩnh có vợ khác là Phạm Thị Vân, SN 04-10-1973 ở TX. Quảng Ngãi, sinh:

1- Huỳnh Thị Phương Nhã, SN 19-01-2002 ở BV Từ Dũ.

Gia đình ông Tĩnh đang ở quận 10, ĐT: (08)8349440.

④ **Ông Huỳnh Công Đoàn:** SN Đinh Dậu 1957 ở An Thạch, TNDH tài chánh kế toán, có vợ là Tiên Ngọc Nữ, đồng tuổi, quê Biên Hòa, TNTCKT, sinh:

1-Huỳnh Tiên Kiều My,SN 1988 ở BV TDũ, du học ở Canada.

2-Huỳnh Tiên Kiều Vy,SN 1990 ở BV TDũ, du học ở Canada.

Gia đình ông Đoàn ở quận 10, ĐT: (08)8345239, đang làm việc cho Cty xuất khẩu hạt điều với chức vụ là phó GD.

⑤ **Bà Huỳnh Thị Hồng Viên:** SN Canh Tí 1960 ở An Thạch, TNDH tài chánh kế toán, ngành thuế, có chồng là Nguyễn Văn Thành Công, SN Đinh Dậu 1957 ở Sơn Tịnh, TNDH tài chánh kế toán và CN anh văn, sinh:

1- Nguyễn Huỳnh Phương Thanh, SN 1987 ở BV HVương, đang du học ở Mỹ.

Gia đình ở quận 10, ĐT: (08)9271854. Hồng Viên đang làm trong ngành thuế vụ quận 5; Thành Công đang là kế toán trưởng Cty bưu điện TP.HCM.

⑥ **Bà Huỳnh Thị Hồng Cảnh:** SN 10-1-1963 ở An Thạch, BS, có chồng là Nguyễn Đình Hiến, SN năm....., đỗ tiến sĩ toán ở Sài Gòn năm 2004, sinh:



1- Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc, SN 17-11-1986 ở BV Hùng Vương, đang du học ở Úc.

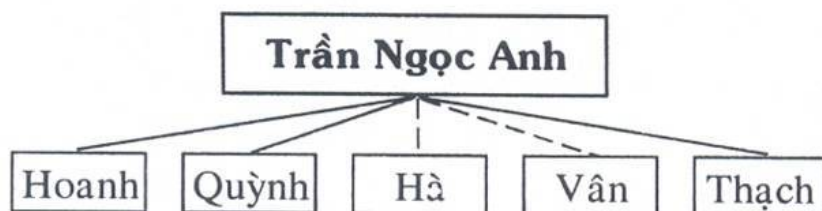
2- Nguyễn Huỳnh Thụy Khanh, SN 25-08-1989 ở BV Từ Dũ, đang đi học.

Gia đình ở quận 10, ĐT: (08)8353691. Cảnh làm ở BV Q10; Hiền là giảng viên trường ĐH sư phạm kỹ thuật TP.HCM.

---

**Đời VI: Ông Trần Kinh ( Ngọc Anh - Ba Hoanh ):** SN Mậu Thìn 1928 ở An Thạch, có nghề chuyên là y tá ngành y, có vợ là Trần Thị Xương, SN Canh Ngọ 1930 ở Tư Nghĩa, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Ngọc Hoanh
- 2- Trần Ngọc Quỳnh
- 3- Trần Ngọc Thị Thu Hà
- 4- Trần Ngọc Thị Thu Vân
- 5- Trần Ngọc Thạch



- Bà Xương bị bệnh gì mà người như gai châm, không ăn uống được, một thời gian thì mất ngày 16-02 Ấl 1982, an táng ở nghĩa trang Bình Hưng Hòa.

- Ông Kinh (Ba Hoanh) là người có suy nghĩ về một dòng tộc, có công làm nên tấm phả đồ cho dòng họ, dấu rằng tấm phả đồ ấy còn đơn sơ về hình thức và chập chùng về nội dung v.v... Và ông cũng đã tích cực hô hào, tổ chức họp mặt bà con thời gian 3 năm đầu giỗ tổ họ ở Sài Gòn đã bị gián đoạn nhiều năm ở quê, nối tiếp truyền thống, khơi dậy cội nguồn mà tưởng chừng như đã chìm quên từ bấy lâu. Sau 3 năm vợ mất, ông được bà



con giới thiệu, tục huyền với cô Nguyễn Thị Lợi, SN Canh Thìn 1940 ở Thạch Trụ làm kế thất. Ông bệnh mất ngày 01-04 Âl (28-04-2006), an táng ở nghĩa trang Bình Hưng Hòa, ngày 06-04 Âl (03-05-2006).

- Cô Lợi là người sinh trưởng trong một gia đình nền nếp nho giáo, được cha mẹ giáo huấn cho đức tính của người phụ nữ Á Đông về công - dung - ngôn - hạnh.

Chiến tranh lửa đạn, gia đình ly tán, cô đã hy sinh cả tuổi thanh xuân của mình để dìu dắt các em trưởng thành; nuôi dưỡng các cháu cho ăn học khôn lớn nên người. Cô không nghĩ đến tương lai bản thân mình mà chỉ nghĩ đến đại gia đình; hạnh phúc của người thân là hạnh phúc của chính mình!

Năm ngoài 40 tuổi, khi các em và các cháu đã thành danh, nên phận, cô nghe theo lời khuyên của gia đình đi lấy chồng, kết duyên với một người... Có lẽ vì tuổi đã vượt qua ngưỡng mà tạo hóa ban tặng cho người phụ nữ, nên cô không thể sinh con như những phụ nữ bình thường khác(?). Xuất giá tòng phu, cô đã gởi cả cuộc đời còn lại của mình bên người chồng với tất cả tấm chân tình của người con gái tuổi ngoài 40, làm tròn bổn phận... Cả một đời, cô chỉ biết sống cho người khác mà không cầu mong có lại thứ gì. Cô là một tấm gương sáng, tiêu biểu cho đức tính của người phụ nữ Á Đông. Hiện tại cô đã luống tuổi, nhưng vẫn phải bôn ba với tháng ngày để mưu sinh. Cô đang ở quận 10, ĐT: (08) 9271374, hương khói cho chồng.

---

**Đời VII:** ① Ông Trần Ngọc Hoanh: SN Quý Tị 1953 ở Mộ Đức, tú tài trước 1975, sĩ quan, có vợ là Lê Thị Thu đồng tuổi, quê Tây Ninh, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Lê Anh Tuấn, SN 1971 ở Sài Gòn, TN Cấp 2.

2- Trần Lê Thanh Tùng, SN 1972 ở Sài Gòn, có vợ là Nguyễn Thị Vân Anh, SN 1972 ở Hà Nội, sinh:



• Tony Thanh Phong, SN 2002 ở Đức.

• Jimmy Thanh, SN 2007 ở Đức.

Gia đình đang định cư ở Đức.

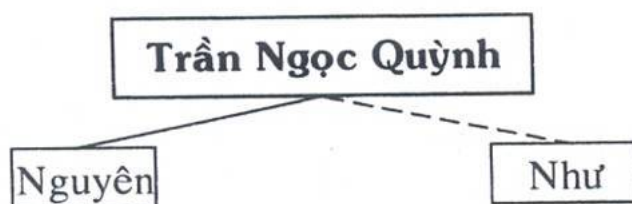


- Ông Hoanh bị bệnh chết ngày 12-06 Âm 1986, hỏa táng, cốt tro để ở chùa Vạn Thọ, xóm Chùa.

② Ông Trần Ngọc Quỳnh: SN Ất Mùi 1955 ở An Thạch, tú tài trước 1975, có vợ là Lê Thị Hoa, SN Đinh Dậu 1957 ở Pleiku, lớp 12, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Lê Đông Nguyên, SN 1981 ở TP.HCM.

2- Trần Ngọc Quỳnh Như, SN 1982 ở TP.HCM, lớp 12, có chồng tên Minh, có con.



- Ông Quỳnh bị bệnh chết ngày 25-12 Âm 1996, an táng ở nghĩa trang Bình Hưng Hòa.

- Bà Hoa và các con ở quận 10, ĐT: (08)8346754.

③ Bà Trần Ngọc Thị Thu Hà: SN Đinh Dậu 1957 ở An Thạch, tú tài (IBM), TNTCKT, có chồng là Bùi Hoàng Thái, SN Nhâm Thìn 1952 ở Sơn Tịnh, tú tài trước năm 1975, trung úy phân chi khu trưởng, sinh hạ đời VIII là:

1- Bùi Trần Hoàng Ngọc Thùy Giang, SN 03-05-1980 ở TP.HCM, đang ở Mỹ.

2- Bùi Trần Hoàng Khôi, SN 01-10-1982, ở TP.HCM.

Gia đình đang ở TP.HCM, chờ qua Mỹ định cư.



④ Bà **Trần Ngọc Thị Thu Vân**: SN Canh Tí 1960 ở An Thạch, ĐHGT, có chồng là Trần Thanh Phong, SN 1957 ở Đồng Tháp, lớp 12, sinh:

1- Trần Ngọc Tường Vy, SN 16-9-1984 ở TP.HCM, BS ở Mỹ.

Chồng được gia đình bảo lãnh qua Mỹ, Vân và con ở lại. Thời gian sau, Thu Vân và con vượt biển qua Mỹ đoàn tụ. Sau 5 năm ly hôn, Vân có chồng khác là Trần Xuyên Vũ, SN Quý Tị 1953 ở Buôn Ma Thuột, sinh:

1- Trần Ngọc Hàm Nhu, SN 29-08-1997 ở Mỹ.

Gia đình đang định cư ở Mỹ. Thu Vân là người rất có hiếu với cha mẹ, có nghĩa với người thân và họ hàng...

⑤ Ông **Trần Ngọc Thạch**: SN Quý Mão 1963 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Tuyết Hà, đồng tuổi, quê Phan thiết, TNPT, sinh:

1- Trần Ngọc Vũ, SN 1990 ở TP.HCM.

2- Trần Ngọc Thị Vũ Hân, SN 1995 ở TP.HCM.

Gia đình đang ở quận 10, ĐT: (08)9271374 và 0903.682995.

**Đời VI: Ông Trần Lịch**: SN Canh Ngọ 1930 ở An Thạch, có vợ là Phạm Thị Hải Yến, SN Canh Thìn 1940 ở Yên Bái, TCSP, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Anh Long

2- Trần Ngọc Lâm

3- Trần Thị Kim Liên

4- Trần Đình Lạc

5- Trần Ngọc Lưu

6- Trần Thị Hồng Loan





- Ông Lịch, năm 1954 tập kết ra Bắc, học CĐGTCC, KS vô tuyến. Sau 1975, gia đình vô lại Nam ở Q.10, ĐT: 8720059.

**Đời VII:** ① **Trần Anh Long:** SN 1962 ở Yên Bái, bị tai nạn chết năm 1968.

② **Trần Ngọc Lâm:** SN 1966 ở Yên Bái, ĐHNH, có vợ là Lê Thị Thúy Loan, SN 1969 ở Quảng Ninh, ĐHKT, sinh 1 gái là:

1- Trần Lê Phương Quỳnh, SN 1990 ở TP.HCM.

Bất đồng hai bên thôi nhau, ông Lâm có vợ khác là Nguyễn Nguyễn Như Ý, SN 14-05-1976 ở Huế, ĐHNT, sinh 1 trai là:

1- Trần Đình Tuấn Khải, SN 2002 ở TP.HCM.

③ **Trần Thị Kim Liên:** SN 1968 ở Yên Bái, ĐHTH Nga, ĐHKT, có chồng là Huỳnh Đức Hiền, SN 1960 ở Quảng Ngãi, trung tá QĐND, sinh:

1- Huỳnh Quang Minh, SN 1993 ở TP.HCM.

2- Huỳnh Thị Kim Ngân, SN 2000 ở TP.HCM.

④ **Trần Đình Lạc:** SN 1969 ở Yên Bái, ĐHTCKT, có vợ là Lữ Thị Hồng, SN 1978 ở Thanh Hóa, TCTC, sinh:

1- Trần Thanh Mai, SN 2002 ở TP.HCM.

2- Trần Thanh Vy, SN 2006 ở TP.HCM.

⑤ **Trần Ngọc Lưu:** SN 1971 ở Yên Bái, ĐHKT, có vợ là Trương Thị Thanh Hà, SN 1986, ĐH, sinh:

1- Trần Ngọc Bích, SN 2006 ở TP.HCM.

⑥ **Trần Thị Hồng Loan:** SN 1974 ở Yên Bái, ĐHKTTTC, có chồng là Võ Ngọc Mẹo, SN 1966 ở Quy Nhơn, CN luật, trung tá CAND, sinh:

1- Võ Duy Thành, SN 1999 ở TP.HCM.

2- Võ Thị Tường Vy, SN 2003 ở TP.HCM.

• Người mà quê hương không biết, thì còn biết gì.

• Người mà quê hương không nhớ, thì còn nhớ ai

*Tìm về nguồn cội – Đài truyền hình TP.HCM*

**Đời VI:** ① **Trần Ngọc Cang:** SN Nhâm Thân 1932 ở An Thạch, bị bệnh chết năm 1949. Mộ ở cãm An Thạch.

② **Ông Trần Nhường (Văn Hường):** SN Bính Tí 1936 ở An Thạch, có vợ là Lê Thị Long, SN Kỷ Mão 1939, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Văn Phi
- 2- Trần Thị Xuân Lan
- 3- Trần Văn Thạnh
- 4- Trần Thị Xuân Phương
- 5- Trần Thị Xuân Tuyết
- 6- Trần Thị Xuân Nhung
- 7- Trần Văn Linh
- 8- Trần Văn Trung



- Bà Long bị bệnh mất ngày 23-01 Âl, an táng ở Gò Dưa.
- Ông Nhường những năm qua, có tiếp sức cho ông Trần Cần và ông Trần Quang Trinh một đôi ngày, đi vận động bà con ở Sài Gòn đóng góp được một phần nào tài chánh để xây dựng nhà thờ nhỏ cũng như gây quỹ **Lương Bằng** cho chi phái quý (chi C) ở quê Hòa Thượng, An Thạch. Ông đang ở 349 Ngô Gia Tự, quận 10, ĐT: (08)8396858 và (08)9022835.

---

**Đời VII:** ① **Trần Văn Phi:** SN Kỷ Hợi 1959 ở An Thạch, lớp 12, có vợ là Lê Thị Thương, SN Bính Thân 1956 cùng quê, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Trần Lê Viếť Trường, SN 13-03-1985 ở TP.HCM, TCĐL.



Hai bên bất đồng ly hôn. Một thời gian sau, ông Phi có vợ khác là Nguyễn Thị Kim Oanh, quê Trà Bồng, sinh tiếp:

1- Trần Nguyễn Đăng Khoa, SN 2000 ở BV Hùng Vương.

② **Trần Thị Xuân Lan:** SN Tân Sửu 1961 ở An Thạch, THPT, có chồng là Nguyễn Ngọc Sơn, SN Đinh Dậu 1957 ở Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, sinh hạ đời VIII là:

1- Nguyễn Ngọc Vinh, SN 1981 ở TX. Quảng Ngãi, lớp 12.

2- Nguyễn Thị Bích Vân, SN 1983 ở TX. Quảng Ngãi, đang đi học.

Gia đình ở quận Bình Tân, sản xuất mặt hàng giày da.

③ **Trần Văn Thạnh:** SN Giáp Thìn 1964 ở An Thạch, TCNL, có vợ là Nguyễn Thị Thu Hà, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Minh Hoàng, SN 11-05-1989 ở BV Hùng Vương.

Bất đồng ly hôn, ông Thạnh có vợ khác là Lê Thị Ngọc Mỹ, SN Đinh Mùi 1967 ở Mỹ Tho, TNPT, sinh:

1- Trần Lê Mỹ Duyên, SN 09-02-2002 ở BV Hùng Vương.

Gia đình đang ở 431 Lê Văn Quới quận Bình Tân, sản xuất mặt hàng inox.

④ **Trần Thị Xuân Phượng:** SN Đinh Mùi 1967 ở Cẩm Thành, có chồng là Bàn Vĩnh Tùng, SN Quý Mão 1963, sinh:

1- Bàn Nghiệp Tường, SN 29-05-1992 ở TP.HCM.

2- Bàn Kim Nhi, SN 04-05-1998 ở TP.HCM.

⑤ **Trần Thị Xuân Tuyết:** SN Kỷ Dậu 1969 ở Cẩm Thành, TNPT, đang ở 349 Ngô Gia Tự quận 10, buôn bán.

⑥ **Trần Thị Xuân Nhung:** SN 15-08-1971 ở Cẩm Thành, có chồng là Tăng Quốc Tâm, SN 17-12-1970, TNPT, sinh:

1- Tăng Gia Hân, SN 16-03-2000 ở BV Từ Dũ.

2- Tăng Mỹ Nghi, SN 15-08-2001 ở BV Từ Dũ.

⑦ **Trần Văn Linh:** SN Giáp Dần 1974 ở Cẩm Thành, DHGTCC, có vợ là Hồ Thị Mới, đồng tuổi, sinh:

1- Trần Hồ Gia Thuần, SN 2003 ở TP.HCM.

2- Trần Hồ Anh Kiệt, SN 2004 ở TP.HCM.

⑧ **Trần Văn Trung**: SN 03-07-1978 ở Cẩm Thành, ĐHKT, đang làm ở ngân hàng quốc tế.

**Đời VI**: ① **Trần Ngọc Võ**: SN Kỷ Mão 1939 ở An Thạch, năm lên 2 tuổi bị tai nạn phỏng nước sôi chết.

② **Bà Trần Thị Tuất**: SN Tân Tị 1941 ở An Thạch, có chồng là Lê Thanh Toàn, đồng tuổi, quê Mộ Đức, tú tài trước 1975, sinh hạ đời VII là:

1- Lê Thị Thanh Trị, SN 1964 ở An Thạch, TNPT.

2- Lê Thanh Thái, SN 1966 ở TX. Quảng Ngãi, TNPT.

3- Lê Thị Thanh Thúy, SN 1967 ở TX. Quảng Ngãi, TNPT, có chồng là Nguyễn Hoàng Giang, đồng tuổi, quê Nhà Bè, TNPT, sinh:

- Nguyễn Lê Như Tú

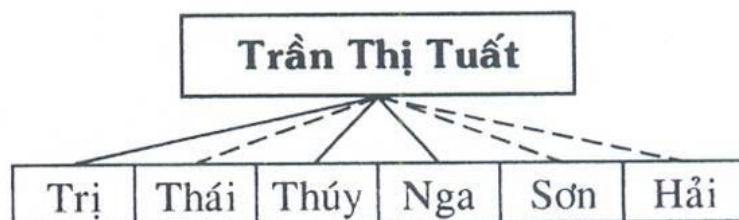
- Nguyễn Lê Thanh Thư

4- Lê Thị Thanh Nga, SN 1968 ở Cẩm Thành, TNPT.

5- Lê Thanh Sơn, SN 1970 ở Cẩm Thành, TNPT, có vợ là Huỳnh Thị Ngọc Vy, SN 1975, lớp 10, sinh:

- Lê Thanh Triết

6- Lê Thanh Hải, SN 1972 ở Cẩm Thành, TNPT.



- Ông Toàn là sĩ quan, có mặt trong trận đánh quá lớn ở Sa Huỳnh ngày 23-12 Âm 1972, tử trận chung với nhiều người, không nhận dạng được xác.

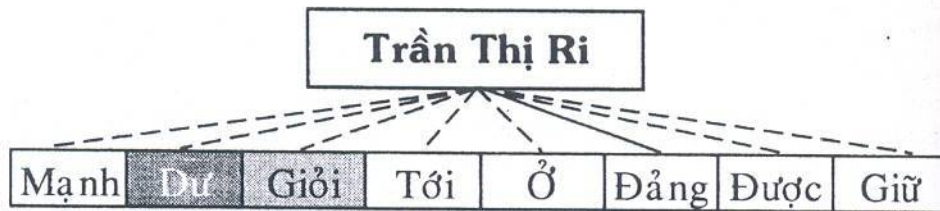


- Bà Tuất đang ở quận 10, ĐT: (08)9270815, kinh doanh nghề nước đá và nước ngọt.

③ **Bà Trần Thị Đào:** SN Quý Mùi 1943 ở An Thạch, TH, có chồng có nhiều con, đang định cư ở Mỹ.

**Đời V: Bà Trần Thị Ri:** SN Nhâm dần 1902 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Tích, SN Đinh Dậu 1897 ở Thạch Trụ, chức sắc trong làng là Hương Kiểm, sinh hạ đời VI là:

- 1- Nguyễn Thị Mạnh
- 2- Nguyễn Thị Dư
- 3- Nguyễn Thị Giới
- 4- Nguyễn Thị Tới
- 5- Nguyễn Thị Ở (Thành Vân)
- 6- Nguyễn Hồng Đảng (Quang Đây)
- 7- Nguyễn Thị Được
- 8- Nguyễn Thị Giữ



- Bà bị bệnh mất ngày 15-10 Âl, an táng ở Thạch Trụ.

- Ông cũng bệnh mất ngày 22-1 Âl, cũng an táng ở Thạch Trụ.

---

**Đời VI:** ① **Bà Nguyễn Thị Mạnh:** SN Nhâm Tuất 1922 ở Thạch Trụ, có chồng là Nguyễn Thoan, cùng quê, đỗ yếu lược, sinh hạ đời VII là:

Hạp - Hưu - Liên - Ban - Tịnh - Ái - Dũng.

② **Bà Nguyễn Thị Dư:** SN Giáp Tí 1924 ở Thạch Trụ, có chồng là Trần Xuân, quê Tú Sơn. Bà Dư đang mang thai, không rõ bệnh gì qua đời, an táng ở Thạch Trụ.

③ **Nguyễn Thị Giới:** SN không rõ chết lúc nhỏ. Mộ ở T.Trụ.

④ **Bà Nguyễn Thị Tới:** SN Canh Ngọ 1930 ở Thạch Trụ, có chồng là Phạm Thìn, SN Mậu Thìn 1928 ở An Thạch, sinh:

1- Phạm Đại, bệnh chết lúc chưa đầy tháng.

2- Phạm Bá Minh, SN Nhâm Thìn 1952 ở An Thạch, tốt nghiệp ngành nông nghiệp trước 1975, làm việc cho ngành; sau 1975 chuyển qua làm việc ở đài truyền hình TP.HCM cho đến nay; có vợ tên Đào, có một con gái tên Ngọc SN 1995; nhà ở đường Chu Văn An, P26, Q.BT.

3- Phạm Đình Trung, SN Ất Mùi 1955 ở An Thạch, tốt nghiệp ngành xây dựng, làm phóng viên một thời gian, đã nghỉ; có vợ trước, có một trai đang làm nghề tài xế; có vợ sau có một trai tên Bôn học rất giỏi; gia đình đang ở Vũng Tàu.

4- Phạm Công Chính, SN Mậu Tuất 1958 ở An Thạch, có vợ tên Nông, có 2 con (1 trai 1 gái); gia đình ở 98(số cũ 128) đường Quang Trung, TP.QN, mua bán.

- Ông Thìn đang học lớp nhì đệ nhị thì theo lời gọi của núi sông, đã cùng các bạn cùng trường bãi khóa tham gia mặt trận Việt Minh chống Pháp. Năm 1947, ông đã thoát chết trong một trận đánh quá lớn tại vũng tre gai ở Điện Bàn. Qua sự kiện này, ông rời đơn vị không chiến đấu nữa mà về nhà làm ăn và tham gia công tác ở địa phương. Sau năm 1980, ông chuyển gia đình về Sài Gòn sinh sống cho đến nay, đang ở số 98 và 100 QL13, Bình Thạnh, ĐT(08)8991775, dưỡng già cả hai ông bà.

⑤ **Bà Nguyễn Thị Ở (Thành Vân):** SN Quý Dậu 1933 ở Thạch Trụ, có chồng là Lý Tây, quê An Thổ, sinh:

1- Lý Thị Tuyết Hồng, SN 1949 ở An Thổ.

Ông Tây bị bệnh thương hàn mất ngày 13-05 Âm, lúc con mới biết bò, an táng ở An Thổ. Vợ xây mộ năm 2000.

Mấy năm sau, bà Ở có chồng khác là Võ Khuê, SN Ất Sửu 1925, quê Quảng Nam, sinh:



1- Võ Thị Kim Cúc, SN 1953 ở TX. Quảng Ngãi.

2- Võ Văn Ngọc (Phạm Thế Châu), SN 1955 ở TX. QNgãi.

3- Võ Thị Kim Diệp, SN 1959 ở TX. Quảng Ngãi.

Ông Khuê bị bệnh giống như ông Tây, qua đời ngày 23-03  
Âl, an táng ở Thạch Trụ.

Qua một thời gian, bà Ổ có chồng đời thứ 3 là Phạm Sa  
(Phạm Hùng), SN Đinh Sửu 1937 ở Nghĩa Điền, sinh tiếp:

1- Phạm Văn Hiệp, SN 1964 ở TX. Quảng Ngãi.

2- Phạm Thị Thu Nga, SN 1966 ở TX. Quảng Ngãi.

3- Phạm Thị Thu Trang, SN 1969 ở TX. Quảng Ngãi.

4- Phạm Văn Hảo, SN 1971 ở TX. Quảng Ngãi.

5- Phạm Thị Thu Điểm, SN 1972 ở TX. Quảng Ngãi.

Gia đình ở quận 10, kinh doanh cho thuê nhà.

© **Ông Nguyễn Hồng Đăng (Quang Đây):** SN Bính Tí 1936 ở  
Thạch Trụ, năm 1954 tập kết ra Bắc theo học ngành lâm  
nghiệp và TNDH. Ông có làm giảng viên nhiều năm ở ĐH  
Nông Lâm Hà Nội. Sau 1975 vô Nam, ông theo học thêm  
ngành kinh tế nông lâm và tốt nghiệp. Chức vụ hiện tại của  
ông là PCT/HĐQT-TTĐKSTMN. Ông có vợ là Kiều Thị  
Khánh, SN Đinh Sửu 1937 ở Hà Tĩnh, TNTCKT, sinh:

1- Nguyễn Thị Kiều Phương, SN 1967 ở Hà Nội, y sĩ, cử nhân  
anh văn, có chồng là Bùi Minh Đức, đồng tuổi cũng y sĩ, đang  
làm ở TTYT Tân Định.

2- Nguyễn Phương An, SN 1970 ở Hà Nội, bị bệnh qua đời  
năm 1999, an táng ở Bình Hưng Hòa.

3- Nguyễn Phương Thạch, SN 1973 ở Hà Nội, đại học KT và  
đại học MT.

Gia đình ở Gò Vấp, ĐT: (08)8953186 và (08)9870857.

⑦ **Bà Nguyễn Thị Được:** SN Mậu Dần 1938 ở Thạch Trụ, có  
chồng là Nguyễn Văn Tố, quê Phổ Thuận. Ông Tố tập kết ra



Bắc theo học ngành giao thông, TN và có vợ khác ở Bắc; ở trong Nam bà Được cũng có chồng khác là Hoàng Trai, sinh:

- 1- Hoàng Chánh
- 2- Hoàng Thị Thủy

Bà Được bị bệnh mất năm 1968, an táng, sau hốt cốt hỏa thiêu, tro để thờ ở nhà con gái. Ông Trai có vợ khác ở Huế.

Ⓢ Bà **Nguyễn Thị Giữ**: SN Canh Thìn 1940 ở Thạch Trụ, có chồng là Huỳnh Đoan, quê Phổ Phong, sinh:

Huỳnh Hùng và Huỳnh Hạnh.

---

**Đời V: Bà Trần Thị Rìa**: SN Giáp Thìn 1904 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Hoạch, người cùng quê, sinh hạ đời VI là:

- 1- Nguyễn Giảng
- 4- Nguyễn Thị Đức



- Bà cùng với con trai đi buôn bán ở Nha Trang, bị trúng giặc độc mất ngày 05-06 Âm 1938, an táng ở nơi mất. Người anh thứ hai là ông Trần Triêm có vô dựng mộ chí cho em mình. Nay không còn dấu tích gì nữa.

- Ông không biết bệnh gì mất ngày 27-05 Âm 1934, lúc bà đang mang thai người con gái. Mộ ở An Thạch nơi vườn bà Liệu.

---

**Đời VI:** Ⓢ Ông **Nguyễn Giảng**: SN Đinh Mão 1927 ở An Thạch, năm lên 7 tuổi cha không còn, mới 11 tuổi mẹ mất, 16 tuổi gia nhập bộ đội Việt Minh, 19 tuổi hy sinh nơi chân đèo Chợ Cung, Ninh Hòa, ngày 12-01-1946, không biết mộ.



© Bà Nguyễn Thị Đức: SN Giáp Tuất 1934 (30-08) ở An Thạch, cha mất lúc còn trong bụng mẹ, mẹ mất khi mới lên 5 tuổi ta! Năm 17 tuổi bà có chồng là Nguyễn Ngọc Châu, SN Kỷ Tị 1929 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

1- Nguyễn Tấn Mỹ, SN Nhâm Thìn 1952 ở An Thạch, giáo viên và là du kích ở quê, mới đi hỏi vợ chưa kịp cưới thì hy sinh trong trận đánh "xáp lá cà" ở quê An Thạch năm 1973, an táng ở vườn nhà (nay thuộc vườn bà Liễu ở).

2- Nguyễn Thị Thuận, SN Ất Mùi 1955 ở An Thạch, năm 16 tuổi làm y tá ở địa phương. Vì thiếu người, huyện điều chuyển cô lên núi theo chân bộ đội để tải thương, bị nhiễm nước độc của lá rừng, phát bệnh được cho về nhà chữa trị, nhưng không khỏi. Chết! Mộ ở vườn nhà, cạnh mộ người anh.

- Ông Châu năm 1954 tập kết ra Bắc, sau vô lại chiến trường BCK, hy sinh ở rừng Trường Sơn mùa hè năm 1972. Mất xác.

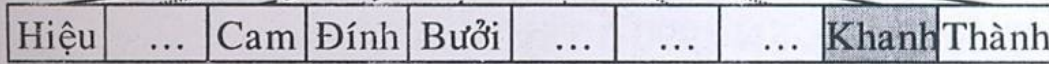
- Bà Đức hiện ở một mình trong căn nhà nhỏ, cạnh mặt đường ở An Thạch. Trong nhà bà, trên vách tường treo các giấy chứng nhận như: huân chương, huy chương; bằng bà mẹ Việt Nam anh hùng; tổ quốc ghi công của ông bà nội, của chồng, của mình và của các con đầy đủ, trong đó có huân chương độc lập.

---

**Đời V: Ông Trần Lời (Nhơn):** SN Đinh Mùi 1907 ở An Thạch, có vợ là Bùi Thị Bồng, SN Kỷ Mùi 1919 cùng quê, sinh hạ đời VI là:

- 1- Trần Hiệu
- 3- Trần Thị Cam
- 4- Trần Thị Đính
- 5- Trần Thị Bưởi
- 9- Trần Khanh
- 10- Trần Thành

**Trần Lờ (Nhơn)**



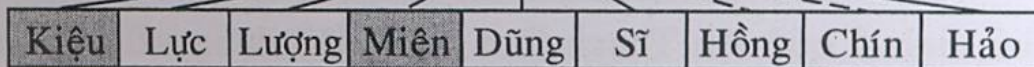
- Ông bị trúng đạn máy bay chết ngày 03-03 Âl 1967 ở quê, an táng ở Cấm Trước, đã xây mộ.

- Bà bị bệnh mất ngày 14-08 Âl, mộ ở dốc ông Đơn, đã xây.

**Đời VI:** ① Ông Trần Hiệu: SN Kỷ Mão 1939 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Xuân, SN Canh Thìn 1940 cùng quê, sinh:

- 1- Trần Kiệt
- 2- Trần Lực
- 3- Trần Lượng
- 4- Trần Thị Miên
- 5- Trần Dũng
- 6- Trần Sĩ
- 7- Trần Thị Hồng
- 8- Trần Thị Chín
- 9- Trần Văn Hảo

**Trần Hiệu**



- Ông Hiệu bị bệnh mất ngày 09-08 Âl 1998, an táng nơi dốc ông Đơn.

- Bà Xuân còn khỏe đang sống với các con ở quê An Thạch.

**Đời VII:** ① Trần Kiệt: SN Canh Tí 1960 ở An Thạch, bị bệnh chết lúc 2 tháng.



② **Trần Lực:** SN Nhâm Dần 1962 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Thanh, SN Bính Ngọ 1966 ở Đồng Hới, sinh hạ đời VIII là:

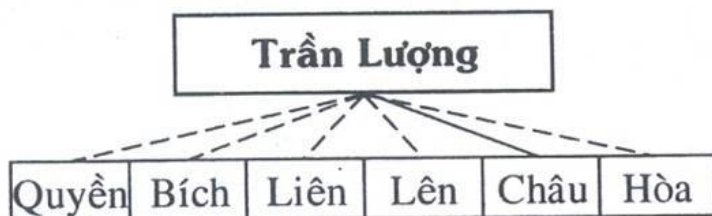
- 1- Trần Thắng, SN 1990 ở Tây Ninh.
- 2- Trần Thị Tuyết Loan, SN 1995 ở Tây Ninh.



Gia đình có nhà ở quận Bình Tân, đang làm ăn ở Tây Ninh.

③ **Trần Lượng:** SN Ất Tị 1965 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Mười, đồng tuổi, quê Đức Phong, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Trần Thị Quyền, SN 1989 ở An Thạch.
- 2- Trần Thị Bích, SN 1990 ở An Thạch.
- 3- Trần Thị Liên, SN 1993 ở An Thạch.
- 4- Trần Thị Lân, SN 1995 ở An Thạch.
- 5- Trần Văn Châu, SN 1997 ở An Thạch.
- 6- Trần Thị Hòa, SN 2003 ở An Thạch.



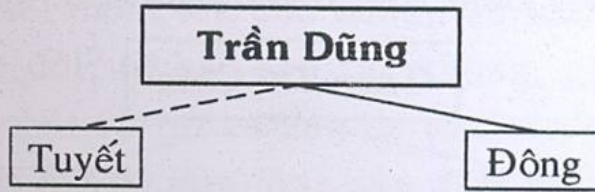
Gia đình ở quê An Thạch làm nghề xây dựng và buôn bán, nhà bên mặt đường gần nhà cha mẹ.

④ **Trần Thị Miên:** SN Mậu Thân 1968 ở Nha Trang, bị bệnh chết lúc 2 tuổi.

⑤ **Trần Dũng:** SN 11-01-1971 ở An Thạch, có vợ là Lê Thị Minh Thu, SN 02-02-1972 ở Phổ Quang, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Trần Thị Thu Tuyết, SN 24-02-1996 (24-02-1995) ở BV Đức Phổ.

2- Trần Thanh Đông, SN 26-01-2001 ở BV Đức Phổ.



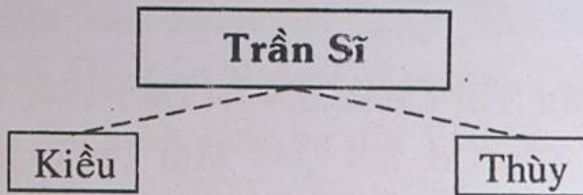
Gia đình ở quê An Thạch làm ruộng, làm nghề xây dựng và tráng bánh tráng. Nhà bên mặt đường gần nhà bà Mỹ Đức.

© **Trần Sĩ:** SN Quý Sửu 1973 ở An Thạch, có vợ là Huỳnh Thị Kim Oanh, SN Kỷ Mùi 1979, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Thị Kiều, SN 1997 ở An Thạch.

Vợ có chồng khác, mấy năm sau, Sĩ có vợ khác là Nguyễn Thị Ngọc, SN Giáp Dần 1974 ở Phổ Quang, sinh:

1- Trần Thị Xuân Thùy, SN 2004 ở Phổ Quang.



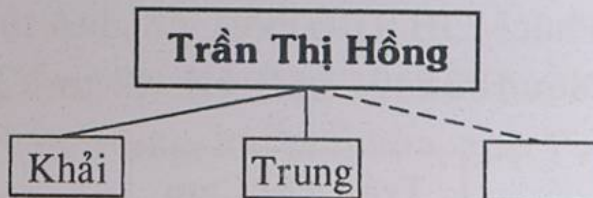
Gia đình đang sống ở quê An Thạch, làm nghề biển.

⑦ **Trần Thị Hồng:** SN Bính Thìn 1976 ở An Thạch, có chồng là Đặng Quang, SN Quý Sửu 1973 ở Phổ Quang, sinh:

1- Đặng Quang Khải, SN 1996.

2- Đặng Quang Trung, SN 1999.

3- Đặng Thị....., SN 2002.



Gia đình ở Bình Tân làm nghề may và mua bán tạp hóa nhỏ.

© **Trần Thị Chín:** SN Mậu Ngọ 1978 ở An Thạch, có chồng là Phùng Lâm, SN Bính Thìn 1976 ở Đức Lâm, sinh:



- 1- Phùng Văn Nghiệp, SN 1998 ở Đức Lâm.
- 2- Phùng Thị Mỹ Linh, SN 2000 ở Đức Lâm.



Gia đình năm 2004 còn ở quê Đức Lâm, dự định sẽ chuyển vào Sài Gòn sinh sống.

◎ **Trần Văn Hảo:** SN Tân Dậu 1981 ở An Thạch, lớp 10, làm nghề lái xe và nghề may, đang ở quê An Thạch, có khi ở với chị ở Sài Gòn, có vợ là...

- Con hơn cha là nhà có phúc.

*Tục ngữ*

**Đời VI. Bà Trần Thị Cam:** SN Ất Dậu 1945 ở An Thạch, có chồng là Phạm Tấn Cơ, SN Quý Mùi 1943 cùng quê, lớp đệ lục, sinh hạ đời VII là:

- 1- Phạm Tấn Khả
- 2- Phạm Thị Yến Nguyệt
- 3- Phạm Thị Cẩm
- 4- Phạm Thị Tuyết Mai
- 5- Phạm Thị Thu Thủy
- 6- Phạm Thị Hằng
- 7- Phạm Tấn Phúc
- 8- Phạm Thị Diệu Hiền



- Ông Cơ là người có nhiều nghị lực, gặp đại phúc trong vận mạng; từ chỗ chết thoát lên chỗ sống; lặn lội, xông pha, bươn chải trong cuộc đời; từ hai bàn tay không, gầy dựng nên sự nghiệp rất bền chặt và rất có căn cơ như tên của ông. Ông là nghĩa tế họ Trần mà có tấm lòng sâu đậm với tổ tiên vượt lên trên... thật đáng quý!

- Bà Cam là một phụ nữ hiền hậu, đảm đang, luôn sát cánh bên chồng trong việc làm ăn và nuôi dạy con cái cho ăn học thành danh, thành đạt.

Gia đình đang ở số 4A Võ Hoàn, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú,ĐT(08)8792049 và 8792022, kinh doanh đại lý bia và nước ngọt.

---

**Đời VII:** ① **Phạm Tấn Khả:** SN Giáp Thìn 1964 ở An Thạch, ĐHSPKT, có vợ là Nguyễn Ngọc Giàu (cha Tiêu, mẹ Việt), SN Bính Ngọ 1966 ở Sài Gòn, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Phạm Tấn Hiến, SN 1990 ở TP.HCM.
- 2- Phạm Thị Ngọc Tuyền, SN 1995 ở TP.HCM.

Gia đình ở quận Tân Phú.

② **Phạm Thị Yến Nguyệt:** SN Đinh Mùi 1967 ở An Thạch, ĐH, có chồng là Trần Văn Minh, lớn tuổi hơn, sinh ở Sài Gòn, gốc Bắc, TNPT, sinh:

- 1- Trần Minh Anh, SN 1995 ở TP.HCM.
- 2- Trần Nguyệt Anh, SN 1999 ở TP.HCM.

③ **Phạm Thị Cẩm:** SN Kỷ Dậu 1969 ở An Thạch, TNPT, có chồng là Mai Phạm Hùng, lớn tuổi hơn, quê Tuy Hòa, gốc Bắc, TNPT, sinh:

- 1- Mai Phạm Duy, SN 1995 ở TP.HCM.
- 2- Mai .....



④ **Phạm Thị Tuyết Mai:** SN Nhâm Tý 1972 ở An Thạch, ĐH, có chồng là Lê Xuân Tuấn Kiệt, đồng tuổi, ĐH, sinh:

- 1- Lê Mai An, SN 2001.
- 2- Lê Tùng An, SN 2003.

⑤ **Phạm Thị Thu Thủy:** SN Ất Mão 1975 ở Sài Gòn, lớp 12, có chồng là Trương Đình Khiêm, SN Nhâm Tý 1972 ở Quảng Nam, lớp 12, sinh:

- 1- Trương Đình Tuấn, SN 1998 ở TP.HCM.
- 2- Trương Đình Tú, SN 2003 ở TP.HCM.

⑥ **Phạm Thị Hằng:** SN Tân Dậu 1981 ở TP.HCM, bị bệnh chết lúc sơ sinh.

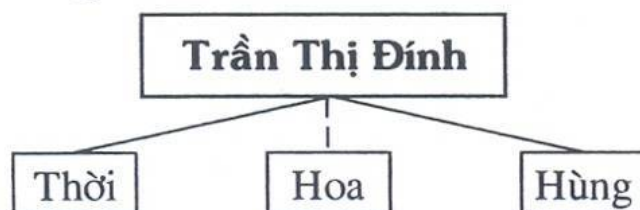
⑦ **Phạm Tấn Phúc:** SN Nhâm Tuất 1982 ở TP.HCM, KS công nghệ thông tin.

⑧ **Phạm Thị Diệu Hiền:** SN Giáp Tý 1984 ở TP.HCM, ĐHKT.

---

**Đời VI: Bà Trần Thị Đính:** SN Đinh Hợi 1947 ở An Thạch, có chồng là Phạm Phú Hữu, SN Mậu Tý 1948 cùng quê, lớp đệ lục, sinh hạ đời VII là:

- 1- Phạm Tấn Thời
- 2- Phạm Thị Hồng Hoa
- 3- Phạm Việt Hùng



- Bà Đính bị bệnh mất ngày 04-07 Âm 2003, an táng ở quê.
  - Ông Hữu vì thiếu người quán xuyến việc cửa nhà, nên sau đó không lâu, có vợ khác ở khác làng, nhưng không xa.
-

**Đời VII:** ① **Phạm Tấn Thời:** SN Đinh Mùi 1967 ở An Thạch, lớp 7, có vợ là Nguyễn Thị Tý, đồng tuổi, quê Phổ Minh, sinh:

1- Phạm Thị Thúy Hằng, SN...

2- Phạm Thị Thu Trang, SN...

3- Phạm Thị Thiếu Nhi, SN...

Gia đình đang sống ở quận Tân Phú.

② **Phạm Thị Hồng Hoa:** SN Tân Hợi 1971 ở Thủ Đức, có chồng là Đinh Đức Ngà, SN Đinh Mùi 1967 ở Q.Bình, sinh:

1- Đinh Thái Nguyên, SN...

Chồng đi biệt tích, sau 6 năm không có phản hồi, bà Hoa có chồng khác là Vy Văn Tân đồng tuổi, cùng quê, sinh:

1- Vy Trung Nguyên, SN...

Gia đình đang ở...

③ **Phạm Việt Hùng:** SN Nhâm Tĩ 1972 ở Sài Gòn, lớp 8, có vợ là Võ Thị Hồng Ánh, đồng tuổi, quê Phổ Văn, sinh:

1- Phạm Vũ Hoàng Sơn, SN 2000, ở...

Gia đình đang ở Tân Hiệp, Tiền Giang, làm nghề cơ khí.

---

**Đời VI:** ① **Bà Trần Thị Bưởi:** SN Kỷ Sửu 1949 ở An Thạch, có chồng có nhiều con. Gia đình sống ở quê An Thạch.

② **Trần Khanh:** SN không rõ, bị bệnh chết lúc nhỏ.

③ **Trần Thành:** SN Canh Tĩ 1960 ở An Thạch, CN.QTKD, có vợ là Huỳnh Thị Kim Oanh, SN Bính Ngọ 1966, sinh:

1- Trần Thị Yến, SN 1986 ở Buôn Ma Thuột, TNPT.

2- Trần Trung, SN 1988 ở Buôn Ma Thuột, đang đi học.

3- Trần Thị Ngọc, SN 1995 ở Buôn Ma Thuột, đang đi học.

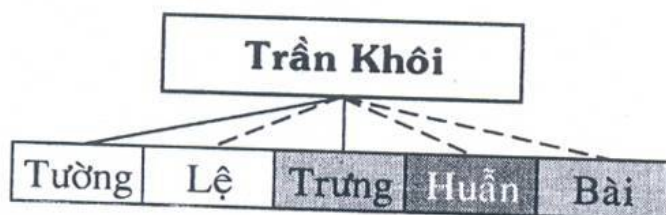




- Ông Thành sau khi TNTC nông lâm ở Quy Nhơn thì về làm việc cho lâm trường ở Đaklak. Thời gian vừa làm việc, ông vừa theo học ĐH tại chức khoa QTKD và đã tốt nghiệp. Hiện ông là đội trưởng đội quản lý thị trường của huyện Cuzút, Đ.Nông.
- Bà Oanh buôn bán hàng hóa ở nhà. Gia đình ở số 16 Nguyễn Thị Định, Buôn Ma Thuật, ĐT: (050)868770.

**Đời V: Ông Trần Khôi:** SN Nhâm Tý 1912 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Thưng, SN Giáp Dần 1914 ở Phổ Thuận, sinh hạ đời VI là:

- 1- Trần Tường
- 2- Trần Thị Lệ
- 3- Trần Trưng
- 4- Trần Thị Huân
- 5- Trần Thị Bài



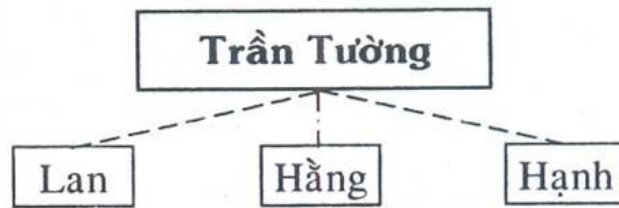
- Ông bị bệnh gì mà uống thuốc không bớt, bà rước thầy pháp đến làm đàn cao, cúng tế cầu thánh thần về cứu mạng. Người anh thứ 5 thấy vậy đập đổ đàn và nói là: "Bệnh không lo thuốc thang chạy chữa, lại tin vào chuyện quỷ thần". Ông mất ngày 06-05 Âl 1941 giữa lúc bà đang mang thai người con gái út. Mộ ở Cấm Trước, An Thạch.
- Bà già yếu mất ngày 27-05 Âl 2000, an táng ở Thạch Trụ.

- Đình khoa thi đỗ Thám hoa
- Tuổi mười bốn, Đặng Ma La đời Trần

*Chuyên về ông La đỗ hạng 3 cùng khoa với ông Hiền*

**Đời VI: Ông Trần Tường:** SN Giáp Tuất 1934 ở An Thạch, năm 1954 tập kết ra Bắc, năm 1969 → 1972 đi thực tập sinh khoa học ở Rumani, có vợ là Phạm Thị Tham. Bà Tham SN Nhâm Ngọ 1942 ở Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, TNTCKT ở Hà Nội năm 1964, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Thị Phương Lan
- 2- Trần Thị Phương Hằng
- 3- Trần Thị Phương Hạnh



- Sau năm 1975, ông Tường chuyển gia đình vô lại Nam, định cư ở Buôn Ma Thuột, làm giảng viên và kế tiếp làm chủ nhiệm khoa nông nghiệp của trường ĐH Tây Nguyên ở Buôn Ma Thuột một thời gian, đã nghỉ hưu từ năm 1995.

- Bà Tham xuất giá tòng phu, là một phụ nữ đảm đang, với chồng như bóng với hình, chăm sóc nuôi dạy những người con cho ăn học thành danh, thành đạt, làm rạng rỡ cho gia đình, dòng họ. Bà cũng đã nghỉ hưu sau nhiều năm công tác cho ngành tài vụ tại trường Đại học Tây Nguyên

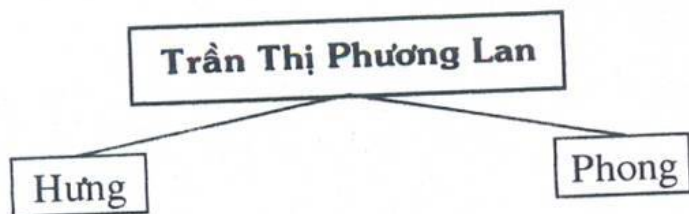
Gia đình ở Buôn Ma Thuột, nhà số 517 Lê Duẩn, ĐT: (050)851309, kinh doanh mua bán các mặt hàng tạp hóa.

---

**Đời VII: ① Trần Thị Phương Lan:** SN Mậu Thân 1968 ở nông trường Việt Trung, Quảng Bình, BS y khoa, có chồng là Hồ Gấm, đồng tuổi, quê Quảng Nam, KS nông nghiệp (TN đại học Tây Nguyên), sinh hạ đời VIII là:

- 1- Hồ Trần Hưng, SN 1993 ở Buôn Ma Thuột.
- 2- Hồ Trần Phong, SN 1999 ở Buôn Ma Thuột.

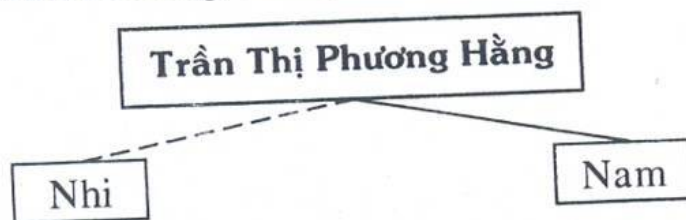




Gia đình ở Buôn Ma Thuột, làm việc cho BV và cho ngành nông nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.

② **Trần Thị Phương Hằng:** SN Ất Mão 1975 ở viện cây lương thực Hải Hưng, BS thú y (TNDH Tây Nguyên), có chồng là Nguyễn Thiên Văn, SN Quý Sửu 1973 ở Nghệ An, cùng học vị, cùng tốt nghiệp 1 trường, sinh:

- 1- Nguyễn Trần Phương Nhi, SN 1998 ở Buôn Ma Thuột.
- 2- Nguyễn Trần Phương Nam, SN 2004 ở Buôn Ma Thuột.

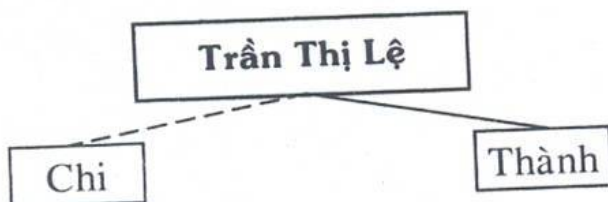


Gia đình đang sống và làm việc ở Buôn Ma Thuột.

③ **Trần Thị Phương Hạnh:** SN Quý Hợi 1983 ở Buôn Ma Thuột, TN khoa sư phạm trường ĐH Tây Nguyên, hiện là cán bộ giảng dạy tại trường mà mình đã theo học.

**Đời VI:** ① **Bà Trần Thị Lệ:** SN Bính Tí 1936 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Thanh Bình, SN Kỷ Tị 1929 ở Văn Hà, sinh:

- 1- Nguyễn Thị Diệu Chi
- 2- Nguyễn Thế Thành (Dương Nam)



- Ông Bình là học sinh trường Lê Khiết, năm 1954 tập kết ra Bắc, tiếp tục học lên và qua Trung Quốc học tiếp ngành thủy sản, đỗ KS, có vợ khác, có 2 con là Nguyễn Thế Thành và Nguyễn Thế Thanh. Năm 1976, ông vô lại Nam, dắt theo người con lớn vừa lên tư, để vợ và người con nhỏ ở lại Bắc, về quê cũ sinh sống gần 20 năm thì bị bệnh mất ngày 13-08 Âm 1993, an táng ở Đức Lâm.

- Bà Lệ ở lại An Thạch nuôi con cho ăn học chờ chồng về. Sau 1975, chồng về với người con riêng và tái sum họp. Bà nhận người con riêng của chồng là Nguyễn Thế Thành, chăm sóc nuôi dưỡng cho ăn học như con mình sinh ra. Hiện bà đang sống với con gái ở quê, nhà gần ngã tư Thạch Trụ, ĐT:(055)855844, mua bán lưới cước như từ xưa.

---

**Đời VII:** ① **Nguyễn Thị Diệu Chi:** SN Giáp Ngọ 1954 ở An Thạch, TNCĐSP khoa sinh vật, có chồng là Huỳnh Tấn Sinh, đồng tuổi, TNĐHKT, sinh hạ đời VIII là:

1- Huỳnh Thanh Vũ, SN 1980 ở Thạch Trụ, KSXD.

2- Huỳnh Thị Mỹ Linh, SN 1982 ở Thạch Trụ, ĐHTC.

3- Huỳnh Thanh Tân, SN 1994 ở Thạch Trụ, đang đi học.

Gia đình ở chung nhà với mẹ ở gần ngã tư Thạch Trụ. Chi đang dạy học; Sinh đang làm GD kho bạc huyện Đức Phổ.

② **Nguyễn Thế Thành:** SN 10-12-1972 ở Cát Dài, Hải Phòng, TNPT, có vợ là Nguyễn Thị Tâm, SN 1969 ở Đức Lâm, Mộ Đức, TNPT, sinh hạ đời VIII là:

1- Nguyễn Thế Hiển, SN 30-03-1994 ở Nam Chính (khai sinh ghi nơi sinh ở Đức Lâm).

2- Nguyễn Thị Tuyết Kiều, SN 07-01-1996 ở Nam Chính (khai sinh ghi nơi sinh ở Đức Lâm).



- Năm 1976, Thành theo cha từ Bắc vào Nam sống với mẹ lớn, được mẹ lớn nuôi dưỡng cho ăn học, TNPT và học nghề sửa xe và rồi lập gia đình. Năm 1992, Thành chuyển gia đình vô ở nơi xã Nam Chính (ngã tư Đức Chính cũ), Đức Linh làm nghề sửa xe, sau chuyển qua mua bán tạp hóa cho đến nay.

---

**Đời VI:** ① **Trần Trưng:** SN Mậu Dần 1938 ở An Thạch, bệnh gì không biết chết lúc 4 tuổi, an táng ở Cấm Trước, chị Ba Lệ xây mộ ở cạnh mộ Ông Chín.

② **Trần Thị Huấn:** SN Kỷ Mão 1939 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Tấn Phương (Ba Du), SN Quý Dậu 1933 cùng quê, sinh con 2 lần, con chết và bà cũng chết theo ngày 10-11 Âm, an táng ở Cấm Trước. Chồng xây mộ. Ông Du là một người hiền, đạo đức và sống rất có nghĩa tình. Sau 3 năm mãn tang, ông có vợ khác, người cùng xóm, có nhiều con. Gia đình ông đang ở quê An Thạch và ở Phú Nhuận, TP.HCM, ĐT: (08)9971632.

③ **Trần Thị Bài:** SN Tân Tị 1941 ở An Thạch, năm cha mất còn trong bụng mẹ, không rõ bệnh gì chết lúc 11 tuổi, an táng ở Cấm Trước, chị Ba Lệ xây mộ.

---

**Đời V:** ① **Trần Thị Đồi:** SN không rõ, bị bệnh chết lúc nhỏ, mộ không có.

② **Bà Trần Thị Nhụy (Nở):** SN Nhâm Tuất 1922 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Đình Thống, SN Nhâm Tí 1912 ở An Thổ, đỗ Primaire trước năm 1930, sinh hạ đời VI là:

3- Nguyễn Thị Xuân Lộc

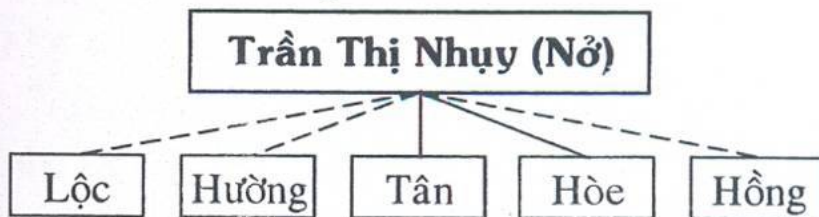
4- Nguyễn Thị Xuân Hường

5- Nguyễn Đình Tân

6- Nguyễn Đình Hòe



## 7- Nguyễn Thị Xuân Hồng



- Bà là cháu nội ông bá hộ Bốn, là con gái ông hương hộ năm; đã có một đời chồng là ông Nguyễn Ứng, SN 1918 ở cùng làng. Ông Ứng là cháu nội ông huyện Tụy, là con trai ông hương hào Tám, là cậu ruột người biên soạn bộ gia phả này. Hai người có con nhưng không nuôi được. Không hiểu sao, hai bên có chuyện chẳng lành, rồi ai về nhà nấy. Dẫu đôi lần ông có đến nói chuyện đúng sai với ba, những mong nối lại nhịp đàn cho tiếng tơ hòa chung một điệu, nhưng bà làm thình. Ít lâu sau bà có chồng khác, người ở làng bên như ghi ở trên. Ngày đám cưới bà, ông chồng cũ hiện diện và đi đưa dâu.

- Ông đã có một đời vợ, có 2 người con, vợ chết. Ông đi làm c/m bị ở tù, mãn tù ra cưới bà. Thời chín năm chống Pháp (1945-1954), ông là trưởng ty bưu điện của tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 1954 gia đình ông bà tập kết ra Bắc, sau năm 1975 chuyển về lại Nam, ở Nha Trang. Sau khi ông bệnh mất ngày 14-04 Âm (07-05-1982), an táng ở nghĩa trang Vĩnh Phương, Diên Khánh xong, mấy năm sau đại gia đình bà chuyển vô TP.HCM định cư cho đến nay. Bà đang bị bệnh, những người con chăm sóc, nhất là con gái. Bà đã mất năm 2007.

---

**Đời VI:** ① Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc: SN Giáp Thân 1944 ở An Thổ, theo cha mẹ tập kết ra Bắc, TNDHNN ở Hà Nội, có chồng là Nguyễn Duy Tuân, SN Tân Tị 1941 ở Nghệ An, TNDHQSKQ, phi công, quân hàm thượng tá khi về hưu, sinh:

1- Nguyễn Chí Trung, SN 1969 ở Hải Phòng, CNQTKD.



2- Nguyễn Thị Hồng Liên, SN 1973 ở Hải Phòng, TNĐHSP.

3- Nguyễn Anh Tuấn, SN 1983 ở Nha Trang, ĐHCA.

Gia đình bà Lộc cùng với đại gia đình, sau năm 1975 vô lại Nam ở Nha Trang một thời gian, rồi chuyển vào Sài Gòn định cư cho đến nay. Nhà bà ở 71 Thăng Long, Tân Bình, ĐT: (08)8475157, kinh doanh sản xuất hàng may mặc.

② **Bà Nguyễn Thị Xuân Hương:** SN Bính Tí 1946 ở An Thổ, BS y khoa Hà Nội, có chồng là Nguyễn Văn Bảo, SN Nhâm Ngọ 1942 ở Sơn Tây, Bình Định, KSKTNN, sinh:

1- Nguyễn Việt Hải, SN 07-02-1970 ở BV Hữu Nghị, TCHH.

2- Nguyễn Việt Hà, SN 17-02-1984 ở BV tỉnh Bình Định, đang du học ở Canada.

Gia đình đang ở 46/21 Trần Quang Diệu, P14, Q3, ĐT: (08)9316625. Bà Hương làm việc ở BV Đa Khoa ở Quy Nhơn, đã về hưu; ông Bảo đang công tác ở Cty liên doanh đầu tư Việt Nam.

③ **Ông Nguyễn Đình Tân:** SN Kỷ Sửu 1949 ở An Thổ, KSVTD Liên Xô, có vợ là Hồ Thị Kim Loan, SN Tân Mão 1951 ở Mộ Đức, KSNN Hà Nội, sinh:

1- Nguyễn Thành Vinh, SN 1977 ở Nha Trang, đỗ kỹ sư tin học ở Canada.

2- Nguyễn Thị Thanh Trà, SN 1987 ở Nha Trang, đang du học ở Canada.

Hai bên bất đồng ly hôn. Ông Tân vẫn ở vậy làm việc và nuôi con cho ăn học, đang là GD Cty may mặc của mình ở Phú Nhuận. Gia đình ở biệt thự BT1 khu dân cư Miếu Nổi, Bình Thạnh. ĐT: (08)8434693.

④ **Ông Nguyễn Đình Hòe:** SN Giáp Ngọ 1954 ở Hành Đức, TNĐHKT ở Hà Nội, có vợ là Trần Trinh Thuận, SN Quý Tị 1953 ở Hải Phòng, TNĐHTCKT, sinh:

1- Nguyễn Khánh Du, SN 10-02-1980 ở Hải Phòng, đang học cao học vận tải biển ở Anh Quốc.

Bất đồng ly hôn, mấy năm sau, ông Hòe có vợ khác là Nguyễn Thị Minh Thủy, SN Canh Tí 1960 ở Hà Nội, TNDHSP khoa TLGD, sinh:

1- Nguyễn Anh Minh, SN 1-2-1991 ở BV Từ Dũ, đang đi học.

- Ông Hòe sau thời gian kinh doanh sản xuất ngành hàng may mặc, nay đã chuyển qua làm việc ở bộ GTVT.

- Bà Thủy đang làm giảng viên ở trường CĐSP TP.HCM.

Gia đình ở 220/50A/11A XVNT, P21, Q.Bình Thạnh, ĐT: (08)5180761.

⑤ **Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng:** SN Đinh Dậu 1957 ở Hà Nội, TNDH ngoại ngữ ở Hà Nội, có chồng là Lương Ngọc Dũng, SN Giáp Ngọ 1954 ở Hải Phòng, TNDHNT, sinh:

1- Lương Ngọc Hồng Anh, SN 27-01-1984 ở TP. Hồ Chí Minh, đang theo học thời trang.

2- Lương Ngọc Vân Anh, SN 27-12-1993 ở TP. Hồ Chí Minh, đang đi học.

- Bà Hồng làm việc ở Cty Prosimex - Bộ thương mại, một thời gian đã về hưu.

- Ông Dũng đang công tác ở tổng cục hải quan.

Gia đình ở 215H Nguyễn Trãi, Q1, ĐT: (08)8367322.

---

**Đời III:** ① **Bà Trần Thị Tùng.** Đến nay chưa tìm được tư liệu nào ghi lại, cũng như chưa có ai biết một ít gì về nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bà thế nào và mộ phần ở đâu?! Ôi!

- Sai lầm lớn nhất của đời người là đánh mất mình

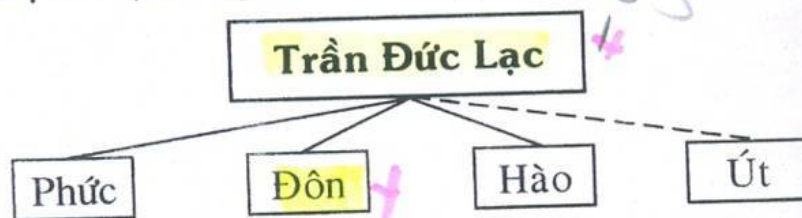
*Điều 5, lời Phật dạy.*



### **Đời III: ② Ông Trần Đức Lạc (bá hộ Sáu).**

Ông sinh từ năm 1838 → 1845 ở An Thạch, người giàu nhất trong các ông bà, có thể nói là giàu nhất làng, ngoài trừ bác ruột là ông Bảy Bang. Bởi vì ngoài số ruộng được chia, ông còn nhận hết số ruộng của ông bá hộ Bốn để làm nuôi dưỡng 4 người cháu, nên mỗi khi đi thăm ruộng, ông phải cỡi ngựa để có thể đi khắp cánh đồng. Ông có vợ không biết tên, sinh nhiều người con, nhưng chỉ ghi lại được những người con như sau:

- 1- Trần Đức Phúc (không rõ thứ mấy)
- 2- Trần Đức Đôn (thứ 6)
- 3- Trần Đức Hào (thứ 8)
- 4- Trần Thị Út (không rõ thứ mấy)



- Ông sau khi bán hết phần tài sản của mình, còn bán qua gần hết phần tài sản của người anh, vì thất bại trong việc đam mê bạc bài, thì bỏ quê vô Nam đến Sóc Sỏi thuộc huyện Châu Thành, Bến Tre nương Thân, làm thầy bán thuốc chữa bệnh cho người chung quanh để kiếm sống và mất nơi đó. Những năm ông Bộ còn sống ở Mỏ Cày, nghe nói thỉnh thoảng có qua thăm mộ ông nội mình.

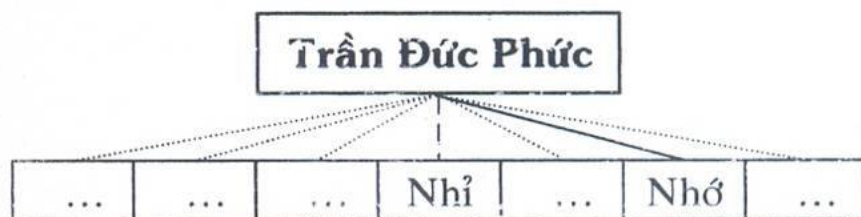
- Bà bệnh già và một phần cũng do sầu não, mất ngày 20-10 Âm, an táng ở Cấm Trước. Cháu nội là ông Tri ở Sài Gòn, chung sức với cháu cố là ông Thanh ở quê, xây mộ cho bà năm 2004.

---

**Đời IV: Ông Trần Đức Phúc:** SN không rõ, có vợ có nhiều con, nhưng chỉ biết có 2 người con là:

- 1- Trần Thị Nhí (thứ 5)

## 2- Trần Văn Nhớ (thứ 7)



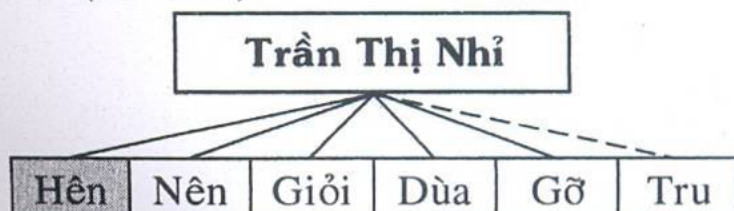
- Ông không biết mất ở An Thạch hay ở Cầu Kè?
- Bà không biết tên và cũng không rõ mộ phần?

**Đời V: Bà Trần Thị Nhĩ (Rớt):** SN Đinh Mùi 1907 ở An Thạch, có chồng là Phạm Soại, sinh hạ đời VI là:

- 1- Phạm Hên
- 2- Phạm Nên
- 3- Phạm Giỏi
- 4- Phạm Dừa

Chồng mất, một thời gian, bà có chồng khác là Bùi Phú, người cùng quê đã có 3 con. Với ông Phú, bà sinh:

- 1- Bùi Gỡ (Bùi Công Ngọc, thứ 8)
- 2- Bùi Thị Tru (thứ 10?)



- Bà Nhĩ sau năm 1940, dắt 2 người con là Bùi Gỡ và Bùi Thị Tru từ quê An Thạch đi vô Nam, đến Cầu Kè ở nơi nhà người em là ông Trần Văn Nhớ tìm việc làm. Sau 1 năm, bà để người con gái lại cho người em làm con nuôi, dắt người con trai trở về lại quê ở Xóm Câu sinh sống cho đến ngày già yếu qua đời. Năm 2003, con trai là ông Bùi Gỡ (Công Ngọc), ở Sài Gòn có gửi tiền về xây mộ cho mẹ.

- Ông Soại bị bệnh mất năm 1931, an táng ở quê.



- Ông Phú mất 30-01 Âm, an táng ở quê.

---

**Đời VI:** ① **Phạm Hên:** SN không rõ, bệnh chết lúc nhỏ.

③ **Phạm Nên:** SN Giáp Tí 1924 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Chồi, SN Canh Ngọ 1930 cùng quê, sinh nhiều con nhưng chết nhỏ, chỉ còn lại 2 người con gái là:

1- Phạm Thị Hiền, SN Giáp Ngọ 1954.

2- Phạm Thị Trùy, SN Canh Tí 1960.

- Ông Nên bị hen suyễn mất năm 1963. Mộ ở Xóm Câu.

- Bà Chồi sau khi chồng mất mấy năm thì có chồng khác, có con trai tên Huỳnh.

④ **Ông Phạm Giới:** SN Ất Sửu 1925 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Quế, SN Mậu Thìn 1928 cùng quê, sinh:

1- Phạm Đính, SN Mậu Tí 1948 ở An Thạch, đi bộ đội đánh trận hy sinh ở Đức Minh năm 1970. Mộ ở nghĩa trang liệt sĩ Phố An.

2- Phạm Văn Chinh, SN Nhâm Thìn 1952 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Thành (Hồng), quê Phố Quang, sinh 2 trai và 2 gái, gia đình ở quê.

3- Phạm Tùng, SN Ất Mùi 1955 ở An Thạch, đi làm bị vướng mìn nổ chết năm 1973. Mộ ở Xóm Câu.

4- Phạm Ngọc Thịnh, SN Mậu Tuất 1958 ở An Thạch, có vợ là Bùi Thị Lin, SN Canh Tí 1960 cùng quê, sinh 6 trai và 4 gái. Có con đang học CĐ ở Sài Gòn. Gia đình ở quê.

5- Phạm Chí Thanh, SN Canh Tí 1960 ở An Thạch, lớp 8, có vợ là Thân Thị Thùy, SN Tân Sửu 1961 ở Đức Thạnh, sinh 2 trai và 1 gái.

6- Phạm Văn Tịnh, SN Bính Ngọ 1966 ở An Thạch, lớp 7, có vợ là Phạm Thị Nhi, đồng tuổi, sinh: Nhị - Búp - Sen - Đạt.



7- Phạm Văn Thiện, SN Tân Hợi 1971, có vợ là Nguyễn Thị Ty, SN Bính Thìn 1976, sinh 1 trai và 1 gái. Vợ bỏ đi có chồng khác, để con lại cho Thiện nuôi. Năm sau Thiện có vợ khác là Huỳnh Thị Oanh, SN Đinh Tị 1977 ở Ba Động, Ba Tơ.

⑤ **Ông Phạm Dừa:** SN Kỷ Tị 1929 ở An Thạch, đi lưu lạc khắp nơi, có vợ có con trai là Phạm Lượm học đến lớp 9 đang ở quê Xóm Cầu.

⑥ **Ông Bùi Gỡ (Bùi Công Ngọc):** SN Quý Dậu 1933 ở An Thạch, năm 8 tuổi theo mẹ vô Cầu Kè ở nhà người cậu là ông Nhớ trên 1 năm rồi lại theo mẹ về lại quê. Lớn lên ông đi bộ đội và rồi năm 1954 tập kết ra Bắc, sau năm 1975 trở vô Nam và có vợ là Lê Thị Ngọc, nhỏ hơn 10 tuổi, quê Phổ Minh, đang sống ở Sài Gòn, sinh hạ đời VII là:

1- Bùi Thị Ngọc Mai, SN Bính Thìn 1976 ở TP.HCM, tốt nghiệp ĐHKT và ĐHAV, có chồng có con.

2- Bùi Thị Ngọc Hà, SN Mậu Ngọ 1978 ở TP.HCM, tốt nghiệp ĐHXHNV, đang luyện thi cao học.

3- Bùi Thị Thúy Hằng, SN Canh Thân 1980 ở TP.HCM, tốt nghiệp phổ thông.

4- Bùi Thị Thùy Hương, SN Nhâm Tuất 1982 ở TP.HCM, tốt nghiệp TC dược.

Gia đình ông Công Ngọc đang ở P.9, Tân Bình, ĐT: 8637426.

⑦ **Bùi Thị Tru:** SN Kỷ Mão 1939 ở An Thạch, năm lên 2 tuổi theo mẹ và anh vô Cầu Kè ở nơi nhà người cậu ruột là ông Nhớ. Ông Nhớ có 2 người con trai là Đen và Đỏ. Bà Nhớ muốn có 1 người con gái để nuôi cho vui cửa nhà nên nhận cô Tru làm con nuôi. Bà Nhỉ dặt người con trai về lại quê ở An Thạch, và từ đó đến nay không có liên lạc gì với nhau.

- Đi một bước đường, học một trường khôn.

Tục ngữ



**Đời V: Ông Trần Văn Nhở:** sinh ở An Thạch, không rõ năm nào, lớn lên theo cha vô Nam đến Trà Vinh ở huyện Cầu Kè, lập gia đình ở đây, sinh 2 người con trai là:

- 1- Trần Đen
- 2- Trần Đỏ

Chưa tìm ra nhà 2 người con của ông là ông Đen và ông Đỏ.

- Sông có khúc, người có lúc
- Chẳng ai giàu ba họ, nào ai khó ba đời

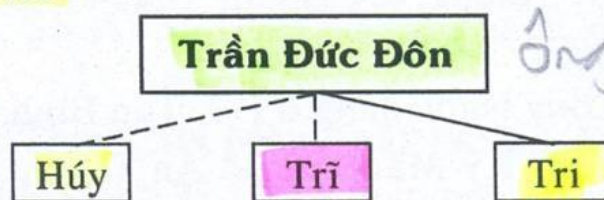
*Tục ngữ*

**Đời IV: Ông Trần Đức Đôn:** sinh khoảng từ năm 1880 → 1885 ở An Thạch, chuyên bào chế thuốc nam, có một thời gian ở Mỏ Cày làm thuốc và bán thuốc chữa bệnh và có vợ nơi đây, sau đó dắt vợ về quê An Thạch, sinh 2 người con đời V là:

- 1- Trần Thị Húy
- 2- Trần Thị Trĩ

Ở quê, ông có thêm người vợ thứ 2 là Phạm Thị Thận (em ông giáo Lược), SN..., quê Đức Tân, sinh:

- 1- Trần Minh Tri



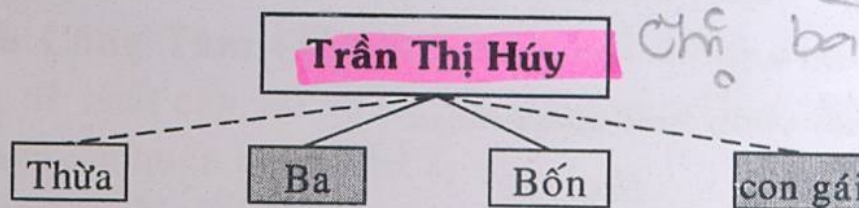
- Ông dẫn vợ về quê tiếp tục làm nghề bào chế thuốc nam, cung cấp hàng cho người ta mang vô Nam bán.
- Bà vợ 1 trồng dâu, nuôi tằm.
- Bà vợ 2 mua bán ở chợ.
- Không biết ông bị bệnh gì mất ngày 20-02 Âm 1942, an táng ở Cấm Trước. Năm 1964, con gái là Trần Thị Trĩ dựng mộ chí.



Chiến tranh bom đạn, tấm bia bị ngã vùi sâu trong đất, mộ cũng bị ban bằng. Con cháu không biết nên hàng năm tảo mộ của ông bà khác. Năm 2003, những người mua bán ve chai, mang máy rà sắt đi tìm phế liệu, đã vô tình khám phá ra tấm bia và đào lên để trên mặt đất. Cũng trong năm này (trước khi phát hiện tấm bia), ông Trần Minh Tri ở Sài Gòn gửi tiền về quê ủy thác cho ông Thanh xây mộ cho cha mình (vẫn nghĩ mộ của người khác là mộ của cha mình). Đầu năm 2004, Trần Quang Trung - con ông Thanh - phát hiện tấm bia. Cuối tháng 2 Âm lịch 2004, Ông Trần Quang Thanh thực hiện việc ủy thác của ông Trần Minh Tri. Tấm bia cũ dựng lại như cũ.

**Đời V: Bà Trần Thị Húy:** SN Mậu Thân 1908 ở Mỏ Cày, là cháu nội ông bá hộ Sáu, có chồng là Nguyễn Đậu, nhà giáo, người cùng quê. Sau 3 năm không có con, hai bên thôi nhau. Bà có chồng khác, làm vợ kế ông Phạm Đặc (xã Thiệt - địa chủ), người cùng quê, vợ chết, có nhiều con, sinh hạ đời VI là:

- 1- Phạm Thị Thừa
- 2- Phạm Ba
- 3- Phạm Bốn
- 4- Phạm con gái chết nhỏ.



- Bà Húy, năm 1967 cùng với gia đình người con thứ tư rời quê An Thạch (Quảng Ngãi) vô Buôn Ma Thuột làm ăn sinh sống tránh lửa đạn. Sau khi người con trai đi làm ăn và mất tích vào ngày 07-04 Âm lịch 1975 nơi núi rừng Tây Nguyên, bà tiếp tục sống với con dâu và các cháu nội cho đến ngày 22-12-1986 thì qua



đời. An táng ở nghĩa địa làng ở Buôn Ma Thuột. Theo lệnh của chánh quyền, ngày 21-03-2006, con gái, con dâu và các cháu ngoại nội cải táng hài cốt bà về nghĩa trang TP.BMT. Mộ xây rất chắc và đẹp.

**Đời VI:** ① Bà Phạm Thị Thừa: SN Ất Hợi 1935 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Ty, SN Quý Dậu 1933 cùng quê, đỗ primaire, sinh hạ đời VII là:

1- Huỳnh Thanh Tịnh.

2- Huỳnh Công Tâm (Thanh Tịnh).

- Bà Thừa năm 1958, rời quê An Thạch đi Sài Gòn, để lại hai người con còn nhỏ cho người mẹ chăm nom. Năm 1961, bà về dắt người con thứ theo mình vô Sài Gòn nuôi dưỡng, đến năm 1967 thì cho đến ở nhà chị dâu để học và làm nghề đan ghế với người con trưởng cũng đã ở đó trước 2 năm. Năm 1972, bà về BMT sống với người con trai thứ cho đến năm 2004. Hiện bà đang sống với người con trai trưởng ở Nha Trang.

- Ông Ty năm 1954 tập kết ra Bắc, theo học ngành nông nghiệp, TNDH Nông Nghiệp và BS Thú Y, có vợ khác, có 2 con, hiện đang sống ở Hà Nội, thỉnh thoảng có dẫn con về thăm quê.

• Có chí thì nên

• Thà chết vinh, hơn sống nhục

Ngạn ngữ.

★ **Những người con của bà Thừa (đời VII) là:**

1. **Huỳnh Thanh Tịnh:** SN 05-05-1954 ở An Thạch, tốt nghiệp phổ thông, có vợ là Võ Thị Tuyên, SN 1962 ở Quế Võ, Bắc Ninh, tốt nghiệp phổ thông, sinh:



- Huỳnh Thanh Tú, SN 03-02-1983 ở Nha Trang, TNHH TC Kế Toán, đang làm cho Cty bảo hiểm liên doanh ở TP.HCM.

- Huỳnh Thị Cẩm Tú, SN 17-01-1989 ở Nha Trang, đang học đại học.

- Ông Tịnh năm 1958 (4 tuổi), mẹ đi Sài Gòn, ông và người em (3 tuổi) ở lại quê với bà ngoại cho đến năm 1965 (11 tuổi), theo ông Thám đi đường biển cũng vô Sài Gòn học và làm nghề đan ghế nơi nhà bác dậu. Năm 1969, bà ngoại ở Daklak xuống dẫn về BMT ở với bà và cậu Bốn. Gần 1 năm, có dì là bà Nguyễn Thị Hai ở Dục Mỹ lên, thấy hoàn cảnh cháu khó khăn nên xin đưa về làm con nuôi và dạy cho nghề may; năm 1977 gặp cha ở Bắc vô và được cha gửi cho học chuyên môn ngành thương nghiệp ở Khánh Hoà, tốt nghiệp và làm việc cho ngành; năm 1979 tình nguyện đi chuyên gia Campuchia, sau 3 năm về phục vụ lại ngành cũ, với chức vụ sau cùng là trưởng xưởng ngành may cho đến năm 2006 thì về nghỉ hưu.

Ông Tịnh với cuộc đời tuổi thơ quả thật gặp nhiều bất hạnh. Nhưng vận mạng lớn, cộng nghị lực của bản thân và khí phách của người nam nhi, đã vượt lên chính mình, chiến thắng số phận, luôn hướng về phía trước...

Gia đình đang ở 111 đường Thống Nhất, TP. Nha Trang, ĐT: (058)813213, kinh doanh mua bán áo quần cũ (Shop Tuyên).

**2. Huỳnh Công Tâm (Thanh Tịnh):** SN 1955 ở An Thạch, trung học đệ nhất cấp, có vợ là Hồ Thị Ngọc Thuý, SN 1960 ở Đà Lạt, nguyên quán Huế, TNPT, sinh:

- Huỳnh Thị Ngọc Thanh, SN 27-02-1980 ở BMT, TNHH Thuỷ Sản Nha Trang, đang phục vụ trong ngành công an tỉnh Daklak (nổi nghiệp cha), với chức danh là kế toán.

- Huỳnh Thị Anh Thư, SN 27-03-1982 ở BMT, TNHH K.Tế, đang làm kế toán cho công ty xăng dầu Mai Anh ở BMT.



- Huỳnh Thị Ngọc Trang, SN 1987 ở BMT, đang học TC kế toán ở BMT.

- Huỳnh Anh Trí, SN 06-08-1996 ở BMT, đang đi học.

- Ông Tâm năm 1958( 3 tuổi), mẹ đi Sài Gòn, ông và người anh (4 tuổi) ở lại quê với bà ngoại. Năm 1961, mẹ ở Sài Gòn về dẫn vô nuôi dưỡng đến năm 1967 thì qua nhà bác dậu học và làm nghề đan ghế chung với anh cũng đã ở đó trước 2 năm. Năm 1969 về lại quê An Thạch, được bác dậu thứ hai xin gửi cho ở nơi trung tâm bảo trợ thiếu nhi tỉnh. Thời gian sau theo người thân vô BMT, được cậu là ông Nguyễn Phú giới thiệu học nghề thợ hàn. Năm 1972, ông về Sài Gòn đưa mẹ lên BMT; năm 1975 gia nhập ngành công an, phục vụ ở Daklak cho đến năm 2003 nghỉ hưu với quân hàm đại úy. Ông nuôi dưỡng mẹ cho đến năm 2004, thì đưa mẹ về ở với người anh cả ở Nha Trang.

Ông Tâm với những bước đi trôi nổi trong cuộc đời tuổi thơ đầy gian truân, gian khó, gian khổ, gian lao...Nhưng với nghị lực của bản thân, với ý chí của một nam nhi đã vượt lên chính mình. Hiếu đễ, nghĩa tình, khí phách...

Gia đình ông đang ở số 5 và 7 đường Trần Khắc Chân (số cũ 302/6 Hoàng Diệu) Buôn Ma Thuột, ĐT: (050)856682, bán cà phê và nước giải khát.

② **Phạm Ba:** SN không rõ, năm ngoài 10 tuổi, một buổi đi chăn trâu, cho trâu tắm ở vũng sâu, đùa giỡn với trâu thế nào, bị chết đuối ở vũng nước ấy. Bà con ở quê nói là ông bị ma da nhận chết chìm. Mộ ở đâu không biết.

③ **Ông Phạm Bốn:** SN Quý Mùi 1943 ở An Thạch, đỗ tiểu học năm 1959, có vợ là Huỳnh Thị Bảy, SN Ất Dậu 1945 cùng làng, sinh hạ đời VII là:

1- Phạm Thị Minh Trang



2- Phạm Việt Hùng

3- Phạm Thị Bích Chi

3- Phạm Thị Hồng Yến

- Ông Bốn sau giải phóng rã ngũ về làm nghề chạy xe “thồ”. Một chiều ngày 07-04 Âm 1975, trời đã bảng lảng bóng hoàng hôn, có 1 người dân tộc mặc đồ bộ đội có mang súng, đến tận nhà ở BMT, nhờ chở đi Phước An, huyện Công Pắc, cách độ 30km, trả công bằng thùng xăng chừng 4,5 lít. Ông chở người ta đi, rồi đi mãi không thấy về, có lẽ đã đi vào cõi muôn trùng, xác thân đã nằm nơi vực thẳm núi rừng?! Đã hơn 30 năm!...

- Bà Bảy một mình với bốn người con còn nhỏ dại, không thể xoay xở đâu đã tìm hết cách để nuôi con, nên năm sau đành gả nghĩa với một người có tên là Nguyễn Thương quê ở Huế vào làm ăn ở Buôn Ma Thuột, sinh thêm 3 người con, 1 trai, 2 gái. Nhưng rồi bà đã chủ động, cắt đứt chuyện nợ duyên khi biết được người chồng đã có vợ con rồi. Hiện bà đang ở 22/39 đường Bùi Thị Xuân, Buôn Ma Thuột, ĐT: (050)816149, mua bán chung với người con gái lớn.

**\* Những người con và cháu của ông Phạm Bốn là:**

**1. Phạm Thị Minh Trang**, SN 1966 ở An Thạch, lớp 5, có chồng là Nguyễn Văn Lợi, SN 1964 ở BMT, lớp 5, sinh:

- Nguyễn Minh Hải, SN 1989 ở BMT, TNPT, chờ học ĐH.
- Nguyễn Minh Hoàng, SN 1990 ở BMT, đang học lớp 12.
- Nguyễn Minh Hảo, SN 1996 ở BMT, đang đi học.
- Nguyễn Minh Hậu, SN 1999 ở BMT, đang đi học.

Gia đình ở sát nhà cha mẹ mua bán và tài xế xe hàng.

**2. Phạm Việt Hùng**, SN 1968 ở BMT, lớp 10, có vợ là Lưu Thị Nhiễm, SN 1975 ở Thái Bình, lớp 5, sinh:

- Phạm Việt Gia Huân, SN 1997 ở BMT.
- Phạm Ngọc Gia Hân, SN 2005 ở BMT.



Gia đình đang ở chung nhà với cha mẹ ở Buôn Mê Thuột.

**3. Phạm Thị Bích Chi**, SN 1971 ở BMT, lớp 6, có chồng là Đỗ Kim Tuyến, SN 1970 ở Hà Nội, lớp 12, sinh:

- Đỗ Minh Huân, SN 1996 ở BMT.
- Đỗ Phạm Như Uyên, SN 2005 ở BMT.

Gia đình ở đường Phan Bội Châu, BMT, bán quán và sửa xe.

**4. Phạm Thị Hồng Yến**, SN 1973 ở BMT, lớp 10, có chồng là Hồ Nhật Tân, SN 1970 ở Bình Định, lớp 11, sinh:

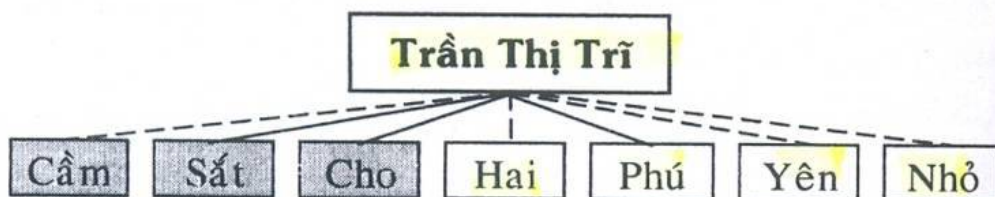
- Hồ Ngọc Thảo Nhi, SN 2001 ở BMT.
- Hồ Ngọc Như Uyên, SN 2005 ở BMT.

Gia đình ở BMT, ĐT: (050) 813023, bán cà phê giải khát và tài xế xe hàng.

---

**Đời V: Bà Trần Thị Trĩ:** SN Tân Hợi 1911 ở Mỏ Cày, là cháu nội ông bá hộ Sáu, có chồng là Nguyễn Lạc, thường gọi là ông Tư Thỏ, con trai quan Đô thống nhị độ tiền quân vào thời gần cuối triều Nguyễn, SN Kỷ Dậu 1909 ở Thạch Trụ, Mộ Đức, đỗ diplomaire, sinh hạ đời VI là:

- 1- Nguyễn Thị Cẩm
- 2- Nguyễn Sắt
- 3- Nguyễn Cho
- 4- Nguyễn Thị Hai
- 5- Nguyễn Phú
- 6- Nguyễn Thị Yên
- 7- Nguyễn Thị Nhỏ (Nho)



CHỢT

- Bà Trĩ trước năm 1960, cùng gia đình rời quê Thạch Trụ chuyển vô Buôn Ma Thuột ở đường Nguyễn Du làm ăn sinh sống. Năm 1964, bà về quê An Thạch (nguyên quán) đúc và dựng tấm bia cho mộ của cha bà là ông Trần Đức Đôn ở Cấm Trước. Bà già yếu mất ngày 02-10-1994 (27-08 Âm) an táng ở nghĩa địa làng ở BMT. Theo lệnh của chánh quyền tháng 03-2006, con trai, con gái, cháu nội, cháu ngoại cải táng hài cốt bà về nghĩa trang TP.BMT. Mộ xây chắc và đẹp.

- Ông Lạc cùng gia đình rời quê Thạch Trụ vào BMT làm ăn sinh sống từ trước năm 1960. Ông bệnh mất ngày 26-12 Âm 1977, an táng ở nghĩa địa làng, và cũng được con cháu dời hài cốt cùng lúc với hài cốt của bà về nghĩa trang TP.BMT. Mộ nằm cạnh mộ bà, và hai mộ giống như nhau. Chắc và đẹp.

• Làm điều thiện, giữ điều lành, tránh điều ác

*Đạo đức kinh*

#### **Đời V: Những người con, cháu và chất của bà Trần Thị Trĩ:**

① Nguyễn Thị Cẩm, SN không rõ, bệnh chết lúc nhỏ.

② Nguyễn Sát, có hoàn cảnh cũng giống như chị.

③ Nguyễn Cho, có lẽ hoàn cảnh cũng như anh và chị.

④ **Nguyễn Thị Hai**, SN Canh Thìn 1940 ở Thạch Trụ, là cháu nội quan Đô thống nhị độ tiền quân vào thời gần cuối triều Nguyễn, có chồng là Nguyễn Tấn Mạnh, SN Giáp Tuất 1934 cùng quê, sinh:

1- Nguyễn Thị Thành (Tùng)

2- Nguyễn Thị Thuộc

3- Nguyễn Thị Thanh

4- Nguyễn Thị Thông

5- Nguyễn Thị Thủy

6- Nguyễn Thị Thảo



7- Nguyễn Thị Thương

8- Nguyễn Thị Thuận

9- Nguyễn Thị Ngọc Trai

- Bà Hai trước năm 1960 cùng với đại gia đình cha mẹ rời quê Thạch Trụ vô Buôn Ma Thuột làm ăn sinh sống. Sau hơn mười năm chuyển gia đình của mình đến Dục Mỹ, tiếp tục làm nghề may nuôi con. Cuối năm 1969, bà về BMT đưa người cháu trai gọi bằng dì về Dục Mỹ sống với gia đình bà, làm con nuôi và dạy cho nghề may. Và cũng nhờ có tay nghề mà người cháu trai đã vững vàng hơn trong cuộc sống sau này. Bà là 1 phụ nữ nhân hậu, sống đạo đức và có nghĩa tình, nhưng số phận không may, phải bệnh ngặt nghèo, không thể chữa trị được, đã từ biệt chồng con ra đi ngày 26-05 Ái nhuận 1990 khi mới tròn 50 tuổi! Mộ bà ở Dục Mỹ (xã Ninh Sim, huyện Ninh Hoà) - nơi dừng chân sau cùng của đời mình. Các con xây mộ cho mẹ hiền, chắc và đẹp.

- Ông Mạnh đã có gần 10 người con, nhưng chỉ là con gái! Mong muốn có con trai để nối dòng, nên ông có thêm hai người vợ lẽ, trước sau có thêm 7 người con, trong đó có 2 người con trai. Cuối cùng thì ông cũng đã có con trai, và có tất cả là 16 người con, chết nhỏ 1 còn lại 15. Hiện ông đang sống với người con gái thứ chín là Nguyễn Thị Thuận ở 61 Xô Viết Nghệ Tĩnh, ĐT: 0918.771091, dưỡng già. Ông có tài xem gà chiến...

**\* Những người con và cháu của bà Nguyễn Thị Hai:**

1. Nguyễn Thị Thành(Tùng),SN 1958 ở BMT, mất lúc 6 tháng.

2. Nguyễn Thị Thuộc, SN 1960 ở BMT, TNPT, có chồng là Nguyễn Duy Đoàn, SN 1954 ở Huế, TNPT, sinh:

- Nguyễn Duy Quang Huy, SN 1983 ở Dục Mỹ, TNPT.
- Nguyễn Quỳnh Bảo Trâm, SN 1990 ở Dục Mỹ, đang đi học.
- Nguyễn Bảo Quỳnh Trang, SN 1992 ở Dục Mỹ, đang đi học.

- Nguyễn Duy Quang Hưng, SN 1996 ở Dục Mỹ, đang đi học. Gia đình đang định cư ở Canada.

- Người khôn ngoan tạo ra nhiều cơ may hơn gặp may

Bacon

3. **Nguyễn Thị Thanh**, SN 1962 ở BMT, lớp 10, có chồng là Lê Hồng Phương, SN 1958 ở Cần Thơ, TNPT, sinh:

- Lê Nguyễn Tuấn Phong, SN 1984 ở Cần Thơ, lớp 10.
- Lê Nguyễn Bảo Phi, SN 1986 ở TP.HCM, đang học ĐH.
- Lê Nguyễn Tuấn Phan, SN 1992 ở TP.HCM, đang đi học.
- Lê Nguyễn Tấn Phát, SN 1994 ở TP.HCM, đang đi học.

Gia đình ở 43 An Dương Vương, quận 5, ĐT(08)8354500 và 0903.934999, kinh doanh mua bán mặt hàng vàng bạc đá quý và kinh doanh các ngành khác...

- Cô Thanh và các chị em con bà Nguyễn Thị Hai có lòng với tổ tiên, ông bà và dòng họ sâu đậm. Thật đáng quý!

- Ông Phương là người có tầm nhìn, có óc phán đoán sự việc xảy ra chung quanh và biết nắm bắt thời cơ đúng lúc, dẫn rằng bước đường vươn lên để thành đạt không phải là êm ả, phẳng lặng như mặt nước hồ thu...Đáng nể.

4. **Nguyễn Thị Thông**, SN 1964 ở Buôn Ma Thuột, lớp 10, có chồng là Trần Thanh Xuân, SN 1963 ở Nhà Bè, sinh 3 con ở Úc là:

- Trần ...
- Trần ...
- Trần ...

Gia đình đang định cư ở Úc và đang làm ở nhà hàng.

Cô Thông và các chị em con bà Nguyễn Thị Hai, cháu ngoại bà Trần Thị Trĩ là những người có lòng nghĩ về tổ tiên và tha



thiết đến dòng tộc, không phân biệt nội ngoại. Thật đáng quý! Sau khi cô nghe chị em cho biết là có người bà con bên phía ngoại, đang đi tìm con cháu trong dòng họ để bổ sung tư liệu cho bộ gia phả đang biên soạn, thì cô có gửi về một ít tiền, ủng hộ chi phí cho người làm việc này.

5. **Nguyễn Thị Thủy**, SN 1966 ở Buôn Ma Thuật, lớp 12, có chồng là Trần Văn Sơn, SN 1955 ở Huế, tú tài trước 1975 sinh 3 con là:

- Anna, SN 11-07-1995 ở Canada
- Anny, SN 20-10-1996 ở Canada
- Andrew, SN 21-02-2000 ở Canada

- Cô Thủy là một phụ nữ có cá tính mạnh mẽ, có nhiều suy tư trăn trở cho cuộc sống trong cõi thế nhân; có lòng trắc ẩn cho những mảnh đời bất hạnh, không may. Thật đáng quý!

- Cô và các chị em luôn nghĩ về tổ tiên và tha thiết với dòng tộc, dẫu là ở nơi chân trời nào.

- Ông Sơn là người có tính cương trực, ôm những ước mơ, hoài bảo về con đường lập chí, lập thân, lập nghiệp; luôn trân trọng những giá trị về mặt đạo đức và kiến thức; luôn khắc họa một chân dung cho sự hiện hữu của nhân sinh nơi trần tục; lo toan không ít cho cơ đồ con cháu mai sau ...

Gia đình định cư ở Canada, nhưng hiện tại đang ở số 56 Nguyễn Duy Trinh, Q2, TP. Hồ Chí Minh, ĐT (08)2408333 kinh doanh dịch vụ cầm đồ và kinh doanh trang trại...

6. **Nguyễn Thị Thảo**, SN 1969 ở Dục Mỹ, TNPT, có chồng là Lê Anh Dũng, SN 1956 ở Huế, TNĐH, sinh 2 con là:

- Lê Nguyễn Thảo My, SN 1998 ở Mỹ.
- Lê Anh Huân, SN 2003 ở Mỹ.

Gia đình đang định cư ở Mỹ và đang kinh doanh trang trại.

7. **Nguyễn Thị Thương**, SN 1972 ở Dục Mỹ, lớp 10, có chồng là Hoàng Ngọc Tài, SN 1963 ở Huế, TNPT, sinh 2 con là:

- Hoàng Nguyễn Bảo Trân, SN 05-06-2004 ở BV.Đại học Y Dược, TP.HCM.

- Hoàng Nguyễn Minh Tiến, SN 26-03-2007 ở BV.An Sinh,Q.Phú Nhuận, TP.HCM.

Gia đình đang ở 192 Cách Mạng Tháng Tám,ĐT (08)9930193 và (08)8451217, kinh doanh ngành may mặc...

8. **Nguyễn Thị Thuận**, SN 1973 ở Dục Mỹ, lớp 9, có chồng là Nguyễn Tiến, SN 1962 ở Quảng Nam, thạc sỹ kinh tế, giảng viên Đại học, tổng GD Cty Bảo Hiểm Viễn Đông. Sinh:

- Nguyễn...

Gia đình đang ở số 61 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Bình Thạnh và ở Q.7, đường Nguyễn Văn Linh, ĐT (08)5140240 và 0988.656882, kinh doanh dịch vụ cầm đồ và mua bán nhà đất.

Cô Thuận và các chị em có đồng suy nghĩ thật đậm đà và thiết tha về một dòng tộc, không phân biệt nội ngoại; có cùng nhận xét và so sánh về sự ích lợi, cũng như tác dụng về giá trị của quyền gia phả với các quyển truyện khác, bởi nội dung sự việc xác thật, cụ thể về dòng chảy của một dòng tộc, để con cháu tìm biết nguồn cội của mình, biết mình từ đâu đến...

9. **Nguyễn Thị Ngọc Trai**, SN 1975 ở Dục Mỹ, TNPT ở Úc, có chồng là Ngô Vũ Luân, SN 1963 ở Sài Gòn, tốt nghiệp... sinh:

- Ngô Nguyễn Thảo Vy, SN 2003 ở Úc.

Gia đình đang định cư ở Úc và đang kinh doanh mua bán mặt hàng văn phòng phẩm .

- Tay nâng chén muối đĩa gừng
- Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau

Ca dao.



© Ông Nguyễn Phú: SN Nhâm Ngọ 1942 ở Thạch Trụ, Mộ Đức là cháu nội quan Đô Thống nhị độ tiền quân vào thời gần cuối triều Nguyễn, có vợ là Nguyễn Thị Minh Bằng, SN Giáp Thân 1944 cùng quê, sinh:

- 1- Nguyễn Thị Mỹ Dung
- 2- Nguyễn Quốc Tuấn
- 3- Nguyễn Quốc Khánh
- 4- Nguyễn Quốc Tài
- 5- Nguyễn Thị Mỹ Danh

- Ông Phú trước năm 1960, cùng với gia đình cha mẹ rời quê Thạch Trụ vô BMT ở đường Nguyễn Du. Lớn lên lập gia đình và ở chung với cha mẹ và bà ngoại (bà Sáu Đôn, còn gọi là bà Sáu Húy), phụng dưỡng bà ngoại và cha mẹ cho đến ngày những người thân yêu nhất đời mình ra đi. Gia đình ông đang ở thôn 1, xã Cư ebuá, TP.BMT. Hiện thời ông đang bị bệnh ngặt nghèo, đang nằm điều trị ở BV.Buôn Ma Thuột. Người viết có đến thăm ông ở BV ngày 21-08-2007, rất xúc động trước tình cảnh. Tuổi ông chưa đến “thất thập cổ lai hy”! Ông mất lúc gần 18h ngày 11-09-2007 (01-08 Âm), an táng lúc 14h ngày 14-09-2007 (04-08 Âm) ở nghĩa trang TP. BMT.

- Bà Bằng là 1 phụ nữ đảm đang, tảo tần với tháng ngày, cùng chồng nuôi con cho ăn học.

**\* Những người con và cháu của ông Nguyễn Phú:**

1. Nguyễn Thị Mỹ Dung, SN 1965 ở BMT, TNPT, có chồng là Trần Minh Diệu, SN 1959 ở Hoài Nhơn, Hoài Hương, Bình Định, TNPT, sinh:

- Trần Minh Nhật, SN 1987 ở BMT, đang học ĐH Công Nghệ, khoa xây dựng.

- Trần Nguyễn Hồng Anh, SN 1993 ở BMT, bị bệnh u não chết năm 1996, mộ nằm cạnh mộ ông bà cố.

Gia đình Mỹ Dung ở 103 Nguyễn Công Trứ, BMT, ĐT: (050)854742, làm nghề mua bán.

2. **Nguyễn Quốc Tuấn**, SN 1968 ở BMT, bị bệnh chết năm 1971, mộ nằm cạnh mộ ông bà nội ở BMT.

3. **Nguyễn Quốc Khánh**, SN 1970 ở BMT, TNPT, có vợ là Huỳnh Thị Bích Hương, SN 1971 ở Huế, TNPT, sinh:

- Nguyễn Hoàng Hải Nhi, SN 1999 ở BMT.

Gia đình ở P. Tân Tiến, TP.BMT, làm nghề mua bán.

4. **Nguyễn Quốc Tài**, SN 1973 ở BMT, lớp 9, có vợ là Đỗ Thị Cao Nguyên, SN 1980 cùng quê, giáo viên âm nhạc, sinh:

- Nguyễn Đỗ Quốc Huy, SN 2005 ở BMT.

Gia đình ở thôn 1, xã Cư Eabua, TP.BMT.

5. **Nguyễn Thị Mỹ Danh**, SN 1975 ở BMT, lớp 9, có chồng là Nguyễn Trung Chánh, SN 1970 ở Long An, TNPT, sinh:

- Nguyễn Tuấn Anh, SN 2004 ở BMT.

Gia đình ở Bình Tân, TP.HCM, ĐT: 0986.533470, làm nghề tài xế và kiểm hàng cho Cty may mặc ở TP.HCM.

© **Bà Nguyễn Thị Yên**: SN Bính Tuất 1946 ở Thạch Trụ, Mộ Đức, là cháu nội quan Đô Thống nhị độ tiền quân vào thời gần cuối triều Nguyễn, có chồng là Dương Ngọc Nho, SN Bính Tí 1936 ở Hàm Thuận, sinh:

- 1- Dương Thị Thanh Nga
- 2- Dương Thị Ngọc Sương
- 3- Dương Ngọc Lâm
- 4- Dương Thị Thanh Nhàn
- 5- Dương Thị Thu Ngân

- Bà Yên trước năm 1960, cha mẹ và các anh chị em rời quê Thạch Trụ vô BMT làm ăn sinh sống. Bà chưa đi theo ngay, còn ở lại với bà ngoại và dì ruột ở An Thạch, là quê ngoại của mình. Năm sau bà và bà ngoại rời quê ngoại ra đi, vô BMT với



đại gia đình. Lớn lên xây dựng tổ ấm và nuôi con cho ăn học. Rồi từ đấy, vì hoàn cảnh nên chưa thể về thăm lại quê ngoại, nhưng vẫn luôn nhớ, nhớ nơi có dòng sông êm đềm, có con đò đưa khách sang ngang, có lũy tre xanh buông mảnh vào mỗi trưa hè nắng đổ, nơi mà tuổi thơ đã từng chạy nhảy tung tăng trên những con đường đầy cát trắng...

- Ông Nho gần 1/3 cuộc đời, dâng mình cho nước non. Sau hòa bình trở về với nguyên vẹn hình hài của ngày ra đi. Hiện tại 2 ông bà (Yên, Nho) đang ở 98 Nguyễn Đức Cảnh, BMT, ĐT: (050)851694, dưỡng già.

**\* Những người con và cháu của bà Nguyễn Thị Yên:**

1. **Dương Thị Thanh Nga**, SN 1965 ở BMT, TNPT, có chồng là Trần Văn Bích, SN 1956 ở Sơn Tịnh, ĐH, sinh:

- Trần Đông Phương (Ni), SN 1986 ở BMT, đang học ĐHKT.
- Trần Ngọc Thạch, SN 1993 ở BMT, đang học PT.

Gia Đình Thanh Nga ở 250 đường Y Jut, P.Thắng Lợi, TP.BMT, ĐT: (050)853855. Nga làm cho Cty tư nhân hàng nông sản xuất khẩu ở BMT; Bích là GD Cty vệ sinh môi trường của tỉnh Daklak.

2. **Dương Thị Ngọc Sương**, SN 1968 ở BMT, TNPT, có chồng là Phạm Vũ Thái Sơn, SN 1967 cùng quê, TNPT, sinh:

• Phạm Dương Ngọc Mai, SN 1992 ở BMT, bệnh chết năm 2000, hoả thiêu cốt tro để ở chùa.

- Phạm Mỹ Linh (Muội), SN 1995 ở BMT, đang đi học.
- Phạm Vũ Tuấn (Bo), SN 1998 ở BMT, đang đi học.

Gia đình Ngọc Sương ở 62 Phan Bội Châu, BMT, ĐT: (050) 854045, làm nghề mua bán, chuẩn bị xuất cảnh qua Mỹ

3. **Dương Ngọc Lâm**, SN 1972 ở BMT, TNPT, có vợ là Nguyễn Thị Châu Thuận, SN 1974 cùng quê, TNPT, sinh:

- Dương Nguyên Phương Trinh, SN 1999 ở BMT.

- Dương Thành Đạt, SN 2006 ở BMT.

Gia đình ở 41 đường Y Jut, BMT, ĐT: (050)859698, kinh doanh vàng bạc đá quý, dịch vụ cầm đồ và quản lý Cty TNHH SX phụ tùng xe máy Phương Trinh ở TP.BMT.

4. **Dương Thị Thanh Nhân**, SN 1976 ở BMT, ĐH Ngoại Ngữ, có chồng là Đoàn Quốc Toàn, SN 1977 ở Ninh Bình, TNPT, sinh:

- Đoàn Đình Dũng, SN 2005 ở BMT

Gia đình ở đường Lê Thị Riêng, phường E Tam, BMT, ĐT: (050)841161. Toàn công tác ở công an BMT; Nhân làm kế toán cho Cty Đông Phương ở BMT.

5. **Dương Thị Thu Ngân**, SN 1984 ở BMT, TC Kế Toán, có chồng là Nguyễn Trần Hoàng Phương, SN 1980 cùng quê, ĐHBK, chưa có con.

Gia đình ở chung với cha mẹ ở 98 Nguyễn Đức Cảnh, BMT, ĐT:(050)460688, k.doanh ẩm thực và GD Cty xây dựng ở BMT.

- Em về, anh mượn khăn tay
- Gối câu tình nghĩa, lâu ngày sợ quên

Ca dao

⑦ **Bà Nguyễn Thị Nhỏ (Nho)**: SN Mậu Tí 1948 ở Thạch Trụ, Mộ Đức (giấy tờ sinh năm 1950), là cháu nội quan Đô Thống nhị độ tiền quân vào thời cuối triều đại nhà Nguyễn, tốt nghiệp TCSP, giáo viên, có chồng là Nguyễn Dũng, SN Canh Thìn 1940 ở Đơn Dương, TNPT, sinh:

- 1- Nguyễn Dung Thủy Tiên
- 2- Nguyễn Dũng Nguyên
- 3- Nguyễn Ngọc Thuyên
- 4- Nguyễn Ngọc Quang
- 5- Nguyễn Quang Vinh
- 6- Nguyễn Dung Nguyệt Tiên



- Bà Nho trước năm 1960, theo cha mẹ và anh chị rời quê Thạch Trụ vô BMT ở đường Nguyễn Du, hòa nhịp cuộc sống nơi quê người, có thể là quê mình ngày mai. Rồi 10 năm sau, bỏ lại tuổi gấm hoa, già từ tuổi ngọc ngà, lên xe bông về làm dâu nhà mới, thay đổi cuộc đời, ôm cả niềm vui với những đứa con lững chững bước đi, bập bẹ gọi má gọi ba, gọi quê hương mình sinh ra nơi núi rừng Buôn Ma thơ mộng...Rồi cảnh đời nghiệt ngã, tình người cũng nghiệt ngã theo, bọt bèo bọt bèo, leo beo dòng đời đi vào quên lãng, ngày tháng bây giờ ước mơ cháu con thành danh, thành đạt. Hiện bà đang sống với con cháu ở 59/1/14 đường Hùng Vương, BMT, ĐT: (050)854386, nghỉ hưu nghề giáo viên.

- Ông Dũng những năm dài nơi núi rừng Tây Nguyên, cũng muốn thay đổi khí hậu và vùng đất sống, nên đã theo vợ lẽ về ở Sài Gòn từ ngày ấy...

**\* Những người con và cháu của bà Nhỏ (Nho):**

1. **Nguyễn Dung Thuỷ Tiên**, SN 1968 ở BMT, TNPT, có chồng là Tạ Quang Lấn, SN 1961 cùng quê, TNPT, sinh:

- Tạ Nguyễn Bảo Trân, SN 1994 ở BMT, đang đi học.
- Tạ Quang Tuấn, SN 1997 ở BMT, đang đi học.

Gia đình Thuỷ Tiên 59/1 Hùng Vương, BMT. Tiên làm ở chi cục dự trữ Tây Nguyên ở BMT; Lấn làm kinh doanh hàng nông sản cũng ở BMT. ĐT: (050)810244.

2. **Nguyễn Dũng Nguyên**, SN 1969 ở BMT, TNPT, có vợ là Lê Thị Diệu, SN 1970 cùng quê, cử nhân luật, sinh:

- Nguyễn Lê Nguyên Bảo, SN 1995, ở BMT, đang đi học.
- Nguyễn Lê Bảo Châu, SN 2005 ở BMT.

Gia đình ở 68 Lê Đại Hành, BMT, ĐT: (050)860118. Nguyên làm nghề kinh doanh mua bán; Diệu đang là phát thanh viên của đài truyền hình Daklak.



3. **Nguyễn Ngọc Thuyên**, SN 1971 ở BMT, lớp 12, có vợ là Nguyễn Thị Tuyết An, đồng tuổi, cùng quê, TNPT, sinh:

- Nguyễn Thu Uyên, SN 1998 ở BMT, đang đi học.
- Nguyễn Quốc Toàn, SN 2004 ở BMT.

Gia đình ở 27 lô E, Ngô Quyền, BMT, ĐT: (050)955416.

4. **Nguyễn Ngọc Quang**, SN 1973 ở BMT, TNPT, có vợ là Nguyễn Thị Hoàng Yến, SN 1974 ở Dakmil, TNPT, sinh:

- Nguyễn Quang Bảo, SN 1996 ở BMT, đang đi học.
- Nguyễn Thị Bảo Hân, SN 2006 ở BMT.

Gia đình ở 59/1/12 Hùng Vương, BMT, ĐT: (050)818292.

Quang làm ở ngân hàng ở BMT; Yến đang tìm việc.

5. **Nguyễn Quang Vinh**, SN 1974 ở BMT, TNPT, có vợ là Nguyễn Thị Như Hằng, SN 1981 ở Ninh Bình, TNPT, sinh:

- Nguyễn Dung Bảo Ngọc, SN 2000 ở BMT.
- Nguyễn Gia Bảo, SN 2003 ở BMT.

Gia đình ở thôn 1, xã Cư e bua, BMT, mua bán.

6. **Nguyễn Dung Nguyệt Tiên**, SN 1976 ở BMT, TNPT, có chồng là Trần Thế Hải, SN 1977 cùng quê, TNPT, sinh:

- Trần Nguyễn Anh Thi, SN 2001 ở BMT.

- Hải bị bệnh nhồi máu cơ tim chết ngày 09-04 Âm 2004. Mộ ở nghĩa trang TP.BMT.

- Tiên và con đang ở chung với mẹ ở số 59/1/14 Hùng Vương, BMT, ĐT: (050)854386, thuê mặt bằng mở shop bán quần áo.

• Nơi đâu cũng gọi quê hương

• Nhưng quê hương gốc vẫn thường là quê...

*Ca dao mới*

**Đời V: Ông Trần Minh Tri:** SN Nhâm Thân 1932 ở An Thạch. Năm lên mười tuổi cha mất, mẹ có chồng khác, ông nhờ người cậu là ông Giáo Lược dạy cho học và theo học đến



lớp đệ tứ niên của bậc trung học thời Việt Minh (còn gọi là cao đẳng tiểu học). Lớn lên ông đi bộ đội và năm 1954 tập kết ra Bắc. Ở Bắc ông tiếp tục học lên, kể đến qua Liên Xô vào ĐH, tốt nghiệp ĐHKT lý luận và thực tiễn, đã có 1 thời gian tham gia giảng dạy cho trường lý luận chuyên ngành của trung ương và làm công tác tổ chức ở Hà Nội.

Vì mãi lo học tập và phục vụ đất nước, nên nhiều năm sau ông mới lập gia đình với bà Tạ Thị Tuân, SN Kỷ Sửu 1949 ở Hưng Yên, TNĐHTH khoa Văn và ĐH luật ở Hà Nội, sinh:

- 1- Trần Minh Đức
- 2- Trần Thị Mỹ Hạnh



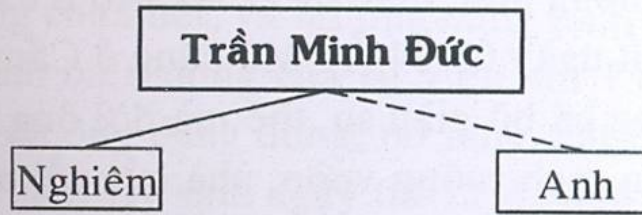
- Ông là người có tấm lòng sâu đậm với dòng tộc; có suy nghĩ vững chắc về sự trường tồn của một dòng họ; có ý hướng về sự gìn giữ và phát triển sự nghiệp nghìn thu của Tổ Tiên từ những năm đầu phục hồi ngày giỗ Tổ ở Sài Gòn...

Sau năm 1975, ông chuyển gia đình vô lại Nam, ở Phan Thiết tiếp tục làm công tác tổ chức chính quyền tỉnh Thuận Hải (Ninh Thuận và Bình Thuận) gần 20 năm thì về hưu. Sau khi về hưu, ông chuyển tiếp gia đình vô TP.HCM, hiện ở số 107/D20 Lê Văn Thọ, Gò Vấp, ĐT: (08)9968669.

---

**Đời VI:** ① **Trần Minh Đức:** SN Nhâm Tí 1972 ở Hà Nội, ĐHQTKD, có vợ là Nguyễn Thị Nhung, SN Mậu Ngọ 1978 ở Hải Phòng, sinh 2 con đời VII là:

- 1- Trần Minh Quốc Nghiêm, SN 2001 ở BV Từ Dũ.
- 2- Trần Thị Mỹ Anh, SN 2006 ở BV Từ Dũ.



- Ông Đức đang làm ở tổng Cty hàng hải, nơi phòng kinh doanh. Gia đình ở chung với cha mẹ ở Gò Vấp.

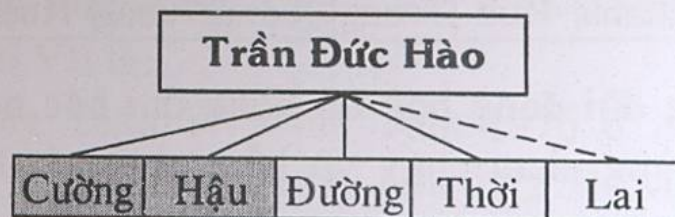
② **Trần Thị Mỹ Hạnh:** SN Bính Thìn 1976 ở Hà Nội, CNKT và CN luật, đang làm ở tổng Cty hàng hải, nơi phòng tài vụ, đang sống với cha mẹ ở Gò Vấp.

- Người ta nghiêng mình trước cái tài, nhưng bái phục trước cái đức.

Khổng tử

**Đời IV: Ông Trần Đức Hào:** sinh khoảng từ năm 1885 → 1888 ở An Thạch. Sau khi lớn lên, ông theo người anh vô Nam buôn bán kiếm tiền mang về quê, nhờ ông Huyện Mậu dùng áp lực chuộc lại ruộng, nhưng chỉ chuộc được có 30 công cấy (1,5 ha, chút xíu trong số to bành mà người cha đã bán đi) ở cánh đồng trước miếu, cây cấy làm ăn và để lại cho con cháu sau này. Ông có vợ họ Huỳnh, không biết tên ở cùng làng, sinh những người con đời V là:

- 1- Trần Cường (thứ 2)
- 2- Trần Hậu (thứ 4)
- 3- Trần Đường (Quang Bộ, thứ 6)
- 4- Trần Thời (thứ 8)
- 5- Trần Thị Lai (thứ 10)





- Ông bệnh gì không biết, mất 28-12 Âl. Mộ ở Cấm Trước.
- Bà già yếu mất ngày 05-04 Âl. Mộ cũng ở Cấm Trước.
- Ông là con ông bá hộ giàu sụ, thế mà đời ông phải trắng tay! Cha bài bạc bán sạch ruộng vườn, nhà cửa rồi bỏ xứ ra đi; mẹ không có nhà để ở, phải ở trong cái chái và nằm dưới đất. Ôi! Ăn chơi như ông bá hộ Sáu là cùng cực rồi!

• Đức là ngọn đuốc soi đường cho tài

Khổng Tử

**Đời V:** ① Ông Trần Cường: SN không rõ, không biết bệnh gì, mất lúc nhỏ.

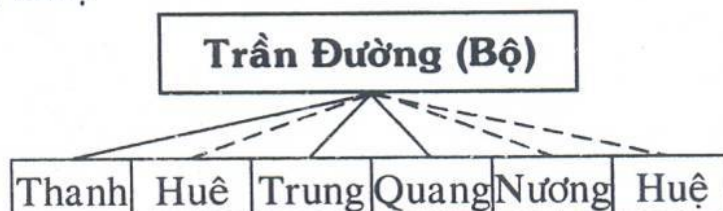
② Ông Trần Hậu: hoàn cảnh của ông giống như người anh.

③ Ông Trần Đường (Quang Bộ): SN Nhâm Tuất 1922 ở An Thạch, có vợ là Nguyễn Thị Tâm, SN Nhâm Thân 1932 ở Hội An, sinh hạ đời VI là:

- 1- Trần Quang Thanh
- 2- Trần Thị Huệ (Kim Huệ)

Năm 1957, ông vô Nam đến Mỏ Cày hoạt động c/m, có thêm người vợ nữa là Huỳnh Thị Mến, SN Bính Dần 1926 ở Mỏ Cày, đã có chồng có 2 con, chồng chết, sinh tiếp:

- 1- Trần Văn Trung
- 2- Trần Văn Quang
- 3- Trần Thị Nương
- 4- Trần Thị Huệ



- Ông và đồng đội đang họp thì nghe đại bác nổ và nổ càng gần, bỏ họp cùng nhau chạy vô hầm tản xạ. Nhưng vì quá

đông, hầm không chứa hết, vả lại ông cũng phải đứng ngoài để quan sát tình hình biến động của sự việc, thì 1 quả canh nông rớt ngay bên cạnh ông đang đứng, nổ tung, cát bụi mịt mùng... Ông không còn nữa! Hy sinh ngày 08-12 Âm đầu năm 1968, mộ ở nghĩa trang liệt sĩ Mỏ Cày.

- Bà Tâm những năm lữ đạ, bám trụ, một mình nuôi dưỡng hai người con lúc còn thơ ấu và đùm bọc che ba người cháu khi còn nhỏ đại gọi bằng bác dâ, bởi cha đi tập kết, mẹ vì hoàn cảnh đi lấy chồng khác có nhiều con. Bà là phụ nữ hiền thực, chính chuyên, giỏi giang, đảm đàng, bất khuất; là chiến sĩ xông pha trong lửa đạ, chống ngoại xâm; là người mẹ làm thành trì, bảo vệ cho những người con, dắt dìu những người cháu lớn lên trong thời chinh chiến. Hòa bình đã trên 30 năm, nhưng những trận bom rơi, những hồi đạ pháo khủng khiếp tháng năm nào vẫn còn hằn sâu trong tâm trí, mà giờ đây ngồi nghĩ lại, bà thấy sao ngày đó mình can đảm và liều lĩnh quá đi thôi! Được gì, mất gì? Hiện tại bà đang sống với gia đình người con trai duy nhất, có đủ cháu nội và cháu cố – tứ đại đồng đườg - nơi quê An Thạch, trông coi, phụ giúp một ít việc nhà cho con cháu với sức khỏe còn cho phép. Bà thấy hạnh phúc rất nhiều trước sự trưởng thành, cũng như sự hiếu đễ của cháu con, nhưng cũng nghĩ ngợi mông mênh không ít trước sự đời và nhân tình thế thái.

- Bà Mến ở Mỏ Cày, bệnh mất ngày 09-09 Âm 1997, an táng nơi đất vườn ấp Mỹ Đức, Hương Mỹ.

---

**Đời VI:** ① Ông Trần Quang Thanh: SN Giáp Ngọ 1954 ở An Thạch, có vợ là Phùng Thị Danh, SN Bính Thân 1956 ở Đức Lân, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Quang Thái, SN Bính Thìn 1976 ở An Thạch, tốt nghiệp ĐHMT, đang làm nghề hội họa ở TP.HCM.



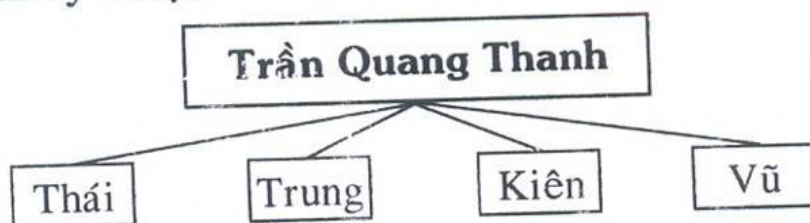
2- Trần Quang Trung, SN Kỷ Mùi 1979 ở An Thạch, TNPT, có vợ là Bùi Thị Trai (Diễm), SN 10-08-1982 ở Hội An, TN cấp 2, sinh:

- Trần Thị Diễm Quỳnh, SN 06-07-2004 ở BV Đức Phổ.
- Trần Quang Lưu, SN 08-01 Âl 2006 ở BV Đức Phổ.

Gia đình đang ở quê An Thạch làm nông và làm nghề XD.

3- Trần Văn Kiên, SN Tân Dậu 1981 ở An Thạch, tốt nghiệp hàng hải, có vợ là Phạm Thị Thu Hà, SN Quý Hợi 1983 cùng quê, cao đẳng tin học.

4- Trần Quang Vũ, SN Giáp Tí 1984 ở An Thạch, đang học ĐH sư phạm kỹ thuật.



- Gia đình ông Thanh - tứ đại đồng đường - sống ở quê An Thạch, ĐT: (055)984175, làm đủ nghề. Ông là người hiểu biết và thực hiện việc hiểu biết của mình về sự tôn kính tổ tiên; biết gìn giữ và phát triển cơ nghiệp cha ông; luôn khuyên bảo con cháu thấm nhuần việc này. Ông có người vợ đảm đang, luôn sát cánh kề vai bên ông, quán xuyến việc nhà trong ngoài, nuôi con cho ăn học thành danh và biết lo nghĩ cho họ tộc bên chồng.

② Bà Trần Thị Huê: SN Mậu Tuất 1958 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Thế Kỷ, SN Tân Mão 1951 ở Hoài Hương, Bình Định, không có con. Gia đình ở Quy Nhơn. Ông Kỷ bị tai nạn đụng xe chết ở Quy Nhơn ngày 24-10 Âl 2006.

③ Ông Trần Văn Trung: SN Mậu Tuất 1958 ở Mỏ Cày, có vợ là Nguyễn Thị Nhứt, SN Canh Tí 1960 cùng quê, sinh:



- Trần Thị Tuyết Mai, SN 1980, có chồng có con gái, đang ở quê. Ông Trung không rõ bị bệnh gì mất năm 32 tuổi. Vợ có chồng khác.

④ **Ông Trần Văn Quang:** SN Canh Tí 1960 ở Mỏ Cày, có vợ là Huỳnh Thị Mạnh, SN Đinh Dậu 1957 cùng quê, sinh:

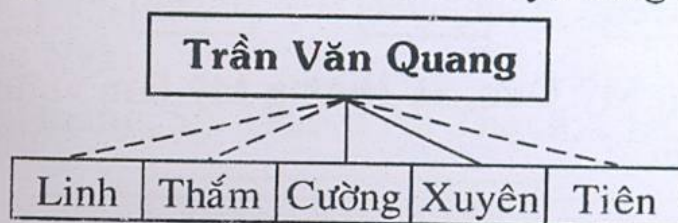
1- Trần Thị Trúc Linh, SN 1981 ở Mỏ Cày, TNPT.

2- Trần Thị Hồng Thắm, SN 1983 ở Mỏ Cày, có chồng là Nguyễn Quốc Lễ, SN 1982 ở Tân Hiệp, TNPT.

3- Trần Văn Cường, SN 1985 ở Mỏ Cày, lớp 4.

4- Trần Văn Xuyên, SN 1988 ở Mỏ Cày, đang đi học.

5- Trần Thị Mỹ Tiên, SN 1994 ở Mỏ Cày, đang đi học.



- Gia đình ở ấp Mỹ Đức, xã Hương Mỹ, Mỏ Cày làm ruộng vườn. Trước nhà là con sông nhỏ có nhiều cá.

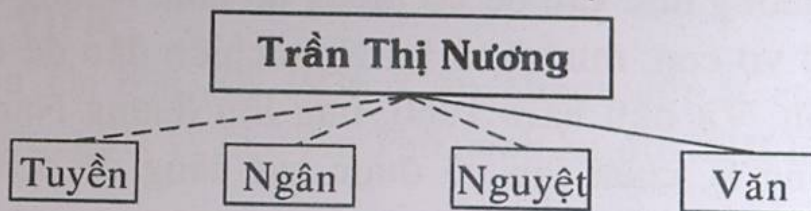
⑤ **Bà Trần Thị Nương:** SN Nhâm Dần 1962 ở Mỏ Cày, có chồng là Nguyễn Văn Lập, SN Mậu Tuất 1958 cùng quê, TCCA, sinh:

1- Nguyễn Thị Mộng Tuyền, SN 1980 ở Mỏ Cày, lớp 9, làm nghề may ở Sài Gòn.

2- Nguyễn Thị Thủy Ngân, SN 1983 ở Mỏ Cày, lớp 8, có chồng là Lê Minh Hoàng, SN 1981 cùng quê, lớp 9, làm nghề sửa điện tử.

3- Nguyễn Thị Nguyệt, SN 1988 ở Mỏ Cày, lớp 9.

4- Nguyễn Hiếu Văn, SN 1999 ở Mỏ Cày.





- Gia đình ở xã Hương Mỹ làm vườn, chăn nuôi và mua bán gia súc. Nhà bên mặt đường đất lớn, gần đường đá ra đường nhựa.

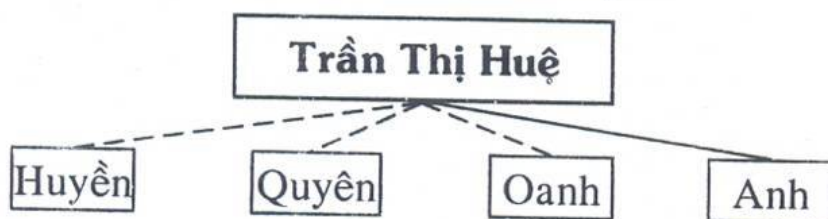
© Bà Trần Thị Huệ: SN Ất Tị 1965 ở Mỏ Cày, có chồng là Nguyễn Văn Liêm, đồng tuổi, cùng quê, lớp 7 sinh:

1- Nguyễn Thị Bích Huyền, SN 1983 ở Mỏ Cày, lớp 6.

2- Nguyễn Thị Tố Quyên, SN 1986 ở Mỏ Cày, đang đi học.

3- Nguyễn Thị Kiều Oanh, SN 1988 ở Mỏ Cày, lớp 8.

4- Nguyễn Tuấn Anh, SN 1994 ở Mỏ Cày.



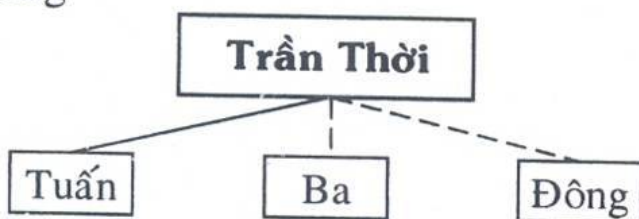
- Gia đình ở ấp Mỹ Đức, xã Hương Mỹ làm vườn và chăn nuôi gia súc gia cầm.

**Đời V: Ông Trần Thời:** SN Bính Dần 1926 ở An Thạch, đi bộ đội Việt Minh, nghỉ mất sức trước 1954, có vợ là Nguyễn Thị Nở, SN Tân Mùi 1931 cùng quê, sinh hạ đời VI là:

1- Trần Quốc Tuấn

2- Trần Thị Ba

3- Trần Thị Đông



- Ông Thời năm 1954 tập kết ra Bắc, năm 1959 có đến chỗ ông Trần Minh Tri ở thăm chơi. Ông Tri có khuyên ông là nên theo đuổi con đường học vấn để có tương lai hơn. Nhưng ông bảo là vì quá nhớ vợ con, muốn trở lại Nam chiến đấu để có thể gặp lại gia đình. Và đầu năm 1960, ông lên đường Nam tiến vào chiến trường B, chưa tìm về được quê làng để đoàn tụ ngày

nào với nhi thê, thì tử trận. Mộ nơi rừng sâu biết đâu mà tìm!  
- Bà Nở sau 5 năm có chồng khác, quê xóm Mít, có nhiều con.

**Đời VI:** ① Ông Trần Quốc Tuấn: SN Tân Mão 1951 ở An Thạch, có vợ là Lê Thị Hoàn, SN Mậu Tuất 1958 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Quốc Phong, SN 1977 ở An Thạch, TNĐH Nông Lâm, có vợ là Nguyễn Thị Tường, SN 1980 ở Phan Thiết, sinh:

• Trần Quốc Phương, SN 16-11 Âm 2005 ở Phan Thiết.

Gia đình ở Phan Thiết làm cho Cty mía đường và may máy.

2- Trần Quốc Huy, SN 1979 ở An Thạch, ĐHCA, đang công tác ở TP. Quảng Ngãi.

3- Trần Quốc Hoàng, SN 1986 ở An Thạch, CĐQTKD.



- Ông Tuấn lên năm ba tuổi, cha đi tập kết ra Bắc; năm năm sau mẹ có chồng khác. Ông cùng hai người em gái nương tựa vào gia đình bác dậu. Bác dậu nuôi dưỡng, cho học chữ, lớn lên cho học nghề và sau hòa bình xây dựng gia đình.

- Gia đình ở quê An Thạch làm ruộng vườn và làm nghề xây dựng nuôi con cho ăn học. Những người con của ông học giỏi và biết phụ giúp việc nhà cho cha mẹ ngoài giờ đến trường.

② Bà Trần Thị Ba: SN 1953 (cuối năm Nhâm Thìn), ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Tề, SN Tân Mão 1951 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

1- Nguyễn Thị Nhị, SN 1976 ở An Thạch, lớp 9, có chồng là Nguyễn Lượng, SN 1975 ở An Thổ, sinh hạ đời VIII là:



• Nguyễn Quân, SN 1998 ở An Thạch.

• Nguyễn Nhân, SN 2001 ở An Thạch.

2- Nguyễn Thị Sỹ, SN 1978 ở An Thạch, TN cấp 2, có chồng là Nguyễn Kim Bình, đồng tuổi, quê ở Yên Hùng, Yên Định, Thanh Hóa, TN cấp 2, sinh:

• Nguyễn Thị Nhật Lan, SN 2001.

3- Nguyễn Minh, SN 1980, chết lúc 2 tuổi.

4- Nguyễn Văn Kiêm, SN 1982 ở An Thạch, TN cấp 2, lớp 10, đang làm nghề sắt ở Dĩ An, Biên Hòa.

5- Nguyễn Thị Bích Nguyệt, SN 1984 ở An Thạch, bị bệnh chết lúc 4 tuổi. Mộ ở đất vườn.

6- Nguyễn Văn Nga, SN 1987 ở An Thạch, đang học năm thứ 2 ĐH sư phạm kỹ thuật ở Thủ Đức.



- Bà ba năm chưa đầy 2 tuổi, cha đi tập kết ra Bắc; năm năm sau, mẹ có chồng khác. Bà cùng anh trai và em gái ngơ ngác trước cảnh đời, bơ vơ với tuổi thơ chưa lên mười, nương tựa vào gia đình bác dậu, lớn lên với tháng ngày lửa đạn mịt mờ nơi quê làng. Ôi! Bà có người chồng tốt, dẫu là thương binh, nhưng nắng sương không mỗi, sớm hôm lam lũ với ruộng đồng, mang ấm no cho gia đình. Nhà bà đang ở quê An Thạch làm ruộng, chăn nuôi gia súc gia cầm và trồng rau xanh.

③ **Bà Trần Thị Đông:** SN Giáp Ngọ 1954 ở An Thạch, có chồng tên Huệ, quê Sài Gòn, gốc Phổ Quang, lập nghiệp ở Sađéc, sinh 2 trai 1 gái. Gia đình ở gần cầu Nha Môn, Sađéc (chưa tìm ra nhà). Bà Đông tuổi thơ nhỏ nhất, nào đã biết gì cảnh ngộ ngày mai! Cha đi rồi mẹ lại đi...!

**Đời V: Bà Trần Thị Lai:** SN Kỷ Tị 1929 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Lập, đồng tuổi, cùng quê, sinh hạ đời VI là:

1- Nguyễn Trung Thành 350

Trần Thị Lai

Trung Thành

- Bà Lai, năm 1954 chồng đi tập kết ra Bắc, ở lại nuôi con, chờ 2 năm đoàn tụ. Hai năm đã hết rồi, ngày đoàn tụ đâu không thấy, chỉ thấy lửa khói lại bùng lên mỗi lúc thêm khốc liệt nơi làng quê! Ngày 09-05 Âm 1967, bà đang cấy lúa ở cạnh bìa làng, thấy trực thăng từ đâu bay đến, sợ chạy tìm chỗ ẩn núp. Trực thăng nghi không phải dân thường, đã bắn bà chết cách chỗ làm không xa! Người con lúc bây giờ mới 14 tuổi, mồ côi mẹ, mịt mờ tin cha, tháng ngày trôi qua... Mộ bà ở Cấm Trước trong đất canh tác người ta, có mộ chí.

- Ông Lập ở Bắc có vợ khác, sau năm 1975, dắt vợ con vô lại Nam, về ở thôn Vĩnh Bình, xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, làm ăn sinh sống.

---

**Đời VI: Ông Nguyễn Trung Thành:** SN Quý Tị 1953 ở An Thạch, có vợ là Đặng Thị Trâm Yến, đồng tuổi, quê Hải Tân, Phổ Quang, sinh hạ đời VII là:

1- Nguyễn Thị Kim Oanh, SN 22-01-1979 ở BV Đức Phổ, TNPT, đang đi làm ở Sài Gòn.

2- Nguyễn Thị Kim Liên, SN 16-05-1982 ở BV Đức Phổ, CNKT, đang đi làm ở Sài Gòn.

3- Nguyễn Trung Tâm, SN 10-05-1988 ở BV Đức Phổ, đang học ĐH Nông Lâm.

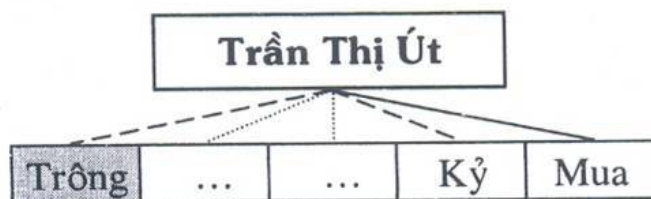
4- Nguyễn Trung Tín, SN 24-12-1991 ở BV Đức Phổ, đang học phổ thông.



- Ông Thành sau khi mẹ mất, về nương tựa với thiếm dâu là bà Vị (ông Vị cũng đi tập kết) cho đến năm 1970, thì được bà nội dì (em bà nội) là bà Tựu ở Nha Trang, dẫn vô ở với bà làm nghề biển. Nhưng vì bị say sóng nên ông chỉ làm được có mấy tháng thì phải nghỉ. Bà nội dì lại dẫn ông vô Sài Gòn tá túc nhà cô Thừa, đi làm hồ cho đến năm 1975. Hòa bình, ông lại về sống với thiếm dâu ở quê như cũ cho đến năm 1976, mừng vui đoàn tụ gia đình sau khi cha ở ngoài Bắc vô cho đến năm 1978, thì có vợ và năm 1979 ra ở riêng với sự tự lực của bản thân. Gió cuốn mây bay, thời gian theo tháng ngày cho đến nay, gia đình ông hiện ở thôn Vĩnh Bình, xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ làm ruộng và đi buôn hàng chuyển, nuôi con ăn học.

**Đời IV: Bà Trần Thị Út:** SN Canh Dần 1890 ở An Thạch, có chồng là Huỳnh Xê, SN Mậu Tý 1888 ở Tập Yên, Đông Quang, sinh hạ đời V là:

- 1- Huỳnh Thị Trông
- 4- Huỳnh Thị Kỹ
- 5- Huỳnh Mua



- Bà mất...
- Ông mất...

**Đời V: ① Huỳnh Thị Trông:** SN Giáp Dần 1914 ở Phổ Văn, bệnh gì không rõ, chết lúc nhỏ, có mộ ở quê.

④ **Bà Huỳnh Thị Kỹ:** SN Nhâm Tuất 1922 ở Phổ Văn, có chồng là Nguyễn Phần, SN Canh Thân 1920 cùng quê, sinh hạ đời VI là:

1- Nguyễn Thị Nga, có chồng có con ở Phú Thọ Hòa. Không rõ năm nào, bà Nga với người khác qua Mỹ định cư. Chồng vẫn ở vậy nuôi con.

2- Nguyễn Thị Đức, bị bệnh thần kinh, đã chết.

- Bà Kỳ bị bệnh đau gan, mất năm 1966, an táng ở đất vườn.

- Ông Phần có vợ khác ở An Thổ.

⑤ Ông Huỳnh Mua: SN Bính Dần 1926 ở Phổ Văn, có vợ là Trần Thị Cây, SN Tân Mùi 1931 cùng quê, sinh hạ đời VI là:

1- Huỳnh Thị Lê, chết nhỏ.

2- Huỳnh Thị Lựu, chết nhỏ.

4- Huỳnh Thị Mực (Tri), SN Giáp Ngọ 1954 ở Phổ Văn, có chồng là Nguyễn Văn Thảo, SN Quý Tị 1953 cùng quê, sinh 3 trai và 2 gái. Gia đình ở quê Tập Bắc làm nông, buôn bán và làm nghề mộc.

5- Huỳnh Thân, SN Bính Thân 1956 ở Phổ Văn, có vợ là Nguyễn Thị Nương, cùng quê, sinh 1 trai và 1 gái. Gia đình ở Phương Lâm trồng cà phê và trồng tiêu.

6- Huỳnh Thị Ái, SN Kỷ Hợi 1959 ở Phổ Văn, có chồng là Nguyễn Nhất, SN Đinh Dậu 1957, sinh 2 trai và 2 gái. Gia đình ở Hóc Môn.

7- Huỳnh Hữu, SN Tân Sửu 1961 ở Phổ Văn, có vợ là Bùi Thị Bông, SN Đinh Mùi 1967, sinh 3 trai. Gia đình ở Pleiku trồng cà phê và đi buôn chuyến.

8- Huỳnh Ý (Cố), SN Ất Tị 1965 ở Phổ Văn, có vợ là Nguyễn Thị Dung, SN Giáp Thìn 1964 ở Mộ Đức, sinh 1 trai và 3 gái. Gia đình ở quê Trà Câu, làm nông và chạy xe.

Vợ mất sau 4 năm, ông Mua tục huyền với bà Nguyễn Thị Bốn (Liên), SN Nhâm Thân 1932 ở Phan Thiết, Phổ Quang, sinh hạ tiếp đời VI là:

1- Huỳnh Văn Hải, SN Tân Hợi 1971 ở Sài Gòn, bệnh chết lúc nhỏ.



2- Huỳnh Thị Thu Phương, SN Nhâm Tí 1972 ở Sài Gòn, TNPT, có chồng là Nguyễn Ruộng, SN Giáp Thìn 1964 ở núi Chưm Rông, Phổ Phong, sinh 1 gái SN 1995 và 1 trai SN 1997 ở Phổ Văn. Ông Ruộng đặt motor để bơm nước, chẳng may bị điện giật chết vào lúc chiều tối ngày 29-04 Âm 1996. Thu Phương và 2 con sống chung với cha mẹ ở Trà Câu, làm nông và mua bán hàng hóa theo mùa.

3- Huỳnh Thị Thu Ánh, SN Giáp Dần 1974 ở Sài Gòn, lớp 9, có chồng là Bùi Hải, SN Nhâm Tí 1972 cùng quê, sinh 1 gái. Gia đình ở Phú Nhuận làm nghề tráng bánh tráng và chạy xe.

- Ông Mua mất lúc 5h ngày 10-11 Âm 2005 (không bệnh gì, ngồi chơi ăn uống nói chuyện với con cháu chiều 09-11 Âm bình thường, gần sáng hôm sau thì mất).

- Bà Cây (vợ trước), bị lạc đạn chết ngày 23-10 Âm 1965, an táng, sau cải táng về Gò Đất cứng ở Phổ Văn, đã xây mộ.

- Bà Bốn (Liên) còn khỏe đang sống với con cháu, nhà ở gần chợ Trà Câu.

---

**Đời III:** ① Ông Trần Đức Quang: SN không rõ, bệnh gì không biết, mất lúc nhỏ, mộ ở Cấm Còi nay đã bị ban bằng.

② Bà Trần Thị Quý (Quới): không rõ bà sinh năm nào, sống thác ra sao? Không có tư liệu nào ghi lại cũng như không ai biết một ít gì về hoàn cảnh của bà, ngoài họ tên đã có trong văn thư chia ruộng đất. Ôi!

③ Bà Trần Thị Trúc: hoàn cảnh của bà cũng giống như hoàn cảnh của bà Quý. Ôi!

- Người trồng cây hạnh người chơi
- Ta trồng cây đức cho đời về sau

Ca dao



### **Đời III: Ông Trần Đức Bồi (Bá Hộ Mười).**

*ông nội thu anh  
bà ngoại*

Ông còn có tên là Trần Đức Thuật, chức sắc trong làng là bá hộ, thứ mười, nên người đời thường gọi ông là ông bá hộ Mười. Ông sinh từ năm 1850 → 1855 ở làng An Thạch. Là một người nhân từ đức độ, ngoài việc nuôi con cho ăn học đỗ đạt, ông còn nuôi các cháu khôn lớn, ăn học thành tài. Ông là người độc nhất trong các ông bà còn gìn giữ ruộng đất đầy đủ để làm ăn và chia cho con cháu. Như vậy ông là người giàu nhất còn lại trong các ông bà. Nhưng đến đời cháu nội thì lại nghèo nhất! Ông có 2 đời vợ và có nhiều con, nhưng chỉ ghi lại được những người con đời IV là:

- 1- Trần Mậu (thứ 4, đỗ cử nhân năm 1909 ở Quy Nhơn)
- 2- Trần Từ (thứ 6, chết năm mới ngoài 30 tuổi)
- 3- Trần Thị Kỹ (thứ 7, có chồng quê Phổ Thuận)
- 4- Trần Thị Phượng (thứ 8, giỏi võ nghệ)
- 5- Trần Thị Dân (thứ 10, có chồng quê An Thổ)
- 6- Trần Thị Nữ (thứ 13, có chồng quê An Ninh)
- 7- Trần Thị Ngã (thứ 14, có chồng quê An Hà và An Thạch)



- Ông giàu của và cũng giàu tấm lòng, đã cứu giúp nhiều người thoát khỏi tử thần qua những năm bão lụt ở miền Trung. Miền Trung khi mùa đông đến là thường xảy ra bão lụt, có năm nước lên quá nhanh, nhiều người không chạy tránh kịp, nhất là vào ban đêm đã phải đeo bám trên các nóc nhà kêu trời. Những lần như vậy, ông huy động người nhà chèo ghe đến cứu, di chuyển đến nơi an toàn. Kế đến ông bảo gia nhân nấu cơm rồi vắt lại thành từng nắm hoặc là ém thành từng chén, mang đến cho họ



đỡ dạ lúc đói lòng và cho chăn đắp ấm thân khi rét buốt. Gia đình cha mẹ ông xã nhì Chánh cũng đã có lần được ông cứu nạn, nên trước năm 1960, có một sự việc xảy ra là có 1 người nội tôn bằng hệ của ông, có tranh chấp quyền lợi gì với ông Chánh ở giữa cánh đồng đang mùa thu hoạch. Ông Chánh tức giận cầm cái cù nèo định bổ vào ông này, nhưng lại thôi, mặt hầm hầm nói rằng: "Gia đình cha mẹ tôi mang ơn sâu nặng ông bá hộ Mười, là ông bà của ông đã cứu nạn nên tôi nhìn ông, chứ không phải là sợ ông đâu!".

- *Của tiền để lại cháu con*
- *Không bằng để đức mãi còn ngàn sau*

Nếu ông bá hộ Sáu để đời qua câu chuyện đi thăm ruộng bằng ngựa, thì ông bá hộ Mười để đời qua câu chuyện là xâu tiền loại 12 quan (loại tiền có giá trị to nhất lúc đó) lại thành từng bó và chôn chung quanh bờ 13 công ruộng (tương đương 0.65ha) định mua của ông Sắt ở đồng Mương Gáo, vì số ruộng này nằm trong lòng ruộng của ông.

Ông là người đạo đức, nghĩa nhân tràn đầy, nhưng hành xử thiếu cân nhắc một sự việc, là lấy lại hết đất đai đã chia cho những người con, nhập chung vô chia lại để cho người con thứ tư - sau khi thi đỗ cử nhân - cũng có (vì ông cử nhân đã bán hết ruộng vườn của mình trước kia), gọi là để thưởng công làm rạng rỡ gia đình và dòng tộc. Vô tình ông đã gây nên hậu quả là những người con phá tán tài sản của mình, dẫn đến suy sụp và đời sau phải trắng tay! Ôi!

Khi về già, ông mang nhiều nỗi buồn phiền trong việc tề gia nên quần trí, sanh bệnh qua đời vào ngày 25-08 Âl năm 1912 hoặc 1913, an táng ở Gò Găng. Cháu nội dâu, cháu ngoại trai và các cháu cố đã xây lại mộ cho ông ngày 15-02 Âl nhuận 2004.



- Bà bá hộ trước không biết quý danh, chỉ gọi tên bà theo chức sắc của ông là bà bá hộ Mười mà thôi. Không rõ bà bị bệnh gì, mất sớm, ngày 12-02 Âm sau năm 1900, an táng ở đất mạ Gò Găng. Các cháu nội, ngoại, cố xây mộ cho bà cùng lúc với mộ ông ngày 04-04-2004.

- Bà bá hộ sau lúc ông mất hãy còn quá trẻ, đã có chồng khác làm nghề thầy thuốc, thường gọi là ông Học Soạn ở Tư Nghĩa giáp ranh Nghĩa Hành, có con gái. Sau về già bà bệnh và mất ở nơi đây không biết ngày nào và mộ ở đâu?

- Cử nhân thi đỗ rõ ràng
- Vọng khiêng dù lọng hai hàng vinh quy

*Chuyện ông Trần Mậu thi đỗ cử nhân về làng*

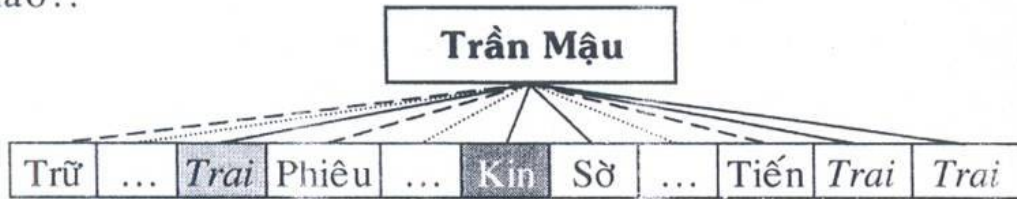
**Đời IV: Ông Trần Mậu:** SN Nhâm Ngọ 1882 ở An Thạch, đỗ cử nhân Hán ngữ năm 1909 ở Quy Nhơn. Ông là người thông minh hơn người, nhưng lại sa vào con đường ăn chơi bài bạc, bán hết ruộng đất! Trắng tay, ông hồi tỉnh cơn mê, ôn luyện kinh sử và thi đỗ cử nhân vinh quy bái tổ. Ông cũng giỏi nghề thuốc như cha và ông nội. Trong đời làm quan, ông giúp cho bà con dòng tộc được nhiều việc, nhưng cũng để lại không ít suy tư trong lòng mọi người. Ông có vợ họ Nguyễn, không biết tên sinh năm 1883 ở Mỹ Trang, sinh hạ đời V là:

- 1- Trần Thị Trữ (Nhu Ý)
- 3- Con trai (cỡi trâu tắm chơi ở ao, bị chết đuối năm hơn 10 t)
- 4- Trần Thị Phiêu
- 6- Trần Kin (Quốc Phiên)
- 7- Trần Sờ (Gia Phương)
- 9- Trần Thị Tiến (Lan)

Ông làm tri huyện nhiều năm ở Hàm Tân, sau chuyển qua huyện Hòa Đa. Nơi đây ông có người vợ Chàm, tài sắc thuộc



dòng quý tộc. Bà người Chăm kính phục ông đã tiểu trừ bọn thổ phỉ, mang an lành cho dân mà các quan đời trước không làm được. Bà sinh cho ông 2 người con trai. Khi lớn lên, một người đi tu (sau năm 1975 có tìm về An Thạch) và một có vợ con, nhưng đến nay chưa tìm gặp, không biết sống thác thế nào?!



- Thời gian ông làm tri huyện ở Hòa Đa, có 1 tù nhân tự tử chết trong ngục. Gia đình người này làm đơn kiện ông về tội bức tử. Cấp tỉnh còn đổ ký ông trong việc xử án chém đầu mấy tên thổ phỉ, không thông qua xin ý kiến nên nhân cơ hội, đã báo cáo lên triều đình đề nghị kỷ luật. Ông bị giáng chức tri huyện, hạ phẩm hàm đưa về Huế làm biên tu ở bộ lại. Ở Huế, thỉnh thoảng ông có gửi tiền và vải lụa về quê cho người thân và bà con họ hàng. Ông vốn thông minh nhưng bướng bỉnh, không từng phục cấp trên nên bị thất sủng về quê. Sau khi về quê, ông có viết hai câu văn treo ở nhà ngõ ra vào dường như rằng:

- Trực đạo vi hành vô hiển hối.
- Hoàn môn chi hạ khả thê trì.

Biết ông có tài nên năm 1930, người Pháp đến thăm và mời ông cộng tác với họ. Ông từ chối. Kế đến có người của Việt Minh đến đề nghị ông tham gia phong trào chống Pháp. Ông có ý định theo Việt Minh, nhưng chưa kịp thực hiện thì ngã bệnh qua đời ngày 16-11 Âm 1930, vừa tròn 48 tuổi tây, an táng ở Gò Găng. Ngày 15-02 Âm nhuận 2004, con dâu và các cháu nội xây lại mộ. Đám tang của ông lúc đó, gia đình xay 200 lon gạo ra thành bột, nấu thành hồ, dán áp-phích treo báo tin.

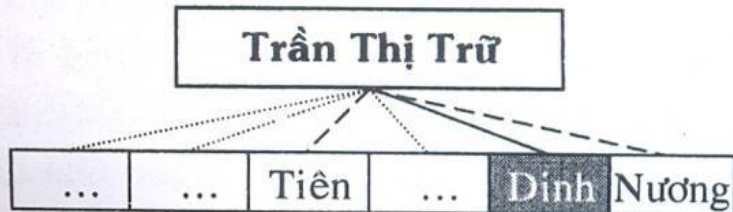
- Bà Huyện mất ngày 22-02 Âm, không biết năm, mộ bà ở đất



mạ Gò Găng đã được xây lại cùng lúc với mộ ông 04-04-2004.  
- Bà người Chăm, sau khi ông đổi ra Huế, thì dẫn con tá túc sau chùa chờ ông. Vì bà có chồng khác tộc nên bị khai trừ ra khỏi dòng. Biển dâu mấy độ, không rõ thân phận của bà ra sao sau này!? Ôi! Người viết có đến huyện Hòa Đa (cũ) hỏi thăm. Vài người lớn tuổi nói là có biết việc này nhờ ông bà nói lại. Nhưng hiện thời không biết gì về hoàn cảnh của bà và 2 người con trai cũng như các cháu v.v...

**Đời V: Bà Trần Thị Trữ (Như Ý):** SN Canh Tí 1900 ở An Thạch, là con gái đầu của quan tri huyện Trần Mậu và là cháu nội của ông bá hộ mười Trần Đức Bồi, năm 15 tuổi có chồng là Bùi Hoàn (quản lý Hoàn), SN Giáp Ngọ 1894 ở Đồng Ngõ, sinh hạ đời VI là:

- 1- Bùi Thị Tiên (Bốn Em, thứ tư)
- 2- Bùi Dinh (thứ 6)
- 3- Bùi Thị Nương (thứ 7)



- Bà già yếu mất vào lúc gà gáy sáng ngày 16-11 Âl (04-01-1969), an táng ở Phú Thọ. Năm 1984 hốt cốt hỏa thiêu, tro để ở chùa Phổ Quang, Phú Nhuận. Tháng 08-2005, con gái là Bùi Thị Nương ở Mỹ về đài thọ chi phí, bảo con gái ở Sài Gòn và nhờ cháu trai ở Quảng Ngãi là ngày 12-12 Âl 2005, khởi động rước cốt tro của bà từ chùa mang về quê an táng lại gần mộ chồng con. Công việc đã hoàn tất.

- Ông Hoàn bệnh gì không rõ mất ngày 20-02 Âl 1958, an táng ở Đồng Ngõ.



**Đời VI: ① Bà Bùi Thị Tiên (Bốn Em):** SN Quý Hợi 1923 ở Đồng Ngõ, là cháu ngoại ông tri huyện Trần Mậu, có chồng là Lê Sỹ Cường, SN Giáp Tí 1924 ở Đồng Cát, đi bộ đội Việt Minh, hy sinh.

Ông Cửu Cự là cha chồng có nhận ông Nguyễn Văn Vũ cũng sinh năm Giáp Tí 1924 ở Đức Tân, đỗ primaire làm con nuôi và xây dựng mối lương duyên cho con dâu với con trai nuôi thế con trai ruột của mình. Ông bà sinh những người con đời VII là:

1- Nguyễn Văn Vinh, SN Mậu Tuất 1958 ở Đức Tân, thạc sỹ TCKT, có vợ là Trương Thị Hồng Khánh, SN Giáp Thìn 1964 ở Thiết Trường, TNĐHSP khoa Anh, sinh 1 gái và 1 trai. Gia đình đang sống ở TP. Quảng Ngãi. Vinh giảng viên các trường ĐH; Khánh giáo viên cấp 3.

2- Nguyễn Thị Tùng Lâm, SN Kỷ Hợi 1959 ở Đức Tân, TNCĐSP khoa Lý, có chồng là Trịnh Hồng Sơn, SN Bính Thân 1956 ở Đức Minh, sinh 1 gái và 1 trai. Gia đình đang ở Đồng Cát. Sơn với quân hàm đại úy, thương binh, Lâm đang là giáo viên cấp 2.

3- Nguyễn Thị Tùng Chi, SN Tân Sửu 1961 ở Đức Tân, TNCĐYT, có chồng là Nguyễn Ngọc Trí, SN Đinh Dậu 1957 ở Đức Lâm, TNĐH báo chí, sinh 1 trai và 1 gái. Gia đình đang ở TP. Quảng Ngãi. Chi làm ở trạm y tế bảo vệ bà mẹ và trẻ em; Trí làm phóng viên báo.

4- Nguyễn Thị Tùng Diệp, SN Nhâm Dần 1962 ở Đức Tân, TNĐHTCKT, có chồng là Phan Đình Độ, SN Giáp Thìn 1964 ở đảo Lý Sơn, TNĐHSP khoa Ngữ Văn, sinh 2 gái. Gia đình đang ở đảo Lý Sơn, công chức nhà nước.

② **Ông Bùi Dinh:** SN Mậu Thìn 1928 ở Đồng Ngõ, năm 16 tuổi gần thi primaire thì bị ngộ độc chết oan uổng vào năm 1944, an táng ở Phước Lộc, Đồng Ngõ.



③ **Bà Bùi Thị Nương:** SN Nhâm Thân 1932 ở Đồng Ngõ, là cháu ngoại ông tri huyện Trần Mậu, TNTHSP trước năm 1960, tú tài trước năm 1975, TNĐHSPTC sau năm 1975, có chồng là Nguyễn Thế Cường, SN Ất Hợi 1935 cùng quê, tú tài trước 1960, ĐHSPT năm IV khoa giáo khoa, sinh:

1- Nguyễn Thị Xuân Lan, SN Nhâm Dần 1962 ở Sài Gòn, TNPT, có chồng là Nguyễn Như Hùng Minh, SN Tân Sửu 1961, TNPT, sinh 2 gái ở Sài Gòn. Gia đình ở số 31 lô K, cư xá Thanh Đa, ĐT: (08)5560014, chờ qua Mỹ định cư.

2- Nguyễn Thế Trường, SN Giáp Thìn 1964 ở Sài Gòn, TNCĐSP, có vợ là Huỳnh Thị Mười, SN Ất Tị 1965, TNPT, có 3 trai (trong đó có 2 trai sinh đôi). Gia đình ở Thanh Đa, chờ qua Mỹ định cư.

3- Nguyễn Thế Đại, SN Bính Ngọ 1966 ở Sài Gòn, KS hóa ở Mỹ, có vợ là Lê Thị Minh Khuê, SN Canh Tuất 1970 cùng quê, có 2 con. Gia đình đang định cư ở Mỹ.

4- Nguyễn Thế Thiện, SN Đinh Mùi 1967 ở Sài Gòn, TNPT, có vợ là Nguyễn Hoàng Yên Thảo, SN Mậu Ngọ 1978 ở Mộ Đức, TNCĐKT. Gia đình đang định cư ở Mỹ.

5- Nguyễn Thế Xuân Nga, SN Canh Tuất 1970 ở Sài Gòn, TNPT, đang theo học ngành y khoa vật lý trị liệu ở Mỹ, có chồng là Nguyễn Thanh Hà, SN Đinh Mùi 1967 ở Mộ Đức, dược sỹ, sinh 1 gái, đang định cư ở Mỹ.

6- Nguyễn Thế Xuân Nho, SN Nhâm Tí 1972 ở Sài Gòn, CĐVT ở Mỹ, có chồng là Nguyễn Công Hữu, SN Ất Tị 1965 ở Đà Nẵng, VT ở Mỹ, sinh 1 gái và 1 trai ở Mỹ, đang ở Mỹ.

- Ông Cường bị sạn thận đã mổ nhưng không khỏi. Sau khi qua Mỹ định cư, ông được chữa bằng máy bắn sỏi thì hết. Niềm vui chưa thỏa thì nỗi buồn lại đến với gia đình, vì ông bị vỡ động mạch não từ trần ngày 22-09 Âm (03-11-2004), an táng ở Mỹ.

- Bà Nương còn khỏe, nhưng đôi chân đi đứng lâu và xa không



còn tốt. Hiện bà và các con đang định cư ở Mỹ. Tháng 08-2005, bà và các con có về thăm quê lần đầu sau hơn 10 năm nơi xứ người và bà đã ủy thác cho con, cháu chuyển cốt tro của mẹ mình từ Sài Gòn về quê an táng lại cạnh mộ cha.

**Đời V:** ① **Ông Thứ Tư:** SN không rõ, không biết năm nào, đã trên 10 tuổi, một chiều nọ xuống ao nước dành cho trâu tắm, đùa giỡn với trâu, chết đuối không hay! Bà con ở quê lúc bấy giờ nói là ông bị ma da nhận chết chìm.

② **Bà Trần Thị Phiêu:** SN Mậu Thân 1908 ở An Thạch, là con gái ông tri huyện Trần Mậu và là cháu nội của ông bá hộ mười Trần Đức Bồi, có chồng quê Thu Xà, là chủ bầu hát, chưa con. Sau đó người chồng đưa đoàn hát đi xa lưu diễn và xa mãi không quay lại. Hai bên thôi nhau. Một thời gian, bà có chồng khác, làm kế thất ông xã Chinh. Hai ông bà cũng chưa có con, thì tháng 08-1945, ông xã Chinh gặp nạn chết ở Đức Phổ. Bà ở vậy suốt đời cho đến khi mất ngày 15-12 Âm 1954, an táng nơi Gò Găng. Em dâu và các cháu gọi cô xây lại mộ cho bà ngày 15-02 Âm nhuận 2004.

③ **Ông Trần Kin (Quốc Phiên):** SN Canh Tuất 1910 ở An Thạch, là con trai thứ bảy, cũng là con trai trưởng của ông tri huyện Trần Mậu và là cháu nội của ông bá hộ mười Trần Đức Bồi, biết Hán ngữ, đỗ primaire trước năm 1930, có vợ là Bùi Thị Ngọc, SN giáp Dần 1914 ở Đồng Ngõ, sinh hạ đời VI là:

1-Trần Thị Cả

Trần Kin

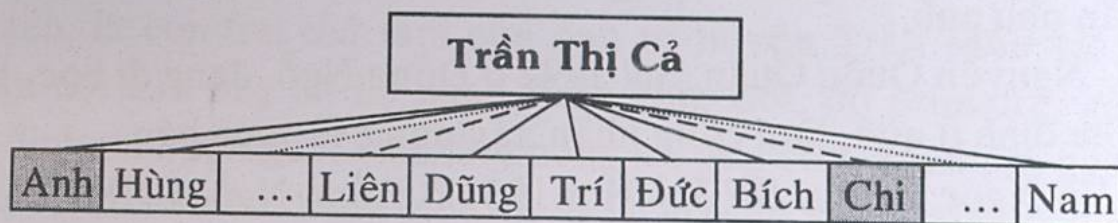
Trần Thị Cả

- Ông là con trưởng của quan văn mệnh quan triều đình, được tập ấm chức ấm tử, có con tên Cả nên thường gọi là "Ấm Cả". Ông bị tử nạn chung với nhiều người dưới chân núi sát bãi biển, gần TT. Đức Phổ năm 1945. Tròn 49 năm, sóng vỗ xạt xào, gió rít từng cơn, đời người có gì hơn... Năm 1994 được người thân cải táng cùng lúc với nhiều người về giồng biển Hội An. Mộ cũng tập thể.

- Bà sau khi chồng lìa trần, ở lại An Thạch một thời gian, rồi về quê mình ở Đồng Ngõ sinh sống và có chồng khác, có con gái. Bà mất ngày 10-10 Âm 1999, an táng ở nghĩa trang Nghĩa Kỳ (con gái Nguyễn Thị Xuân Bé - con chồng sau - xây mộ).

**Đời VI: Bà Trần Thị Cả (Huệ):** SN Canh Ngọ 1930 ở Đồng Ngõ, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, có chồng là Võ Ngọc Châu, SN Bính Dần 1926 cùng quê, TN khóa BTV, đại úy CS, đã về hưu trước năm 1975, sinh:

- 1- Võ Ngọc Anh
- 2- Võ Ngọc Hùng
- 4- Võ Thị Kim Liên
- 5- Võ Ngọc Dũng
- 6- Võ Ngọc Trí
- 7- Võ Ngọc Đức
- 8- Võ Ngọc Bích
- 9- Võ Thị Kim Chi
- 11- Võ Nhật Nam



- Bà Huệ được sinh ra ngay trong những ngày cả nhà đang chịu



tang ông huyện Mậu (ông nội). Giữa khi người mẹ cùng người thân phủ phục bên linh cửu thì chuyển dạ. Gia đình thuê xe kéo, kéo về Đồng Ngõ để sinh. Năm lên 15 tuổi thì cha bà mất. Mấy năm sau, bà theo mẹ về Đồng Ngõ để ở và lập gia đình nơi đây. Bà và chồng đang định cư ở Mỹ.

---

**Đời VII:** ① **Võ Ngọc Anh:** SN Tân Mão 1951 ở Đồng Ngõ, bệnh chết lúc 4 tuổi. Mộ ở quê có dựng bia.

② **Võ Ngọc Hùng:** SN Nhâm Thìn 1952 ở Đồng Ngõ, tú tài trước 1975, đang là SVSQ Thủ Đức thì giải phóng, có vợ là Lê Thị Thu Ba, SN Đinh Dậu 1957 cùng quê, sinh hạ đời VIII là:

1- Võ Nhật Huy, SN 1979 ở Đồng Ngõ.

2- Võ Nhật Tân, SN 1981 ở Đồng Ngõ, TNPT, đang làm công nhân may giày da ở Biên Hòa.

3- Võ Thị Nhật Điểm, SN 1983 ở Đồng Ngõ, TNPT, công nhân nhựa cao cấp ở Biên Hòa.

4- Võ Nhật Linh, SN 1989, ở Đồng Ngõ, đang học phổ thông.

5- Võ Thị Nhật Hà, SN 1992 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

Gia đình ở quê Đồng Ngõ, làm nông. ĐT: (055)856602.

④ **Võ Thị Kim Liên:** SN Đinh Dậu 1957 ở Đồng Ngõ, lớp 12, có chồng là Nguyễn Hữu Nhơn, SN Giáp Ngọ 1954 ở TX. Quảng Ngãi, tú tài trước 1975, sinh:

1- Nguyễn Vũ Bảo, SN 1977 ở Đồng Ngõ, lớp 12, công nhân nhà máy đường Quảng Ngãi.

2- Nguyễn Bảo Quốc, SN 1981 ở Đồng Ngõ, lớp 12, làm công nhân như anh.

3- Nguyễn Quốc Quân, SN 1992 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

Gia đình ở quê, làm công nhân xây dựng và mua bán.

⑤ **Võ Ngọc Dũng:** SN Kỷ Hợi 1959 ở Đồng Ngõ, CNKT, làm việc cho BV ở Bình Dương.



⑥ **Võ Ngọc Trí:** SN Tân Sửu 1961 ở Đồng Ngõ, lớp 8, có vợ là Cao Thị Kim Phượng, SN Quý Mão 1963 ở Đức Lợi, sinh:

1- Võ Thị Ngọc Huỳnh, SN 1988 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

2- Võ Hữu Giao, SN 1989 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

3- Võ Thị Ngọc Hiệp, SN 1990 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

Gia đình ở TP. Quảng Ngãi làm nghề lái xe và mua bán.

⑦ **Võ Ngọc Đức:** SN Quý Mão 1963 ở Đồng Ngõ, lớp 7, có vợ là Hồ Thị Đoan, đồng tuổi, sinh:

1- Võ Hữu Đạo, SN 1989 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

2- Võ Thị Ngọc Hạnh, SN 1990 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

Gia đình ở quê làm nông.

⑧ **Võ Ngọc Bích:** SN Ất Tị 1965 ở Đồng Ngõ, lớp 7, làm nông, có vợ là Phạm Thị Chánh, nhỏ tuổi hơn, sinh:

1- Võ Ngọc Kỳ, SN 1992 ở...

2- Võ Thị Ngọc Duyên, SN 1994 ở...

3- Võ Ngọc Cẩm, SN 1997, ở...

⑨ **Võ Thị Kim Chi:** SN Mậu Thân 1968 ở Đồng Ngõ, uống lộn thuốc chết năm 1972, lạc mộ.

⑩ **Võ Nhật Nam:** SN Nhâm Tí 1972 ở Đồng Ngõ, CNKT, giảng viên trường CĐKT Kỹ Thuật ở Bình Dương.

• Sự nghèo không đáng xấu hổ,

• Chỉ đáng xấu hổ là nghèo mà không có chí.

*Lã Khôn*

**Đời V: Ông Trần Sờ (Gia Phương):** SN Giáp Dần 1914 ở An Thạch, là con trai thứ tám của ông tri huyện Trần Mậu và là cháu nội của ông bá hộ mười Trần Đức Bồi, đỗ primaire, gần thi diplomaire. Ngoài việc làm nông ra, ông còn làm thêm nghề viết vẽ khẩu hiệu, bảng hiệu và in ấn giấy tờ cho trường học và cơ quan. Ông viết chữ đẹp và có kiến thức nên mỗi khi trong

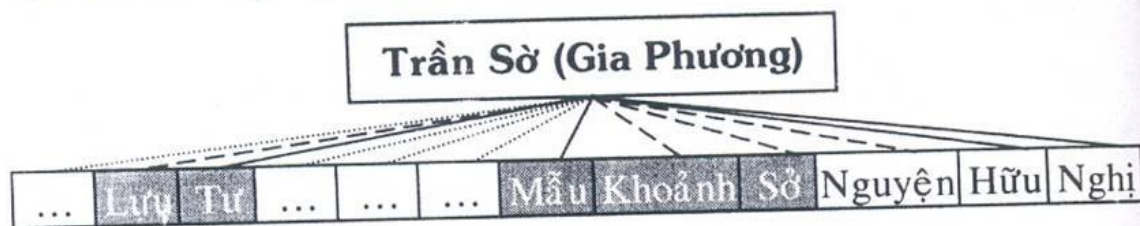


họ có hợp hành quyết định việc gì, ông thường làm thư ký viết biên bản v.v... Ông có vợ là Võ Thị Thông, quê Trà Câu, sinh hạ đời VI là:

- 1- Trần Thị Lựu (thứ 3)
- 2- Trần Tư (Ngọc Diệp, thứ 4)

Bà Thông không rõ bệnh gì mất, một thời gian sau, ông có vợ khác là Đinh Thị Hoa, SN Bính Dần 1926 ở Phố Minh (có chồng năm 16 tuổi). Ông bà sinh tiếp đời VI là:

- 1- Trần Tấn Mẫu (thứ 8)
- 2- Trần Thị Khoảnh (thứ 9)
- 3- Trần Thị Sở (Như Ngọc, thứ 10)
- 4- Trần Thị Như Nguyễn (thứ 11)
- 5- Trần Tố Hữu (thứ 12)
- 6- Trần Công Nghị (thứ 13)



- Ông chẳng những có hoa tay viết chữ mà còn có hoa tay khắc con dấu... Những năm về già, ông ở với người con thứ 12 ở quê An Thạch cho đến khi bệnh mất ngày 02-05 Âl 1996, an táng ở giồng biển, đã xây mộ.

- Bà Thông không biết bệnh gì mất ngày 21-01 Âl, an táng ở Trà Câu - quê bà.

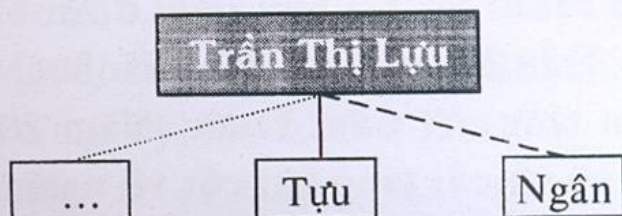
- Bà Hoa là người có nhiều nghị lực, bản lĩnh và quyết đoán; yêu chồng thương con, vượt bao thử thách đầy hiểm nguy, dưới đạn bom vẫn xem thường... Bà còn khỏe mạnh, đang sống với các con, có khi ở Quảng Ngãi, có khi ở Sài Gòn.

• Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng

Cách ngôn

**Đời VI: Bà Trần Thị Lựu:** SN Bính Tí 1936 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, có chồng là Bùi Nguyễn Lai, đồng tuổi, quê Phổ Thuận, sinh:

- 1- Bùi Quang Tựu (thứ 3)
- 2- Bùi Thị Kim Ngân (thứ 4)



- Bà Lựu bị trúng đạn pháo chết ngày 06/03 Âm 1965, an táng ở Phổ Minh, chưa xây mộ.
- Ông Lai đi bộ đội làm y tá quân y, đụng trận hy sinh ở chiến trường Bình Định. Mộ ở nghĩa trang liệt sỹ...

---

**Đời VII: ① Bùi Quang Tựu:** SN Đinh Dậu 1957 ở Phổ Minh, lớp 7, có vợ là Huỳnh Thị Quýt, SN Nhâm Dần 1962, sinh:

- 1- Bùi Thị Thảo, SN Ất Sửu 1985 ở Phổ Thuận, bị bệnh chết năm lên 7 tuổi.
- 2- Bùi Quang Thạnh, SN 1987 ở Phổ Thuận, đang đi học.
- 3- Bùi Thị Tín, SN 1992 ở Phổ Thuận, đang đi học.
- 4- Bùi Quang Tùng, SN 1994 ở Phổ Thuận, đang đi học.

Gia đình ở thị trấn Đức Phổ làm nghề sửa xe Honda (Tựu có vô Sài Gòn thuê nhà mở tiệm sửa xe nhiều năm).

② **Bùi Thị Kim Ngân:** SN Canh Tí 1960 ở Phổ Minh, có 1 con trai là: Bùi Quang Trung, SN 1982 ở Phổ Thuận, TNCDGT.

Kim Ngân và con trai đang ở Sài Gòn.

---

**Đời VI: ① Ông Trần Tư (Ngọc Diệp):** SN Mậu Dần 1938 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu. Năm 20 tuổi ông có vợ. Nhưng mấy năm sau do không hòa hợp nên đôi bên

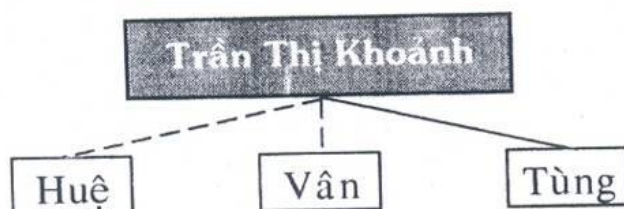


chia tay nhau với sự nguyên vẹn của cả hai người. Những năm trong quân ngũ ông bớt bệnh nhưng phận số không may để sống đến ngày hòa bình. Ông đã tử trận trên chiến trường ngày 07-12-1972, an táng ở Trà Câu. Khi hay tin ông mất, có người thiếu nữ đến xin để tang cho ông một năm.

② **Ông Trần Tấn Mậu:** SN Kỷ Sửu 1949 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, giáo viên tiểu học, hy sinh ngày 05-05 Âm 1967, an táng nơi Cấm Trước. Năm 2004 ông được công nhận là liệt sỹ và cải táng hài cốt về nghĩa trang liệt sỹ Phổ An. Lễ cải táng có đầy đủ các ban ngành của xã tham dự.

③ **Bà Trần Thị Khoảnh:** SN Quý Tị 1953 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, có chồng là Nguyễn Thanh Xu, SN Đinh Hợi 1947 ở Đức Thắng, sinh hạ đời VII là:

- 1- Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ (Xuân)
- 2- Nguyễn Thị Thanh Vân
- 3- Nguyễn Thanh Tùng



- Bà Khoảnh bị rắn lục cắn khi đang cắt rau lang trong vườn ở trước nhà vào đêm 16-09 Âm 1986. Nghe la, ông chồng chạy ra tìm con rắn để đánh, không chờ vợ nhanh đến BV, lại mang qua nhà ông thầy lang chưa có kinh nghiệm trong việc chữa trị rắn độc cắn, để đến khi quá trầm trọng mới vỡ lẽ ra, chuyển đi nhà thương thì đã quá muộn. Ôi vận mạng của bà Khoảnh chỉ đến đó mà thôi! Mộ ở dốc Ông Đơn.

- Ông Xu có vợ khác và được gia đình của người vợ cũ đón nhận và xem người vợ của ông sau này như con, như chị của mình. Ông có thêm 1 gái và 2 trai. Gia đình vẫn ở nơi ngôi nhà



và vườn như trước ở quê, làm ruộng, chăn nuôi và trồng rau cải, bông hoa.

---

**Đời VII:** ① **Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ (Xuân):** SN Đinh Tị 1977 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Văn Thọ, SN Giáp Dần 1974 ở Đức Lâm, sinh:

1- Nguyễn Minh Nhật, SN 1997 ở An Thạch.

2- Nguyễn Tường Vỹ, SN 2003 ở TP.HCM.

Gia đình đang ở TP.HCM, làm công nhân may mặc.

② **Nguyễn Thị Thanh Vân:** SN Tân Dậu 1981 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Thanh Tuấn, SN Đinh Tị 1977 ở Gò Công Tây, sinh:

1- Nguyễn Đăng, SN 2001 ở An Thạch.

2- Nguyễn Quang, SN 2002 ở Gò Công Tây.

Gia đình ở TP.HCM, làm công nhân may mặc.

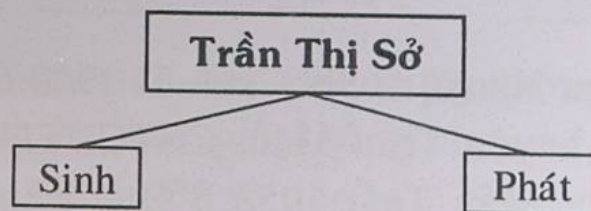
③ **Nguyễn Thanh Tùng:** SN Giáp Tí 1984 ở An Thạch, năm lên 2 tuổi, mẹ bị rắn cắn chết. Bất hạnh cuộc đời tuổi thơ!

---

**Đời VI:** ① **Bà Trần Thị Sở (Như Ngọc):** SN Đinh Dậu 1957 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, cán sự y tế, làm việc ở BV Đức Phổ, có chồng là Trần Nguyên Anh, SN Mậu Tuất 1958 ở Phổ Cường, CNQTKD, giám đốc Cty lương thực huyện Đức Phổ, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Nguyên Sinh, SN 1988 ở TT. Đức Phổ, đang học ĐH.

2- Trần Quý Phát, SN 1990 ở TT. Đức Phổ, đang học PT.



- Gia đình ở TT. Đức Phổ, ĐT: (055)858292, làm việc cho nhà



nước và bán gạo lẻ ở nhà ngoài giờ.

- Bà Sở bị bệnh suy tủy, mất ngày 01-03-2007 (13-01 Âm), sau nhiều lần đến bệnh viện Chợ Rẫy chữa trị, an táng ở giồng biển, đã xây mộ. Bà là một phụ nữ hiền hậu đảm đang, sống hòa đồng, thủy chung, yêu chồng thương con nhất mực; nhưng số phận nghiệt ngã, đã phải ra đi giữa chừng, để lại bao thương tiếc cho người thân, dòng họ cũng như đồng nghiệp và bạn hữu gần xa...

- Ông Anh là hậu duệ của ông tổ Trần Ngọc Trác, có lẽ là đời 15 hoặc 16. Ông có tâm hồn thơ và làm những bài thơ có nhiều rung cảm tâm hồn.

■ Ông Trần Ngọc Trác là anh ông Trần Văn Hàn. Ông có mộ to xây đã lâu, có mộ chí bằng đá non nước khắc chữ Hán, mặt bia hướng phía đông, xa xa là con sông Đò Mốc. Mộ nằm ở giữa cánh đồng ruộng nơi làng Đông Quang, được tỉnh công nhận là di tích lịch sử. Tháng 12-2006, người viết đến viếng mộ ông dưới cơn mưa lất phất. Ông Trần Văn Hàn có mộ nhưng còn là mộ đắp bằng đất cát, nằm ở khu đất rẫy nơi làng Bàn An cách ngã ba có cây dương liễu to, đường Tư Ích độ 200m về phía biển. Các năm 02, 04, 06, người viết có đến thấp nhang mộ ông, những chạnh lòng, ngậm ngùi, thổn thức, thấy mình không xứng đáng là hậu duệ đời 15 của ông!

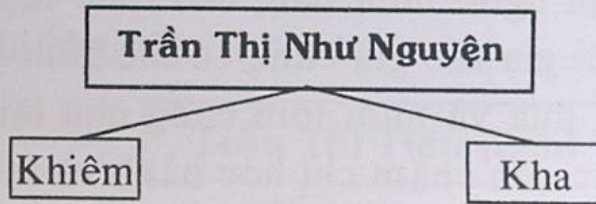
Hai anh em ông thủy thủy tổ Trần Ngọc Trác và Trần Văn Hàn từ Nghệ An vô trấn nhậm theo lệnh điều chuyển của triều đình và lập nghiệp vào thế kỷ XVI, người ở bên này sông, người ở bên kia sông.

② **Bà Trần Thị Như Nguyệt:** SN Canh Tí 1960 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, CNTCKT, có chồng là Nguyễn Huy Tố, SN Mậu Tuất 1958 ở Đức Tân, CNTCKT, sinh hạ đời VII là:

1- Nguyễn Huy Khiêm, SN 1986 ở Đồng Cát, đang học ĐH.



2- Nguyễn Huy Kha, SN 1989 ở Đồng Cát, đang học PT.

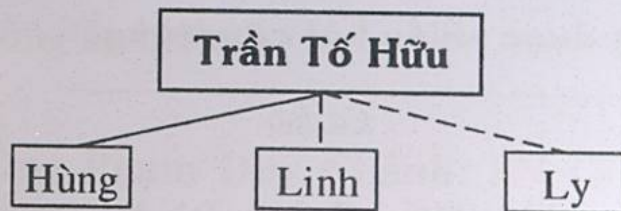


- Bà Nguyễn và ông Tố, với cuộc sống của một gia đình rất là chuẩn mực, ngăn nắp, nuôi dạy con cái chu đáo và có phép tắc. Dẫu nam nữ bình quyền, vợ chồng bình đẳng nhưng phu xướng phụ tùy. Một mái nhà êm ấm mà trong đó, ai cũng hiểu mình và biết mình phải làm gì...

- Tháng 9-2004, bà chuyển gia đình từ quê Đồng Cát về TP.HCM để ở với việc làm là công chức nhà nước như cũ. Nhà ở số 15/19A Lê Văn Thọ, Gò Vấp, ĐT: (08)2951391. Ông Tố đang là phó giám đốc công ty sản xuất các mặt hàng tiêu dùng. Trụ sở Bình Dương.

③ Ông Trần Tố Hữu: SN Quý Mão 1963 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, TNPT, có vợ là Nguyễn Thị Kim Liên, SN Đinh Mùi 1967 ở Đức Lân, TN cấp 2, sinh hạ :

- 1- Trần Việt Hùng, SN 1990 ở An Thạch, đang đi học.
- 2- Trần Tố Linh, SN 1994 ở An Thạch, đang đi học.
- 3- Trần Thảo Ly, SN 1995 ở An Thạch, đang đi học.



- Ông Hữu thông minh, học giỏi nhưng không vào Đại học được bởi hoàn cảnh lúc bấy giờ không cho phép (lý lịch). Ông là người có lòng với tổ tiên và dòng tộc sâu đậm.

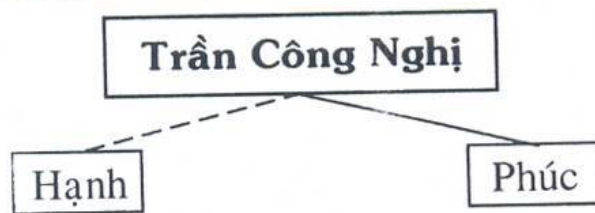
- Bà Liên nhanh nhẹn, tháo vát, sống rộng rãi, luôn sát cánh



bên chồng qua mọi việc nặng nhẹ, khó dễ v.v... Gia đình đang ở quê An Thạch, làm nghề mua bán, cho thuê rạp đám cưới, đám giỗ..., chăn nuôi gia súc gia cầm, có lúc kinh doanh trồng cà phê, có khi trồng dưa và nuôi tôm cũng như làm các nghề thủ công khác.... Các con chăm chỉ học hành và biết phụ giúp việc nhà cho cha mẹ.

④ **Ông Trần Công Nghị:** SN Bính Ngọ 1966 ở An Thạch, là cháu nội ông tri huyện Trần Mậu, cử nhân âm nhạc, có vợ là Phạm Thị Viên, SN Quý Sửu 1973 ở Đức Lâm, TN cấp 2, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Công Dung Hạnh, SN 1993 ở Đồng Cát, đang đi học.
- 2- Trần Công Quý Phúc, SN 1998 ở Đồng Cát, đang đi học.



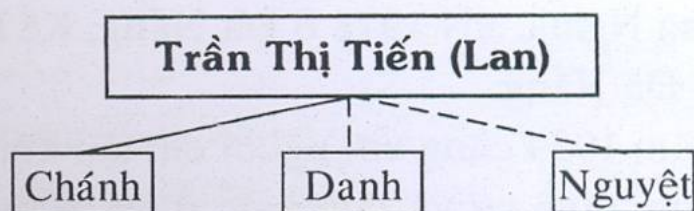
- Gia đình ở quê Đồng Cát, nhà bên mặt đường quốc lộ 1A. Ông Nghị làm việc ở phòng văn hóa thông tin huyện Mộ Đức; bà Viên ở nhà buôn bán. Các con chăm ngoan, ngoài giờ học biết phụ giúp việc nhà cho cha mẹ.

- Chồng khôn vợ được đi hài
- Vợ khôn chồng được nhiều bài cạy tròng.

Ca dao

**Đời V: Bà Trần Thị Tiến (Lan).** Bà là con gái út ông tri huyện Trần Mậu và là cháu nội của ông bá hộ mười Trần Đức Bồi, SN Nhâm Tuất 1922 ở An Thạch, biết võ nghệ, giỏi sử dụng cung tên, thường đi núi săn bắn cọp và heo rừng, có chồng là Phạm Trinh, SN Đinh Mùi 1907 ở Đồng Ngõ, sinh:

- 1- Phạm Duy Chánh
- 2- Phạm Thị Danh
- 3- Phạm Thị Nguyệt



- Bà Tiến và người con gái út ở lại Nam đơi 2 năm thống nhất đất nước sẽ đoàn tụ. Sau 5 năm đất nước không thống nhất mà chiến tranh lại bùng lên! Bà và người con gái tham gia hoạt động c/m. Bà chẳng may bị trúng bom hy sinh ngày 10-07 Âm 1966. Mộ ở nghĩa trang liệt sĩ Đức Phú.

- Ông Trinh thường gọi là xã Dư, là người làm chủ tịch xã Đức Phú đầu tiên của thời chín năm kháng chiến chống Pháp; tham gia c/m cùng thời với Phạm Văn Đồng và Trần Nam Trung của những năm 1930-1931; là du kích Ba Tơ, huấn luyện võ nghệ, đao kiếm cho du kích. Năm 1955, ông tập kết ra Bắc, sau năm 1975 vô lại Nam và bệnh già mất vào đêm 18-09 Âm 1979. Mộ ở nghĩa trang liệt sĩ Đức Phú.

Quê Đồng Ngõ (Đức Phú) ở gần núi, ngày xưa cạp luôn xuống làng bắt người và bắt gia súc, ngay cả ban ngày. Những lần như vậy, các chúa sơn lâm bị ông đánh đuổi, nên thường né khi thấy bóng ông ẩn hiện.

---

**Đời VI:** ① Ông Phạm Duy Chánh: SN Giáp Thân 1944 ở Đức Phú, là cháu ngoại ông tri huyện Trần Mậu, TNĐHTTLL ở Hà Nội - KSVTĐ, phục vụ trong ngành viễn thông trên 30 năm, có vợ là Phạm Thị Bích Ngọc, SN Canh Dần 1950 ở Hà Nội, TNĐHNT ở Hà Nội - CNKT, sinh hạ đời VII là:

1- Phạm Thị Kiều Anh, SN 22-06-1976 ở Đà Nẵng, KTS, có



chồng là Trần Thanh Hải, SN 1974 ở HPhòng, CNQTKD, sinh:

• Trần Ngọc Dung, SN 2002 ở TP.HCM.

Gia đình ở phường Tân Quy, Q.7, ĐT: 0918.699668.

2- Phạm Trọng Nghĩa, SN 1978 ở Đà Nẵng, KSTH, đang làm cho Cty NTC ở Đà Nẵng.

- Ông Chánh năm 1954 cùng với người em tập kết ra Bắc, năm 1975 vô lại Nam, định cư và làm việc ở Đà Nẵng. Hiện tại 2 ông bà đã nghỉ hưu, đang chuẩn bị chuyển gia đình vô quận 7, TP.HCM để ở.

② **Bà Phạm Thị Danh:** SN Đinh Hợi 1947 ở Đức Phú, là cháu ngoại ông tri huyện Trần Mậu, TN y sĩ y khoa Hà Nội. Năm 1954 bà cùng với người anh tập kết ra Bắc, gần 20 năm sau vô lại Nam ở chiến trường B, phục vụ trong ngành y, lập gia đình với ông Đào Minh Động, quê Hải Phòng, cũng đi chung chiến trường, sinh:

1- Đào Thị Minh Hương, SN 1974 ở Bình Định.

Sau thời gian ngắn ông Động lại ra Bắc. Kế đến không lâu, bà Danh cũng bỗng con ra lại Bắc, đi đường rừng gần 6 tháng mới đến nơi. Vừa đến nơi, bà nghe miền Nam đã giải phóng và cũng được biết là chồng đã có vợ khác. Năm 1976, hai bên ly hôn. Bà lại vô Nam và có chồng khác, sinh:

1- Phạm Đức Phú, SN 1981 ở Đồng Ngõ.

Bà đang sống với con ở Tam Phước, Long Đất.

★ Đào Thị Minh Hương, SN Giáp Dần 1974 ở Bình Định, TN cấp 2, có chồng là Nguyễn Văn Ngọc, SN Canh Tuất 1970 ở Thăng Bình, Quảng Nam. Gia đình đang ở Long Đất buôn bán và làm xe cộ.

★ Phạm Đức Phú, SN Tân Dậu 1981 ở Đồng Ngõ, có vợ năm 2004, đang sống với mẹ ở Long Đất.

③ **Phạm Thị Nguyệt:** SN Nhâm Thìn 1952 ở Đồng Ngõ, là



cháu ngoại ông tri huyện Trần Mậu, ở lại Nam theo mẹ tham gia hoạt động c/m, bị trúng bom hy sinh vào đầu năm 1968 ở Đức Minh. Mộ ở nghĩa trang nơi hy sinh.

- Tài sản lớn nhất của đời người là sức khỏe và trí tuệ  
*Điều 10, lời Phật dạy*

#### **Đời IV: Ông Trần Từ:**

Ông còn có tên là Trần Hòe và Trần Đức Thục, là con trai thứ ông bá hộ Mười, sinh năm Ất Dậu 1885 ở An Thạch, thông thạo văn sách, kinh nghĩa, đã học hết hạn đại tập, nhưng không hiểu sao không ra ứng thí để có phần nào công danh trong hàng sĩ tử như hai người anh là các ông Trần Mậu và Trần Đức Cai (Nhuận)? Ông là nho sĩ có nhiều tác phẩm với nhiều bút hiệu, nhưng rất tiếc là chết sớm, con còn nhỏ, bà thì chỉ biết ăn chơi, bài bạc không quan tâm đến việc cất giữ những tác phẩm này lại, mà chỉ nói cho con cháu nghe qua vậ thôi! Ôi, tiếc quá!

Bà là Nguyễn Thị Sóc, là con gái ông tri huyện Nguyễn Công Cương, sinh năm Kỷ Sửu 1889 ở Thạch Trụ. Ông bà sinh những người con đời V là:

- 1- Trần Hải (Lý) - mất năm 48 tuổi.
- 2- Trần Hồ - chết nhỏ.
- 3- Trần Hợi - mất năm 30 tuổi.
- 4- Không biết tên, chết nhỏ.
- 5- Trần On (Ngộ) - mất năm 61 tuổi.
- 6- Trần Bon - chết đuối ở mương nước trước nhà năm 2 tuổi.
- 7- Trần Thị Tiến - mất lúc 40 tuổi.





- Ông buồn phiền vì phụ thân đã chia ruộng vườn cho tất cả các anh em rồi, nhưng sau khi người anh là ông Trần Mậu thi đỗ cử nhân hết ruộng, lại lấy hết lại chia lại lần 2, để cho ông Cử Nhân cũng có như lần đầu, gọi là để thưởng công trạng, thành tích làm rạng rỡ tổ tông gia đình v.v... Ông bất mãn sa vào con đường ăn chơi, bài bạc và hút thuốc phiện; bán dần đất ruộng để tiêu xài. Có lần ông ký bán một lúc 9 công cấy (0.45ha) cho ông Xiếu! Ông buồn một chuyện đáng buồn, nhưng lại yếu mềm quá, không tự chủ được bản thân đã để lại hậu quả gây nên 2 sự việc là:

1) Ông bị bệnh chết bỏ thân nơi xứ người.

2) Chết đi bỏ lại 4 người con còn nhỏ dại, đã phải chịu nhiều thiệt thòi nhất trong cuộc đời, mà đáng lẽ ra không phải bất hạnh như vậy!

Năm 1921, ông đi buôn bông ở Bình Thuận, nơi mũi La Gàng bị tai nạn thế nào mà gây nên một vết thương nơi bắp đùi quá nặng, vô bệnh viện Tuy Phong nằm chữa trị. Ông Xiếu về báo tin. Bà với người gánh hành trang cho bà vào thăm, nhưng không hiểu sao, không ở lại săn sóc hoặc đưa ông về, lại ra về một mình? Thời gian sau, có người về cho biết là ông đã chết. Bà với chuyến đi giống như lần trước, vô xem sự thể thế nào, thì ở BV cho biết là ông đã bỏ BV không biết đi đâu vào sáng ngày 27-12 Âm, dương lịch là tháng 02-1922. Có người kể chuyện lại rằng, vào ngày 06-01 Âm 1922, người phụ trưởng của một trường học nọ vô mở cửa cổng trường, quét dọn chuẩn bị cho học sinh đi học lại sau khi nghỉ tết, thì nhìn thấy 1 người vừa nằm chết ở dưới mái hiên trường học. Người ta lục trong người, tìm thấy giấy tờ, biết được tên và quê quán. Họ an táng ông trong ngày nơi nghĩa trang thí, bên cạnh rừng dương liễu, sát bãi biển, đêm ngày nghe gió thổi vi vu. Bà đến xem mộ rồi lại ra về. Nơi đây nay không còn dấu tích gì nữa. Ôi!...

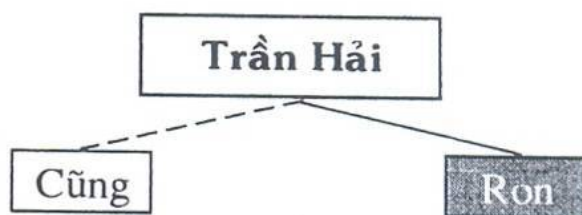


- Bà bị cóc cắn nơi bàn giò, sau khi chữa lành lại bị tê bại, không đi đứng được, gần 2 năm thì mất ngày 04-08 Âl 1953, an táng ở Gò Găng, đám táng đi ban đêm vì sợ máy bay Pháp. Năm 1997, cháu nội là Trần Thị Bi ở Sài Gòn về xây mộ cho bà, có sự góp sức tài chánh của cháu nội là Trần Thị Cũng. Năm 2005, cháu nội là Trần Ô về làm lại tấm bia, chỉnh sửa năm sinh và năm mất theo khuyến cáo của cháu nội là Trần Quang Trinh.

---

**Đời V: Ông Trần Hải (Lý):** SN Đinh Mùi 1907 ở An Thạch, thông thạo chữ Hán, biết chữ Việt, có vợ là Bùi Thị Quý, SN Nhâm Tí 1912 ở Đồng Ngõ, sinh hạ đời VI là:

- 1- Trần Thị Cũng
- 2- Trần Ron



- Ông Sinh ra trước, lớn hơn các người em, nên có được đi học chút ít trước khi cha mất. Sau ông qua ở với ông Huyện Mậu (bác ruột), và tiếp tục học thêm nên giỏi Hán Ngữ và biết chữ Việt. Ông cũng ghiền thuốc phiện, nhưng chưa đến nổi... sau cùng ông cũng không tránh khỏi số phận, đã ra đi ngày 16-09 Âl 1955, an táng ở Phước Lộc, Đồng Ngõ. Mộ bên triền đồi đất cứng. Con gái và con rể xây mộ năm 2000.

- Bà là con nhà giàu có, có cuộc sống rất thoải mái, ăn tiêu rộng rãi, dễ chịu nhịn, không nóng tính, sống thọ, bệnh già mất ngày 19-01 Âl 1995, an táng bên cạnh mộ ông và con trai. Con gái và con rể xây mộ năm 2000.



**Đời VI: Bà Trần Thị Cũng:** SN Quý Dậu 1933 ở Đồng Ngõ, có chồng là Phạm Đổ, SN Bính Tí 1936 cùng quê, sinh:

- 1- Phạm Bảo Long
- 2- Phạm Thị Kim Ba
- 3- Phạm Thị Kim Tư
- 4- Phạm Văn Quang
- 5- Phạm Thị Kim Loan
- 6- Phạm Thị Kim Thư



- Bà là một phụ nữ hiền hậu, thật thà, sống thủy chung; luôn kính yêu, phụng dưỡng và làm vui lòng người mẹ cho đến ngày mẫu thân qua đời. Hiện bà đang định cư, sống với 2 người con ở Mỹ. Hơn 10 năm, bà đã 3 lần cùng con cháu về thăm quê hương và thăm người thân với sự ấm nồng của người xa xứ.

- Ông cũng là người rất hiền, thời gian tòng sự tại quận Đức Phổ, có vợ lẽ, có sinh 3 người con (2 trai 1 gái). Ông bị bệnh khô não ở Mỹ không chữa được, về lại Việt Nam đi khắp nơi, đến nhiều thầy nhưng cũng không làm gì khác hơn. Ông không tự đi đứng một mình được, đang ở quê Đồng Cát với các con.

---

**Đời VII: ① Phạm Bảo Long:** SN Ất Mùi 1955 ở Đồng Ngõ, bị bệnh nóng sốt chết lúc nhỏ.

② **Phạm Thị Kim Ba:** SN Đinh Dậu 1957 ở Đồng Ngõ, lớp đệ tứ, có chồng là Huỳnh Văn Khoa, SN Tân Mão 1951 cùng quê, sinh hạ đời VIII là:

- 1- Huỳnh Văn Thủ, SN 1981 ở Đồng Ngõ, TCGT.
- 2- Huỳnh Thị Thúy Ngọc, SN 1985 ở Đồng Ngõ, TNPT, có



chồng là Đặng Vỹ Thanh, SN Kỷ Mùi 1979 ở Quy Nhơn.

3- Huỳnh Văn Cang, SN 1988 ở Đồng Ngõ, đang đi học.

4- Huỳnh Trung Nhu, SN 1991 (30-12 Ất Nhâm Ngọ) ở Đồng Ngõ, đang đi học.

Gia đình ở quê Đồng Ngõ, ĐT: (055)856605, làm nghề chăn nuôi heo, bò, trồng rừng, đi rừng và làm ruộng.

③ **Phạm Thị Kim Tư:** SN Tân Sửu 1961 ở Đồng Ngõ, có 1 con gái tên Phạm Thị Mỹ Trâm, SN 1983 ở Đồng Ngõ, TCYT, có chồng tên Sang, lớn tuổi hơn, cán bộ xã, người cùng làng.

Sau 15 năm, Kim Tư có chồng là Võ Duyên, SN 1972 (cuối năm Tân Hợi) cùng quê, sinh:

1- Võ Anh Phong, SN 1998 ở Đồng Ngõ.

2- Võ Thị Ngọc Cẩm, SN 2000 ở Đồng Ngõ.

3- Võ Thị Ngọc Diệu, sinh đôi với Cẩm.

Gia đình ở quê Đồng Ngõ, làm ruộng và mua bán hàng nông sản, lâm sản theo mùa.

④ **Phạm Văn Quang:** SN Ất Tị 1965 ở Đồng Ngõ, lớp 9, có vợ là Lê Thị Kim Anh, SN Tân Hợi 1971 ở Đức Hòa, sinh:

1- Phạm Văn Minh, SN 1994 ở Đồng Ngõ.

2- Phạm Thị Yến Nhi, SN 04-12-2006 ở Atlanta, Hoa Kỳ.

Gia đình đang định cư ở Mỹ, thỉnh thoảng có gửi tiền về nuôi cha bị bệnh.

⑤ **Phạm Thị Kim Loan:** SN Kỷ Dậu 1969 (giấy tờ: 10-10-1967) ở Đồng Ngõ, lớp 9, có chồng là Nguyễn Đức Khánh, SN Ất Tị 1965 cùng quê, TNCĐSP khoa toán, giáo viên cấp 2, sinh:

1- Phạm Thị Lina (Lina Phạm), SN 09-01-1998 ở Atlanta.

2- Nguyễn Phạm Kha, SN 24-06-2006 ở Atlanta, Hoa Kỳ.

Gia đình đang định cư ở Mỹ, gửi tiền về nuôi cha bị bệnh.



© **Phạm Thị Kim Thư:** SN Quý Sửu 1973 ở Đồng Ngõ, TN cấp 2, có chồng là Lê Hồng Mạnh, SN 04-05-1968 ở Đồng Ngõ, TNPT, sinh hạ đời VIII là:

1- Lê Thị Hồng Thúy, SN 30-01-1996 (KS là 02-02-1996), ở Đồng Ngõ.

2- Lê Thị Hồng Oanh, SN 23-10-1997 (KS là 01-08-1998) ở Đồng Ngõ.

Gia đình ở quê Đồng Cát, đường lên Đồng Ngõ, mua bán tạp hóa và cùng với gia đình các chị chăm sóc người cha bị bệnh không tự đi đứng được.

---

**Đời VI: Ông Trần Ron:** SN Mậu Dần 1938 ở Đồng Ngõ, bị bệnh từ nhỏ, đến năm 1960 thì qua đời. Thương con, người mẹ rước thầy chùa về nhà tụng kinh suốt 15 ngày đêm cầu cho linh hồn con sớm siêu độ. Mộ ở triền đồi, cạnh mộ cha mẹ. Chị và anh rể xây mộ năm 2000.

---

**Đời V: ① Ông Trần Hồ:** SN không rõ, không biết bệnh gì, mất lúc còn nhỏ.

② **Ông Trần Hợi:** SN Tân Hợi 1911 ở An Thạch, cha mất lúc còn nhỏ, không được mẹ cho ăn học. Lớn lên ông cùng với người em là ông Trần On, vô Nam buôn bán kiếm tiền về chuộc lại một ít ruộng trong số lớn mà cha mẹ đã bán tiêu xài. Ông có vợ là Lê Thị Mốc, đồng tuổi, cùng quê, đã có một đời chồng, có 2 người con, chồng chết. Ông bà sinh tiếp đời VI :

1- Trần Ô (Tấn Thanh)

2- Trần Thị Bi



- Ông rất hiền và cũng rất sợ ma, ít khi một mình dám đi đâu đêm khuya. Cuộc đời ông gặp không ít bất hạnh trong tuổi thơ. Cha mất khi mới lên 10, mẹ thì thiếu chăm nom nuôi dưỡng cho ăn học nên đành phải thua kém mọi người. Cháu nội ông bá hộ mà...! Ông bị bệnh ngặt nghèo, mất ngày 04-06 Âl 1941, an táng ở Gò Găng. Năm 1997, con gái là Trần Thị Bi ở Sài Gòn về xây mộ. Năm 2005, con trai là Trần Ô ở Sài Gòn về làm lại tấm bia khác.

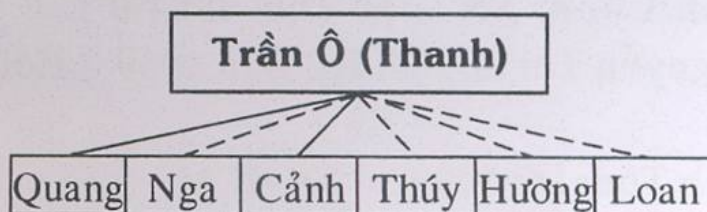
- Bà bệnh già mất ngày 13-03 Âl 1991, an táng ở Bà Queo, đã xây mộ sau khi chôn cất.

- Khôn nơi cờ bạc là khôn dại
- Dại chốn văn chương là dại khôn

*Danh nhân...*

**Đời VI: Ông Trần Ô (Tấn Thanh):** SN Đinh Sửu 1937 ở An Thạch, có vợ là Phạm Thị Tân, SN Tân Tị 1941 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Tấn Quang
- 2- Trần Thị Thanh Nga
- 3- Trần Thanh Cảnh
- 4- Trần Thị Năm (Thanh Thúy)
- 6- Trần Thị Thanh Hương
- 7- Trần Thị Thanh Loan



- Ông Ô sáng dạ, nhạy bén, nhanh nhẹn, rất được các bạn đồng nghiệp cùng thời nể trọng. Nhưng ông lại bị 2 cái bệnh của đời



thường, nên không phát huy được sở trường vốn có để đẩy kinh tế gia đình tiến lên xa hơn, và nhất là cho các con học hành khá như thiên hạ. Quá uổng!

- Bà Tân sức khỏe cũng đã yếu nhiều.

Gia đình đang ở số 35 và 37 Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, ĐT: (08)8432647, cho thuê mặt bằng.

---

**Đời VII:** ① **Trần Tấn Quang:** SN Tân Sửu 1961 ở Sài Gòn, TNTCKT, có vợ là Huỳnh Thị Nga, SN Canh Tuất 1970 ở Củ Chi, TNPT, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Quang Sang, SN 28-06-1996 ở bảo sanh viện Từ Dũ, đang đi học.

2- Trần Quang Đại Phúc, SN 10-07-2007(26-05 Âm) ở BV nhân dân Gia Định (Nguyễn Văn Học cũ).

Gia đình ở chung nhà với cha mẹ ở quận Bình Thạnh, ĐT: (08)8432647, làm nghề may, nghề trồng và mua bán cây kiểng ở quận 12, TP.HCM.

② **Trần Thị Thanh Nga:** SN Nhâm Dần 1962 ở Phú Nhuận, TN cấp 2, có chồng là Trần Minh Thúy, SN Canh Tí 1960 ở Bình Chánh, TN cấp 2, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Thị Minh Hồng, SN 1984 ở Phú Nhuận.

2- Trần Minh Phùng, SN 1994 ở Phú Nhuận.

Gia đình ở phường 15, Phú Nhuận. Chồng tài xế xe hàng; vợ làm nghề may ở nhà; các con đang đi học.

③ **Trần Thanh Cảnh:** SN Giáp Thìn 1964 ở Phú Nhuận, lớp 11, có vợ là Nguyễn Thị Lẽ, SN Kỷ Dậu 1969 ở Hóc Môn, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Thanh Tùng, SN 1992 ở TP.HCM.

2- Trần Thị Thanh Tâm, SN 2002 ở TP.HCM.

Gia đình ở phường 3, Bình Thạnh (gần nhà cha mẹ). Chồng làm nghề may; vợ làm công nhân.

④ **Trần Thị Năm (Thanh Thúy):** SN Ất Tị 1965 ở Phú Nhuận, TN cấp 2, có chồng là Phùng Gia Minh, SN Giáp Thìn 1964 ở Gia Định, sinh hạ đời VIII là:

1- Phùng Thị Mỹ Linh, SN 1990 ở TP.HCM, đang đi học.

Gia đình ở phường 24, Bình Thạnh, làm nghề mua bán.

⑤ **Trần Thị Thanh Hương:** SN Giáp Dần 1974 ở Sài Gòn, TNPT, có chồng là Nguyễn Thái Hiền Vinh, SN Bính Thìn 1976 cùng quê, TNPT, sinh:

1- Nguyễn Thái Hiền Vương, SN 2000 ở TP.HCM.

2- Nguyễn Thái Phương Quỳnh, SN 03-09-2006 ở bảo sanh Hồng Phúc, Sài Gòn (nặng 4kg).

Gia đình sống chung với cha mẹ ở Thủ Đức. Chồng làm nghề mua bán; vợ làm kế toán ở siêu thị.

⑥ **Trần Thị Thanh Loan:** SN Ất Sửu 1985 ở TP.HCM, TNPT, đang đi làm, bán hàng cho siêu thị.

---

**Đời VI: Bà Trần Thị Bi:** SN Mậu Thìn 1940 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Văn Hiếu, SN Giáp Tuất 1934 ở Huế, sinh:

1- Nguyễn Văn Dũng

2- Nguyễn Thị Cẩm

3- Nguyễn Văn Thạch

4- Nguyễn Thị Diệu



- Bà Bi vừa tròn 1 tuổi thì cha mất, lớn lên bên người mẹ tảo tần cho đến năm 16 tuổi thì có chồng. Bà là người có nhiều



ngại lực, trong cuộc sống một mình tự vươn lên! Và bà cũng là người tạo điều kiện ban đầu cho anh chị em trong đại gia đình để cùng vươn lên! Bà là người có tấm lòng nhân hậu, luôn san sẻ và giúp đỡ mọi người những khi cần đến. Bà yêu quý người anh của mình như yêu quý mình; luôn chăm sóc và đỡ đần những lúc ốm đau, những khi hoạn nạn... Anh em bà con nội ngoại cũng như xóm giềng, ai cũng thương yêu và quý mến bà rất nhiều.

- Ông Hiếu rất hiền và ít nói, luôn chăm chỉ làm việc, nay đã ngoài 70, vẫn đêm đêm nơi trước nhà: bơm, vá và sửa xe cho người ta, có bà Bi phụ giúp những lúc nhiều việc, kiếm thêm thu nhập. Gia đình ở số 33 Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, ĐT: (08)8410835, cho thuê mặt bằng.

---

**Đời VII:** ① **Nguyễn Văn Dũng:** SN 1957 ở An Thạch, làm nghề may, vượt biển mất tích giữa đại dương năm 1985.

② **Nguyễn Thị Cẩm:** SN Kỷ Hợi 1959 ở An Thạch, có chồng là Mai Văn Quang, SN Tân Mão 1951, sinh:

1- Mai Văn Sơn, SN 1982 ở TP.HCM.

2- Mai Thị Hoàng Trang, SN 1988 ở TP.HCM.

Gia đình ở đường Thích Quảng Đức, Phú Nhuận.

③ **Nguyễn Văn Thạch:** SN Nhâm Dần 1962 ở An Thạch, có vợ là Dương Thị Thúy Hằng, SN Bính Ngọ 1966 ở SGòn, sinh:

1- Dương Văn Lộc (họ mẹ), SN 1988 ở TP.HCM, đang cùng mẹ định cư ở Mỹ.

- Thạch và em vợ vượt biển cùng lúc, mất tích giữa đại dương năm 1985.

- Hằng xuất cảnh qua Mỹ, có chồng khác quê Nha Trang, thỉnh thoảng có dẫn con ở Mỹ về thăm quê, thăm gia đình cha mẹ chồng cũ, cũng là ông bà nội của con trai mình.



④ **Nguyễn Thị Diệu:** SN Mậu Thân 1968 ở Sài Gòn, TNPT, có chồng là Trần Văn Chánh, SN Bính Ngọ 1966 cùng quê, sinh đôi 2 con trai ở TP.HCM là:

1- Trần Thiên Long, SN 2000.

2- Trần Kim Long, SN 2000.

Gia đình ở phường 3 Bình Thạnh, gần đầu đường Nguyễn Lâm, làm nghề uốn tóc và mua bán xe gắn máy.

- Thói quen tạo nên tính cách
- Tính cách tạo nên số phận.

*Ngân ngữ phương Tây (Đài PT Bình Dương)*

**Đời V: Ông Trần On (lúc nhỏ có tên là Trần Ngộ):** SN Ất Mão 1915 ở An Thạch, là cháu nội ông Bá hộ Mười Trần Đức Bồi (Thuật) và là cháu ngoại ông tri huyện Nguyễn Công Cương, cha mất lúc còn thơ, mẹ lại bạc bẽo không chăm lo nuôi cho ăn học, nên ông chỉ biết đọc và biết viết mà thôi!

Gia đình cha mẹ không phải nghèo, nhưng tự làm cho nghèo để những người con phải thua kém mọi người. Ông lớn lên chung sức với người anh thứ 4, vô Nam buôn bán, kiếm tiền mang về chuộc lại được 9 công cấy (0.45 ha) – một phần nhỏ xíu so số quá to mà cha mẹ đã bán tiêu xài.

Bà là Nguyễn Thị Vưng, là cháu nội ông tri huyện Nguyễn Văn Tuy, và là con út ông hương hào Lừng, SN Kỷ Mùi 1919 ở An Thạch, sinh những người con đời VI là:

1- Trần Quang Trinh (Sơn)

2- Trần Quang Thính (Trinh)

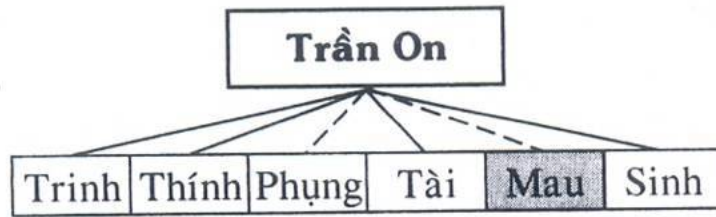
3- Trần Thị Phụng

4- Trần Chí Tài

5- Trần Thị Mau

6- Trần Quang Sinh





- Ông thuở nhỏ không được đến trường, biết đọc và biết viết là nhờ sau này theo học các lớp "Bình dân học vụ" thời chín năm kháng chiến (1945-1954). Dẫu học ít nhưng ông có tư tưởng và ý hướng rất thoáng là, con cái lớn lên không để ở lại quê mà cho đến nơi thành thị, vì nơi đây có đầy đủ phương tiện, có nhiều người giỏi nên có điều kiện để học tập, để tiến thân, đổi nghề, nếu không sẽ suốt đời ôm mãi lũy tre làng với tháng ngày một nắng hai sương, mưa sa bão táp của quê miều Trung ngàn đời thương nhớ. Ông luôn khuyên bảo các con là phải nhẫn nại, chịu khó và tích cực học hỏi người khác, cố gắng tìm cách vươn lên trên con đường học vấn để không bị thua kém mọi người, bởi đời ông đã chịu nhiều thiệt thòi về con đường này rồi.

Ông bị bệnh tiểu đường mà không biết, đến khi biết thì đã nặng, vả lại hoàn cảnh gia đình của những năm trước và sau năm 1975, không đủ điều kiện để trang bị chế độ ăn uống cũng như thuốc thang; ông cũng không chịu kiêng cử, thêm ngọt là ăn và ăn nhiều cơm nên không tránh khỏi số phận, đã lìa trần vào đêm 27-03 Âm (25-04-1976), an táng ở nghĩa trang Võ Đất. Các con xây mộ sau 3 năm chôn cất.

Cuộc đời ông, thuở ấu thơ đã gặp bất hạnh, khi lớn lên có gia đình thì cảnh nhà chẳng mấy êm ấm, bởi trong cuộc sống hai bên luôn bất hòa về cách suy nghĩ cũng như hành xử sự việc. Những năm trước 1954 đã gian khổ lại thêm phần cực nhọc cho ông, vì sau những giờ ở đồng áng về, ông còn phải chăm sóc cho người mẹ bị bệnh tê bại, không tự đi đứng được suốt thời



gian gần 2 năm. Cuộc đời ông quả thật bất hạnh và buồn đau cho đến ngày nhắm mắt!!!

Ông chết hầy còn nuôi tiếc hay bực tức chuyện gì mà 10 năm đầu, cứ cách vài ba đêm, thường hiện về trong giấc ngủ một lần, rượt đánh người con trai trưởng và nói là: "bất hiếu". Sau mười năm, ông không còn hiện về nữa.

- Bà là một phụ nữ đảm đang, tảo tần, cần cù với mọi việc chẳng kể ngày đêm; nuôi dạy con cái có phép tắc và rất nghiêm khắc, nhất nhất phải tuân thủ sự gia huấn, nếu không sẽ bị ăn roi thẳng tay không xót dạ. Bà rất nóng tính, dễ chấp nhận sự việc nhưng cũng dễ thay đổi, nếu không hợp ý mình; luôn nghĩ là mình đúng, ít khi nhận là mình sai, thích được khen và không bao giờ nghe ai chỉ cho thấy hoặc phê bình cái sai của mình...

Ngày xưa bà không đồng ý mỗi lương duyên mà cha mẹ đặt để cho bà với ông bởi "môn đăng hộ đối". Một phần do cái tính của bà, một phần do cuộc hôn nhân không đồng thuận, nhưng vì bổn phận làm con để cho tròn chữ hiếu, và vì bổn phận làm mẹ để nuôi dạy các con, nên suốt 35 năm sống không có hạnh phúc dưới một mái nhà cho đến ngày ông qua đời!!! Tuổi bà nay đã gần 90 vẫn còn khỏe, nhưng không biết sống thác ngày nào? Bà đang sống với các con, có khi ở Sài Gòn, có khi ở Bình Thuận (Đức Tài, Đức Linh).

- Ai cũng có thể lầm lẫn, nhưng chỉ có kẻ ngu mới ngoan cố biện bạch cho sai lầm của mình.

*Cicero*

- Hy sinh đời bố để  
củng cố đời con và lo toan đời cháu

*Dung ngữ*



**Đời VI:** ① Ông Trần Quang Trinh (Sơn): SN 20-06-1944 (giấy tờ 24-07-1949) ở An Thạch, tú tài trước năm 1975, có vợ là Phạm Thị Khương (Kim), đồng tuổi, quê Mỹ Tho, sinh duy nhất 1 người con gái là:

1- Trần Thị Kim Ngân, SN 11-02-1975 (01-01 Âm), lúc 13h ở BV. Đa Khoa Mỹ Tho, cử nhân QTKD trước năm 2000.

Trần Quang Trinh

Kim Ngân

- Ông thuở nhỏ nhà cha mẹ nghèo (không phải nghèo truyền kiếp), lại đông anh em nên chỉ được học đến hết bậc tiểu học ở làng quê thì phải tạm nghỉ. Sau đó cha mẹ cho ông vô Sài Gòn (khi 15 tuổi) tìm học 1 cái nghề làm căn bản để có thể có điều kiện mà tiếp tục việc học lên.

- Nghề may là cái nghề nhẹ nhàng, sạch sẽ lại luôn ở trong mát nên ông đã chọn học. Sau 2 năm học "thí công", ông đã tạm vững tay nghề, làm có tiền và bắt đầu vào trung học. Bốn năm vừa làm vừa học, ông đã thi đỗ trung học đệ nhất cấp mà hơn 10 năm trước gọi là diplomaire, mấy năm sau đỗ tú tài bán phần, nhưng trượt tú tài toàn phần và phải vào lính vì không còn tuổi để hoãn dịch. Thế là kết thúc con đường học vấn nơi đây, ước mơ vào đại học của ông đã không thành!

Ông là người có phẩm tính chân chất, dễ tin, bộc trực; có cuộc sống bình dị, không cầu kỳ và lại tối dạ, chỉ cần cù bù thông minh; nói chuyện thường lan man, tản mạn, không trọng tâm lại vụng về và xa vời, không thuyết phục nên đôi lúc gây hiểu lầm, hoặc khó chịu, hoặc người ta chẳng biết là nói gì. Ngoài ra ông cũng là người kỹ tính và có một phần nào cầu toàn. Ông sống rất có trách nhiệm với bản thân và gia đình; làm việc gì



thì làm hết mình và chu đáo từng khâu công việc; không xấu hổ khi học hỏi người nhỏ hơn mình; luôn sửa sai khi tự mình biết sai, hoặc được người khác chỉ cho biết cái sai, chỉ cho biết cái điểm yếu của mình; luôn dằn vặt và hối tiếc khi đã nói điều gì, hoặc làm việc gì không đúng; không thích được khen nhất là khen trực diện ( vì khen là gắn thêm trách nhiệm), mà trái lại muốn được chê trách, sửa sai và sửa sai trước mặt...không chấp nhận tha nhân luôn biện bạch, bào chữa, thoái thác cái sai khi đã biết sai, hoặc được người khác chỉ cho thấy cái sai; tránh né trách nhiệm cũng như dấu cái dốt của mình, không ưng học hỏi...

- Hơn người ở chỗ biết người
- Thua người ở chỗ người cười chẳng hay

Và:

- Hơn người ở chỗ biết mình
- Thua người ở chỗ nghĩa tình không phân

Từ nhỏ đến ngày cưới vợ (năm 30 tuổi), ông chẳng những là một trai tơ mà còn là trai tân. Ước mơ của ông là vào đại học Quốc gia Hành chính và có được người vợ có cùng kiến thức, là người miền Tây nhỏ hơn từ 5 → 10 tuổi. (cũng là theo khuyến cáo của người cha lúc còn sinh thời). Nhưng than ôi! Công danh không thỏa; tình duyên ngậm ngùi!

Vợ ông là người rất có hiếu với cha mẹ, đẹp người và cũng rất khéo tay trong việc nấu nướng, pha chế thức ăn. Nhưng ôi, bà ấy lại sống quá vị kỷ và xem tiền bạc là cứu cánh. Hiện hữu giữa đời thường không cần qua lại với người chung quanh, cũng không ưng ai qua lại với mình, nhất là việc qua lại ấy có liên quan đến tiền bạc, dẫu là trong lúc cần thiết hay cấp bách, bởi bà ấy nhất nhất không tin ai, ngay cả với anh chị em một nhà. Coi đồng tiền quý hơn hạnh phúc và quý hơn ngay cả bản thân



mình. Thà hy sinh hạnh phúc và mất những gì thì mất, chứ không thể để mất tiền trong túi. Rất sợ trách nhiệm nên không dám quyết định một việc gì. Trong cuộc sống cũng muốn làm ăn để vươn lên với mọi người, nhưng bỏ vốn ra thì không, vì sợ không kết quả, mất vốn. Ông chồng muốn đầu tư kinh doanh làm ăn việc gì thì thoải mái, bà ấy không có ý kiến. Nếu việc làm có kết quả thì theo, thất bại thì lãnh đủ, bà ấy là người ngoài cuộc.

Là người không có học vấn, nên không nắm bắt kịp những gì xảy ra chung quanh mình, lại được hấp thụ từ nhỏ cái tập quán cũ kỹ nên rập khuôn, cứng ngắt như cây tre khô. Ngoài ra vợ ông cũng không thành thật với ông về bước ngoặt của cuộc đời mình trước kia, cũng không một lời nào tỏ ý hối tiếc việc này cho chồng thông cảm, khi bối cảnh ngày xưa hiện về. Đã vậy vợ ông còn thách thức ông hành động tùy ý muốn, và có những lời lẽ xúc phạm danh dự cũng như nhân phẩm của ông quá đáng, mà sau đó không có sự suy nghĩ lại, không bao giờ nói mình sai, và cũng chẳng bao giờ xin lỗi ai một điều gì...

Lòng đau như cắt, ruột thắt tựa tơ vò, vì danh dự gia đình, cũng như không để cha mẹ phải buồn lòng, bởi đã tin tưởng vào mình và để nuôi dạy, chăm sóc cho đức con độc nhất ăn học khôn lớn nên người, nên ông đã phải cố sống bên người vợ chẳng đồng sức, không đồng tình, chẳng đồng hành, không đồng điệu với tháng ngày nhạt nhẽo buồn tênh! Ôi!

- Vui là vui để mà vui
- Ai tri âm đó ngọt bùi với ai?!

Ông cố san lấp cái mặt bằng tư tưởng nhận thức về cuộc sống, cố kê cho bớt cái lệch về kiến thức nhưng vô hiệu. Ôi! Sao con người thường gặp phải số phận mà mình không bao giờ muốn và cố tránh nó!?

Mười lăm năm mâu thuẫn bất đồng, mười lăm năm buồn bã

chất chồng, và cuối cùng đã thỏa thuận ly hôn năm 2004, sau 3 lần hòa giải ở tòa án từ năm 2000 không kết quả; kết thúc sít 30 năm oằn oại mà cả hai, phải sống ép mình dưới một mái nhà không có tiếng cười, chỉ có tiếng thở than náo nùng cho sự lầm lẫn đã phải gánh chịu vì bốn phận mà thôi!

Ôi! Ông:

- Phải chăng kiếp trước vụng tu ?
- Kiếp này phải trả để bù kiếp sau!
- Lòng đau chồng chất lòng đau,
- Nỗi buồn sâu thẳm, nỗi sầu cơ đơn!

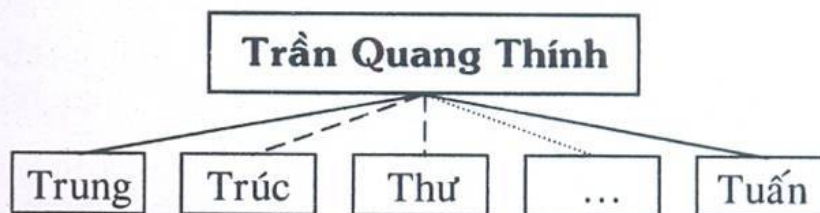
Hiện ông đang ở 327A (nhà hình ống) Chu Văn An, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM, ĐT: (08)5164944, làm nghề may mặc.

- Chẳng ai cười chê mình,  
khi mình đã tự chê cười mình

Céneque

② Ông **Trần Quang Thính (Trinh)**: SN Đinh Hợi 1947 ở An Thạch, trung học, có vợ là Nguyễn Thị Tình, SN Giáp Ngọ 1954 ở Phố Khánh, sinh hạ đời VII là:

- 1- Trần Thanh Trung
- 2- Trần Thị Thanh Trúc
- 3- Trần Thị Thanh Thư
- 4- Sinh mười mấy ngày bệnh chết.
- 5- Trần Thanh Tuấn



- Ông có cá tính mạnh mẽ, không chịu khuất phục một ai; nhạy



bén, gan dạ, liều lĩnh, không sợ ma quỷ, nửa đêm có thể lội qua sông một mình hay đi giữa rừng sâu hoặc nằm ngủ nơi nghĩa địa; sáng dạ chỉ học lóm là có thể làm được ngay sau đó; biết nghe điều phải, làm việc thiện, giúp đỡ mọi người bất cứ việc gì có thể giúp được hết mình. Nhưng trong cuộc sống đôi lúc bên chén rượu, cuộc trà thường có những lời nói ngông nghênh không lường được sự việc v.v... Nhiều người không ưa cái ngôn ngữ ngông nghênh không thực này, nhưng cũng không ít người quý mến cái tính thẳng thắn, dũng cảm của ông.

Ông có người vợ giỏi, biết nhẫn nhịn, biết làm ăn...

Gia đình đang ở thị trấn Đức Tài (Võ Đất cũ) và huyện Bù Đốp, Bình Phước, mua bán mặt hàng nông sản (chủ yếu là tiêu hạt). ĐT: (062)883066 và (0651)520291.

---

**Đời VII:** ① **Trần Thanh Trung:** SN 1974 ở Võ Đất, kỹ sư cơ khí, có vợ là Nguyễn Thị Thanh Tuyền, SN 1975 ở Võ Xu, kỹ sư bưu chính viễn thông, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Nguyễn Hạ Lâm, SN 14-01-2003 ở BV Từ Dũ.

Gia đình đang ở quận Bình Tân. Trung đang làm cho Cty người nước ngoài ở quận 7; Tuyền đang ở nhà chăm sóc con nhỏ vì còn quá ốm yếu, chờ đi làm.

② **Trần Thị Thanh Trúc:** SN 1976 ở Võ Đất, lớp 11, có chồng là Nguyễn Tài Quang, SN 1972 cùng quê, lớp 10, sinh hạ đời VIII là:

1- Nguyễn Trần Thanh Hoài, SN 2000 ở Đức Tài.

2- Nguyễn Trần...

Gia đình đang ở thị trấn Đức Tài làm nghề mua bán, sửa xe và có nhà cho thuê ở quận Bình Tân.

③ **Trần Thị Thanh Thư:** SN 1978 ở Võ Đất, lớp 9, có chồng là Trần Văn Phận, SN 1975 (15-04 Ấl), cùng quê, lớp 9, sinh hạ

đời VIII là:

1- Trần Tuấn Kiệt, SN 28-08-2002 ở Đức Tài.

Gia đình ở thị trấn Đức Tài làm nghề mua bán.

④ Sinh mười mấy ngày bệnh chết, có mộ ở sát mộ ông nội ở nghĩa trang Võ Đất.

⑤ **Trần Thanh Tuấn:** SN 1981 ở ở BV Từ Dũ, lớp 12, ở nhà phụ việc mua bán với cha mẹ ở Bù Đốp.

---

**Đời VI: Bà Trần Thị Phụng:** SN Kỷ Sửu 1949 ở An Thạch, lớp nhứt trường làng, đậu tiểu học trước năm 1965, có chồng là Nguyễn Ngọc Thức (Thừa), SN Mậu Tí 1948 ở An Thổ, lớp đệ ngũ, sinh hạ đời VII là:

1- Nguyễn Thị Thanh Nhàn

2- Nguyễn Thị Mỹ Lệ

3- Nguyễn Văn Phú

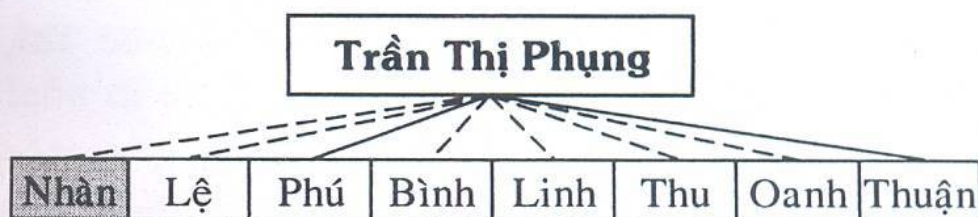
4- Nguyễn Thị Bình

5- Nguyễn Thị Mỹ Linh

6- Nguyễn Thị Xuân Thu

7- Nguyễn Thị Xuân Oanh

8- Nguyễn Văn Thuận



- Bà Phụng là một phụ nữ có tính hiền hòa, dễ chịu đựng, tháo vát, đảm đang, sống hòa đồng, thủy chung, biết làm ăn và giỏi làm ăn, nhưng việc chăm sóc con cháu thì thả cho tự nhiên. Có 2 người con út học giỏi liền 3 cấp và đại học.

Gia đình ở 146 Ba Tháng Hai, Thị trấn Đức Tài (Võ Đất), mua bán vật liệu xây dựng, ĐT: (062)883122.



**Đời VII:** ① **Nguyễn Thị Thanh Nhàn:** SN 1970, bị bệnh chết lúc chưa đầy năm.

② **Nguyễn Thị Mỹ Lệ:** SN 1972 ở Sài Gòn, lớp 12, có chồng là Dương Sơn, SN 1971 ở Võ Xu, sinh:

1- Dương Quý, SN 1995 ở Võ Xu.

2- Dương Trúc Anh, SN 2000, bị bệnh nhũn não chết năm 2004, an táng ở quê.

3- Dương Quốc, SN 15-04-2005 ở...

Gia đình ở quê Võ Xu làm nghề may và sửa xe.

③ **Nguyễn Văn Phú:** SN 1975 ở Võ Đất, lớp 7, có vợ là Trần Thị Ngọc Trâm, SN 1977 cùng quê, sinh:

1- Nguyễn Thị Thùy Trang, SN 1996 ở Đức Hạnh.

2- Nguyễn Ngọc Hoàng, SN 05-09-2003 ở Đức Linh.

Gia đình ở Đức Tài làm nghề buôn bán và chạy xe tải.

④ **Nguyễn Thị Bình:** SN 1977 ở Võ Đất, lớp 9, có chồng là Nguyễn Tấn Hùng, SN 1972 cùng quê, sinh:

1- Nguyễn Tấn Vĩ, SN 1999 ở Đức Tài.

Gia đình ở quê Đức Tài làm nghề may và chạy xe tải nhà.

⑤ **Nguyễn Thị Mỹ Linh:** SN 21-07-1981 ở Đức Tài, TN.C2, đang ở với cha mẹ ở quê Đức Tài lo việc mua bán.

⑥ **Nguyễn Thị Xuân Thu:** SN 20-02-1984 ở Đức Tài, đang học năm cuối ĐH Kỹ Thuật Công Nghệ.

⑦ **Nguyễn Thị Xuân Oanh:** SN 1987 ở Đức Tài, đang học năm III ĐH Tài Chánh Kế Toán.

⑧ **Nguyễn Văn Thuận:** SN 18-01-1990 ở Đức Tài, đang học phổ thông.

- Người hiểu biết là người luôn học hỏi người khác, và không bao giờ tự cho mình là đúng.

*Danh nhân phương đông*



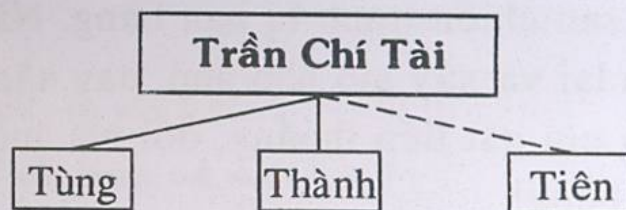
**Đời VI: Ông Trần Chí Tài:** SN Quý Tị 1953 ở An Thạch, lớp đệ lục, có vợ là Nguyễn Thị Bốn, SN Ất Mùi 1955 ở Phổ Thuận, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Văn Tùng (Thiệt)

Đôi bên vì quá bất đồng trong cách cư xử, ăn ở cũng như quá dị biệt trong sự nhìn nhận cuộc đời. Mặc dầu hai bên gia đình có gặp nhau đôi lần để tìm cách xóa bớt đi phần nào sự ngăn cách, nhưng không thể...Sau hơn 6 năm sống ly thân, tòa án chấp thuận cho ly hôn. Năm 1986, ông Tài có vợ khác là Võ Thị Xuân (Ảnh), SN Nhâm Dần 1962 ở Biên Hòa, lớp 7, sinh tiếp đời VII là:

1- Trần Chí Thành (Thà)

2- Trần Thủy Tiên (bé Tư)



- Ông Tài có tính trầm, cẩn mẫn, nhẫn nại, chịu khó, sáng dạ, luôn học hỏi và biết học hỏi người khác để tiến; sống hòa đồng, thường giúp đỡ anh em và bà con những khi gặp khó khăn hết mình; rất ham học, nhưng chiến tranh lửa đạn, gia đình luôn di tản nên không được học hành theo ước nguyện. Ông có người vợ giỏi, luôn sát cánh kề vai trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi con cho ăn học.

Gia đình ở 150 Ba Tháng Hai, Thị trấn Đức Tài, làm nghề mua bán, nấu rượu, chăn nuôi heo và đúc chậu trồng cây kiếng. ĐT: (062)883117.

---

**Đời VII: ① Trần Văn Tùng:** SN 1976 ở Võ Đất, lớp 9, có vợ là Nguyễn Thị Xuân Thanh, SN 1980 ở Mé Pu, TNTCSP, giáo



viên tiểu học, sinh hạ đời VIII là:

1- Trần Quốc Thịnh, SN 26-11-2003 ở BV Đức Linh.

Gia đình ở Thị trấn Đức Tài. ĐT: (062)511363. Từng làm nghề cơ khí tiện hàn và sửa xe; Thanh dạy học.

② **Trần Chí Thành:** SN 24-09-1988 ở Đức Tài, đang học năm II trường ĐH Kỹ Thuật Công Nghệ.

③ **Trần Thủy Tiên:** SN 30-07-1997, ở BV Từ Dũ, đang đi học.

---

**Đời VI:** ① **Trần Thị Mau:** SN 1958 (cuối năm Đinh Dậu) ở An Thạch, bị trúng gió độc quá nặng vào mùa đông năm 1960, trong khi mẹ không có ở nhà, cha đi gánh lúa gặt mùa thu đông, anh còn nhỏ chưa ý thức được sự việc nên vận số của Trần Thị Mau trên cũi dương này chưa đầy 3 năm đủ. Ôi! Mộ ở đất Cẩm Còi, sau chiến tranh bị ban bằng. Năm 2000, mẹ và anh hai về tìm lại và xây mộ nho nhỏ, nay nằm trên đất người khác. Ôi! Đứa em gái liến thoắng, đôi má luôn đỏ hồng, anh hai anh ba ẵm bồng!

② **Ông Trần Quang Sinh:** SN 1962 (cuối năm Tân Sửu), ở An Thạch, TNĐHSP khoa Toán năm 1985 ở Sài Gòn, có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Trâm, SN Kỷ Dậu 1969 ở Tư Nghĩa, lớp 10, sinh hạ đời VII là:

1- Trần Ngọc Ánh, SN 05-11-1993 ở BV Từ Dũ.

**Trần Quang Sinh**

**Ngọc Ánh**

- Ông Sinh thông minh, học giỏi, có năng khiếu về toán, nhất là toán hình không gian. Năm 1974 thi chuyển cấp vô đệ thất (lớp 6) đỗ hạng 7/320 thí sinh trúng tuyển. Năm 1978 thi chuyển cấp vô lớp 10 trường Bùi Thị Xuân, điểm 10 môn toán. Năm 1985,

thi ra trường đại học sư phạm với số điểm cao nhất cho đồ án tốt nghiệp. Ông đang là giáo viên dạy môn Toán ở TP.HCM.

- Bà Trâm là một phụ nữ có cá tính cương trực và thẳng thắn; sống rộng rãi và có nghĩa tình; có tâm hướng về Phật...làm nghề nội trợ và mua bán.

Gia đình ở 140/19 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM, ĐT: (08)5114414.

---

**Đời V:** ① **Ông Trần Bon:** SN Đinh Tị 1917 ở An Thạch, năm lên 2 tuổi biết đi lững chững, mẹ đi chợ, đi theo ra đến ngõ trượt chân chuồi xuống mương nước chết đuối. Trưa về bà mẹ không thấy con đâu, đi tìm thì mới phát hiện con đã nằm chết dưới mương nước tự lúc nào! Mộ lạc mất đã lâu không biết.

*Ôi!*

- Tính quen người mẹ cà kê!
- Con thơ chết đuối trưa về mới hay!

② **Bà Trần Thị Tiến (em):** SN Nhâm Tuất 1922 ở An Thạch. Vì hoàn cảnh nên sau khi sinh chưa đầy năm, người mẹ gửi bà cho người dì ruột nhận làm con nuôi. Bà có chồng là Trương Hoàng, SN Tân Dậu 1921 ở Vĩnh Yên, đỗ yếu lược, biết chữ Hán, giỏi nghề làm thuốc nam, và đã mấy chục năm hành nghề bào chế thuốc nam, chữa nhiều bệnh ở quê. Ông bà sinh những người con đời VI là:

- 1- Trương Thị Nhị
- 2- Chết nhỏ và 3- chết nhỏ
- 4- Trương Thị Huệ (Huệ)
- 5- Trương Thị Nở (Dung)
- 6- Trương Bẩy (Công Xinh)
- 7- Trương Thị Bé (Giang Tuyên)



## 8- Trương Thới (Ngọc Phương)



- Bà bệnh âm ỷ từ lâu và có triệu chứng muốn lìa bỏ cõi trần. Có đôi lần, bà có những lời nói như báo hiệu sẽ bỏ chồng con ra đi nhưng không ai để ý, ngỡ là lời nói đùa bình thường. Cho đến một ngày, ngày 14-03 Âm 1962, bà thấy người khó chịu, mệt và nóng sốt nên đi lấy thuốc tự sắc để uống lúc nửa buổi sáng, nhưng bệnh càng nặng thêm. Mẹ nuôi - bà 11 - có đến thăm và đốc thúc việc chữa trị, nhưng không kết quả.

Hoàng hôn xuống, đêm về, trời tối sẫm nơi làng quê! Tiếng côn trùng nỉ non ai oán như khóc than, thương tiếc cho một người chưa đến tuổi từ biệt cõi dương gian mà phải lìa trần! Bà đi bỏ lại 6 người con còn nhỏ và thơ dại, trong đó có người con chưa biết đi! Ôi! 40 tuổi đời, quãng thời gian quá ngắn cho một kiếp người! Mộ bà được chồng và các con xây lại năm 1999 ở quê, phía biển Trà Câu, to và đẹp.

- Ông sau khi bà mất nhiều năm, có vợ khác, có sinh con nhưng mới sinh thì bị chết cả 2 mẹ con. Những năm sau nữa, ông có vợ đời thứ 3, người cùng quê, sinh 1 người con gái tên Trương Thị Nguyên, đã có chồng con, nhà ở sát nhà cha mẹ. Ông còn khỏe đang sống ở Bảo Lộc với vợ con.

---

**Đời VI:** ① Bà Trương Thị Nhị: SN Giáp Thân 1944 ở Vĩnh Yên, Phố Văn, có chồng là Cao Lệ, SN Tân Tị 1941 cùng quê, sinh hạ đời VII là:

1- Cao Thị Thu Hà, SN 1965 ở Tập An Bắc, Phố Văn, có chồng là Lê Cương, SN 1964 ở An Thạch, sinh:

- Lê Thúc Định, SN 1990 ở An Thạch, đang đi học.

- Lê Phúc Đạt, SN 1993 ở An Thạch, đang đi học.

Gia đình ở Bảo Lộc trồng trà, cà phê và chăn nuôi.

2- Cao Xuân Thảo, SN 1968 ở Đông Quang, Phổ Văn, Đức Phổ có vợ là Nguyễn Thị Loan, SN 1972 cũng ở Đông Quang, Phổ Văn, Đức Phổ, sinh hạ đời VIII là:

- Cao Tiểu Kỳ, SN 1995 ở Đông Quang, Phổ Văn.

- Cao Tiểu Bảo, SN 2000 ở Đông Quang, Phổ Văn.

Gia đình ở quận Bình Tân mua bán vải dư.

3- Cao Duy Linh, SN 1971 ở Đông Quang, Phổ Văn, làm ở nhà hàng, đang ở quận Bình Tân.

4- Cao Thị Kim Loan, SN 1973 ở Đông Quang, Phổ Văn, có chồng là Huỳnh Văn Đậu, SN 1969, sinh:

- Huỳnh Thị Thùy, SN 2001 ở Đông Quang, Phổ Văn.

Gia đình đang ở quận Bình Tân.

- Ông Lệ những ngày cập kê 30-04-1975 vẫn còn thấy, nhưng sau 30-04 đi đâu mất tích. Gia đình có đi tìm khắp nơi, nhưng không tìm được.

- Bà Nhị đang sống với cháu nội, nhà trên nền vườn nhà cũ ở quê Vĩnh Yên, Đông Quang, Phổ Văn, làm nông.

- Ở hiền thì lại gặp lành

- Những người nhân đức trời dành phúc cho.

#### Ca dao

② **Bà Trương Thị Huê (Huệ):** SN Kỷ Sửu 1949 ở Vĩnh Yên, có chồng là Võ Văn Hùng (còn có tên là Cường), SN Nhâm Ngọ 1942 ở Bảo Lộc (gốc Bình Định), sinh hạ đời VII là:

1- Võ Thị Kim Yến, SN 1971 ở Bảo Lộc, có chồng là Nguyễn Văn Cường, SN 1965 ở Đà Lạt, gốc Bắc, sinh 2 trai. Gia đình đang ở Bảo Lộc trồng trà.



2- Võ Thị Kim Phượng, SN 1973 ở Bảo Lộc, thợ may.

3- Võ Thị Kim Hà, SN 1976 ở Bảo Lộc, có chồng là Phan Đăng Phương, quê Đà Lạt, sinh 1 trai. Gia đình đang sinh sống ở Đà Lạt.

4- Võ Thị Mỹ, SN 1978 ở Bảo Lộc, tốt nghiệp trung cấp sư phạm, giáo viên, có chồng là Lại Văn Đối, đồng tuổi, cùng nghề, quê Nam Định, chưa có con.

5- Võ Phú Cường, SN 1981 ở Bảo Lộc.

6- Võ Thị Bảo Trang, SN 1985 ở Bảo Lộc.

7- Võ Thị Bảo Thu, sinh đôi với Bảo Trang. Cả 2 đang đi học.

Gia đình Bà Huê ở Bảo Lộc trồng trà, cà phê, cây ăn trái và có nhiều nhà mặt đường cho thuê.

③ **Bà Trương Thị Nở (Dung):** SN Nhâm Thìn 1952 ở Vĩnh Yên, sĩ quan công an, có chồng là Nguyễn Quang Hà. Ông Hà SN Ất Sửu 1925 ở Bình Sơn, thiếu tướng công an về hưu, đã kinh qua các chức danh như phó GD sở công an tỉnh Thuận Hải (Ninh Thuận và Bình Thuận), GD sở du lịch tỉnh Thuận Hải trước năm 1990, sinh 3 con là:

1- Nguyễn Quang Lâm, SN....., có vợ có con, đang làm ở Cty du lịch tỉnh Bình Thuận.

2- Nguyễn Quang Huy, SN....., sĩ quan công an.

3- Nguyễn Quang Toàn, SN 1981 ở Phan Thiết.

- Ông Hà bệnh già mất ngày 26-11 Âm (26-12-2005), an táng ở nghĩa trang cán bộ Phan Thiết.

- Bà Nở (Dung) làm ở khách sạn ở Phan Thiết.

④ **Trương Bấy (Công Xinh):** SN Ất Mùi 1955 ở Vĩnh Yên, bị vướng mìn tử nạn ngày 19-01 Âm 1972. Mộ đã xây nho nhỏ, nằm giữa lòng các mộ ở nghĩa trang Bảo Lộc.

⑤ **Trương Thị Bé (Giang Tuyền):** SN Mậu Tuất 1958 ở Vĩnh Yên, Phổ Văn, Đức Phổ có chồng là Nguyễn Hùng, SN Ất Mùi 1955 ở TX. Quảng Ngãi, sinh hạ đời VII là:



1- Nguyễn Thị Trường Ly, SN 1984 ở Đông Quang, Phổ Văn, Đức Phổ tốt nghiệp trung cấp kế toán.

2- Nguyễn Như Quỳnh (Thỏ), SN 1995 ở Bảo Lộc.

3- Nguyễn Khánh Ngọc (Sóc Nâu), SN 1998 ở Bảo Lộc.

Gia đình ở khu phố 8, phường Lộc Sơn, Bảo Lộc, ĐT: (063)726586, trồng trà, cà phê, cây ăn trái. Ông Hùng có làm thầy về tâm linh một thời gian đã giúp cho mọi người chữa khỏi nhiều bệnh ngặt nghèo. Đầu năm 1999, ông có về quê tự thân đóng góp gần mười ngày công làm mộ cho nhạc mẫu.

© **Trương Thới (Ngọc Phương):** SN Tân Sửu 1961 ở Vĩnh Yên, Phổ Văn, Đức Phổ có vợ là Bùi Thị Thu, SN Giáp Thìn 1964 ở Nghĩa Dõng, sinh hạ đời VII là:

1- Trương Vũ Bão, SN 1984 ở Bảo Lộc, đang học đại học, chuẩn bị xuất cảnh qua Mỹ.

2- Trương Thị Duyên Trâm, SN 1987 ở Bảo Lộc, đang đi học.

3- Trương Công Sang, SN 1992 ở Bảo Lộc, đang đi học.

Gia đình ở phường Lộc Sơn, Bảo Lộc, ĐT: (063)726075, trồng trà, cây ăn trái, nấu rượu, nuôi heo, nuôi dê và nuôi 2 hồ cá khoảng 2 ha. Năm 2006, ông được đài truyền hình tỉnh Bình Thuận phỏng vấn, giới thiệu gương điển hình người tốt việc tốt, gia đình biết làm kinh tế V.A.C.

Ông Phương là người rất táo bạo và liều lĩnh trong việc làm ăn, tháo vát và biết xoay sở, chịu đựng và khắc phục mọi tình huống khó khăn để vươn lên; bên cạnh cũng nhờ người vợ biết đồng cảm, luôn kề vai chung sức trong việc làm ăn và chăm sóc con cái. Ông cũng là người rất có hiếu với mẹ, dẫu rằng mới sinh ra chưa đầy năm thì mẹ đã mất. Đầu năm 1999, giữa lúc gia đình đang còn gặp không ít hạn chế về cuộc sống, vậy mà ông đã từ Bảo Lộc về quê xây cho mẹ ngôi mộ to và đẹp, có giá trị trên 11 triệu đồng, trong đó phần ông đóng góp trên 10 triệu và gần 20 ngày công ngoài gió nắng nơi nghĩa trang!



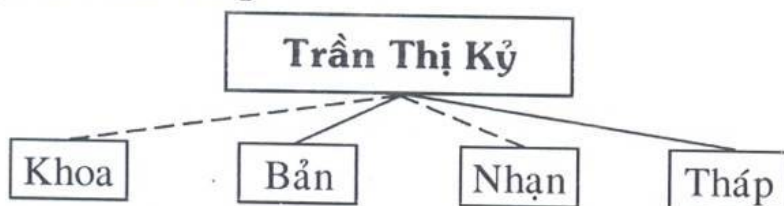
Thật là một người con đáng quý, làm vẻ vang cho gia đình!

- Núi đồi Bảo Lộc mờ sương
- Người con hiếu đễ họ Trương sáng lòng.

*Ca dao mới*

**Đời IV: Bà Trần Thị Kỷ (Cửu Sung):** SN Bính Tuất 1886 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Đức Sung. Ông Sung quê Văn Trường, tinh thông chữ Hán, đỗ nhị trường, giỏi tiếng Pháp, sinh hạ đời V là:

- 1- Nguyễn Thị Khoa
- 2- Nguyễn Đức Bản
- 3- Nguyễn Thị Nhạn
- 4- Nguyễn Đức Tháp



- Bà bệnh già yếu mất năm 1952. Mộ ở Vinh Hiễn.
- Ông vào năm 1909 đi thi hương ở Quy Nhơn, đỗ nhị trường. Sau ông theo học tiếng Pháp và giỏi ngôn ngữ này. Thời Duy Tân ông được phong phẩm hàm cửu phẩm, nên gọi là Cửu Sung. Ông bệnh già mất năm gần 70 tuổi. Mộ ở quê.

**Đời V: ① Bà Nguyễn Thị Khoa:** SN không rõ, có chồng tên Chiêu, làm nghề dạy học, sinh: Phùng-Đào-Sáu-Bảy-Liêm.

② Ông Nguyễn Đức Bản: SN Ất Mão 1915 ở Vinh Hiễn, có vợ là Nguyễn Thị Thìn, SN Bính Thìn 1916 ở Thạch Trụ, sinh:

- 1- Nguyễn Thị Vân.

Nguyễn Thị Vân, có chồng là Đỗ Hữu Đức, SN 1933 ở Vinh

Hiển, sinh 1 trai là Đỗ Anh Tài, SN 1954. Hai bên thối nhau, Vân có chồng khác là Trần Phượng, SN 1920 cùng quê, đã có vợ con, sinh: Loan - Sinh - Viên - Đại - Học.

- Bà Thìn sau khi sinh người con gái đầu lòng (Nguyễn Thị Vân) được hơn 1 tháng, đi chợ bị trúng gió, cắt thuốc bắc sắc uống chẳng may bị phát ách chết ngày..., an táng ở Vinh Hiển.

- Ông Bản sau khi vợ mất nhiều năm, có vợ khác tên Bẩy, quê Thạch Trụ, sinh 2 trai là:

1- Nguyễn Đức Tân, bị bệnh chết lúc nhỏ.

2- Nguyễn Đức Thịnh, có vợ con ở Hải Phòng.

Ông Bản không biết bệnh gì mất năm 1948, an táng ở VHiển.

③ Bà Nguyễn Thị Nhạn: SN Nhâm Tuất 1922 ở Vinh Hiển, có chồng, sinh hạ đời VI là:

1- Nguyễn Đức Bé. Nguyễn Đức Bé, SN Bính Tuất 1946 ở Vinh Hiển, có vợ là Nguyễn Thị Trê, quê Hà Bắc, sinh:

1- Nguyễn Đức Chung, SN 1974.

2- Nguyễn Thị Thơi, SN 10-10-1977.

Vào một ngày không hiểu sao (?), người vợ dẫn đưa con trai ra quê mình rồi không trở về. Người con gái ở lại theo cha, được cha nuôi dưỡng cho ăn học và là giáo viên đang dạy học ở Tịnh Giang, Sơn Tịnh.

Ông Bé có vợ khác là Nguyễn Thị Hai, SN Giáp Ngọ 1954 ở Đức Lâm, sinh:

1- Nguyễn Văn Thùy, SN 03-07-1983 ở TX. Quảng Ngãi.

2- Nguyễn Thùy Dương, SN 22-12-1984 ở TX. Quảng Ngãi, TNTCKT, đang đi làm.

▪ Ông Nguyễn Đức Bé đi bộ đội, nhiều lần bị thương, ra Bắc vô Nam, qua Cao Miên, chiến đấu trên khắp chiến trường, quân hàm cấp úy, đã nghỉ hưu. Gia đình ở TP. Quảng Ngãi, bán hàng ăn uống, nhà 2 căn mặt đường số 129 Lê Trung Đình, TP. Quảng Ngãi, ĐT: (055)819075.



▪ Người chồng đi đâu mất tích, biệt tăm nhiều năm không có phản hồi, bà Nhạn có chồng khác tên Ngọc, sinh: Nguyễn Đức Em. Nguyễn Đức Em lớn lên đến năm gần 20 tuổi, vào 1 chiều tháng bảy, chẳng may bị trúng đạn chết oan ở gần cầu Suối Giời (Nước Mặn). Chẳng biết mộ nơi đâu?!

Bà Nhạn bệnh già mất ngày 26-03 Âm 1989, an táng ở VHiển.

④ **Ông Nguyễn Đức Tháp:** SN Bính Dần 1926 ở Vinh Hiển, năm 1954 tập kết ra Bắc, làm việc ở ngành cơ khí, đi làm chẳng may bị lật xe té bị thương. Ông có vợ là Nguyễn Thị Yến, SN Nhâm Thìn 1952 quê ở thôn Đông, xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh, sinh:

1- Nguyễn Đức Trường, SN 1978 ở Hà Bắc, có vợ là Trần Thị Minh Hiếu, SN 1976, sinh 1 con gái, SN 12-07 Âm 2006 ở bảo sanh viện Đức Hiệp.

2- Nguyễn Đức Học, SN 1991 ở Vinh Hiển, đang đi học.

- Năm 1978 ông di chuyển gia đình vô Nam, về lại quê xưa, sống trên nền vườn nhà cũ của cha mẹ ở Vinh Hiển, làm ruộng, vườn và lãnh lương hưu thương tật nuôi con cho ăn học.

Ông bị đột tử vào lúc 6h00 ngày 27-10-2006 (06-09 Âm) trong lúc đang xem đá banh, an táng ngày 29-10-2006. Mộ ở cạnh mộ em gái là bà Nhạn.

---

**Đời IV:** ① **Bà Trần Thị Phượng:** SN Mậu Tý 1888 ở An Thạch, có chồng là Lý Thốn (Thủ bộ A) quê An Thổ, có sinh 1 người con trai nhưng chết nhỏ không rõ nguyên nhân.

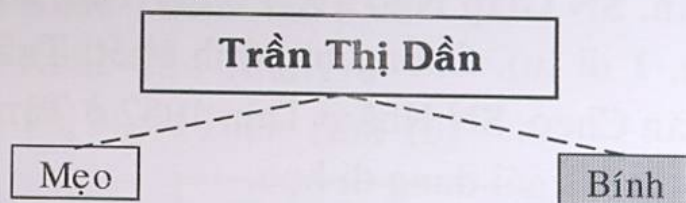
Nghe kể rằng bà là người giỏi võ nghệ, nhiều lần theo đoàn quân đi đánh giặc nọ, bị nọ đá vách bắn đạn ná trúng trước đầu quá nặng tử trận ngày 06-01 Âm. An táng ở An Thổ. Các cháu nội của chồng (cháu nội bà thứ 4) xây mộ cho bà ngày 8-2 Âm 2007 chắc và đẹp. Mộ chí ghi là "bà nội lớn 2 - Trần Thị Ê".



② **Bà Trần Thị Dần:** SN Canh Dần 1890 ở An Thạch, có chồng chung với người chị thứ 8 là ông Lý Thốn (Thủ bộ A) quê An Thổ, sau khi người chị thứ 8 mất. Bà có con đời V là:

1- Lý Thị Mẹo (thứ 7)

2- Lý Thị Bính (thứ 8)



- Bà già yếu mất ngày 6-1 Âm , an táng ở An Thổ. Khi còn tại thế, bà Mẹo (con gái) có gửi tiền cho cháu nội của chồng là ông Lý Đây xây mộ cho mẹ mình. Ngày 8-2 Âm 2007, ông Lý Đây đã thực hiện sự ủy thác của bà Mẹo. Mộ chí của bà ghi là “bà nội lớn 3 - Trần Thị Mẹo”

- Người vợ thứ tư của ông Thốn sinh: Tề 5 - Tiệp 6 - Bằng 9 - Duy (Dứa) 10 - Mai(Đà) 11. Ông Tề có vợ 1 là em ruột ông Thì (Địch) sinh Lý Chương (chết nhỏ) và Lý Ngọc Châu. Châu theo cha đi tập kết, có chồng, có 3 con. Gia đình ở Long Thành. Ông Duy (Dứa), gia đình đang ở Võ Xu, Đức Linh, Bình Thuận.

---

**Đời V:** ① **Bà Lý Thị Mẹo:** SN Nhâm Tuất 1922 ở An Thạch, có chồng Lê Định, SN Kỷ Mùi 1919 cùng quê, sinh đời VI là:

1- Lê Văn Sảnh, SN 1940, bị bệnh chết lúc 6 tuổi.

2- Lê Thị Cúc, SN 1942 ở A.Thổ, có chồng quê Hội An, chưa con, đi du kích chết cả hai vợ chồng ở An Thạch năm 1967.

3- Lê Mỹ, SN Ất Dậu 1945 ở An Thổ, có vợ là Đinh Thị Mai, SN Quý Mùi 1943 cùng quê, sinh 2 gái tên Loan và Hiền. Gia đình ở Hàm Tân.

5- Lê Hồng Dũng, SN Canh Dần 1950 ở An Thổ, có vợ là Trương Thị Thiệt, SN Đinh Dậu 1957 ở Thủ Thiêm, sinh:

• Lê Văn Luyến, SN 1975, ở Hàm Tân.



- Lê Thị Phương Bình, SN 1978, ở Hàm Tân.
- Lê Thị Thanh Xuân, SN 1981, ở Hàm Tân, tốt nghiệp đại học sư phạm khoa ngữ văn.

- Lê Thị Vương Minh SN 1987, ở Hàm Tân.

Gia đình ở quê Hàm Tân làm vườn, trồng cây ăn trái.

6- Lê Thị Tuấn, SN Giáp Ngọ 1954 ở An Thổ, có chồng sinh 2 gái (1 đi làm, 1 đi tu). Chồng bị bệnh chết, Tuấn có chồng khác là Phan Văn Cheo, SN Nhâm Thìn 1952 ở Tân Hiệp, Kiên Giang, sinh 1 trai và 1 gái đang đi học.

7- Lê Sĩ Hùng, SN Đinh Dậu 1957 ở An Thổ, KS làm việc ở Cty dầu khí ở Vũng Tàu, có vợ là Trương Thị Thủy, quê ở Huế, giảng viên ĐHXHNV, sinh:

- Lê Thanh Hằng, SN 1982, đang đi học.
- Lê Thanh Hải, SN 1984, học giỏi được nhà nước đào tạo kỹ sư tài năng bưu chính viễn thông.

Gia đình vừa ở Sài Gòn và vừa ở Vũng Tàu.

8- Lê Hồng Tâm, SN Canh Tí 1960, có vợ là Lương Thị Lượm, SN Nhâm dần 1962 ở Thủ Đức, sinh: Trí-Châu-Minh.

- Ông Định già yếu mất năm 2001, an táng ở Hàm Tân.

- Bà Mẹo năm 2003 còn khỏe, nhưng đã lẫn không còn nhớ gì...!, đang ở với các con ở Hàm Tân.

② **Lý Thị Bích:** SN Bính Dần 1926 ở An Thổ, bệnh chết nhỏ. Bà là em một mẹ một cha với bà Mẹo; là con của bà Dần. Bà Dần là vợ thứ 3 của ông Thủ Bộ A.

- Nữ nam nội ngoại một nhà
- Tiếng ru của mẹ lời bà đầu ơ.

*Ca dao mới*

**Đời IV: Bà Trần Thị Nữ:** SN Bính Ngọ 1906 ở An Thạch, có chồng là Nguyễn Thiệp, SN Bính Thân 1896 ở An Ninh, sinh



những người con đời V là:

- 1- Nguyễn Thị Tư (thứ 4)
- 2- Nguyễn Thị Hoàng (thứ 5)
- 3- Nguyễn Khắc Kiệm (thứ 6)
- 4- Nguyễn Thị Ngọc Diệu (thứ 7)
- 5- Nguyễn Khắc Tuấn (thứ 8)
- 6- Nguyễn Khắc Cần (thứ 9)
- 7- Nguyễn Thị Ngọc Bích (thứ 10)



- Bà, thuở sanh tiền xuôi ngược trong Nam, bán thuốc cao đơn hoàn tán, làm thầy chữa bệnh cho mọi người ở khắp vùng Bến Tre; có nhà, có đất ở Vang Quới, Bình Đại. Bà bị bệnh mất ngày 03-12 Âl 1969, an táng ở Sài Gòn, sau 10 năm hốt cốt hỏa thiêu, tro để ở chùa Vĩnh Nghiêm.

- Ông là con nhà giàu có, có làm nghề giáo, giỏi chữ Hán, biết chữ Việt, biết chữ Tây. Ông bị bệnh mất ngày 22-03 Âl 1951, an táng ở quê An Ninh.

---

**Đời VI:** ① Bà Nguyễn Thị Tư: SN Đinh Mão 1927 ở A.Ninh, có chồng là Trần Nhâm, SN Canh Thân 1920 cùng quê, sinh:

1- Trần Thị Tế, SN Kỷ Sửu 1949 ở An Ninh, có chồng là Trần Minh Chung, đồng tuổi, sinh:

- Trần Thị Huyền Trâm, SN 1978, TCKT, có chồng là Nguyễn Thanh Hùng, giáo viên Anh Văn cấp 3, sinh 1 con, gia đình ở Gia Lai.

- Trần Ngọc Duy, SN 1980 TC điện.

- Trần Minh Tân, SN 1983 TNPT.



• Trần Thị Bích Ngân, SN 1986, đang học ĐH.

Gia đình ở TT. Đức Phổ làm ruộng và có đi làm ăn ở SGòn.

2- Trần Văn Dũng, SN Quý Tị 1953 ở An Ninh, có vợ tên Mười, SN Đinh Dậu 1957 ở TT. Đức Phổ, sinh: Minh - Trí - Thúy - Thiệu - Thiện. Gia đình ở TT. Đức Phổ.

② **Bà Nguyễn Thị Hoàng (Năm Lai):** SN Tân Mùi 1931 ở Mỹ Tho, có chồng là Nguyễn Đức Hùng, SN Canh Ngọ 1930 ở An Ninh, sinh:

1- Nguyễn Đức Anh, SN Ất Mùi 1955 ở An Ninh, có vợ tên Loan, có 2 con gái đang ở Bảo Lộc.

2- Nguyễn Đức Minh, SN Kỷ Hợi 1959 ở An Ninh, có vợ có 4 con đang ở Bảo Lộc.

3- Nguyễn Thị Diễm Kiều, SN Nhâm Dần 1962 ở An Ninh, có chồng có 3 con đang ở Bảo Lộc.

4- Nguyễn Thị Thúy Liễu, SN Ất Tị 1965 ở An Ninh, có chồng có 3 con đang ở Bảo Lộc.

Đại gia đình bà Năm Lai đang ở Bảo Lộc, chuyên nghề phục vụ về ẩm thực và trang trí cho các đám cưới, đám tiệc...

③ **Ông Nguyễn Khắc Kiệt:** SN Giáp Tuất 1934 ở Mỹ Tho, có vợ là Nguyễn Thị Như Mai, SN Giáp Thân 1944 ở An Ninh, làm nghề dạy học và nghề nông, sinh:

1- Nguyễn Đăng Khoa, SN 1977 ở An Ninh, có vợ là Nguyễn Thị Cẩm Hồng, SN 1980 ở TX. Quảng Ngãi, sinh 1 gái tên Nguyễn Thị Cẩm Tiên, SN 2003 ở TX. Quảng Ngãi.

Gia đình ở TP. Quảng Ngãi, làm ở cửa hàng mua bán xe.

2- Nguyễn Thị Ca Thy, SN 1979 ở An Ninh, ĐH dở dang, cán bộ công chức ở quê, đã nghỉ làm vô Sài Gòn làm việc khác.

3- Nguyễn Đăng Kha, SN 1983 ở An Ninh, TNPT, đi bộ đội.

- Ông Kiệt năm 1954 tập kết ra Bắc, để người vợ mới cưới ở



lại quê hẹn 2 năm trở về tái sum họp. Nhưng đã quá 2 năm mà bóng ông vẫn thăm thẳm, mịt mờ, ngày đoàn tụ chìm sâu trong nỗi nhớ nhung hẹn ước đợi chờ, nên người vợ sang ngang với người đã từng theo đuổi và chờ đợi mình từ trước. Cuộc hôn nhân được sự tán đồng của gia đình bên ông.

Ông suốt cả một đời hiến thân cho nước non và chăm lo gây dựng gia đình. Tháng ngày lặn lội với gió sương, cật lực với mọi việc nặng nhẹ trong ngoài, năm dài mỗi mòn thể phách, lại bị bệnh ngặt nghèo, không thể chữa được, qua đời ngày 12-01 Âl 1992, an táng ở quê, nơi vườn Kén bên triền đồi, đã xây mộ.

**④ Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu:** SN Đinh Sửu 1937 ở Bình Đại, có chồng là Lê Bính, SN Nhâm Thân 1932 ở An Ninh, làm nghề dạy học, sinh hạ đời VI là:

1- Lê Thị Kim Quyên, SN Ất Mùi 1955 ở TXQ.Ngãi, bị lạc đạn trúng màng tang chết ngày 06-01 Âl 1966 ở sát đầu cầu ván nhỏ gần chợ Vang Quới, Bình Đại, an táng gần nơi mất. Vong hồn Kim Quyên rất hiển linh. Mẹ xây mộ năm 2000. Ảnh của cô để trên một tủ thờ, đặt ngang với tủ thờ khác ở nơi nhà trước của một gia đình, mà người chồng đã từng được vong hồn của cô che chở để thoát qua cuộc hiểm nguy(?). Gia đình này thờ phượng và hương khói cho cô như cho người thân của mình.

2- Lê Thị Kim Tuyền, SN Đinh Dậu 1957 ở An Ninh, TNPT, có chồng là Trần Văn Phương, sinh:

- Trần Thị Cao Nguyên, đại học.
- Trần Thái Sơn, đại học.

Gia đình ở phường Kỳ Sơn, Tân Bình, ĐT: (08)8163466. Chồng làm bảo vệ và huấn luyện bơi lội cho hồ tắm gần sân bay; vợ làm việc cho cơ quan người nước ngoài.

3- Lê Văn Hóa, SN Kỷ Hợi 1959 ở An Ninh, vượt đại dương qua đảo và rồi qua Mỹ định cư năm 1991, thạc sĩ tin học ở Hoa



Kỳ, có vợ, sinh 2 con (1 gái 1 trai) ở Mỹ.

- Bà Diệu năm chồng mất chưa đầy 30 tuổi, một mình nuôi những người con cho ăn học nên người (thành danh, thành đạt). Bà là người có cuộc sống rộng rãi, chan hòa; sống có tình nghĩa với mọi người; luôn sẵn sàng bảo bọc, chăm sóc cho con cháu những khi hoạn nạn, ốm đau hết mình. Mọi người ai cũng quý mến bà. Bà đang định cư ở Mỹ.

- Ông Bính mất ngày 11-11 Âm 1960, an táng sau trường Văn Cao, TT. Đức Phổ. Đã xây mộ.

© **Ông Nguyễn Khắc Tuấn:** SN Canh Thìn 1940 ở Cà Mau, tú tài, thiếu tá trước năm 1975, có vợ là Nguyễn Thị Kim Dung, SN Tân Tị 1941 ở Đà Nẵng, sinh hạ đời VI là:

1- Nguyễn Thị Kim Khánh, SN 1965 ở Đà Nẵng.

2- Nguyễn Thị Kim Phố, SN 1966 ở Đà Nẵng.

- Năm 1976, bà Dung và 2 người con vượt đại dương, mất tích giữa trùng khơi.

- Sau hơn 10 năm học tập về, ông Tuấn có vợ khác là Nguyễn Phước Mai Thư, SN Giáp Thìn 1964 ở Đà Nẵng, gốc Huế, sinh:

1- Nguyễn Tường Vân (boing), SN 1992 ở TP.HCM, thông minh, học giỏi, đang ở Mỹ.

- Năm 1995, ông qua Mỹ định cư theo chương trình HO, và gần 2 năm sau, vợ con tiếp tục qua bên ấy đoàn tụ gia đình. Từ năm 1995 → 2006, ông cùng gia đình đã 2 lần về thăm quê, thăm người thân và bà con nội ngoại hai bên với sự ấm nồng của người xa xứ...

© **Ông Nguyễn Khắc Cần:** SN Giáp Thân 1944 ở An Ninh, trung học, đi bộ đội năm 1962, bị thương trong chiến đấu, có ra Bắc mấy lần để chữa trị vết thương và học tập, thương binh, quân hàm đại úy, có vợ là Trương Thị Bi, SN Đinh Dậu, 1957 ở Tịnh An, Sơn Tịnh, sinh hạ đời VI là:

1- Nguyễn Khắc Hiếu, SN Mậu Ngọ 1978 ở Sơn Tịnh, tốt nghiệp ĐHBK, KSCNTT, đang học thêm ĐH luật, đang làm việc ở sở thương mại TP.HCM.

2- Nguyễn Hoàng Chương, SN Kỷ Mùi 1979 ở Sơn Tịnh, lớp 10, có vợ là Nguyễn Diệu Linh, SN.... (lễ cưới ngày 11-11-2007/02-10 Âm).

Gia đình ông Cần đang ở đường Lê Niệm, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú. ĐT(08)8611642.

⑦ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích:** SN Đinh Hợi 1947 ở An Ninh, Tr.học, có chồng người Đức tên Kurd, KS, định cư ở Mỹ, sinh:

1- Katlil, SN 1971 ở Việt Nam.

2- Katy, SN 1973 ở Hoa Kỳ.

Gia đình định cư ở Mỹ trước năm 1975.

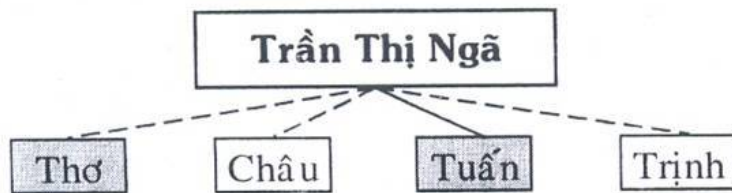
▪ Bà Bích sống gần cả cuộc đời ở nước ngoài, nhưng luôn hướng về cố hương, nhớ hoài những con đường xưa êm ả, nhất là vào những đêm trăng lung linh huyền diệu ở làng quê An Ninh nơi mình sinh ra và lớn lên... Và bà cũng không quên hình ảnh một quê hương thứ hai hiền hòa, với những cánh đồng lúa chín vàng rì rào vào những chiều nhạt nắng; với những dòng sông êm đềm lững lờ trôi về biển cả; với những vườn dứa xanh phủ đầy bóng mát quanh năm, trái cho nước ngọt ngon lành, thấm đậm tình chị tình anh... Ôi, Vang Quới, Thới Lai của quê Bình Đại thuở nào!

Bà rất yêu quý những người thân, những anh chị của mình, nhất là với người anh nhỏ nhất; san sẻ những khó khăn với mọi người khi cần đến. Bà cũng không quên các cháu bà con bên nội ngoại, chan hòa tình thương với tất cả. Ngoài ra bà cũng là người rất yêu thích thơ văn; làm thơ và ngâm thơ rất hay...



**Đời IV: Bà Trần Thị Ngã:** SN Mậu Thân 1908 ở An Thạch, là con út ông bá hộ Mười, năm 18 tuổi đã làm đám hỏi chưa kịp cưới thì vị hôn phu chẳng may bị trúng gió độc chết. Thời gian sau bà có chồng là ông Võ Văn Giai, SN Đinh Mùi 1907 ở An Hà, đỗ primaire, dạy học. Ông bà sinh hạ đời V là:

- 1- Võ Thị Thơ, bệnh chết lúc mấy tháng.
- 2- Võ Thị Châu
- 3- Võ Văn Tuấn, SN Tân Ty 1941, bịnh chết lúc 8 tháng.
- 4- Võ Thị Trịnh



- Ông bị bệnh nan y mất ngày 03-01 Âl 1952, an táng ở An Hà.  
- Bà sau khi chồng mất nhiều năm, có chồng khác là ông Nguyễn Ba (Ba Sơn), cùng quê, làm nghề tháo nước máy cho các cánh đồng, đã có vợ con, vợ chết đã lâu. Sau mấy năm ông Ba Sơn bị bom thả trúng chết, an táng ở cãm phía biển đường Tư Ích. Bà vô Sài Gòn tá túc với con cháu, làm lụng kiếm sống vì ở quê lửa khói mịt mờ, đạn bom quá khốc liệt. Sau năm 1970, bà về lại quê sống với con chồng, cháu chồng cho đến ngày 07-08 Âl 1978 thì qua đời. Mộ bà được an táng cạnh mộ chồng là ông Ba Sơn. Năm 2006, cháu của ông là ông Tám Đành (Mỹ) đã xây mộ cho ông và xây luôn mộ cho bà.

**Đời V:** ① **Võ Thị Châu:** SN Quý Dậu 1933 ở An Thạch, có chồng là Trần Trọn, đồng tuổi, cùng quê, chưa có con. Năm 1954, ông Trọn tập kết ra Bắc, bà ở lại làm dâu phụng dưỡng cha mẹ chồng chờ 2 năm đất nước thống nhất sẽ đoàn tụ. Sau 3 năm bà nhận được thư của chồng ở ngoài Bắc gửi vô ước hẹn,

sau 5 năm đất nước không nổi nhịp đôi bờ được, thì bà có quyền quyết định việc ương lai của mình, không cần phải chờ đợi nữa. Sau 5 năm thì bà về lại nhà mình và rồi vô Sài Gòn làm ăn tránh bom đạn. Nơi đây bà có chồng khác, có 1 con gái tên Hà. Hiện bà và người em gái nương tựa nhau, nhà ở trong hẻm đường Phan Xích Long, Phú Nhuận, bán hàng ăn uống sống qua ngày.

② **Võ Thị Trinh (Xuân Trinh):** SN Bính Tuất 1946 ở An Thạch, không có chồng, đang ở chung với chị, nhà ở trong hẻm đường Phan Xích Long, đi làm công cho người ta qua tháng ngày độ nhật...

---

**Đời III: Bà Trần Thị Bỏ:** SN không rõ, dường như bà mất lúc còn nhỏ?!

- Chín đời nội ngoại đủ đầy
- Họ Trần An Thạch trời mây mọi miền
- Một lòng tôn kính tổ tiên
- Một lòng gìn giữ mối giếng Trần gia
- Cháu con dẫu ở gần xa
- Nữ nam già trẻ thiết tha tộc dòng
- Con người có tổ có tông
- Như cây có cội như sông có nguồn.

*Người biên soạn*

- Minh không nên dối người ta
- Thà rằng mình để người ta dối mình.

*Trần Quang Trinh (Sơn)*





- Bà con họ tộc đủ đầy
- Quay quần tưởng niệm nhân ngày giỗ Ông
- Gần xa với một tấm lòng
- Họ Trần rạng rỡ con dòng cháu gia
- Mệnh mông cũng chỉ một nhà...

Ngày 18-07-2002 (09-06 Âm)



- Hôm nay hội ngộ sum vầy
- Bà con họ tộc về đây mọi miền
- Trước là lễ bái tổ tiên
- Sau thăm hỏi chuyện hàn huyên bấy chầy
- Ba trăm sáu mươi lăm ngày...

Ngày 02-07-2006 (08-06 Âm)



## Đối chiếu Âm dương lịch

- Niên trang đối chiếu âm dương
- Năm sinh năm mất luôn thường xảy ra
- Nhiều người lầm lẫn tây ta
- Giờ đây có thể xem qua chắc rồi!

Canh Thìn	1760	Quý Mão	1783	Bính Dần	1806
Tân Tị	1761	Giáp Thìn	1784	Đinh Mão	1807
Nhâm Ngọ	1762	Ất Tị	1785	Mậu Thìn	1808
Quý Mùi	1763	Bính Ngọ	1786	Kỷ Tị	1809
Giáp Thân	1764	Đinh Mùi	1787	Canh Ngọ	1810
Ất Dậu	1765	Mậu Thân	1788	Tân Mùi	1811
Bính Tuất	1766	Kỷ Dậu	1789	Nhâm Thân	1812
Đinh Hợi	1767	Canh Tuất	1790	Quý Dậu	1813
Mậu Tí	1768	Tân Hợi	1791	Giáp Tuất	1814
Kỷ Sửu	1769	Nhâm Tí	1792	Ất Hợi	1815
Canh Dần	1770	Quý Sửu	1793	Bính Tí	1816
Tân Mão	1771	Giáp Dần	1794	Đinh Sửu	1817
Nhâm Thìn	1772	Ất Mão	1795	Mậu Dần	1818
Quý Tị	1773	Bính Thìn	1796	Kỷ Mão	1819
Giáp Ngọ	1774	Đinh Tị	1797	Canh Thìn	1820
Ất Mùi	1775	Mậu Ngọ	1798	Tân Tị	1821
Bính Thân	1776	Kỷ Mùi	1799	Nhâm Ngọ	1822
Đinh Dậu	1777	Canh Thân	1800	Quý Mùi	1823
Mậu Tuất	1778	Tân Dậu	1801	Giáp Thân	1824
Kỷ Hợi	1779	Nhâm Tuất	1802	Ất Dậu	1825
Canh Tí	1780	Quý Hợi	1803	Bính Tuất	1826
Tân Sửu	1781	Giáp Tí	1804	Đinh Hợi	1827
Nhâm Dần	1782	Ất Sửu	1805	Mậu Tí	1828

Kỷ Sửu	1829	Canh Thân	1860	Tân Mão	1891
Canh Dần	1830	Tân Dậu	1861	Nhâm Thìn	1892
Tân Mão	1831	Nhâm Tuất	1862	Quý Tị	1893
Nhâm Thìn	1832	Quý Hợi	1863	Giáp Ngọ	1894
Quý Tị	1833	Giáp Tí	1864	Ất Mùi	1895
Giáp Ngọ	1834	Ất Sửu	1865	Bính Thân	1896
Ất Mùi	1835	Bính Dần	1866	Đinh Dậu	1897
Bính Thân	1836	Đinh Mão	1867	Mậu Tuất	1898
Đinh Dậu	1837	Mậu Thìn	1868	Kỷ Hợi	1899
Mậu Tuất	1838	Kỷ Tị	1869	Canh Tí	1900
Kỷ Hợi	1839	Canh Ngọ	1870	Tân Sửu	1901
Canh Tí	1840	Tân Mùi	1871	Nhâm Dần	1902
Tân Sửu	1841	Nhâm Thân	1872	Quý Mão	1903
Nhâm Dần	1842	Quý Dậu	1873	Giáp Thìn	1904
Quý Mão	1843	Giáp Tuất	1874	Ất Tị	1905
Giáp Thìn	1844	Ất Hợi	1875	Bính Ngọ	1906
Ất Tị	1845	Bính Tí	1876	Đinh Mùi	1907
Bính Ngọ	1846	Đinh Sửu	1877	Mậu Thân	1908
Đinh Mùi	1847	Mậu Dần	1878	Kỷ Dậu	1909
Mậu Thân	1848	Kỷ Mão	1879	Canh Tuất	1910
Kỷ Dậu	1849	Canh Thìn	1880	Tân Hợi	1911
Canh Tuất	1850	Tân Tị	1881	Nhâm Tí	1912
Tân Hợi	1851	Nhâm Ngọ	1882	Quý Sửu	1913
Nhâm Tí	1852	Quý Mùi	1883	Giáp Dần	1914
Quý Sửu	1853	Giáp Thân	1884	Ất Mão	1915
Giáp Dần	1854	Ất Dậu	1885	Bính Thìn	1916
Ất Mão	1855	Bính Tuất	1886	Đinh Tị	1917
Bính Thìn	1856	Đinh Hợi	1887	Mậu Ngọ	1918
Đinh Tị	1857	Mậu Tí	1888	Kỷ Mùi	1919
Mậu Ngọ	1858	Kỷ Sửu	1889	Canh Thân	1920
Kỷ Mùi	1859	Canh Dần	1890	Tân Dậu	1921

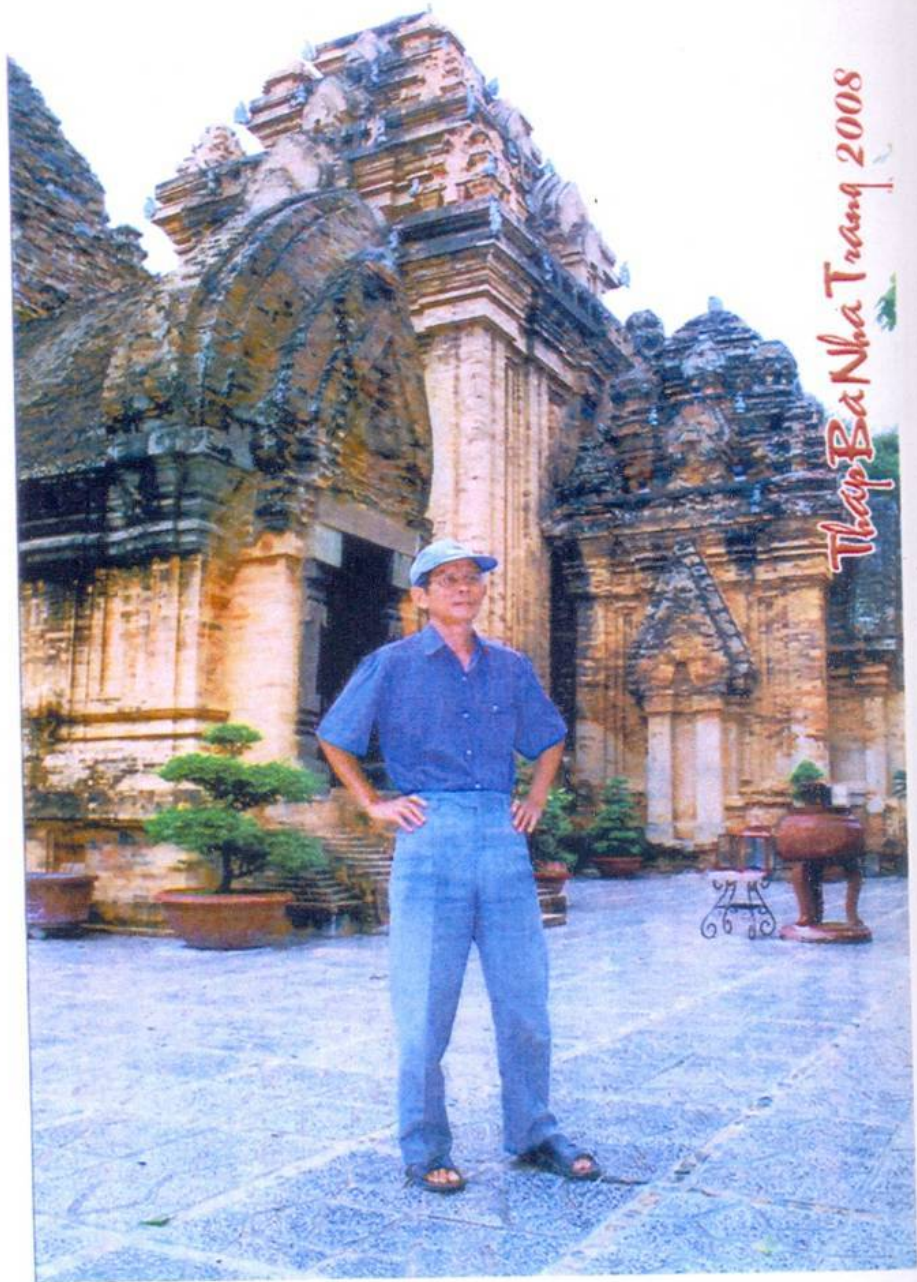


Nhâm Tuất	1922	Quý Tị	1953	Giáp Tí	1984
Quý Hợi	1923	Giáp Ngọ	1954	Ất Sửu	1985
Giáp Tí	1924	Ất Mùi	1955	Bính Dần	1986
Ất Sửu	1925	Bính Thân	1956	Đinh Mão	1987
Bính Dần	1926	Đinh Dậu	1957	Mậu Thìn	1988
Đinh Mão	1927	Mậu Tuất	1958	Kỷ Tị	1989
Mậu Thìn	1928	Kỷ Hợi	1959	Canh Ngọ	1990
Kỷ Tị	1929	Canh Tí	1960	Tân Mùi	1991
Canh Ngọ	1930	Tân Sửu	1961	Nhâm Thân	1992
Tân Mùi	1931	Nhâm Dần	1962	Quý Dậu	1993
Nhâm Thân	1932	Quý Mão	1963	Giáp Tuất	1994
Quý Dậu	1933	Giáp Thìn	1964	Ất Hợi	1995
Giáp Tuất	1934	Ất Tị	1965	Bính Tí	1996
Ất Hợi	1935	Bính Ngọ	1966	Đinh Sửu	1997
Bính Tí	1936	Đinh Mùi	1967	Mậu Dần	1998
Đinh Sửu	1937	Mậu Thân	1968	Kỷ Mão	1999
Mậu Dần	1938	Kỷ Dậu	1969	Canh Thìn	2000
Kỷ Mão	1939	Canh Tuất	1970	Tân Tị	2001
Canh Thìn	1940	Tân Hợi	1971	Nhâm Ngọ	2002
Tân Tị	1941	Nhâm Tí	1972	Quý Mùi	2003
Nhâm Ngọ	1942	Quý Sửu	1973	Giáp Thân	2004
Quý Mùi	1943	Giáp Dần	1974	Ất Dậu	2005
Giáp Thân	1944	Ất Mão	1975	Bính Tuất	2006
Ất Dậu	1945	Bính Thìn	1976	Đinh Hợi	2007
Bính Tuất	1946	Đinh Tị	1977	Mậu Tí	2008
Đinh Hợi	1947	Mậu Ngọ	1978	Kỷ Sửu	2009
Mậu Tí	1948	Kỷ Mùi	1979	Canh Dần	2010
Kỷ Sửu	1949	Canh Thân	1980	Tân Mão	2011
Canh Dần	1950	Tân Dậu	1981	Nhâm Thìn	2012
Tân Mão	1951	Nhâm Tuất	1982	Quý Tị	2013
Nhâm Thìn	1952	Quý Hợi	1983	Giáp Ngọ	2014



Ất Mùi	2015	Bính Dần	2046	Đinh Dậu	2077
Bính Thân	2016	Đinh Mão	2047	Mậu Tuất	2078
Đinh Dậu	2017	Mậu Thìn	2048	Kỷ Hợi	2079
Mậu Tuất	2018	Kỷ Tị	2049	Canh Tí	2080
Kỷ Hợi	2019	Canh Ngọ	2050	Tân Sửu	2081
Canh Tí	2020	Tân Mùi	2051	Nhâm Dần	2082
Tân Sửu	2021	Nhâm Thân	2052	Quý Mão	2083
Nhâm Dần	2022	Quý Dậu	2053	Giáp Thìn	2084
Quý Mão	2023	Giáp Tuất	2054	Ất Tị	2085
Giáp Thìn	2024	Ất Hợi	2055	Bính Ngọ	2086
Ất Tị	2025	Bính Tí	2056	Đinh Mùi	2087
Bính Ngọ	2026	Đinh Sửu	2057	Mậu Thân	2088
Đinh Mùi	2027	Mậu Dần	2058	Kỷ Dậu	2089
Mậu Thân	2028	Kỷ Mão	2059	Canh Tuất	2090
Kỷ Dậu	2029	Canh Thìn	2060	Tân Hợi	2091
Canh Tuất	2030	Tân Tị	2061	Nhâm Tí	2092
Tân Hợi	2031	Nhâm Ngọ	2062	Quý Sửu	2093
Nhâm Tí	2032	Quý Mùi	2063	Giáp Dần	2094
Quý Sửu	2033	Giáp Thân	2064	Ất Mão	2095
Giáp Dần	2034	Ất Dậu	2065	Bính Thìn	2096
Ất Mão	2035	Bính Tuất	2066	Đinh Tị	2097
Bính Thìn	2036	Đinh Hợi	2067	Mậu Ngọ	2098
Đinh Tị	2037	Mậu Tí	2068	Kỷ Mùi	2099
Mậu Ngọ	2038	Kỷ Sửu	2069	Canh Thân	2100
Kỷ Mùi	2039	Canh Dần	2070	Tân Dậu	2101
Canh Thân	2040	Tân Mão	2071	Nhâm Tuất	2102
Tân Dậu	2041	Nhâm Thìn	2072	Quý Hợi	2103
Nhâm Tuất	2042	Quý Tị	2073	Giáp Tí	2104
Quý Hợi	2043	Giáp Ngọ	2074	Ất Sửu	2105
Giáp Tí	2044	Ất Mùi	2075	Bính Dần	2106
Ất Sửu	2045	Bính Thân	2076	Đinh Mão	2107





- Bảy năm khi khắp đó đây
- Vai mang túi xách tháng ngày rười rờng
- Từ Cao Nguyên đến miệt đồng
- Miền Trung, miền Bắc, miền Đông biết là...
- Bà con nội ngoại gần xa
- Sài Gòn Quảng Ngãi vô ra đi về
- Hương đồng cỏ nội tình quê...

# Gia phả họ Trần

## PHẦN THỨ BA

### (Phả Đồ)

- **Đứa con sẽ đem đến:**

- Niềm vui và hạnh phúc,
- Hay là nỗi buồn và bất hạnh
- Là tùy vào sự giáo dục của cha mẹ lúc còn thơ ấu.

*Danh nhân phương Tây*

- Ưốn cây từ lúc còn non
- Dạy con từ thuở hãỵ còn thơ ngây.

*Ca dao*

- **Có nhiều cách làm hư con:**

- Làm hư ý chí nó bằng cái gì cũng chiều nó quá đáng .
- Làm hư tinh thần nó bằng những lời khen ngợi nó quá đáng.
- Làm hư trái tim nó bằng sự lo lắng và phục vụ nó quá đáng.

*Danh nhân phương Tây*

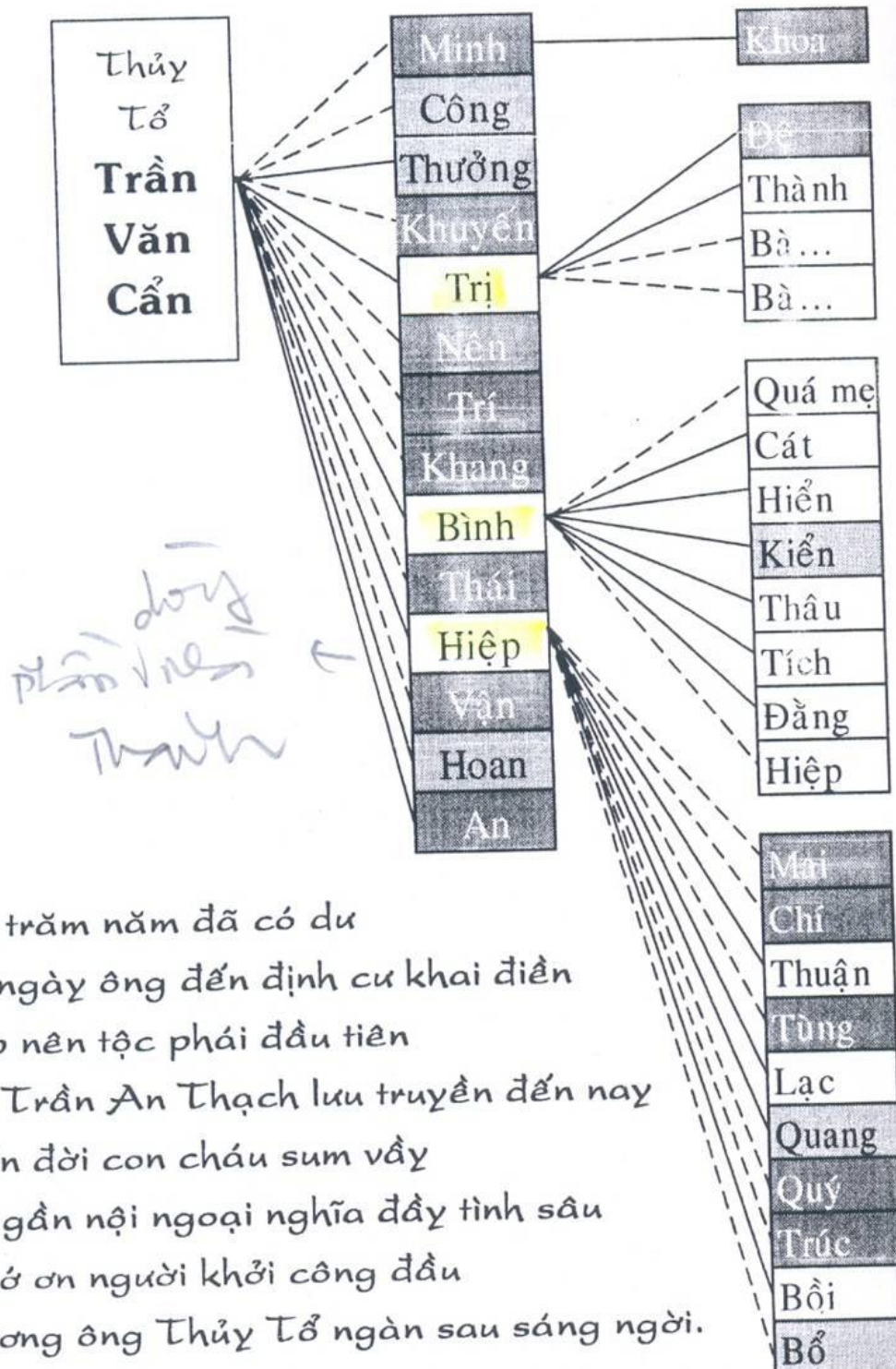
- Thương con cho roi cho vọt
- Ghét con cho ngọt cho ngào

*Quan niệm dạy con của người xưa*



Từ đời I đến đời III:

Ông Thủy Tổ Trần Văn Cẩn với con và cháu.

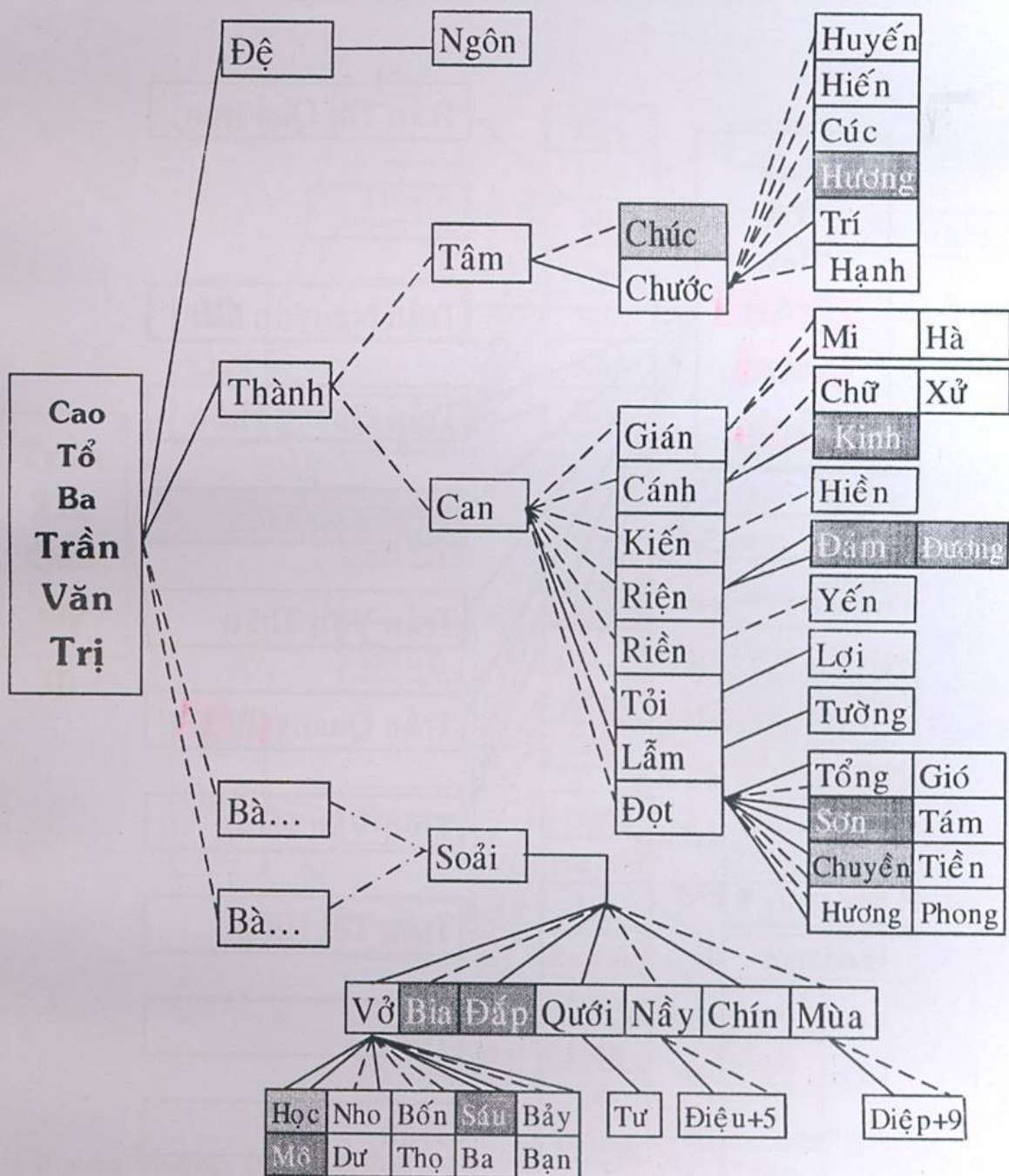


- Hai trăm năm đã có dư
- Từ ngày ông đến định cư khai điền
- Lập nên tộc phái đầu tiên
- Họ Trần An Thạch lưu truyền đến nay
- Chín đời con cháu sum vầy
- Xa gần nội ngoại nghĩa đầy tình sâu
- Nhớ ơn người khởi công đầu
- gương ông Thủy Tổ ngàn sau sáng ngời.

Chuyện kể về ông Thủy Tổ Trần Văn Cẩn.

Từ đời II đến đời VI:

Ông cao tổ 3 Trần Văn Tri với con, cháu, chắt và chót.



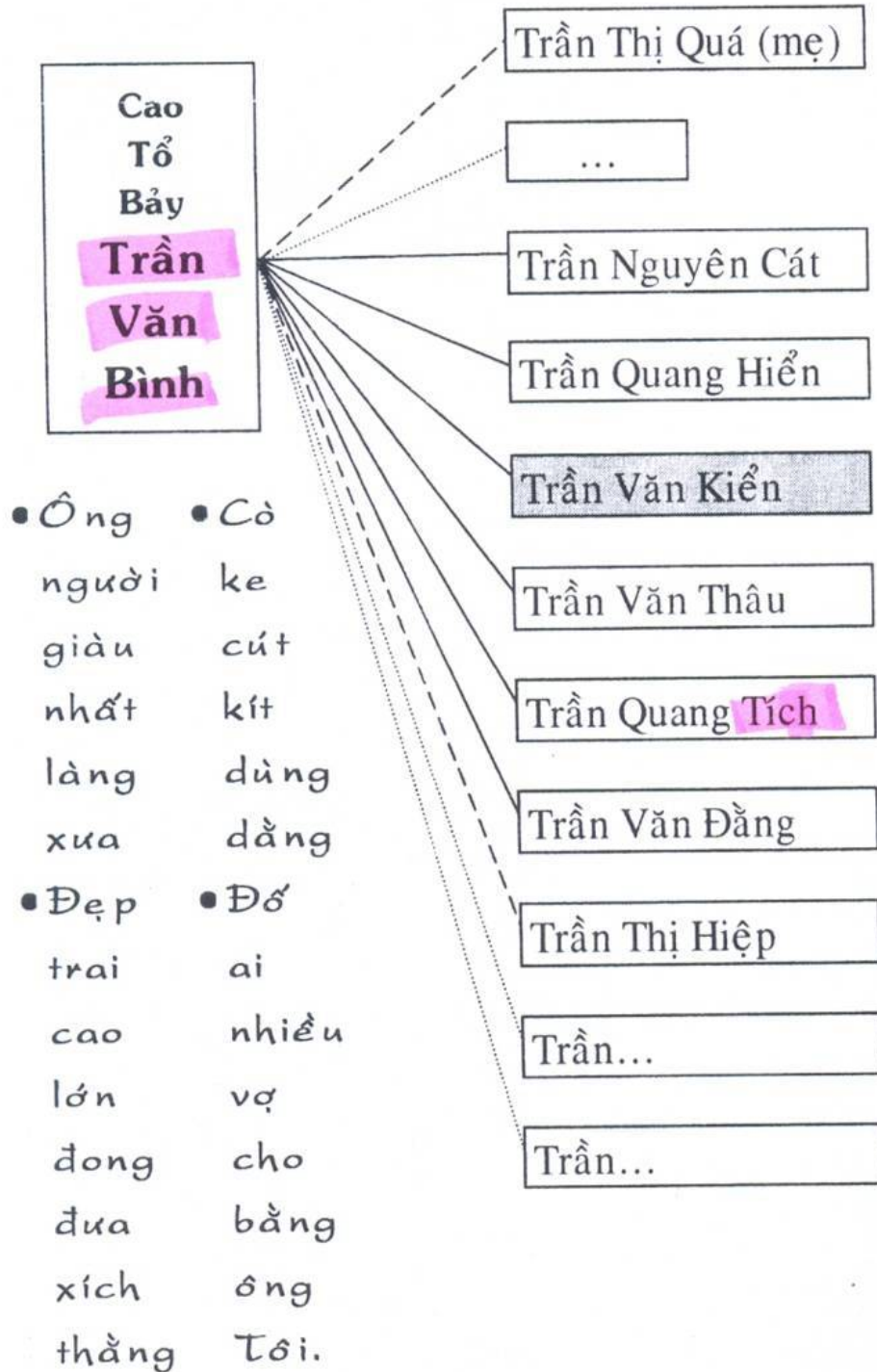
- Ông sinh đầy đủ gái trai
- Nội tôn nam tử cổ lai mịt mờ.

*Chuyên kể về ông cao Tổ 3 Trần Văn Tri.*



Từ đời II đến đời III:

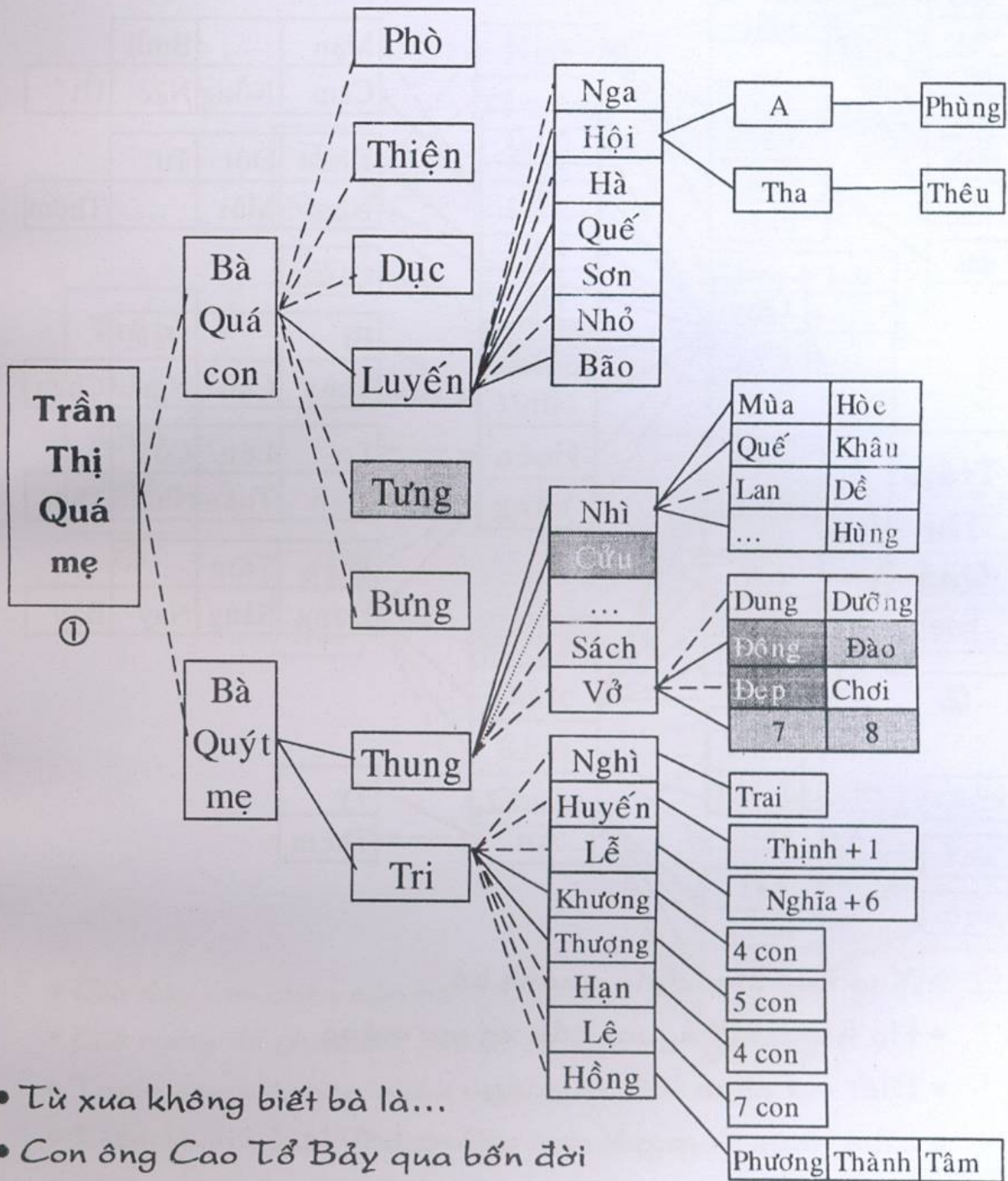
Ông cao Tổ Bảy với những người con.



Chuyện kể về ông Trần Văn Bình (Bảy Bang)

Từ đời III đến đời VIII:

Bà Trần Thị Quá mẹ với con, cháu, chất, chút và chít.



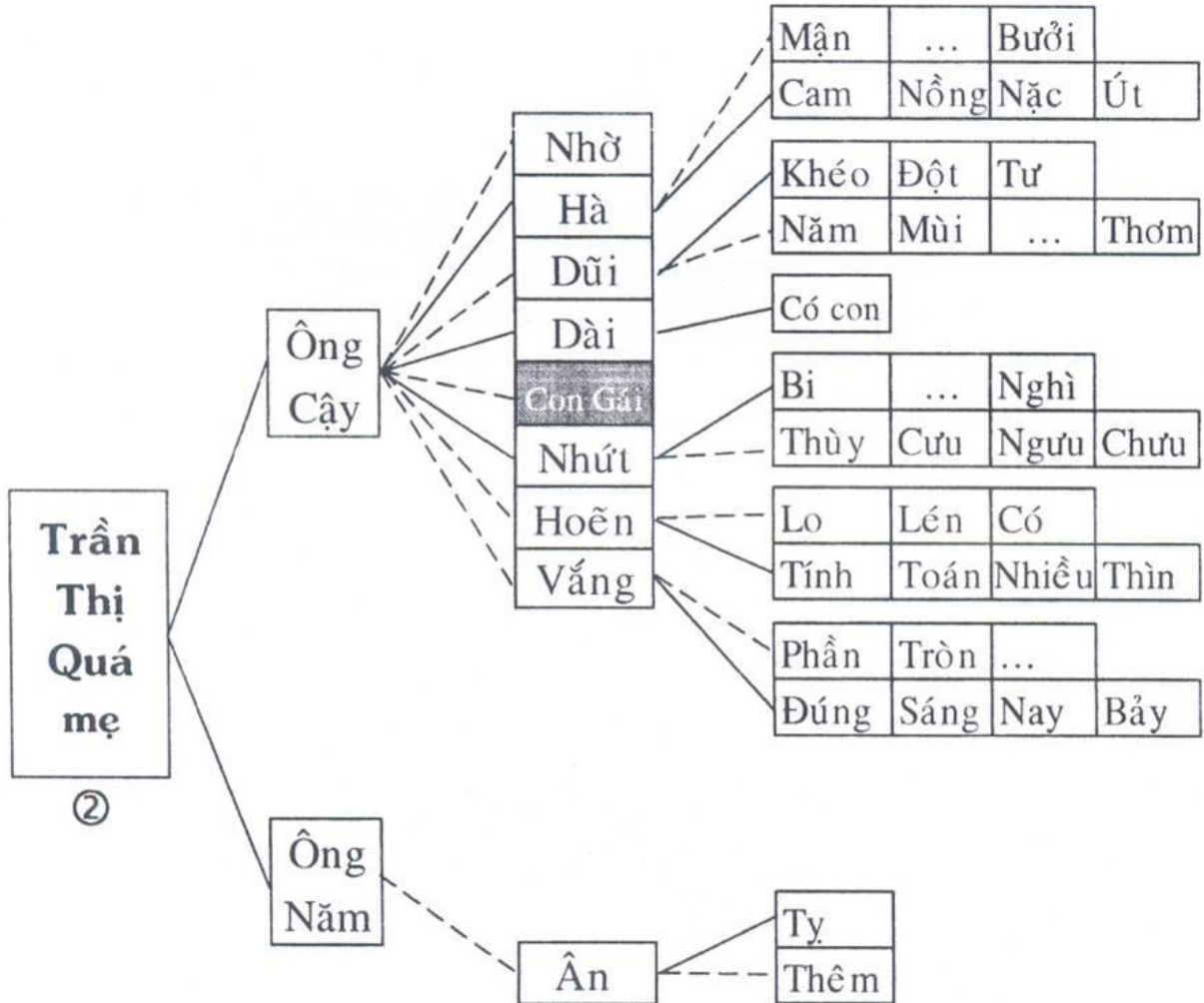
- Từ xưa không biết bà là...
- Con ông Cao Tổ Bảy qua bốn đời
- Cháu con sống ở khắp nơi
- Không thường nhau gặp nên thời thấy xa!

Chuyện kể về bà Trần Thị Quá mẹ.



Từ đời III đến đời VI:

Bà Trần Thị Quá mẹ với con, cháu, chắt.

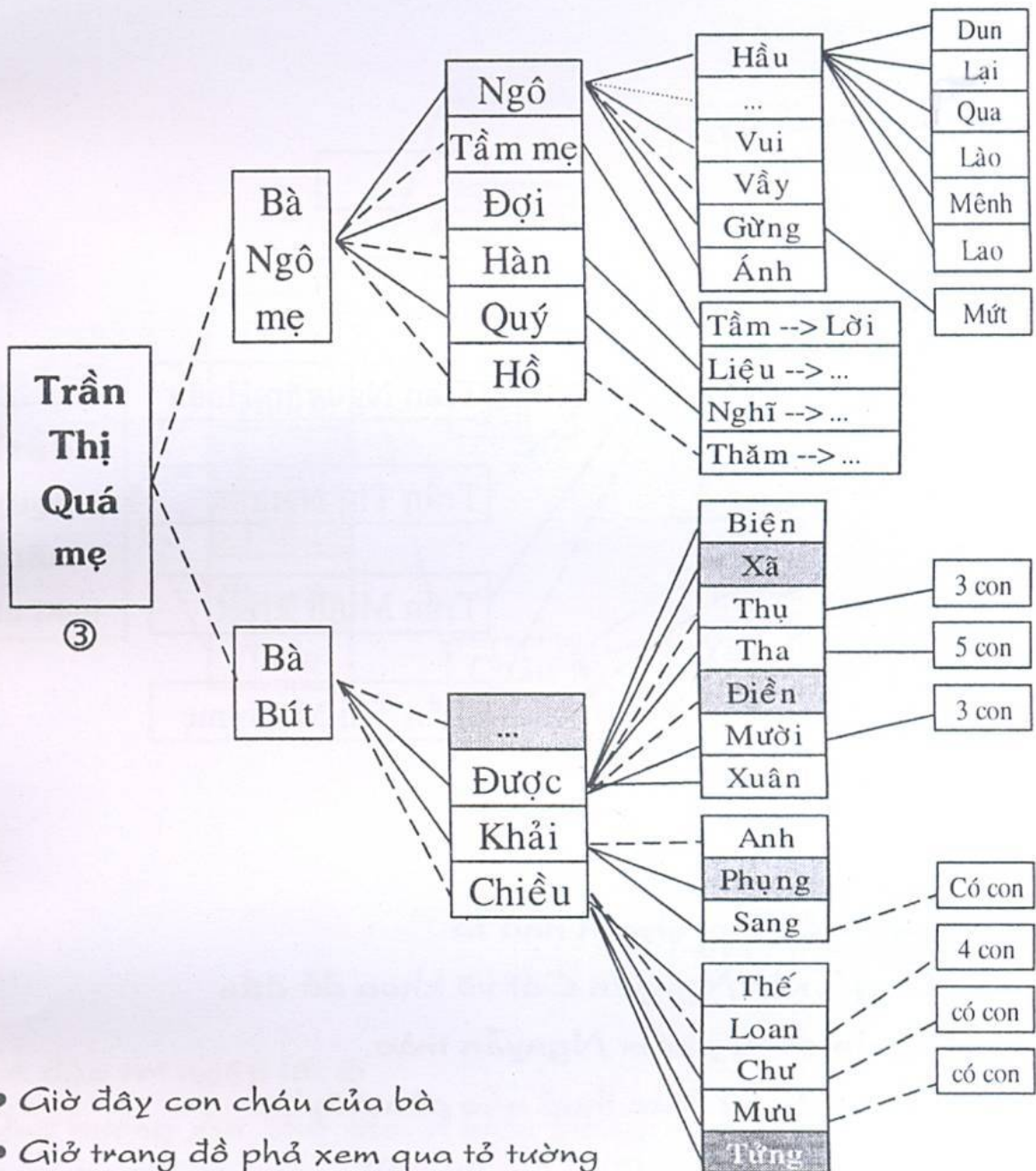


- Xưa nay con cháu quanh bà
- Họ hàng nội ngoại gần xa mơ màng
- Biết mà chưa biết rõ ràng
- Lầm nhau thua gửi ngõ ngang bấy lâu!

Chuyện kể về bà Trần Thị Quá mẹ với các đời con cháu.

Từ đời III đến đời VII:

Bà Trần Thị Quá me với con, cháu, chắt, và chít.



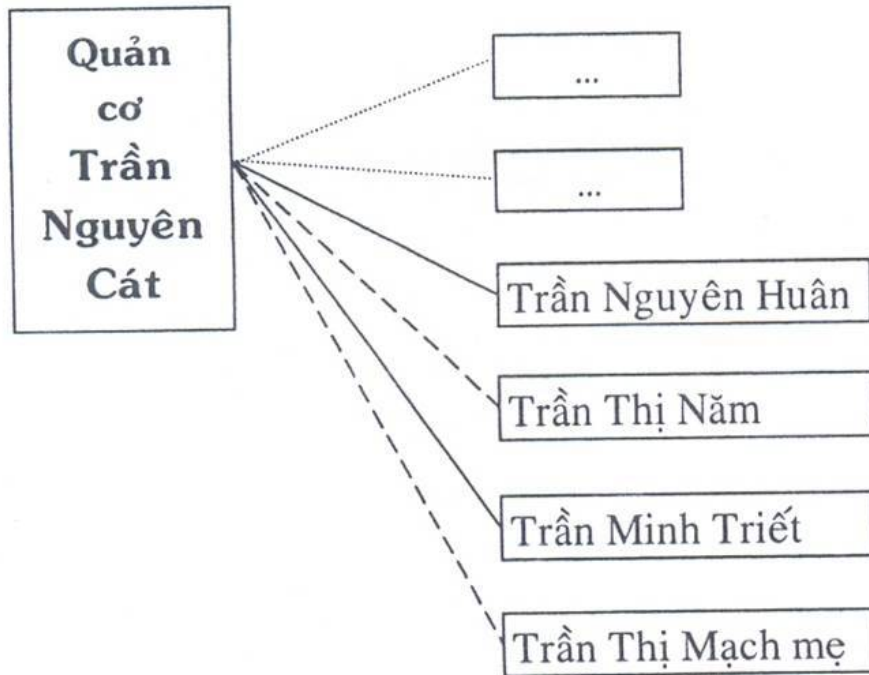
- Giờ đây con cháu của bà
- Giở trang đồ phả xem qua tổ tông
- Trước sau nội ngoại thân thương
- Trần-Huỳnh-Lê-Nguyễn-Phan thường gặp nhau
- Cháu con luôn nhớ về sau
- Phan-Lê-Huỳnh-Nguyễn-Trần giàu nghĩa nhân.
- Ân cần, ân cần...

Chuyện nói về con cháu nội ngoại của bà Quá me.



Từ đời III đến đời IV:

Ông Trần Nguyên Cát với những người con.

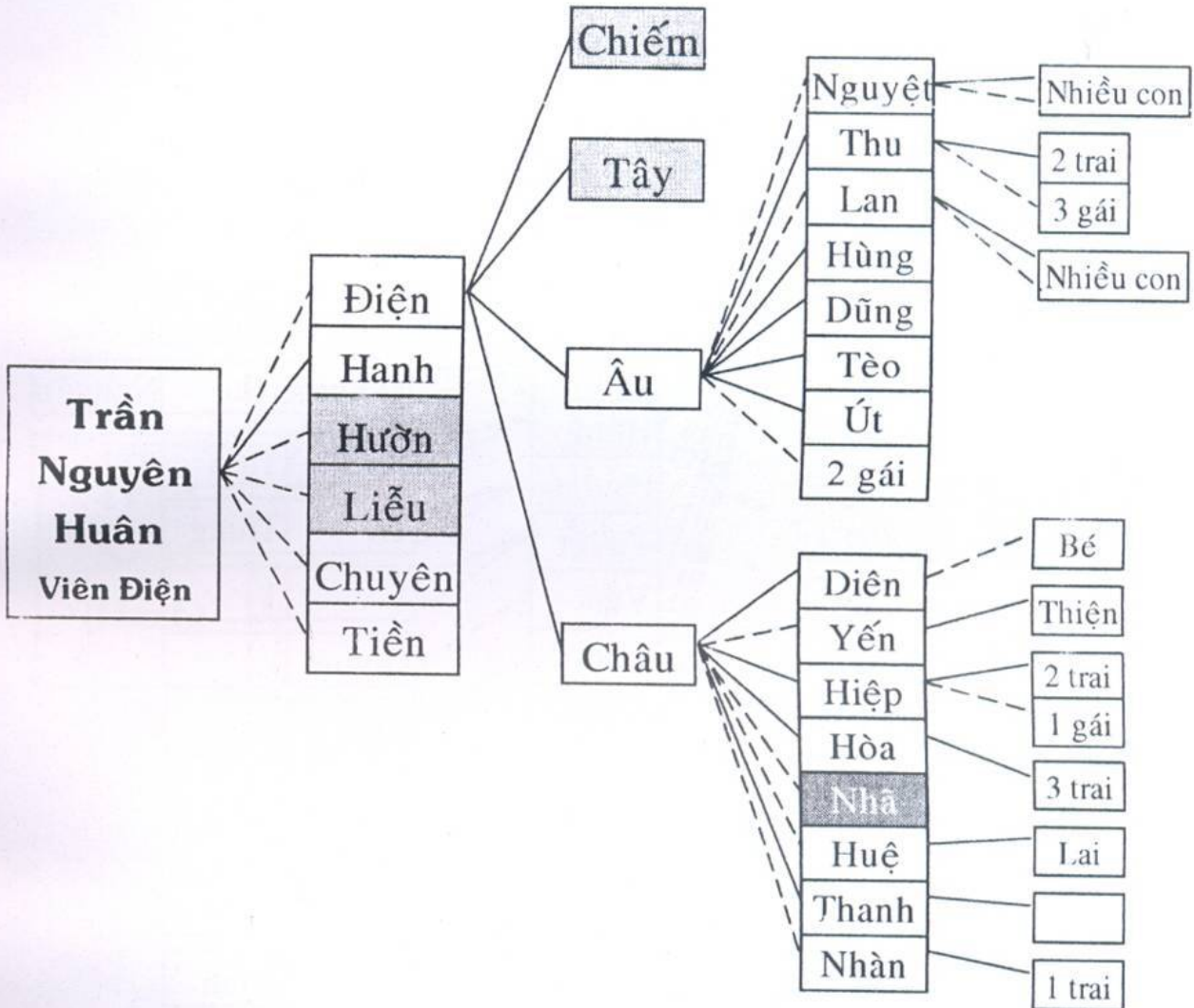


- Họ Trần An Thạch nhà ta
- Ông Trần Nguyên Cát võ khoa đỗ đầu
- Quản cơ tứ phẩm Nguyễn trào
- Vào thời Tự Đức thuở nào còn đây!
- Cầm quân thảo phạt không may
- Trung Sơn chiến trận tử ngay sa trường!
- Sử ghi các khóa thi hương
- Vẫn còn lưu trữ hòm rương Kinh kỳ.

Chuyện kể về ông Quản Cơ Trần Nguyên Cát.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Nguyên Huân với con, cháu, chắt và chót.



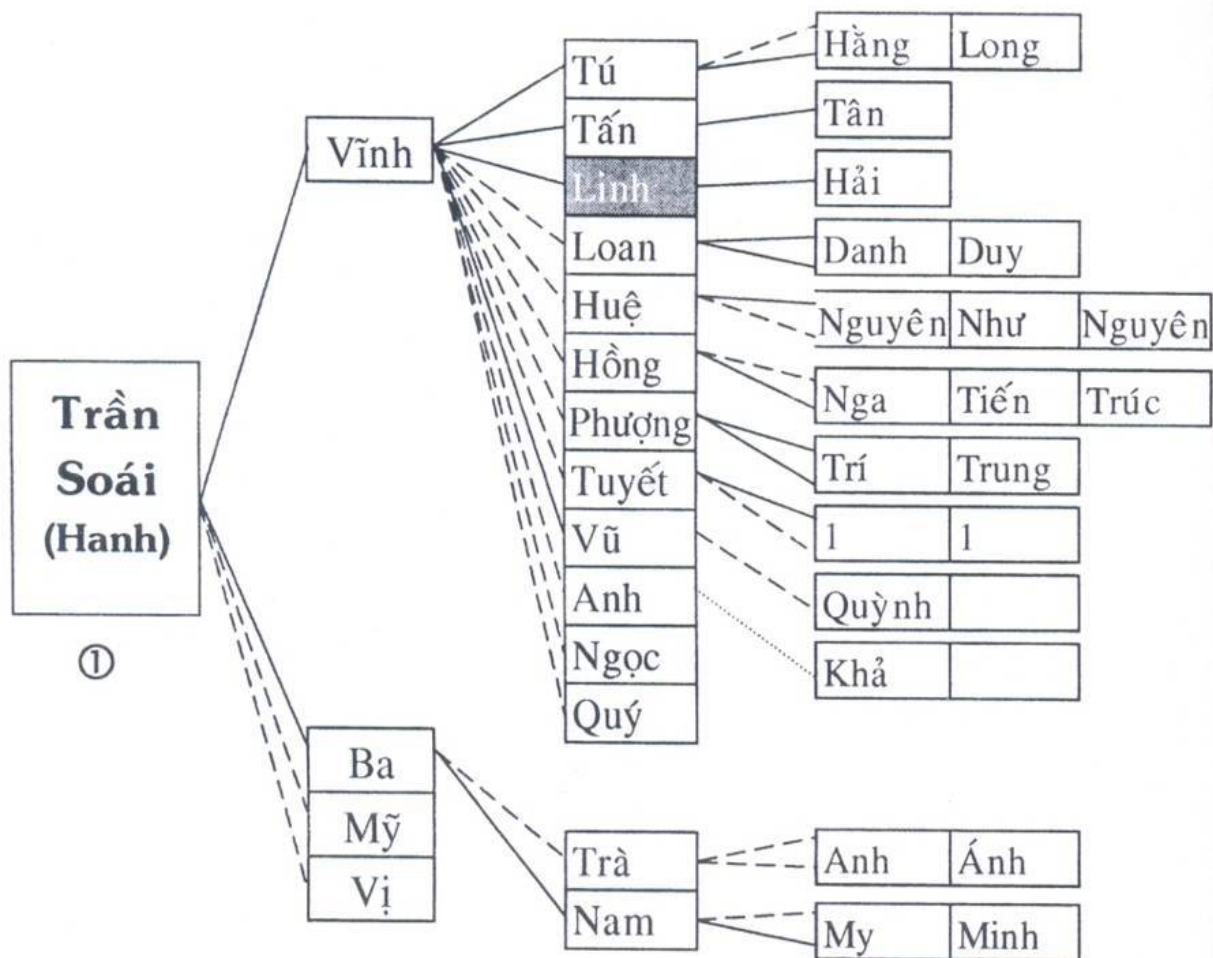
- Lá đào rơi ngập lối đi
- Quê hương An Thổ rầm rì biển Đông
- Con đường dẫn đến nhà ông
- Cát đầy rợp bóng chiều trong mơ màng.

Chuyện kể về làng An Thổ và ông Nguyễn Châu.



Từ đời V đến đời VIII:

Ông Trần Soái (Hanh) với con, cháu, chắt.

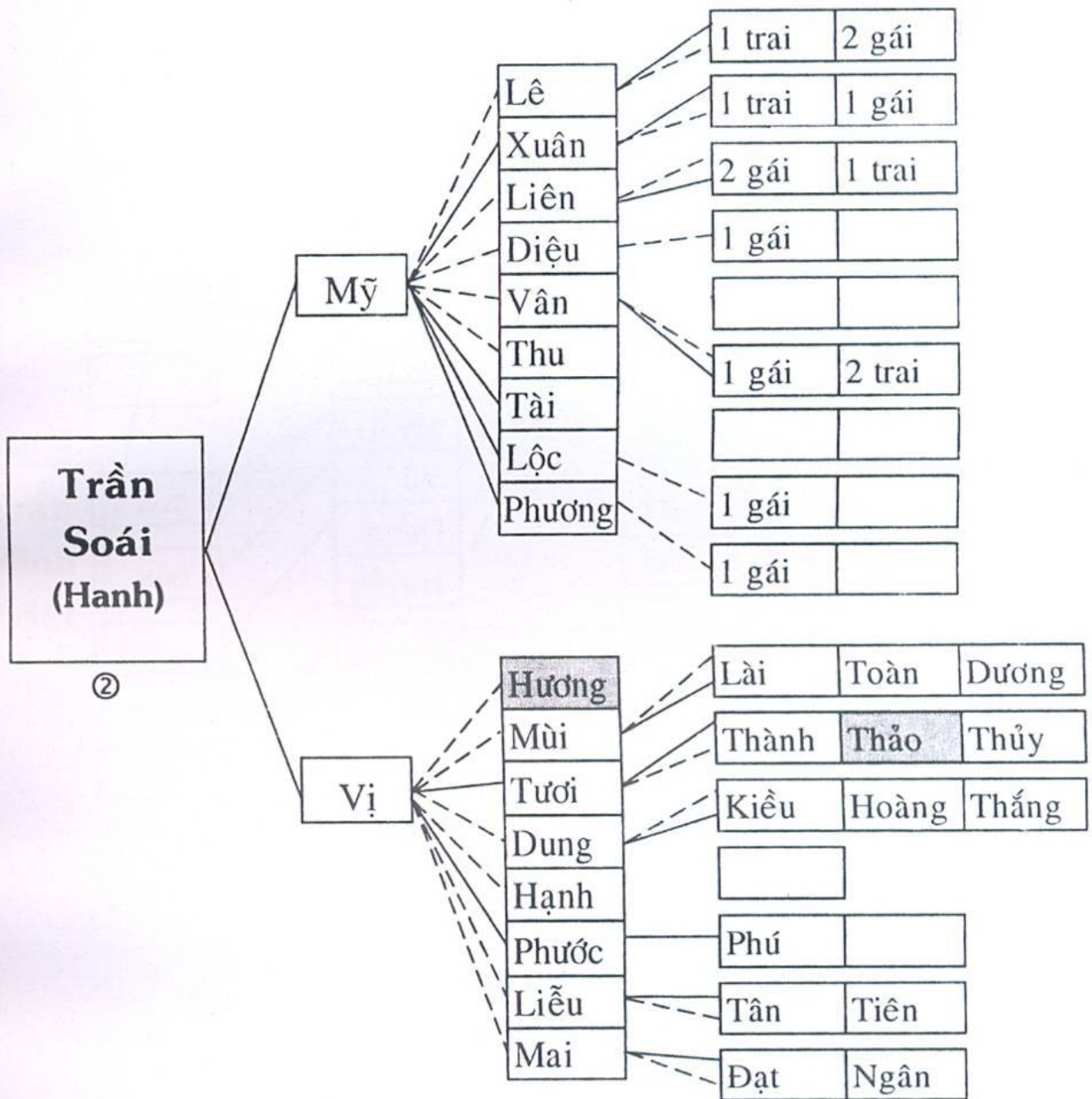


- Ông luôn trân trọng lễ xưa
- Dấu rằng năm tháng nắng mưa phai tàn...

Chuyện kể về ông Trần Soái (Hanh).

Từ đời V đến đời VIII:

Ông Soái (Hanh) với con, cháu và chắt.



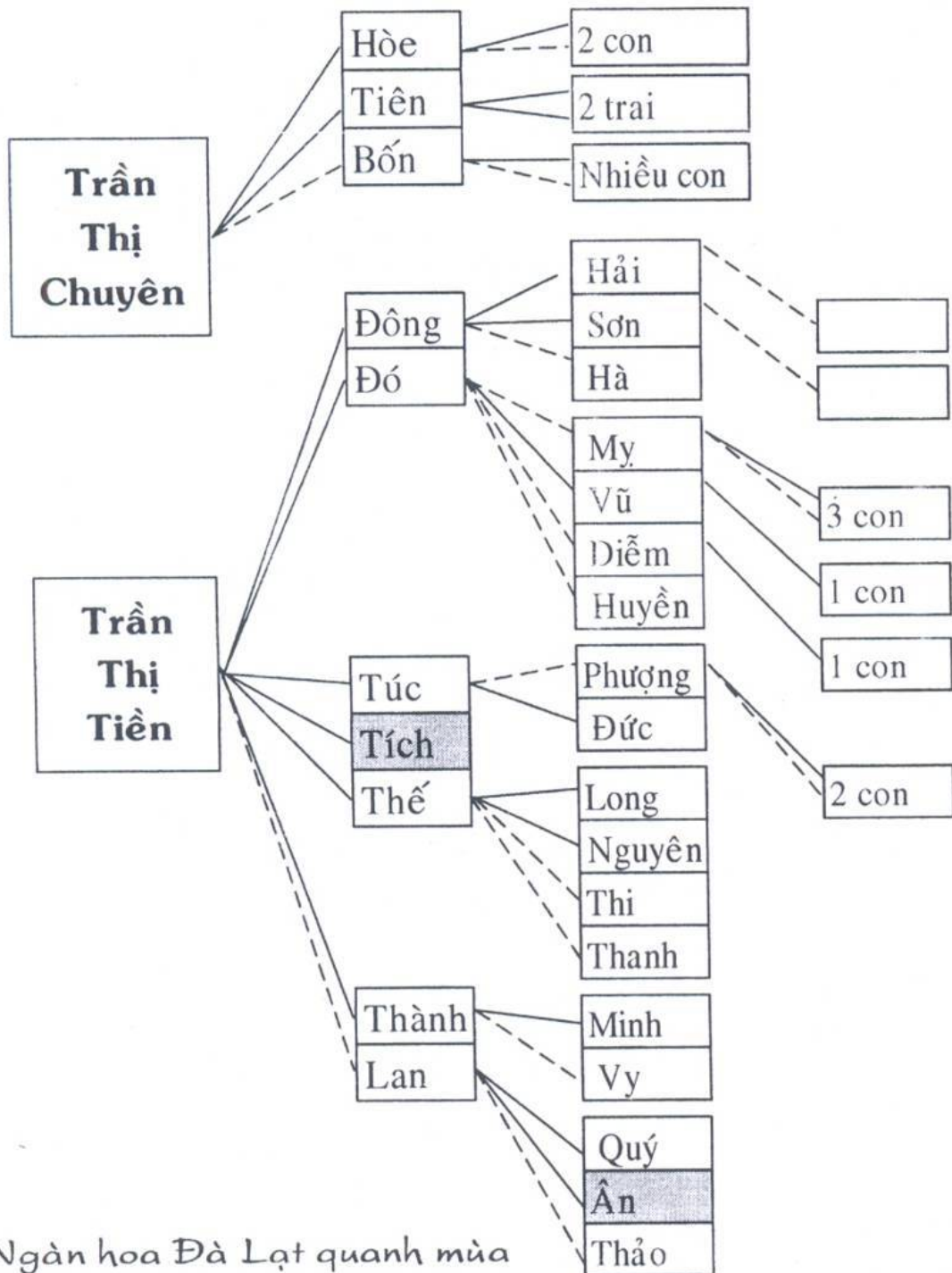
- Một chiều quân Mỹ hành quân
- Nặng vàng hieu hắt dưng chun giữa đồng
- Đứng nhìn đứa trẻ đỡ hồng
- Trong chòi đang ngủ dụi lòng bỏ đi.

Chuyện kể về quê làng một chiều trong buổi chiến tranh.



Từ đời V đến đời VIII:

Bà Chuyên và Bà Tiên với con cháu và chất.

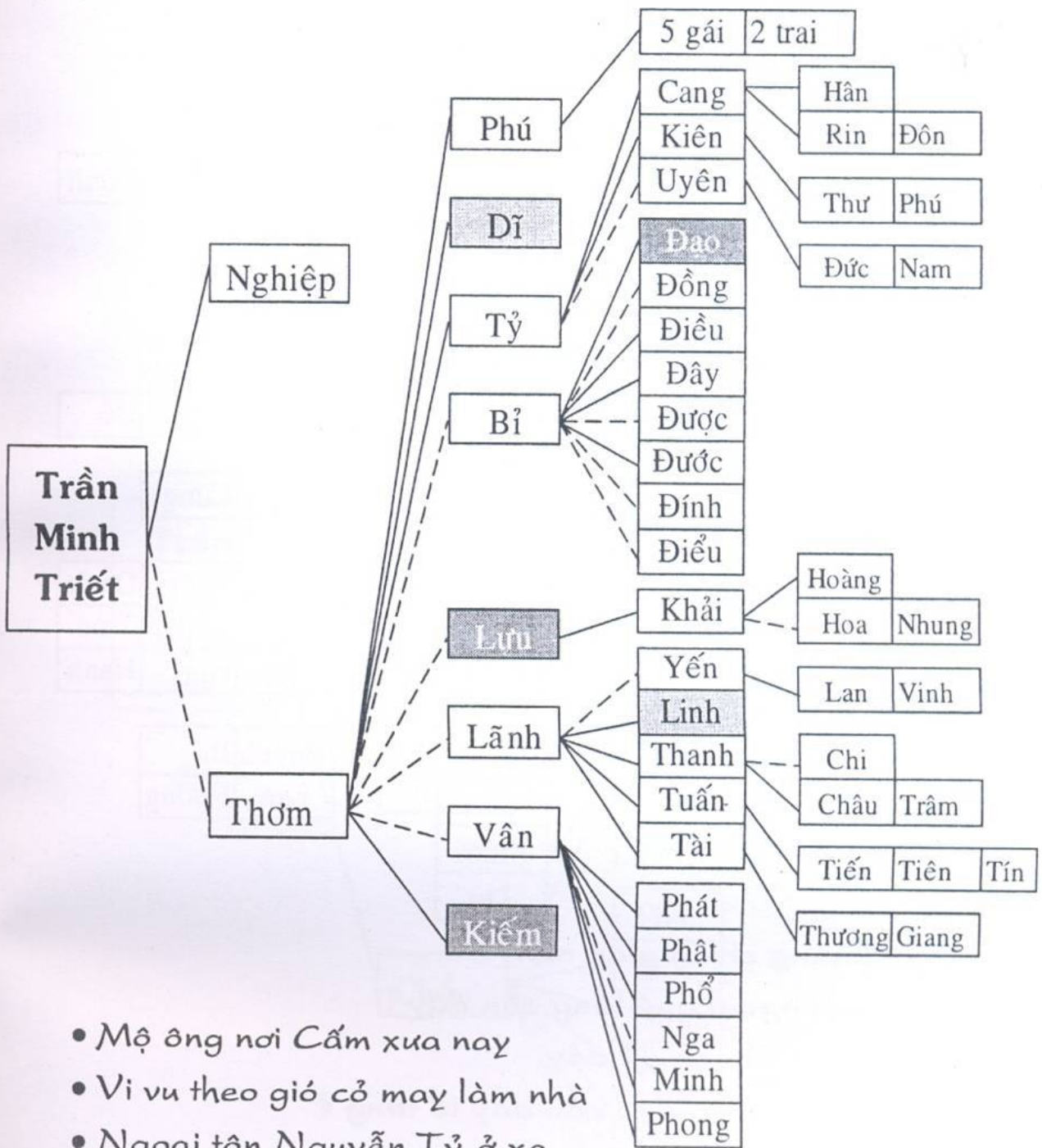


- Ngàn hoa Đà Lạt quanh mùa
- Đâu đây vang tiếng chuông chùa  
Linh Sơn

*Chiều Đà Lạt 2004*

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Minh Triết với con cháu, chất và chứt.



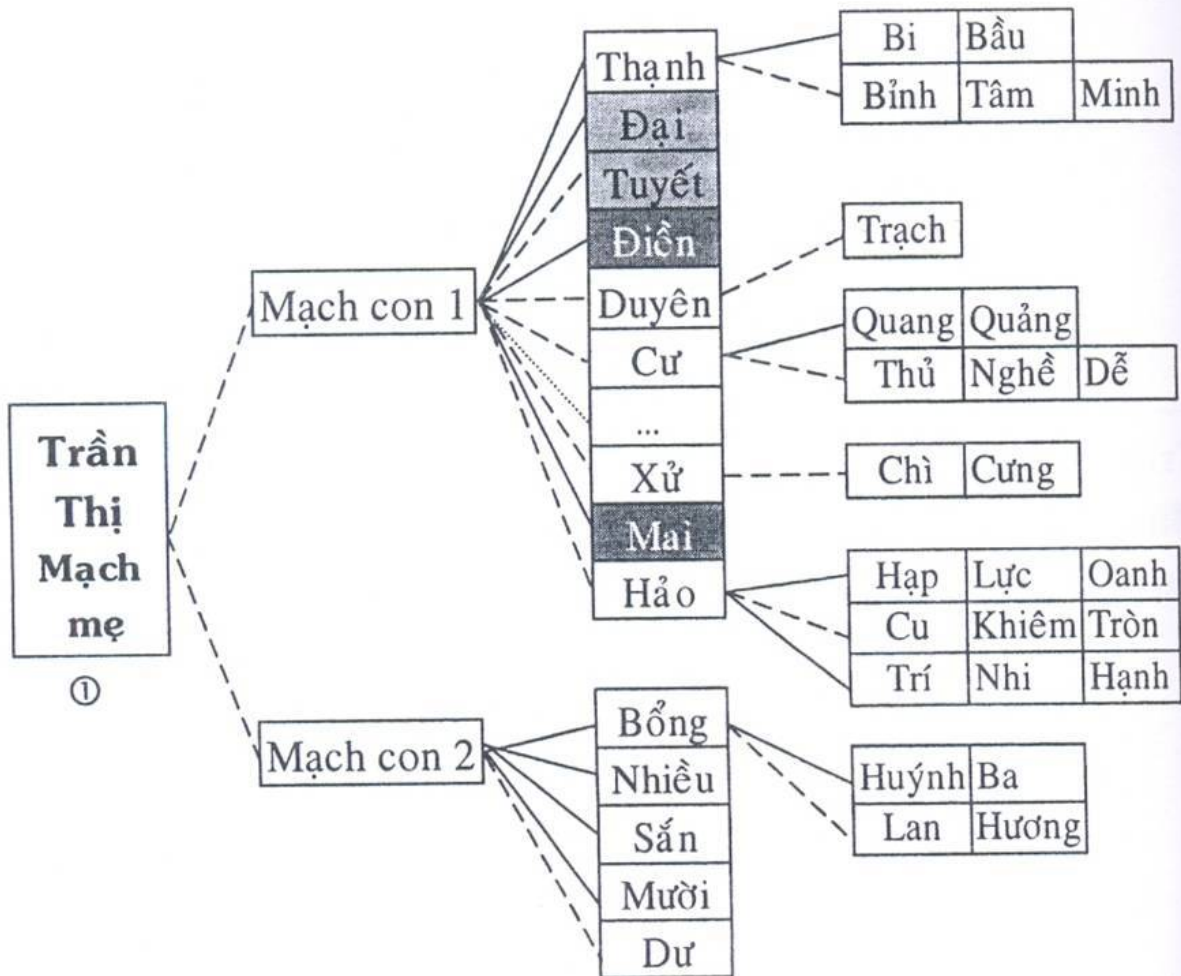
- Mộ ông nơi Cấm xưa nay
- Vi vu theo gió cỏ may làm nhà
- Ngoại tôn Nguyễn Tỷ ở xa
- Về tìm xây đắp đã ba thu rồi.

Chuyện kể về ông Trần Minh Triết và cháu ngoại là ông Nguyễn Tỷ.



Từ đời IV đến đời VII:

Bà Trần Thị Mịch me với con cháu và chắt.

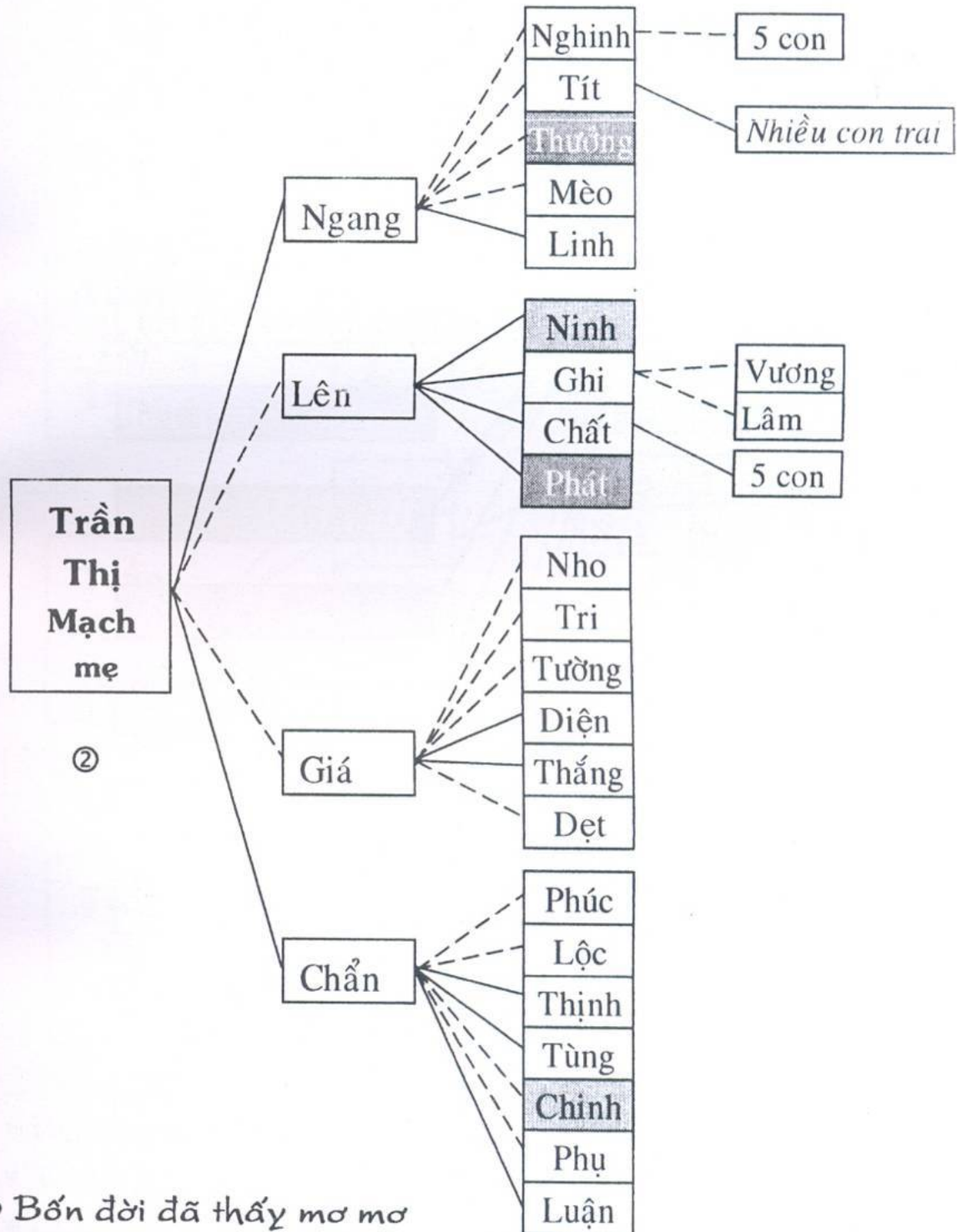


- Hai kỳ kháng chiến gian nan
- Bà con nội ngoại quê làng còn đây !
- Hội An, An Thạch đủ đây
- Phải chăng phúc đức cao dày tổ tông ?
- Năng chiều soi bóng dòng sông
- Ai đi ai ở ai trông ai chờ ? – Hỡi ai !?

Chuyện kể về bà con quê làng sau hai kỳ kháng chiến

Từ đời IV đến đời VII:

Bà Trần Thị Mịch mẹ với con cháu và chắt.



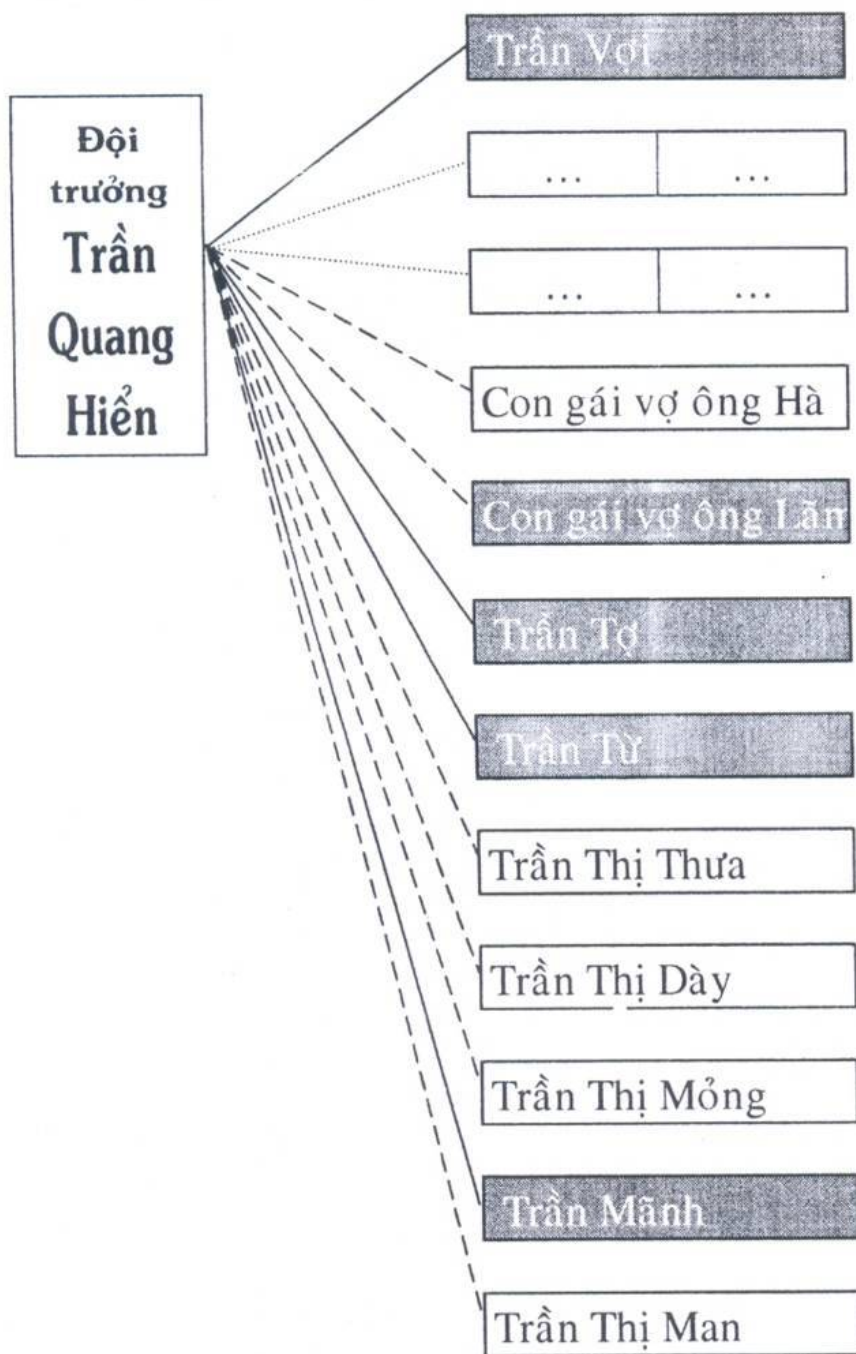
- Bốn đời đã thấy mơ mơ
- Bà con nội ngoại trước giờ lằm nhau!

Chuyện kể về con cháu nội ngoại quanh bà Mịch mẹ.



Từ đời III đến đời IV:

Ông Đội Trưởng với những người con.

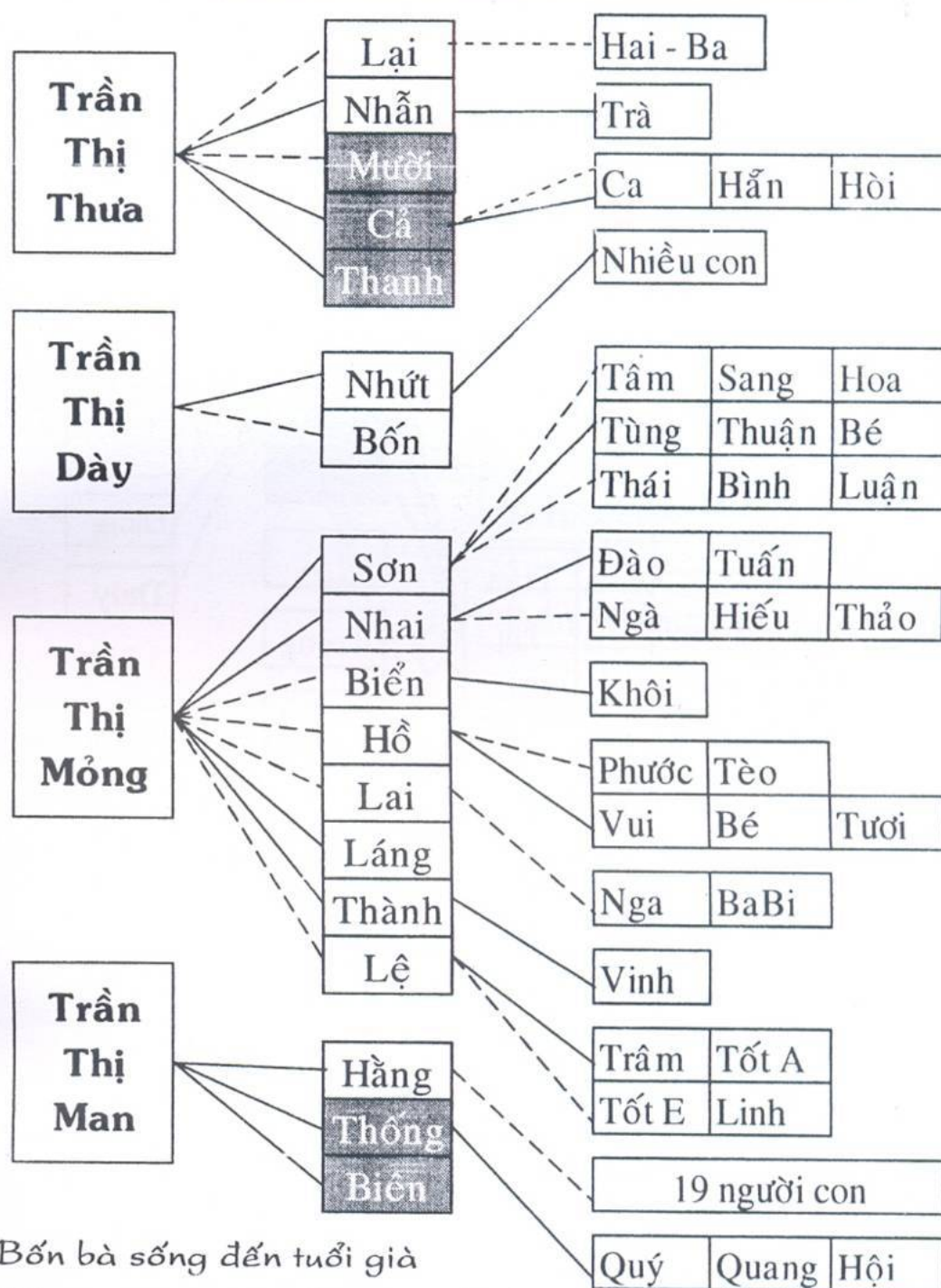


- Tú tài khoa võ tên ông,
- Làm quan đội trưởng sáng dòng Trần gia.

Chuyện kể về ông Trần Quang Hiến.

Từ đời IV đến đời VI:

Các bà: Thưa, Dày, Mỏng, Man với con và cháu.



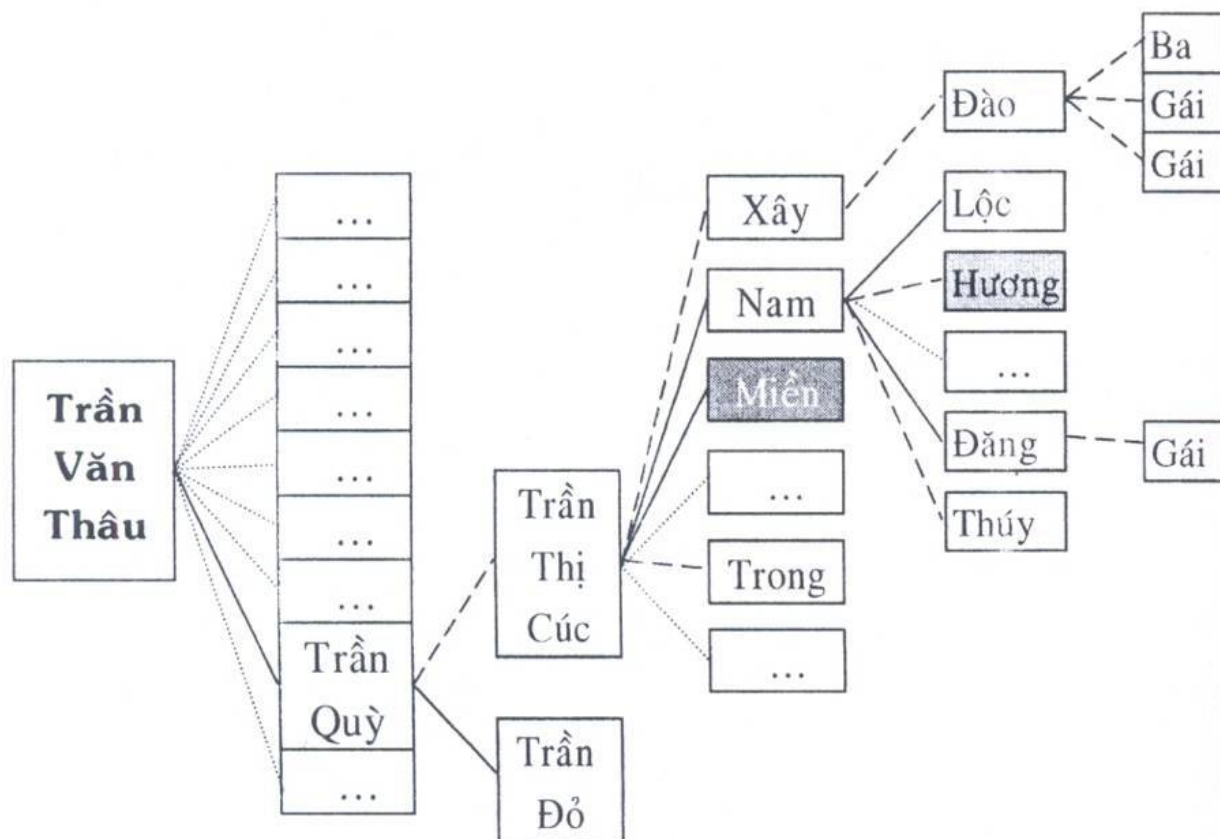
- Bốn bà sống đến tuổi già
- Tử tôn nội ngoại gần xa an lành
- Quê hương Thạch Trụ xây thành
- Con nhà nghiệp võ chị anh em và...

*Chuyện kể về bốn người con gái ông Đội Vợ*



Từ đời III đến đời VIII:

Ông Trần Văn Thâu với con, cháu, chắt, chít, chít.

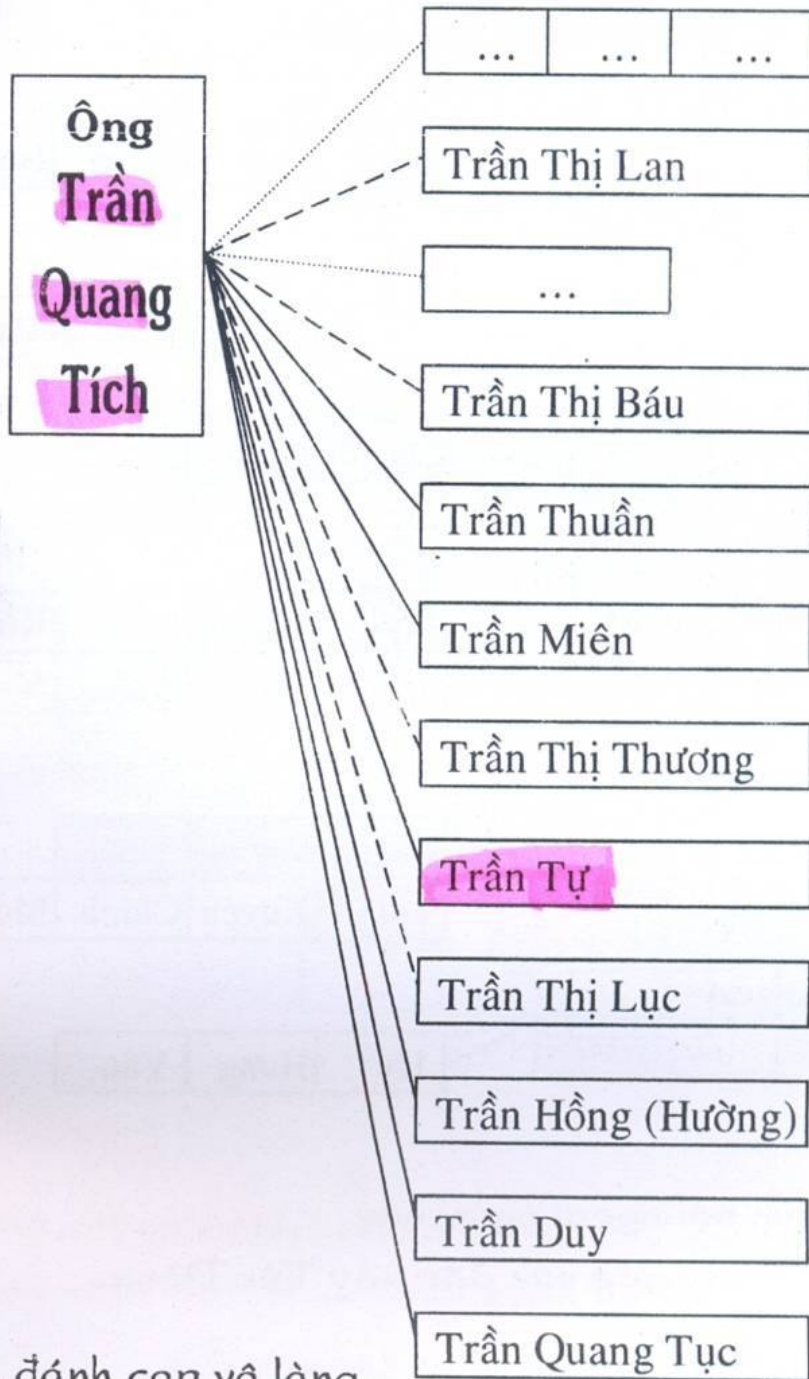


- Quê nhà con cháu ngóng trông
- Ông đi từ độ mệnh mông bến bờ

Chuyện kể về ông Trần Quý.

Từ đời III đến đời IV:

Ông Trần Quang Tích với những người con.



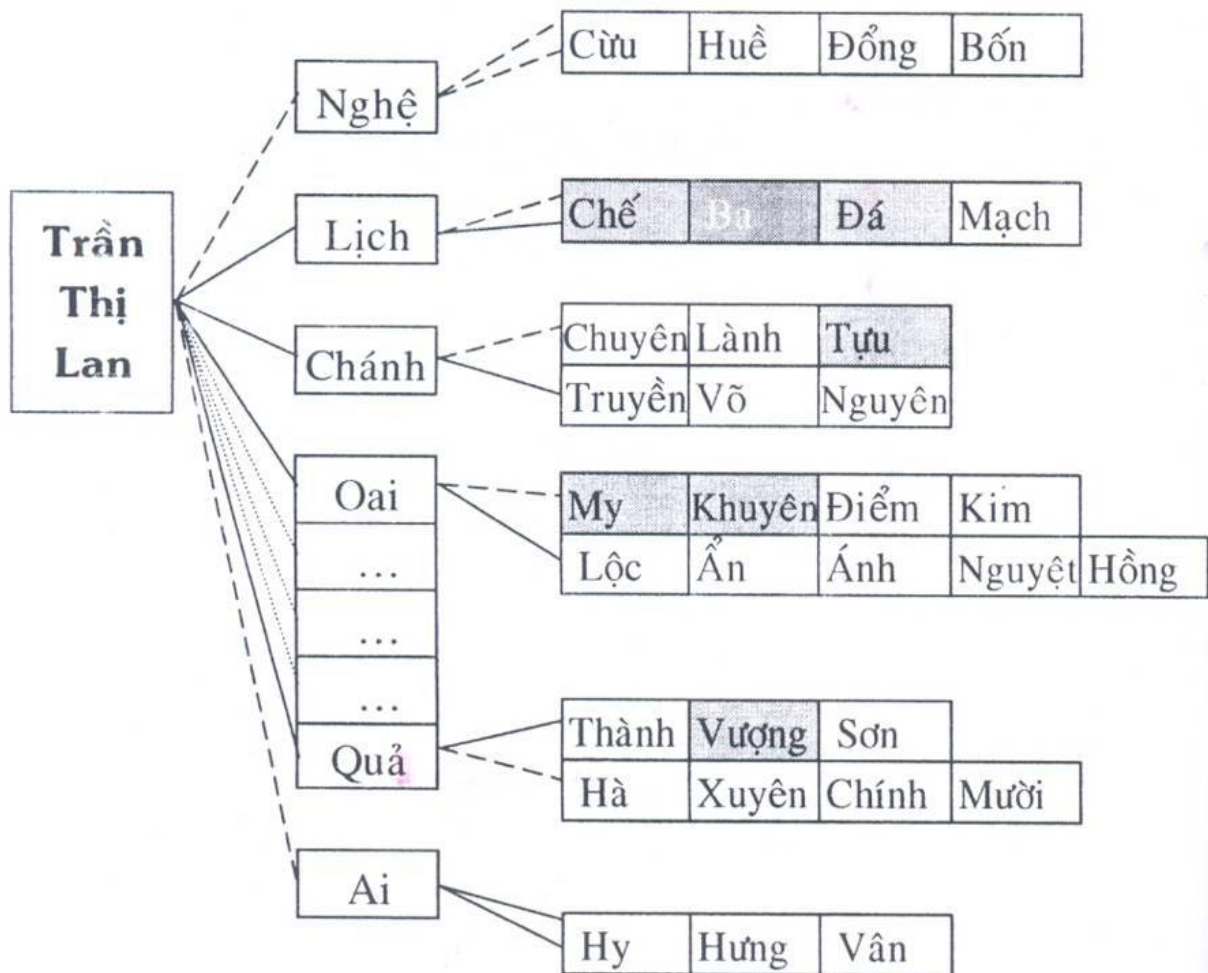
- Có lần đánh cọp vô làng
- Tháng năm mùa hạ chiều tan đường về.

Chuyện kể về ông Trần Quang Tích.



Từ đời IV đến đời VI:

Bà Trần Thị Lan với con và cháu.

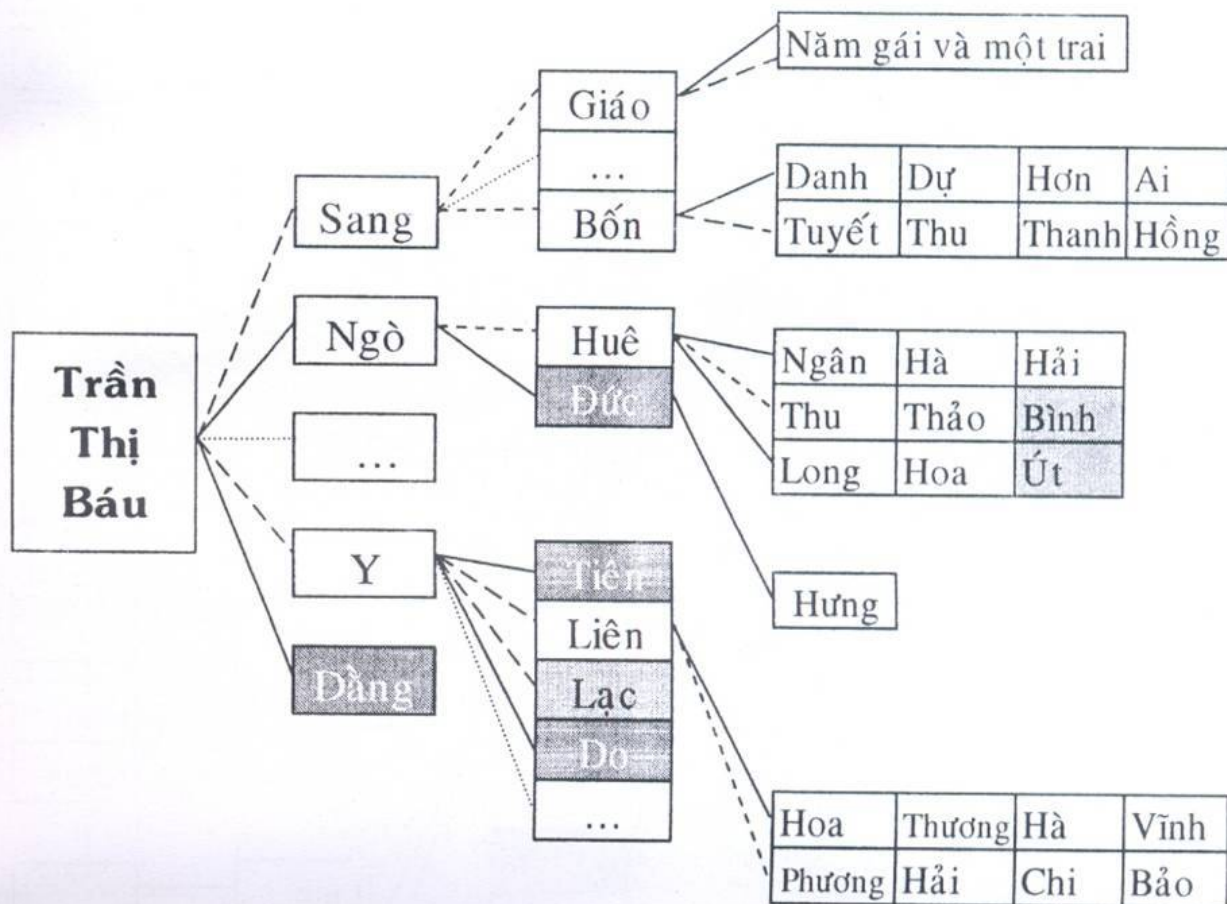


- Nữ nam nội ngoại ngày nay
- Chung lòng góp sức đắp xây Tộc Dòng.

Chuyện nói về con cháu nội ngoại họ Trần.

Từ đời IV đến đời VII:

Bà Trần Thị Báu với con, cháu và chắt.



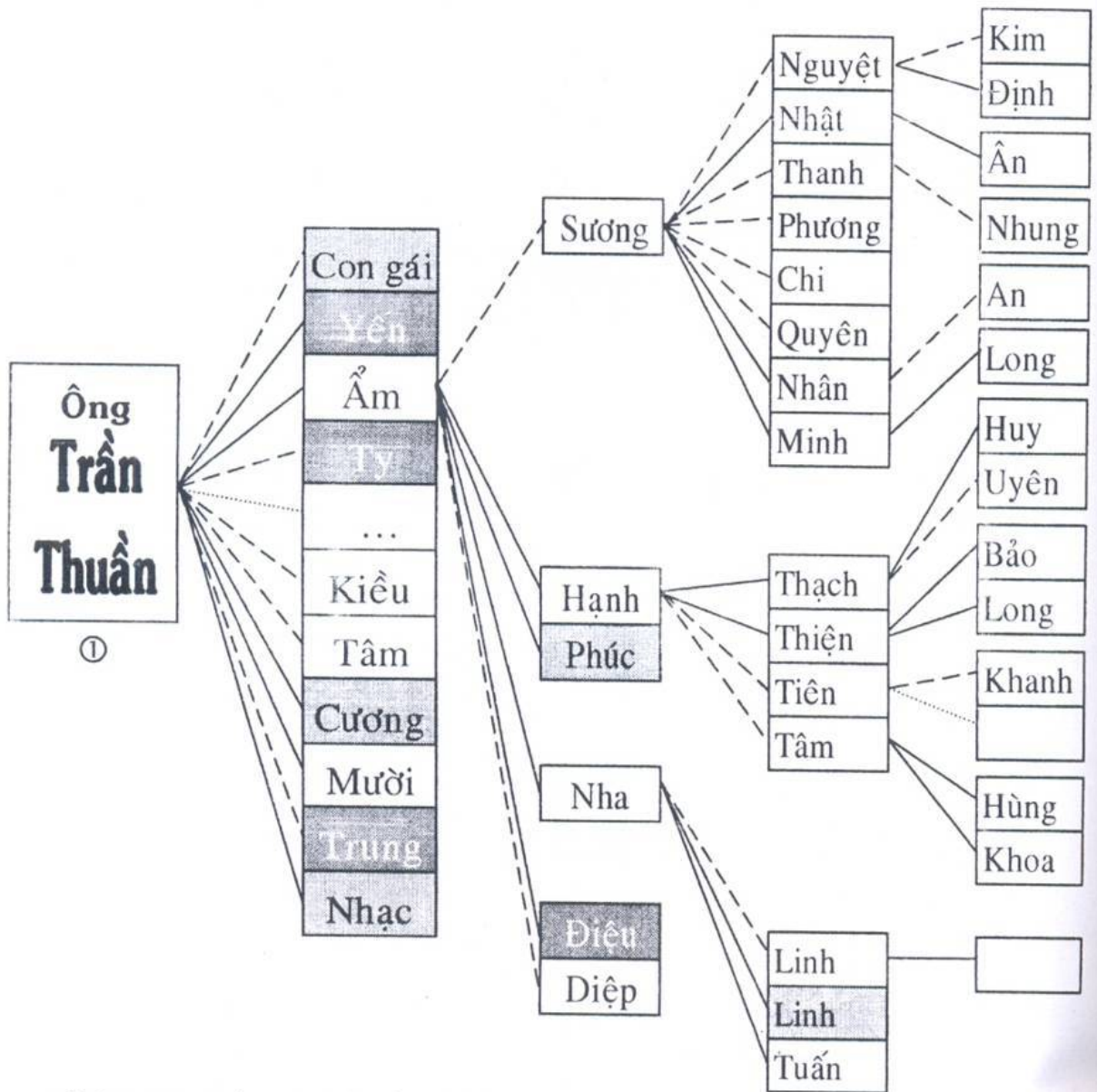
- Thương chồng mệnh bạc xa khơi,
- Thương mình hiu hắt một thời xuân xanh!

Nỗi lòng bà Trần Thị Báu.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Thuận với con, cháu, chất và chút.

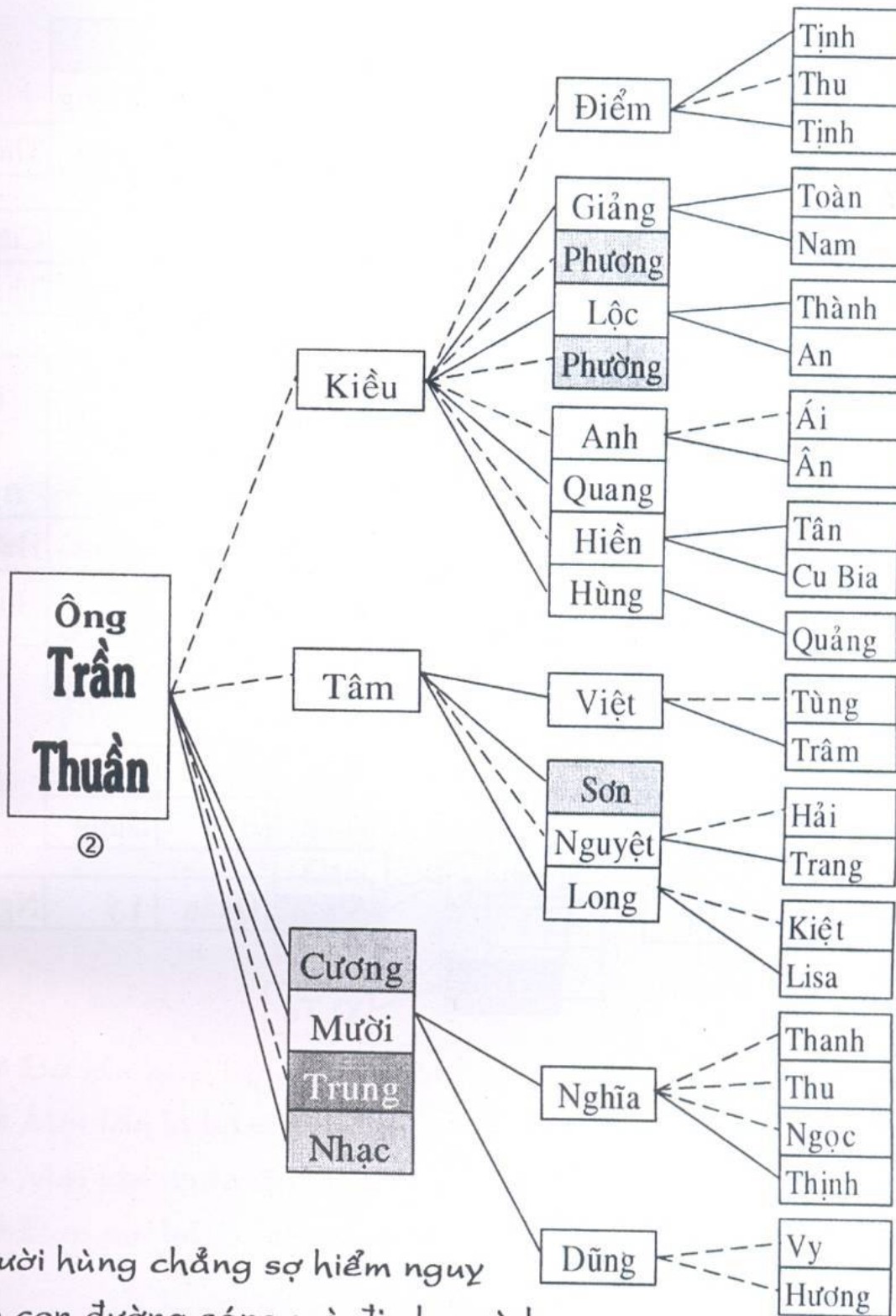


- Nội tôn nhi nữ Trần gia
- Lòng thành nghĩ đến ông bà, tổ tiên
- Có tiền không phải vì tiền
- Vì nhân nghĩa, vì nợ duyên với đời.

*Chuyện kể về cô Trần Thị Ngọc Sương.*

Từ đời IV đến đời VII:

Ông Trần Thuận với con, cháu và chắt.



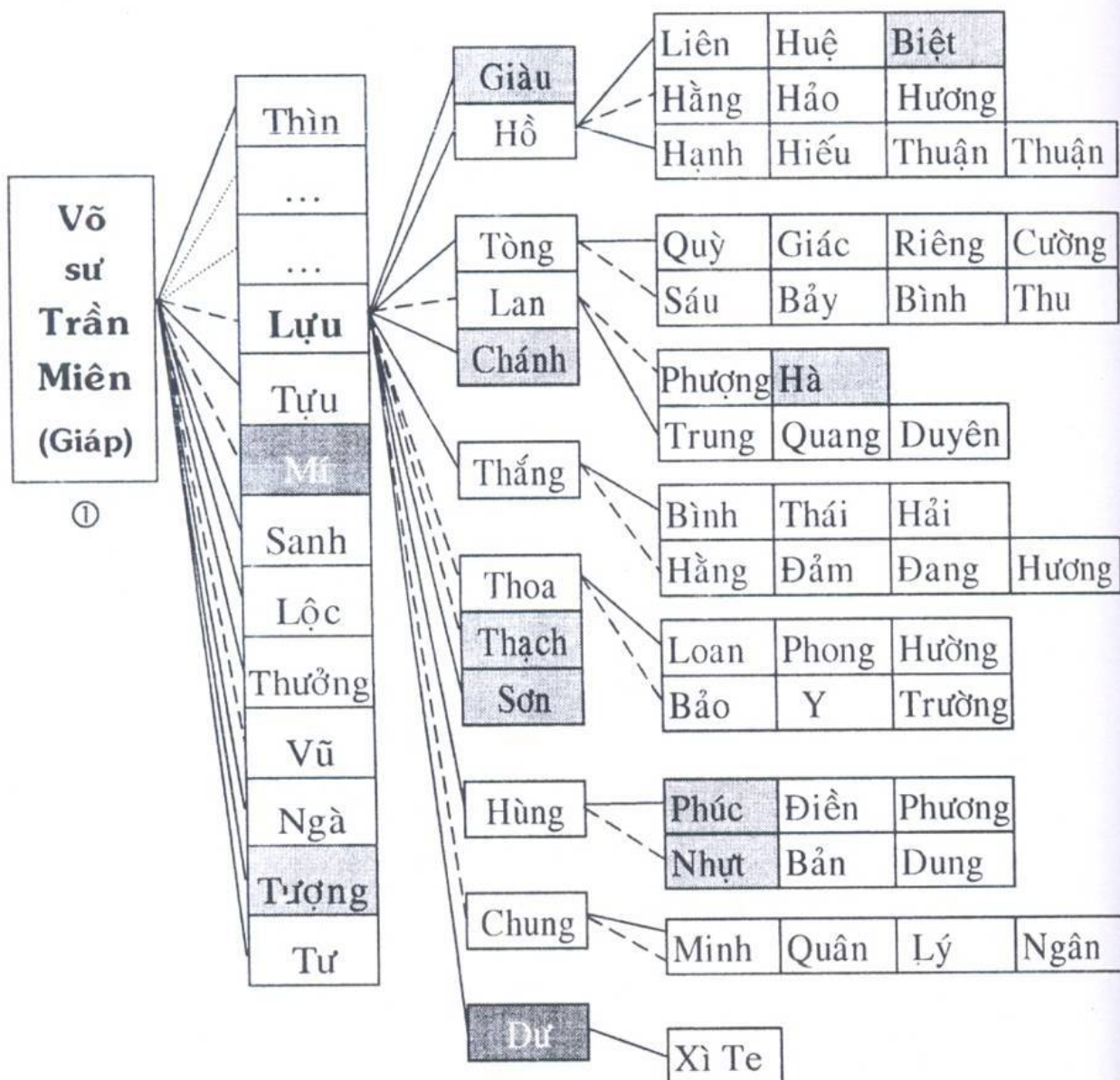
- Người hùng chẳng sợ hiểm nguy
- Tìm con đường sáng mà đi cho mình.

*Ca dao mới*



Từ đời IV đến đời VII:

Ông Trần Miên với con, cháu và chất.

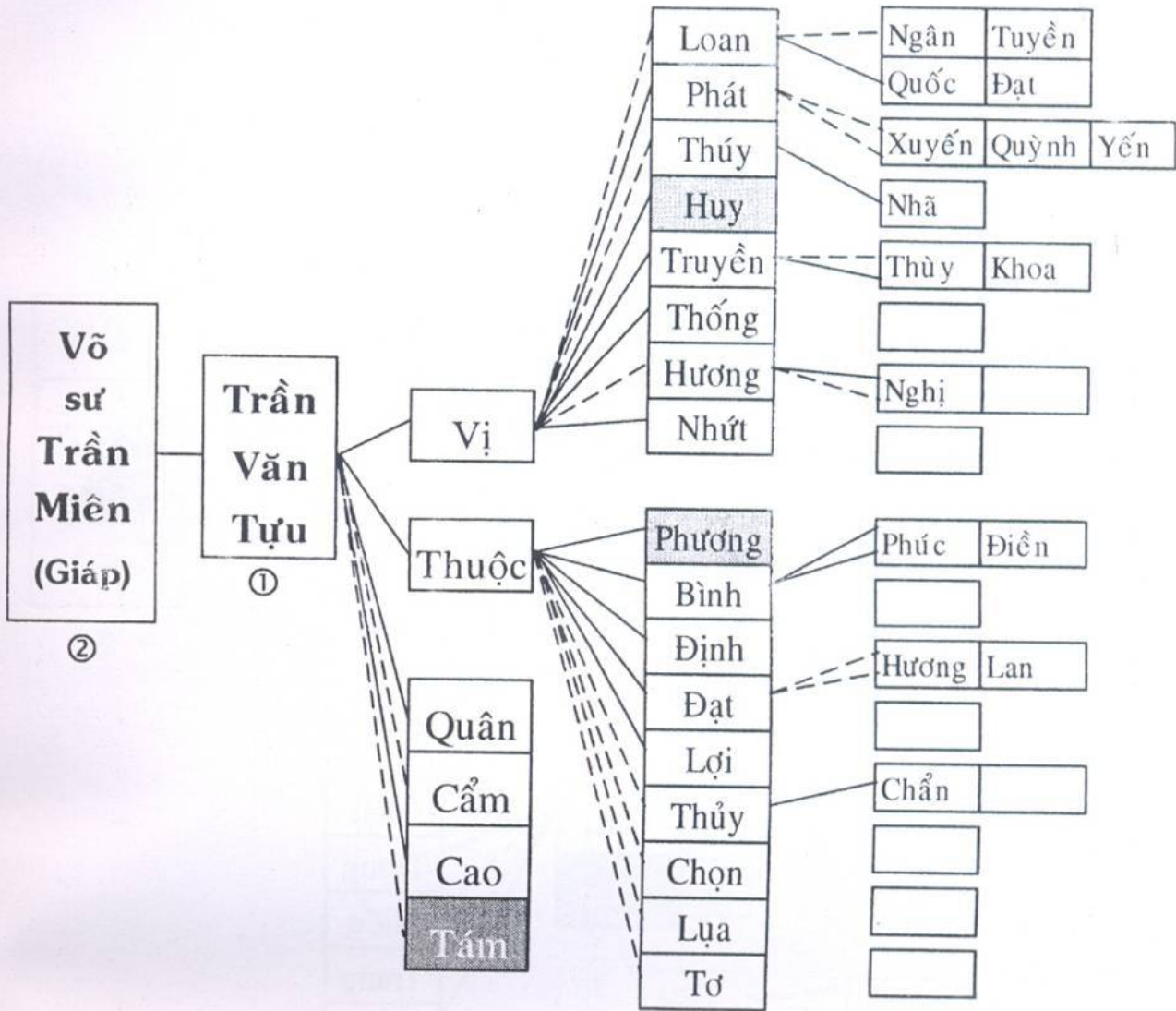


- Anh hùng cất bước quan san
- Đội trời đạp đất dặm ngàn từ lý
- Gian nan ví chằng là chi
- Người đi biết có mấy khi quay về!

Chuyện kể về ông Trần Miên rời quê vô Nam lập nghiệp.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Miên với con, cháu, chắt và chót.



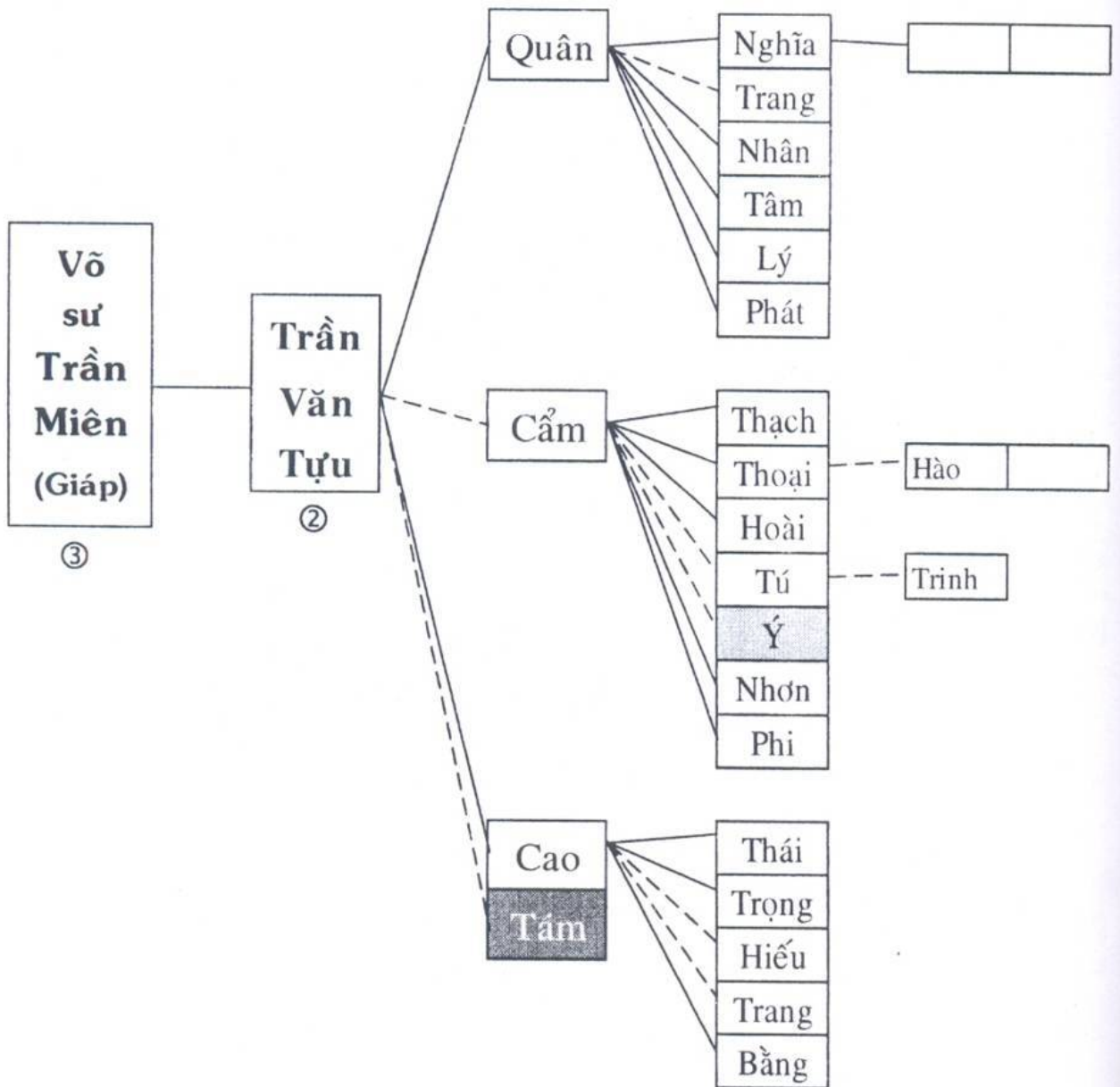
- Ba lần gặp nạn thoát nạn
- Một lần bị bắn, một lần canh nông
- Một lần cuộc đất lở đồng
- Đạn em bảy chín nổ bằng bay qua...

Chuyện kể về ông Trần Văn Tự.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Miên với con, cháu, chắt và chót.

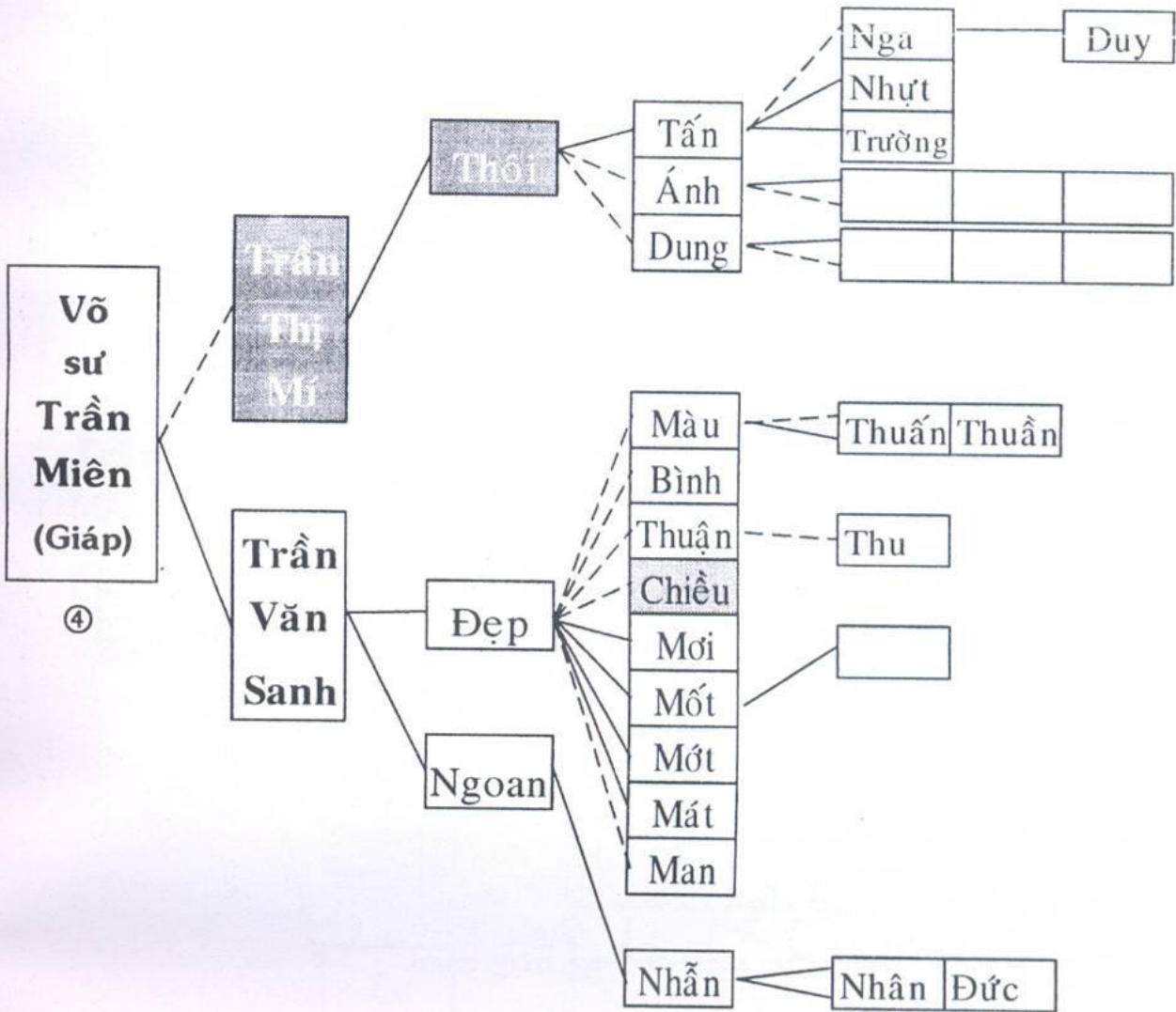


- Dòng sông Vàm Cỏ lững lờ
- Miền Tây sông nước vẫn thơ sử tình.

Ca dao mới.

Từ đời IV đến đời IX:

Ông Trần Miên với con, cháu, chất, chít và chít.



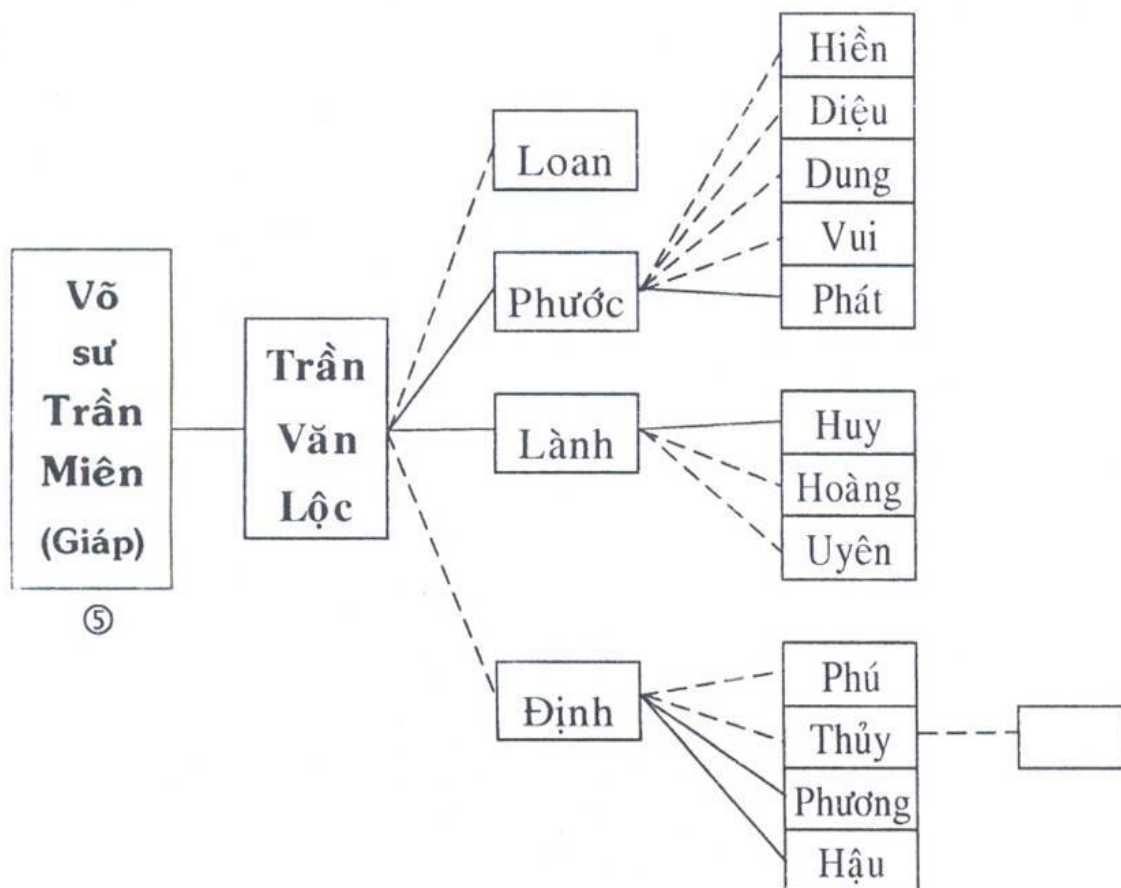
- Những ngày nước ngập ông đi
- Xác ông phải táng ngay khi trên bờ.

Chuyện kể về ông Trần Văn Sanh.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Miên với con, cháu, chắt và chót.

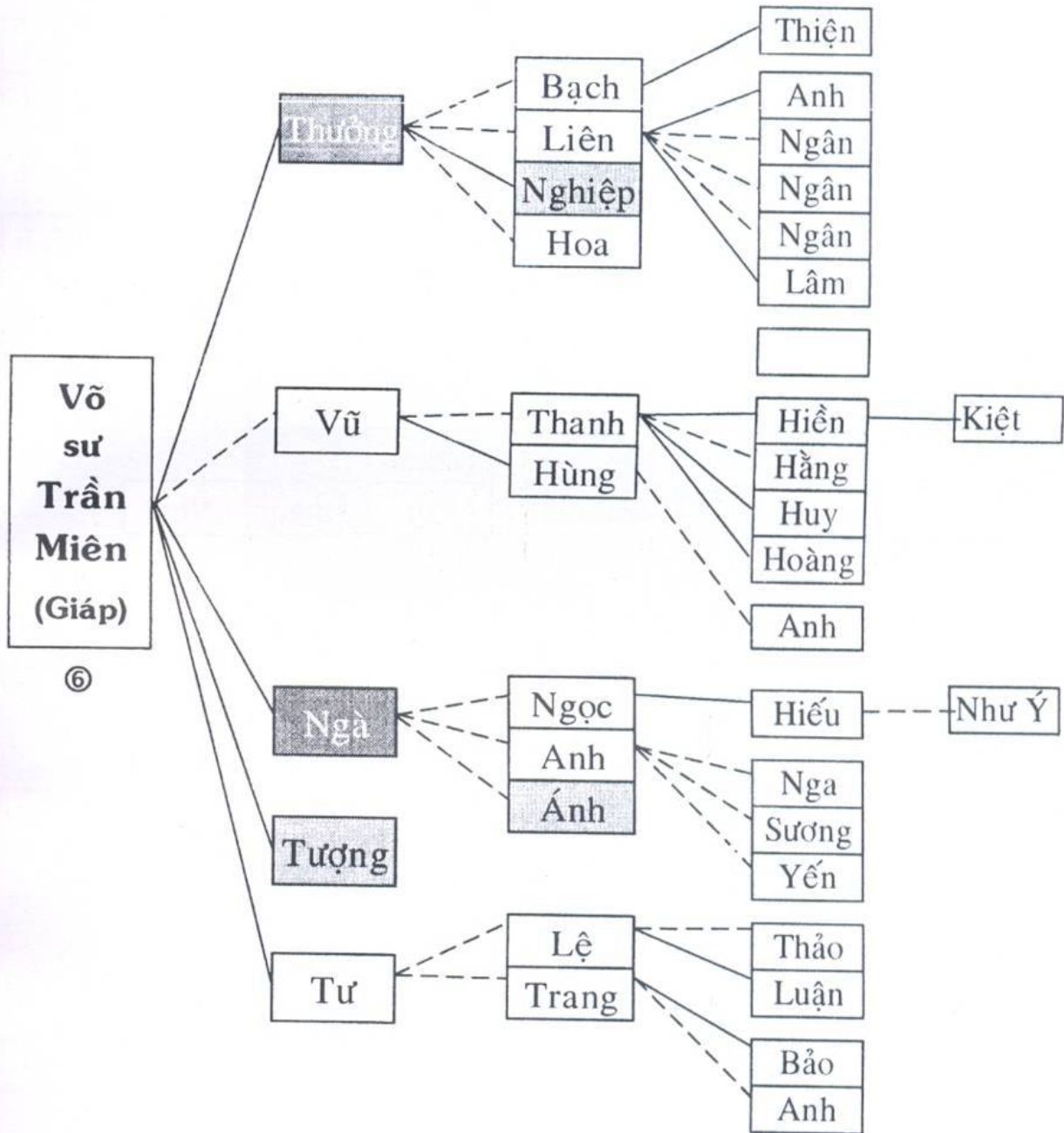


- Ông bà cào cỏ dọn đồng
- Chờ mưa có nước cấy trồng nay mai
- Có ngờ đạn nổ cả hai...
- Bị thương quá nặng nạn tai hồi trời
- Chiến tranh bom đạn hồi ơi
- Ruộng vườn nhà cửa mạng người còn chi?!

Chuyện kể về ông và bà Trần Văn Lộc

Từ đời V đến đời VIII:

Các ông bà: Thương, Vũ, Ngà, Tượng, Tư với con, cháu và  
chất.



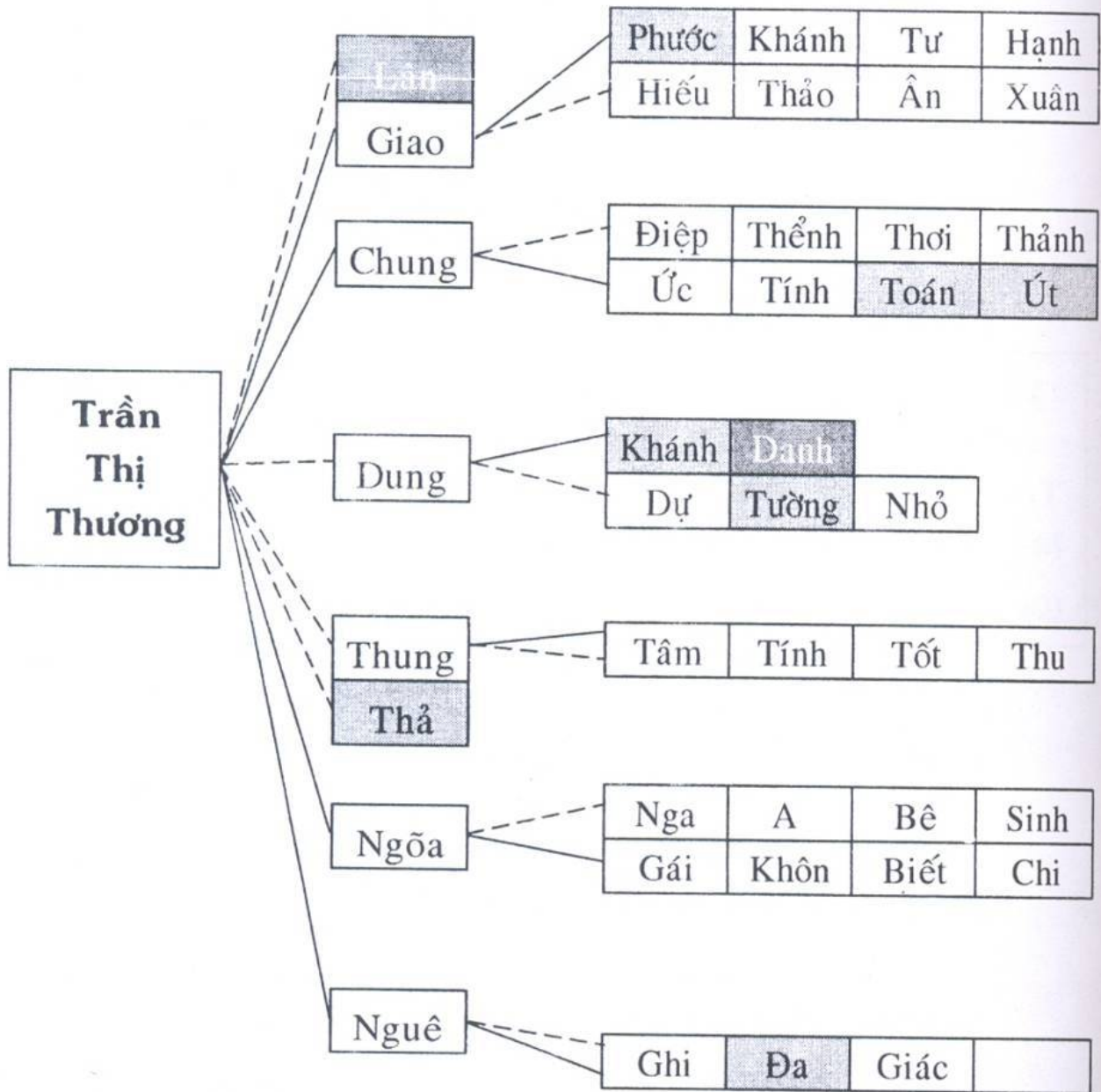
- Một ngày định mệnh tái tề
- Nát tan hồn xác làng quê hãi hùng.

Chuyện kể về ông Trần Văn Thương.



Từ đời IV đến đời VI:

Bà Trần Thị Thương với con và cháu.

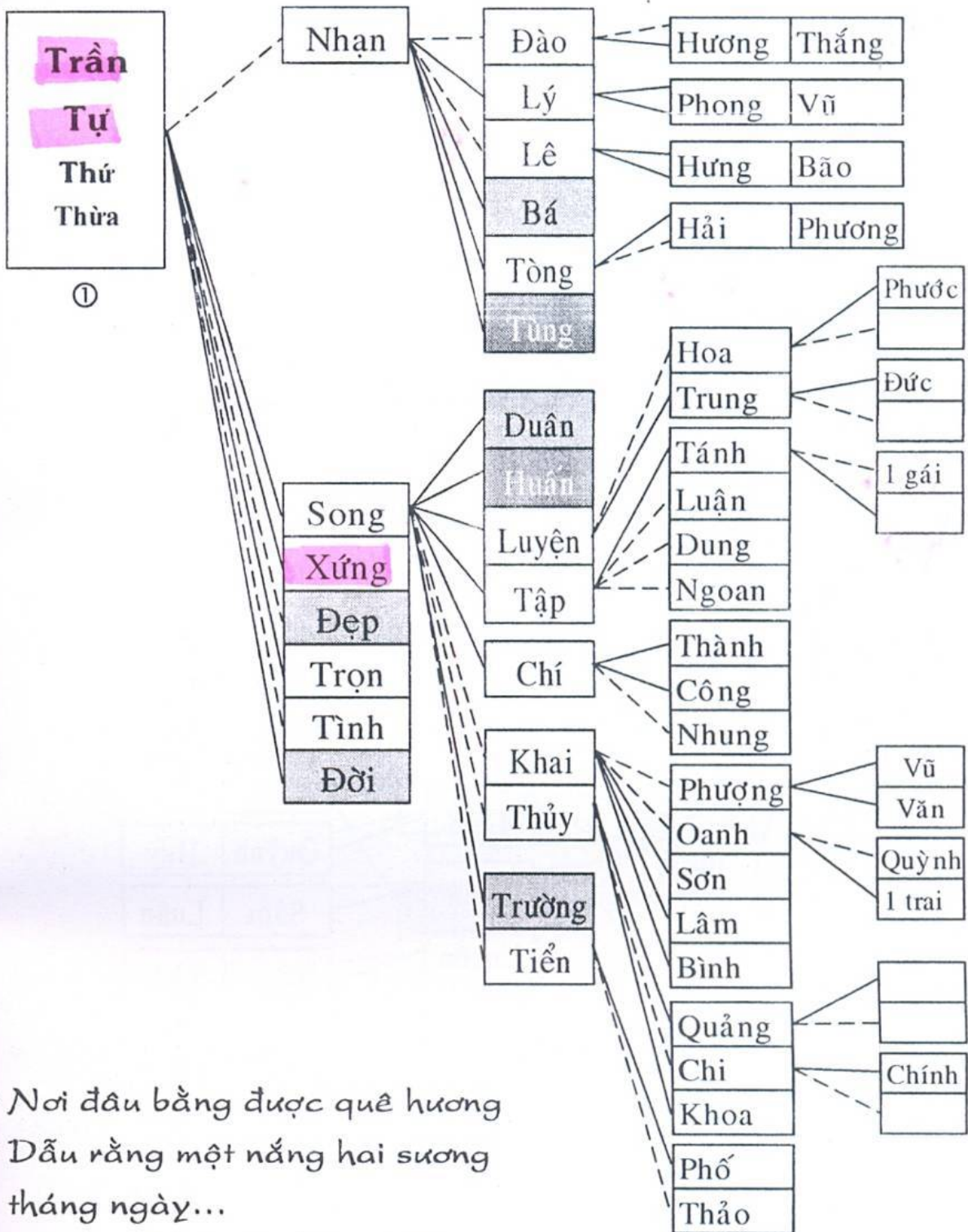


- Nội ngoại con cháu của Bà
- Ở Trung ở Bắc và là ở Nam.

Chuyện kể về bà Trần Thị Thương.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Tự với con, cháu, chất và chút.



- Nơi đâu bằng được quê hương
- Dẫu rằng một nắng hai sương tháng ngày...

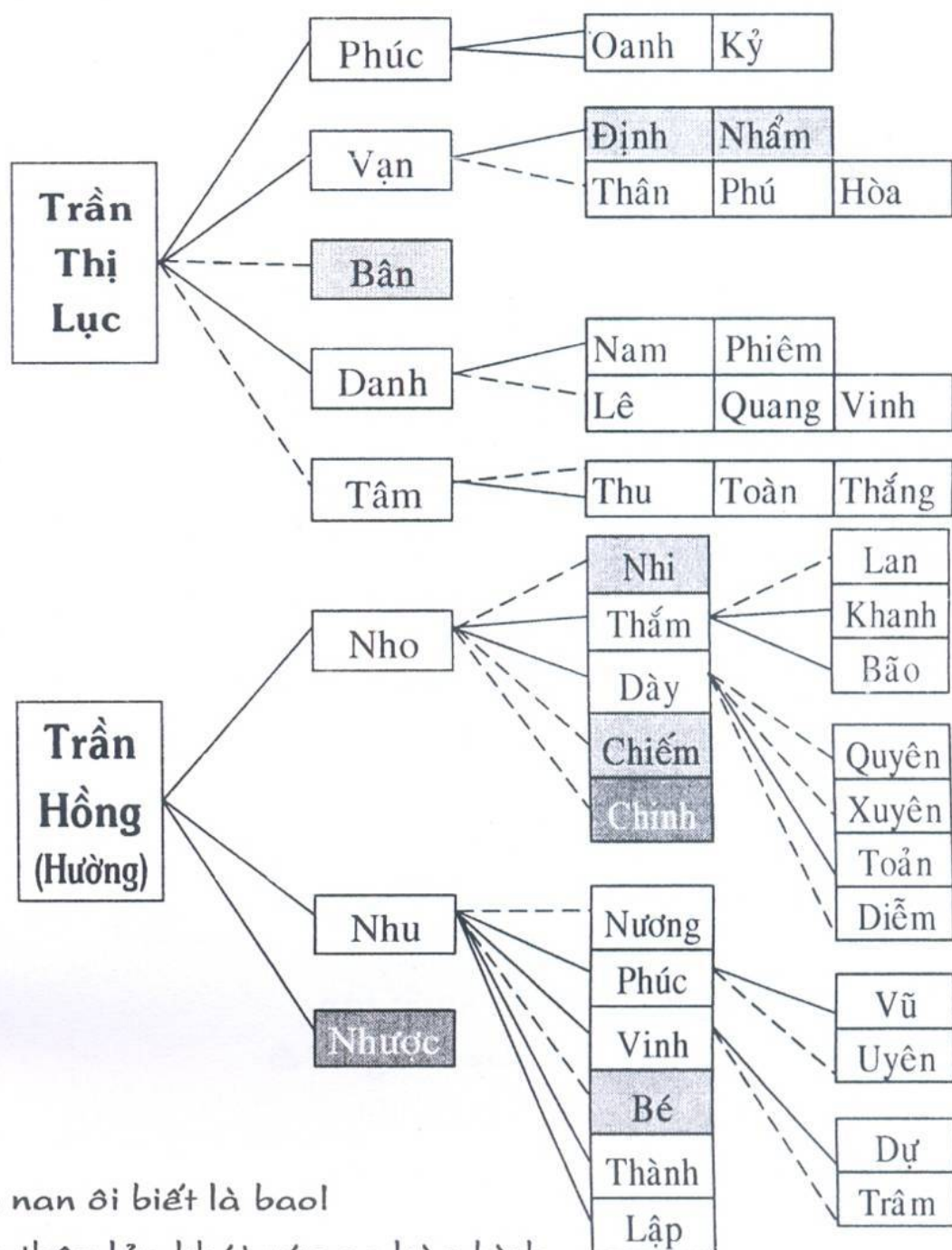
*Chuyện nói về làng An Thạch.*





Từ đời IV đến đời VII:

Ông Hồng, Bà Lục với con, cháu và chắt.



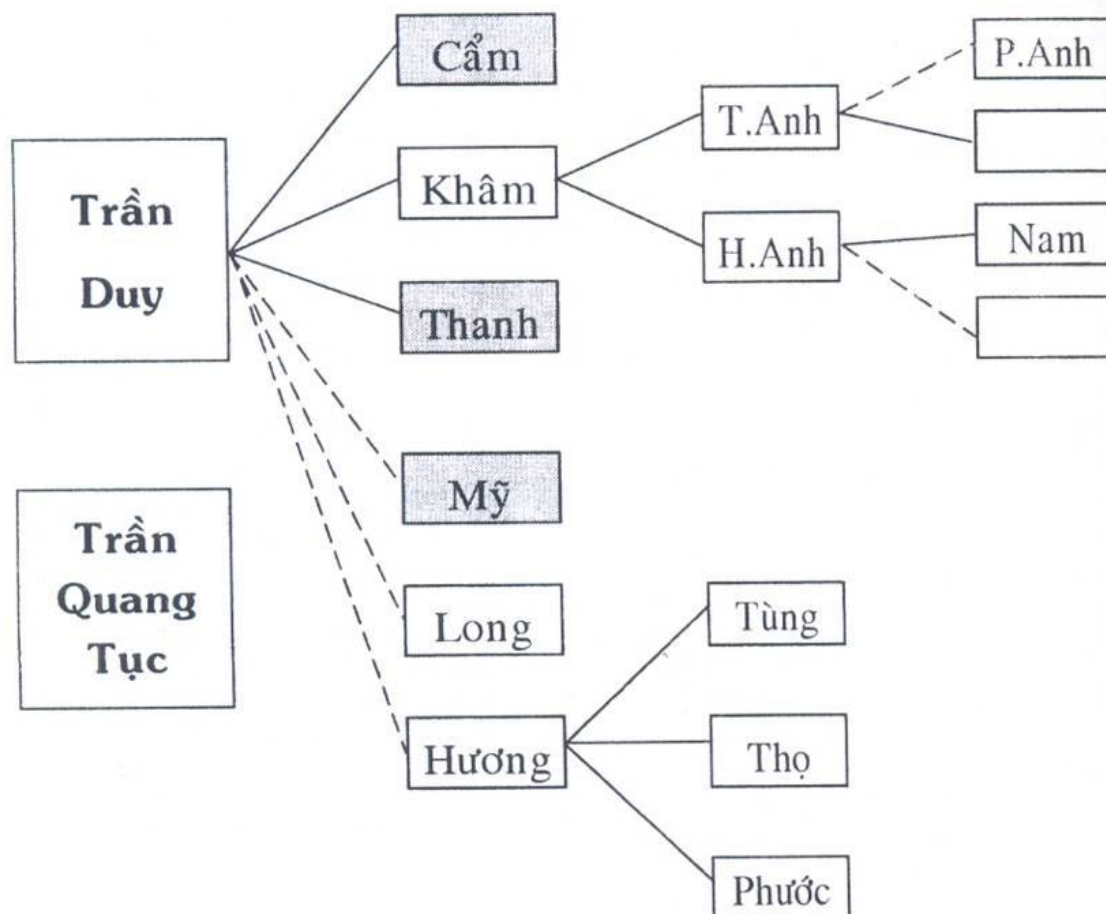
- Gian nan ôi biết là bao!
- Làng thôn lửa khói ước ao hòa bình
- Quê hương vừa hết đao binh
- Sao ông nỡ bỏ thanh bình mà đi!

Chuyện kể về ông Trần Nho.



Từ đời IV đến đời VII:

Ông Duy, Ông Tục với con, cháu và chắt.

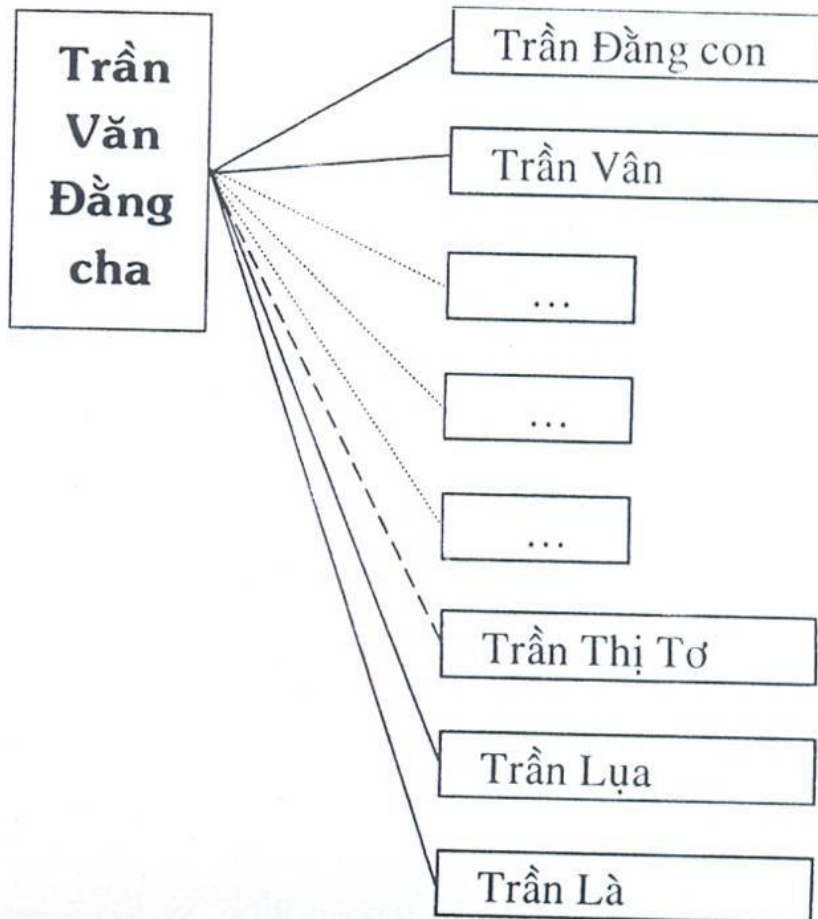


- Quê hương khói lửa khốc tàn
- Bế bồng già biệt xóm làng ra đi
- Gió chiều đưa tiễn thăm thi
- Bên tai như nhủ người đi nhớ về...
- Ngoảnh đầu nhìn lại tái tê
- Bước đi một bước hồn quê lạnh lùng!

Chuyện kể về ông Trần Duy ngày rời quê lánh bom đạn

Từ đời III đến đời IV:

Ông Trần Văn Đăng cha với những người con.



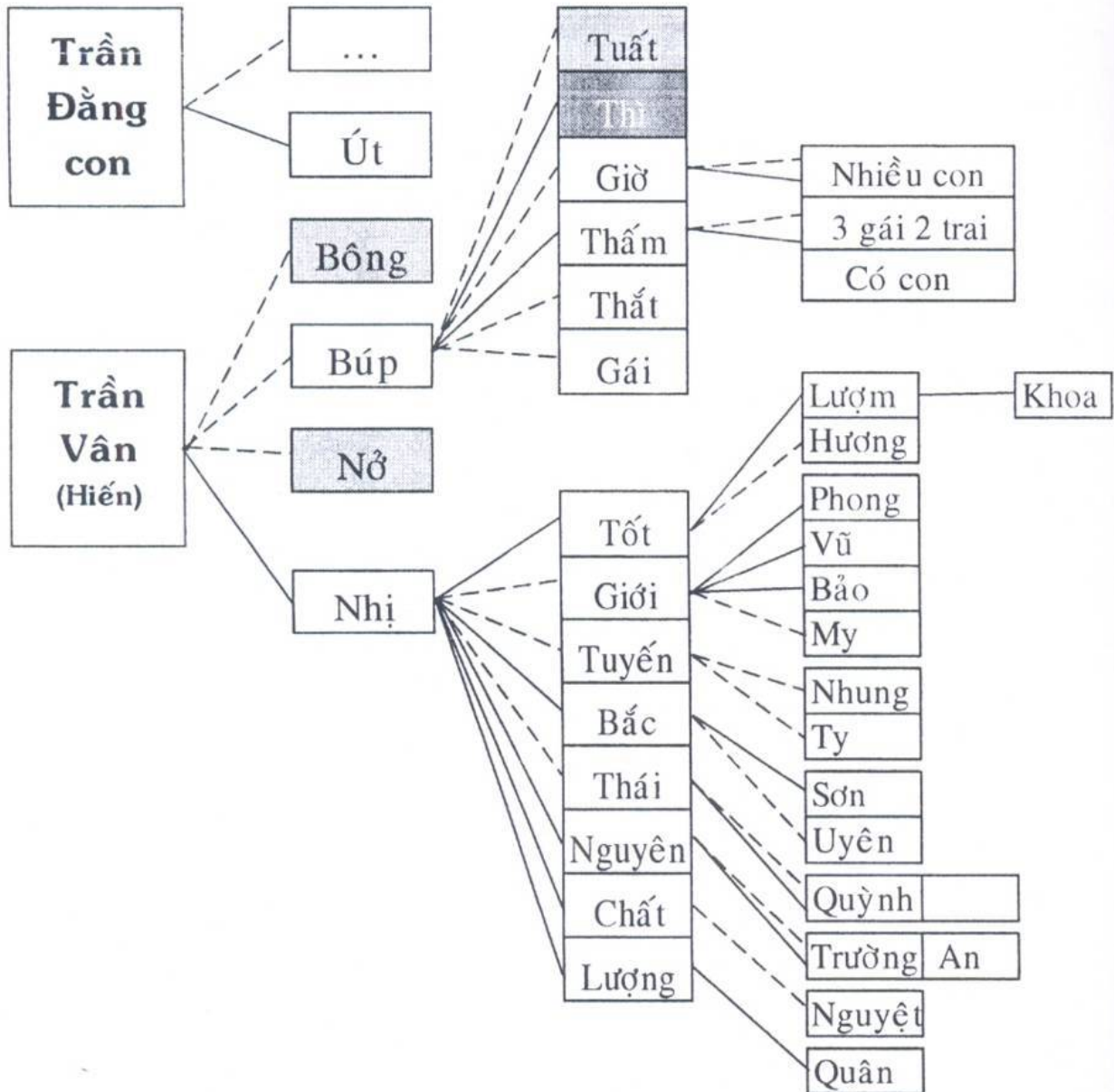
- Mộ ông lạc giữa nghĩa trang,
- Nắng mưa ngày tháng ngổn ngang nổi sầu!

*Chuyện kể về ông Trần Văn Đăng cha.*



Từ đời IV đến đời VII:

Ông Đằng con, Ông Vân với con, cháu và chất.

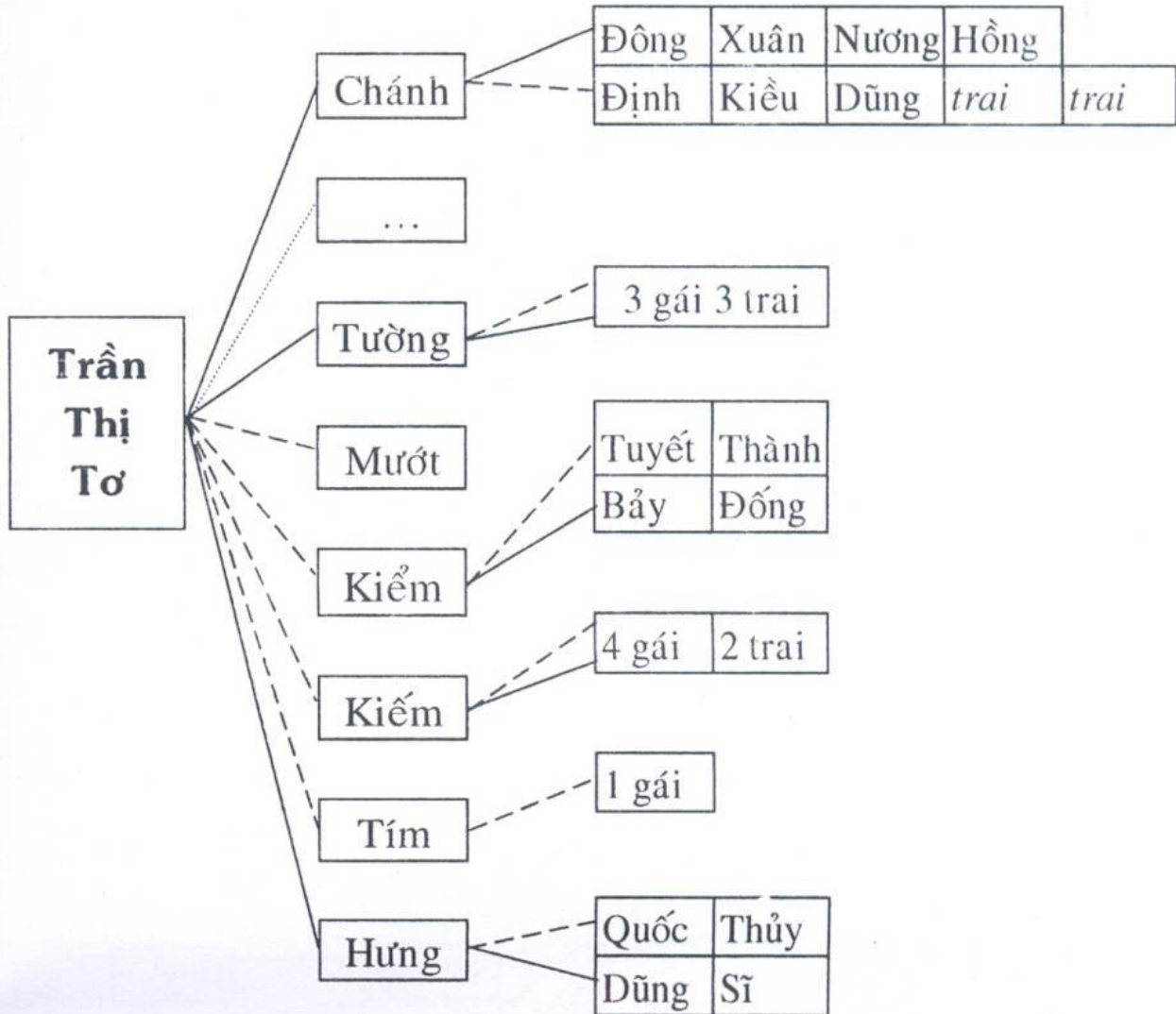


- Ra đi từ độ xuân nào
- Miền Tây sông nước ngõ vào Long Xuyên.

*Chuyện kể về ông Trần Đằng con.*

Từ đời IV đến đời VI:

Bà Trần Thị Tơ với con và cháu.



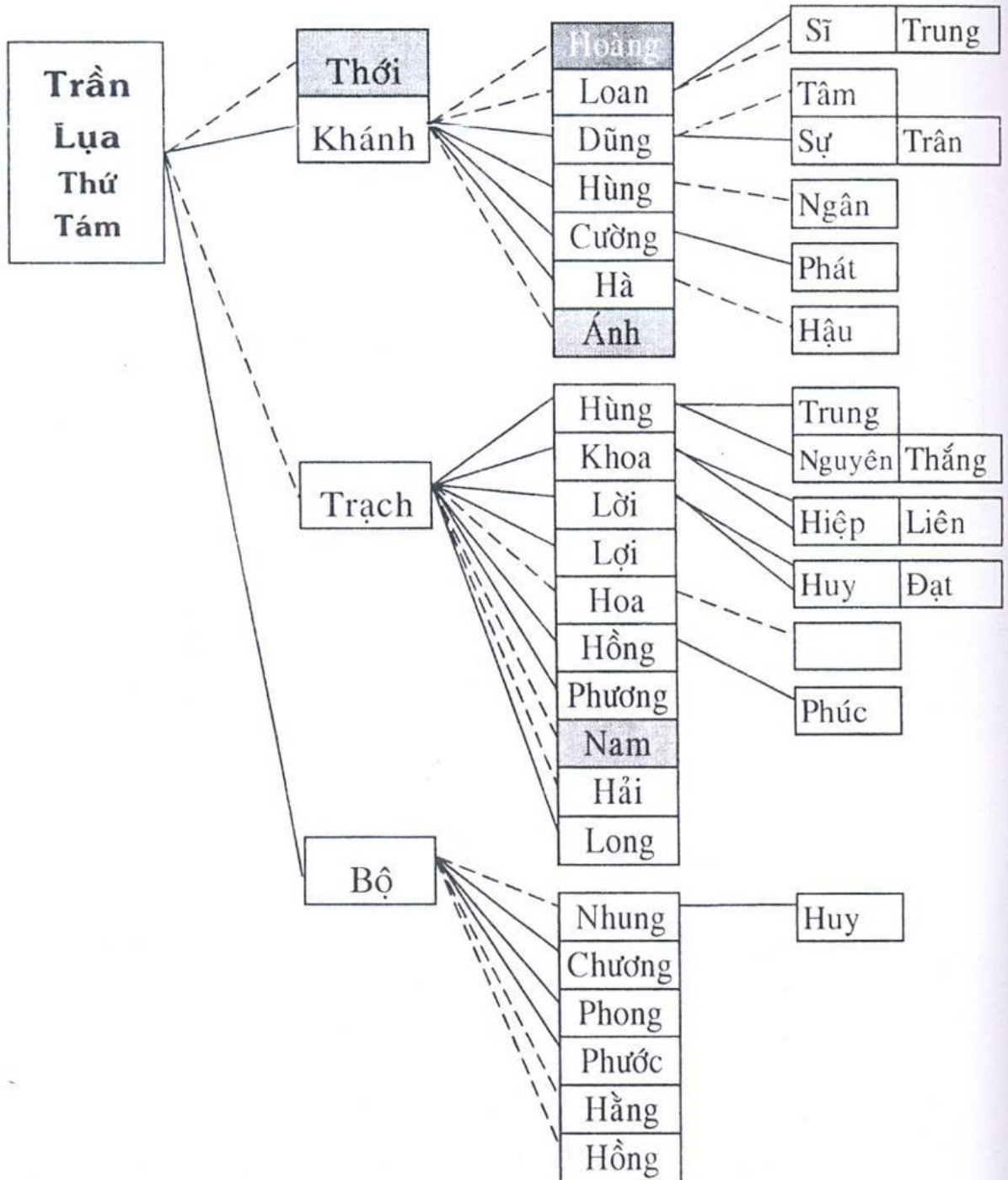
- Gánh gồng từ biệt làng quê
- Đất vùng Tân Vạn phu thê an lành!

Chuyện kể về bà Trần Thị Tơ.



Từ đời IV đến đời VII:

Ông Trần Lưu với con, cháu và chất.

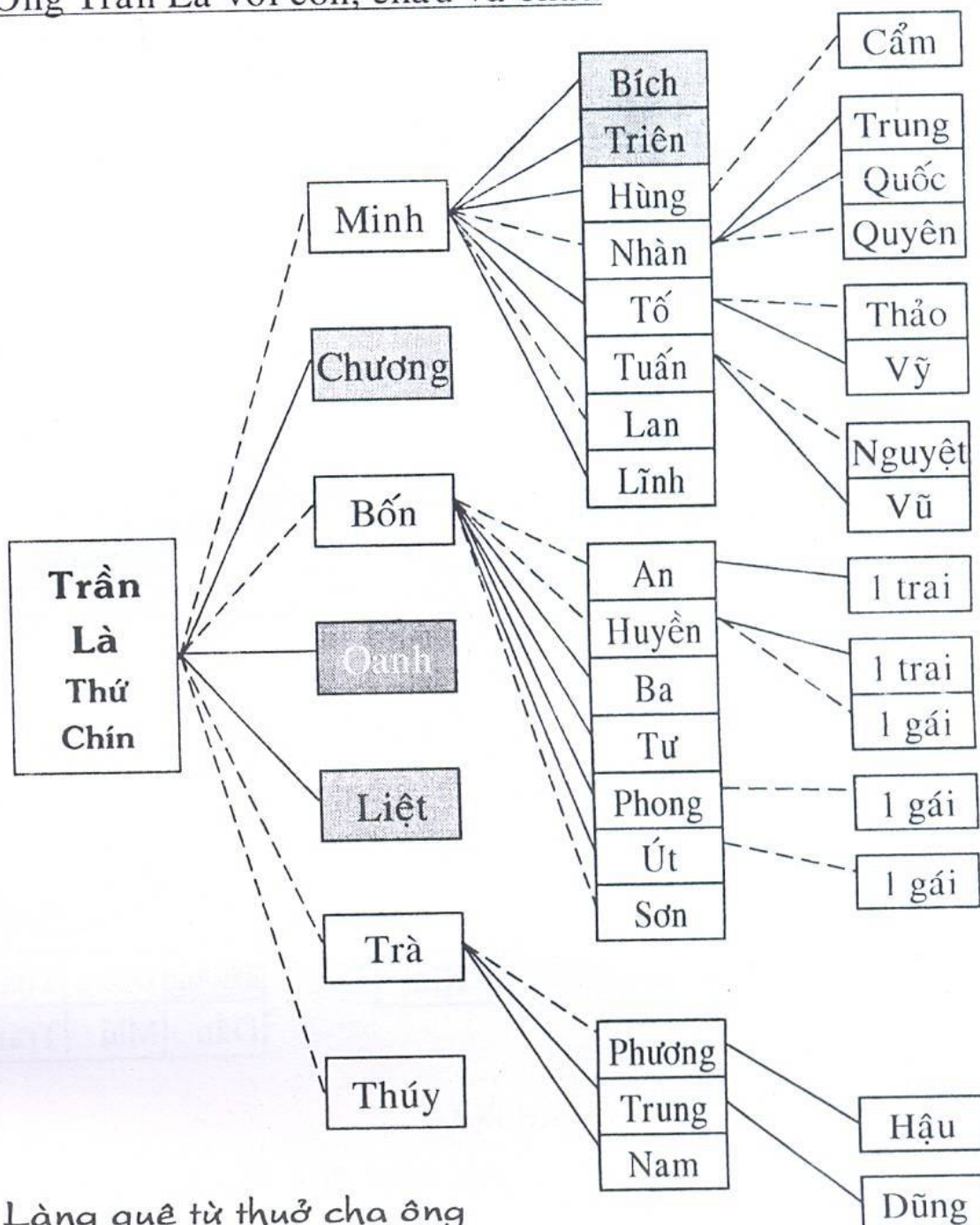


- Ông đi chùa đến bốn mươi
- Mộ phần thất lạc ngậm ngùi cháu con!

*Chuyện kể về Ông Trần Lưu.*

Từ đời IV đến đời VII:

Ông Trần Là với con, cháu và chất.



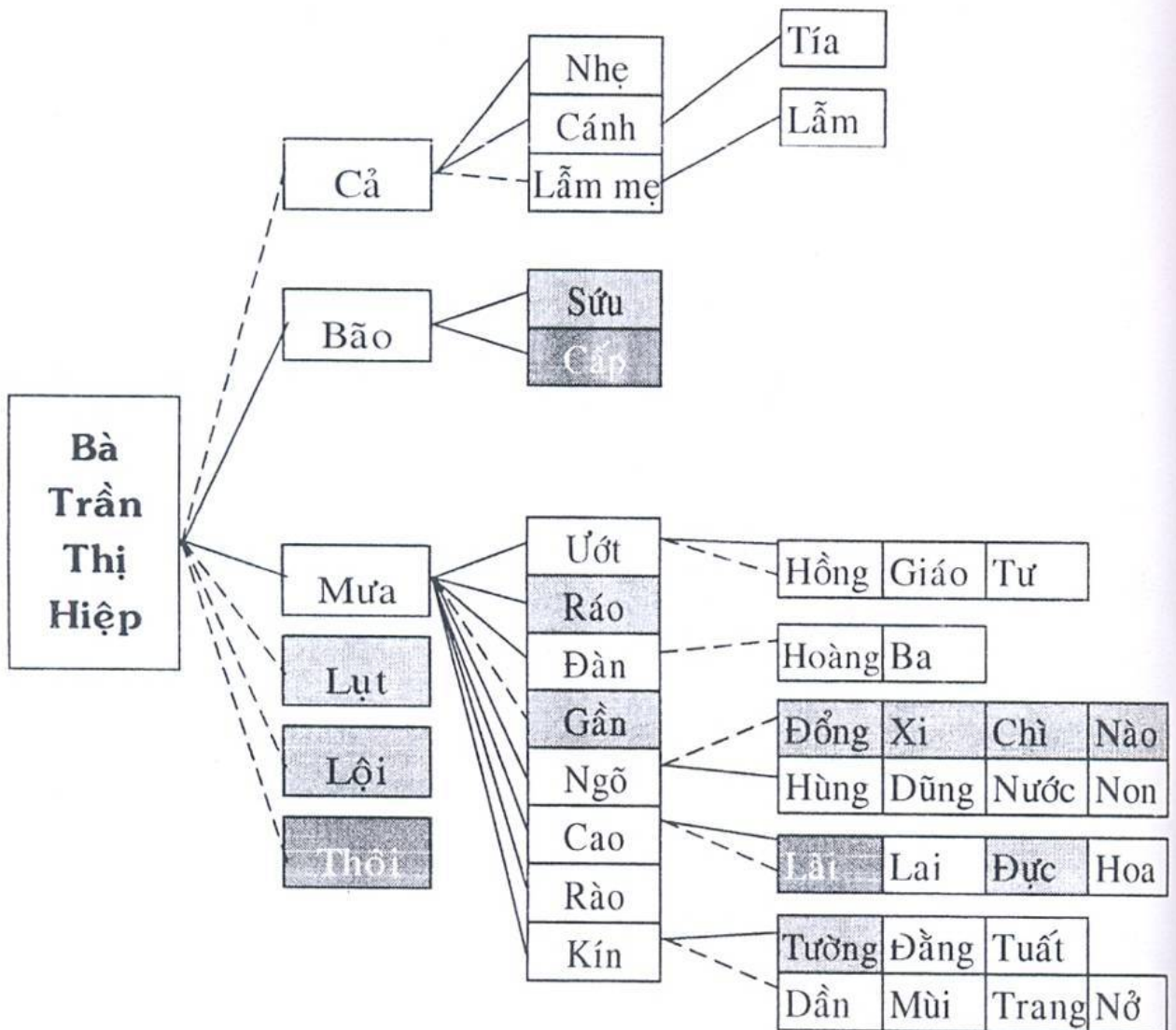
- Làng quê từ thuở cha ông
- Hai sương một nắng ruộng đồng quanh năm
- Cháu con luôn nhớ về thăm
- Cho dù cách trở xa xăm mọi miền...

Chuyện nói về những người xa quê.



Từ đời III đến đời VI:

Bà Trần Thị Hiệp với con, cháu và chất.

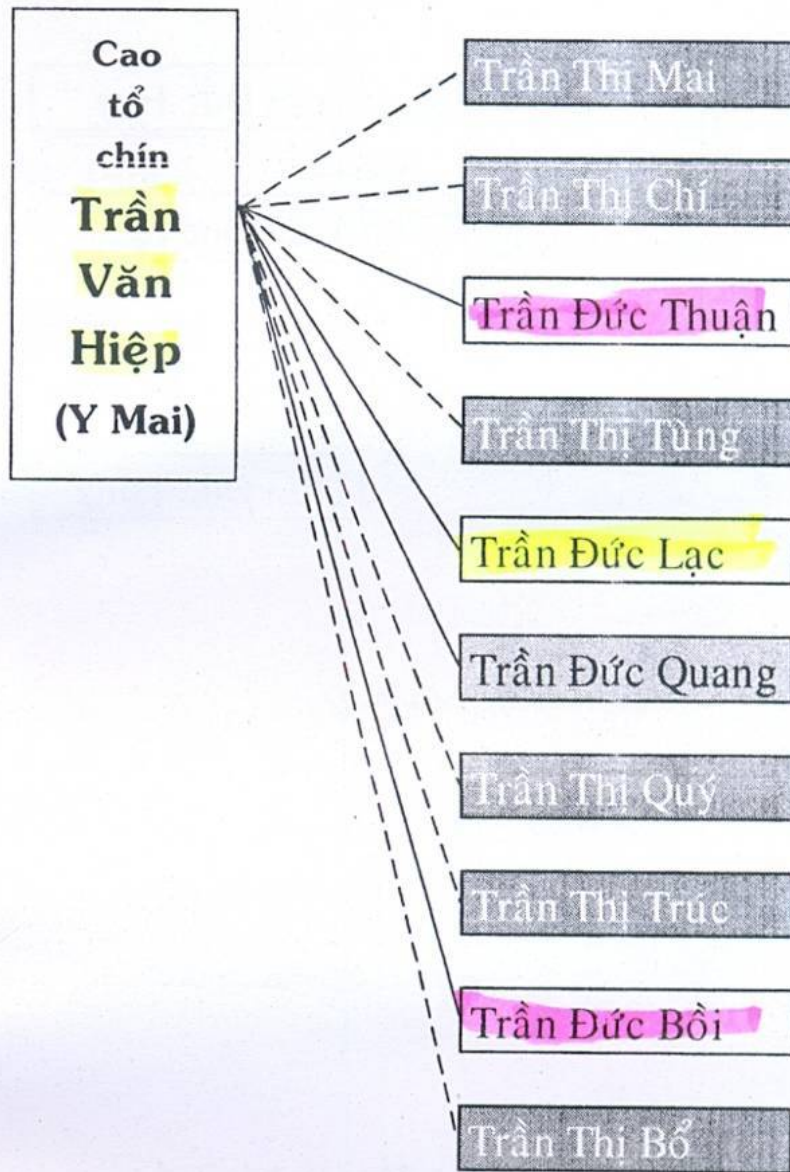


- Võ công Bà rất cao thâm
- Kiếm cung thao lược ôm cầm đao thương
- Theo anh chiến trận sa trường
- Năm mươi tám tuổi bụi đường vào cung
- Cấm cung thấy quá lạnh lùng...!

Chuyện kể về bà Trần Thị Hiệp.

Từ đời II đến đời III:

Ông Trần Văn Hiệp với những người con.



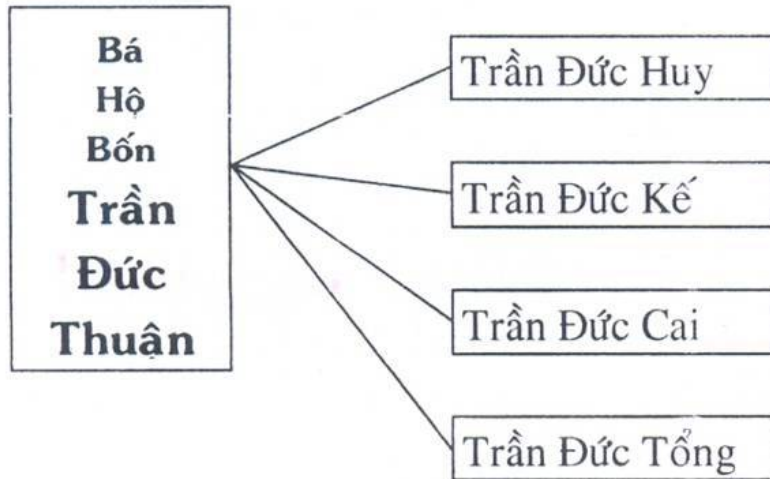
- Nghề y hành thiện cả đời
- Ông Cao Tổ Chín một thời còn đây.
- Cháu con cảm đức cao dày
- Vinh quang tiên tổ nghĩa đầy tình sâu!

Chuyện kể về ông Trần Văn Hiệp (Y Mai).



Từ đời III đến đời IV:

Ông bá hộ Bốn với những người con.



- Lưu danh bá hộ xưa nay
- Bốn mươi tuổi đã không may mệnh phần
- Tộc Trần mất một hiền nhân
- Số trời đã định sống ngắn ấy thôi

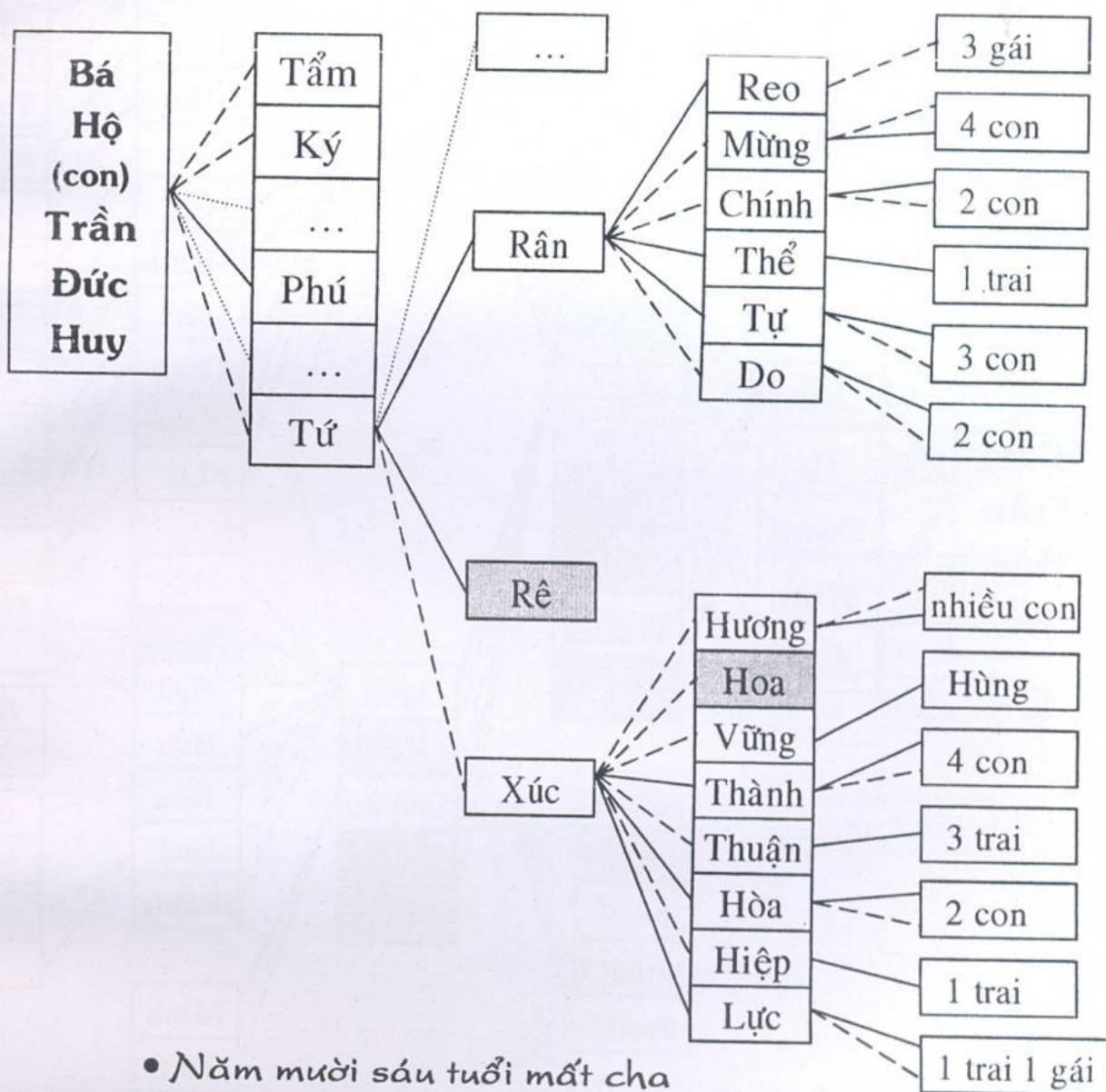
Chuyên kể về ông bá hộ Bốn.

- An Thạch ơi Đời đời là đất Tổ
- Quê hương ơi Luôn được về thăm
- Cội nguồn ơi Họ Trần làng An Thạch
- Trong lòng ta nhớ mãi với tháng năm!

Trích bài thơ: Đất Tổ

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Huy với con, cháu, chắt và chót.



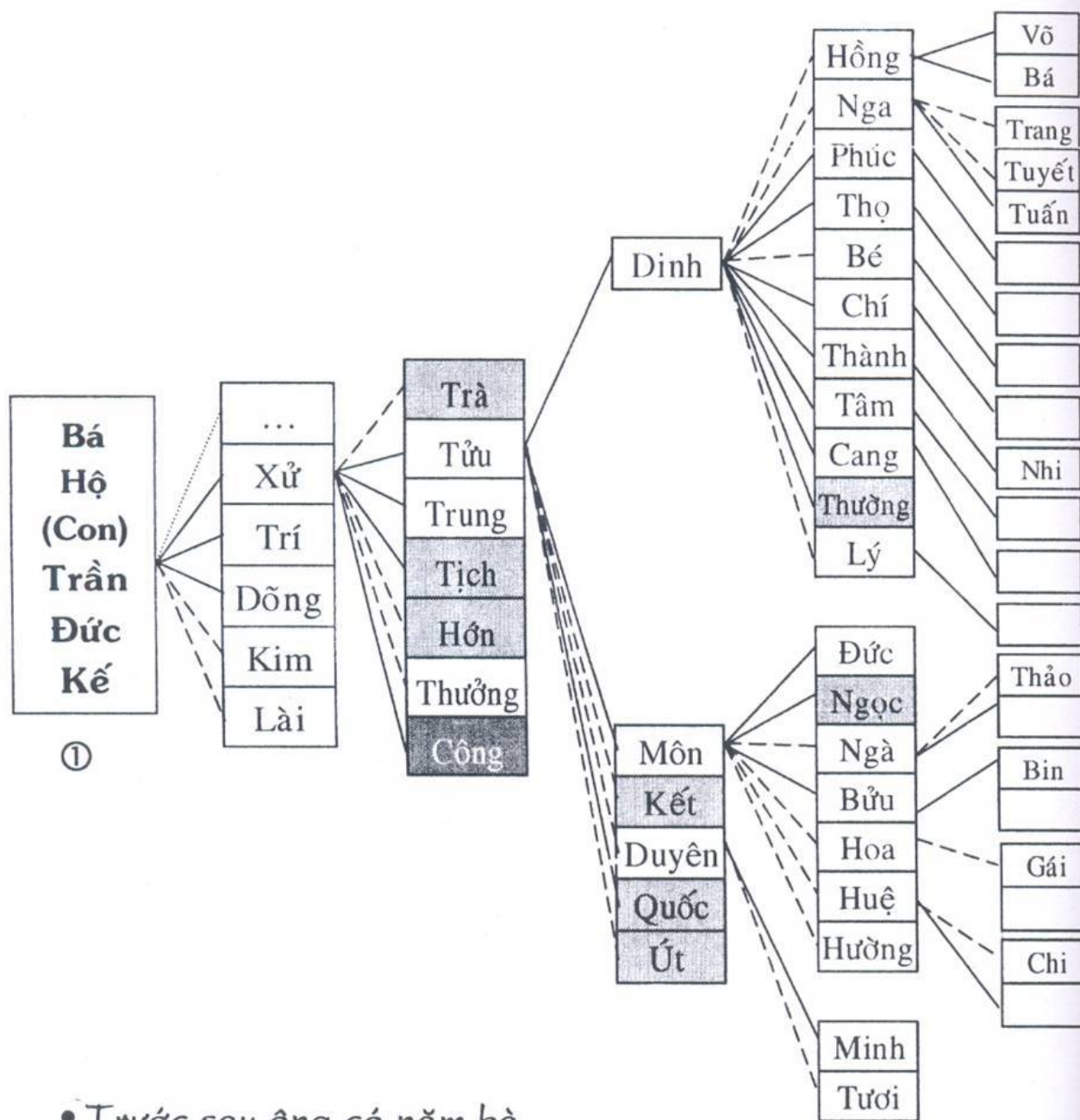
- Năm mươi sáu tuổi mất cha
- Ông cùng tam đệ khóc òa, khăn tang.
- Con ông bá hộ trong làng
- Tương lai sự nghiệp gian nan bước đường...

Chuyên kể về ông Trần Đức Huy.



Từ đời IV đến đời IX:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu, chắt, chít và chít.

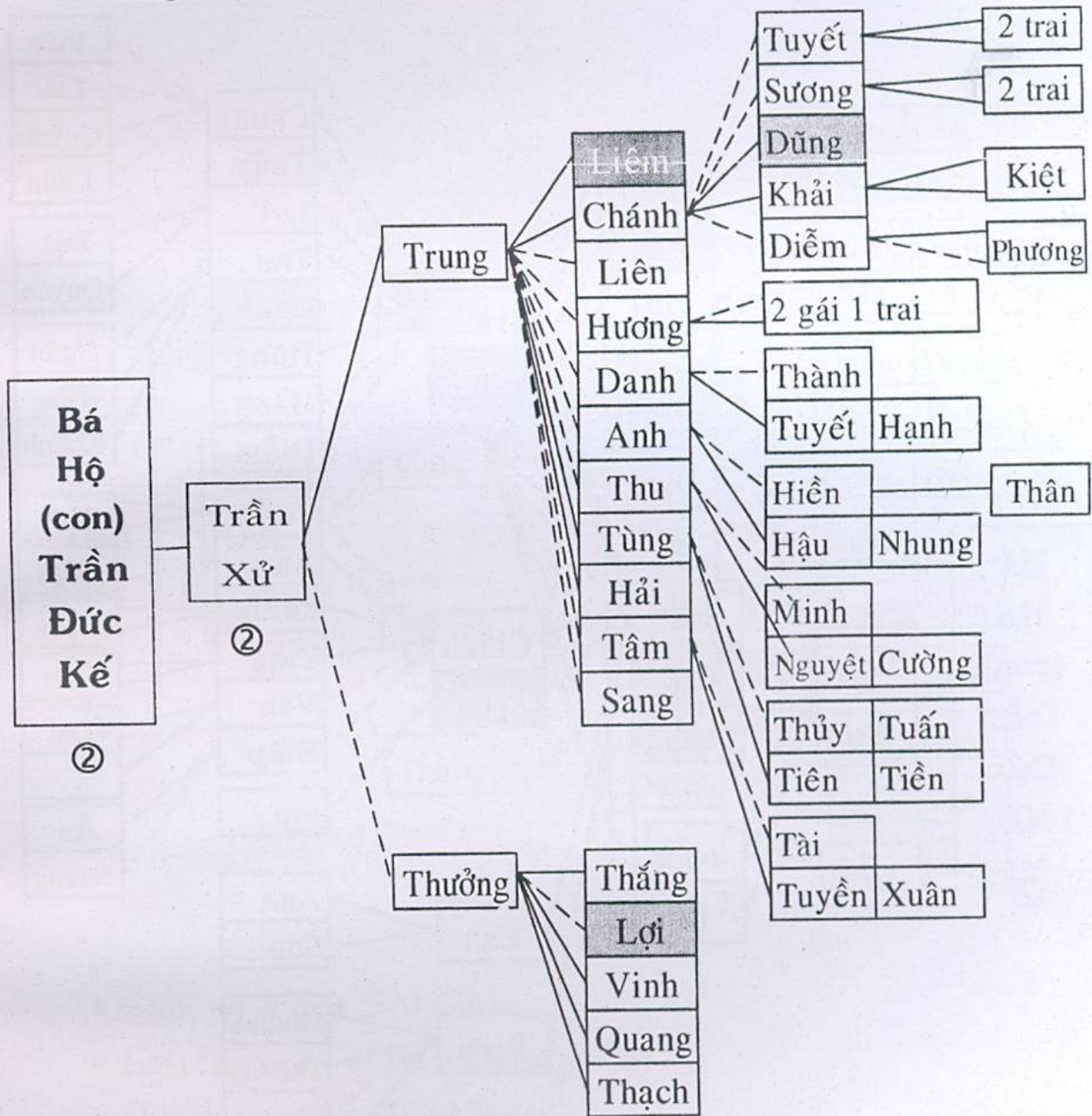


- Trước sau ông có năm bà
- Thủy chung hạnh ngộ thiết tha duyên tình
- Hiền thê đời cuối đẹp xinh
- Ba ba tuổi nhỏ hơn mình ba ba
- Sau cùng còn lại ba bà.

*Chuyện kể về ông Trần Xử.(Khắc Khoan)*

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu, chắt, chít và chít.



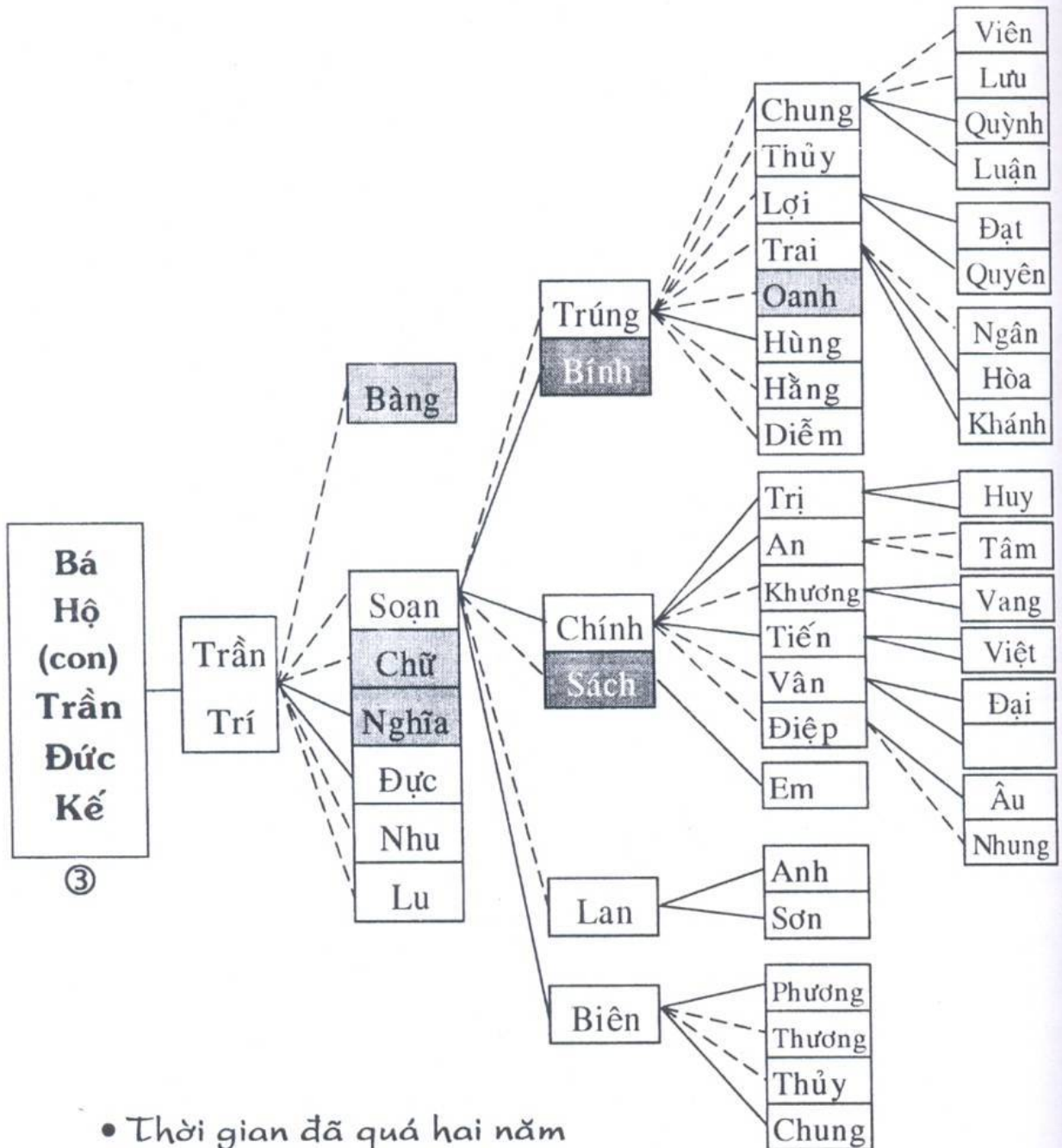
- Ông đi vào tuổi bảy ba (1926-1999)
- Họ hàng thương nhớ thiết tha với đây
- Phải chi sống đến hôm nay
- Cháu con phụng dưỡng tháng ngày thành thoi.

Chuyện kể về ông Trần Kiêm.



Từ đời IV đến đời IX:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu, chắt, chít và chít.

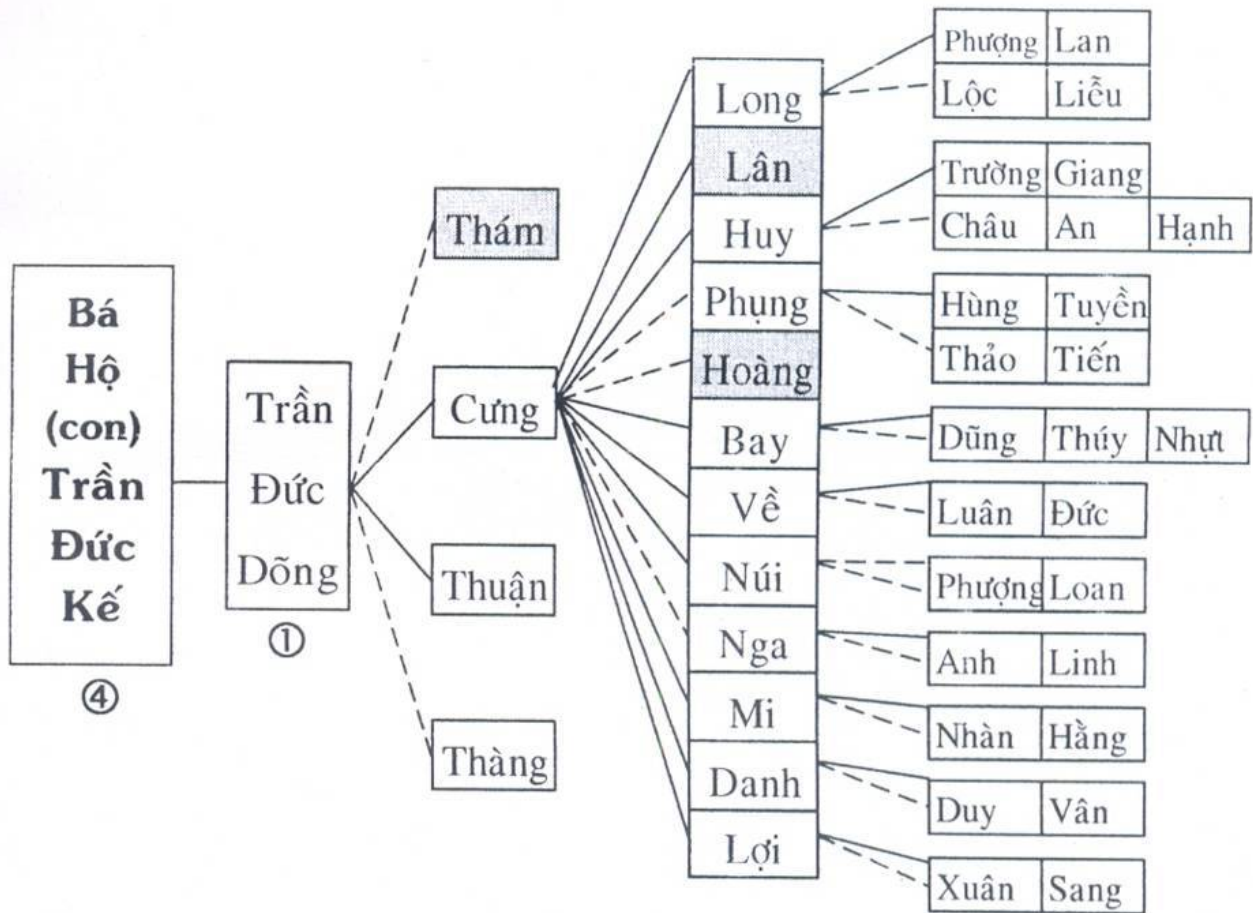


- Thời gian đã quá hai năm
- Làng thôn mờ mịt xa xăm ngày về
- Nhạc lòng hương sắc tình quê
- Gặp người tri kỷ câu thề trước sau.

*Chuyện kể về ông Trần Soạn (Bản).*

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu, chắt, chít.



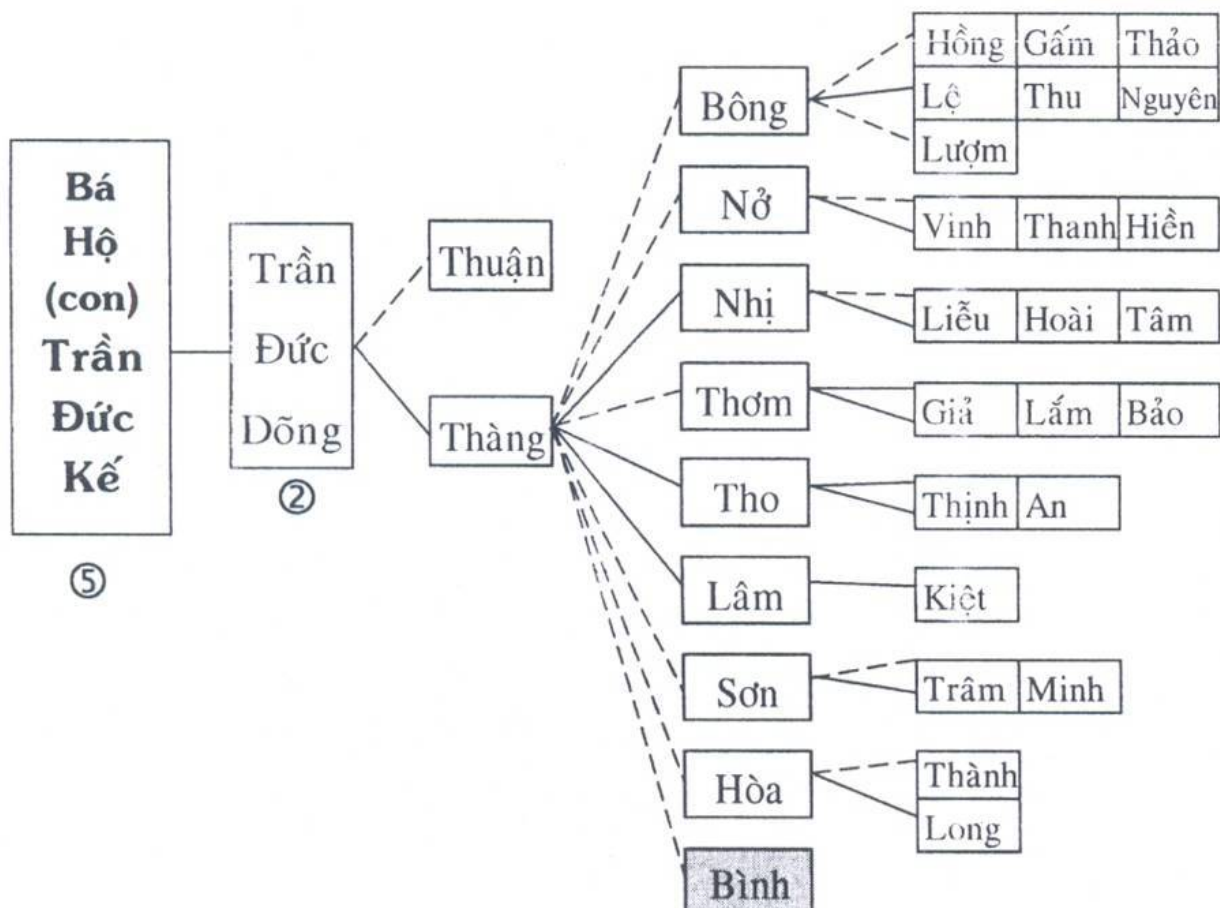
- Sinh ra ở đất Sài Gòn
- Lớn lên mồ mịt bà con họ hàng
- Hơn ba mươi tuổi về làng
- Đi tìm quê nội dặm ngàn cách xa
- Một người đáng quý thật là
- Là người con của Trần gia tộc dòng.

Chuyện kể về ông Trần Văn Cương.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu, chất, chút.

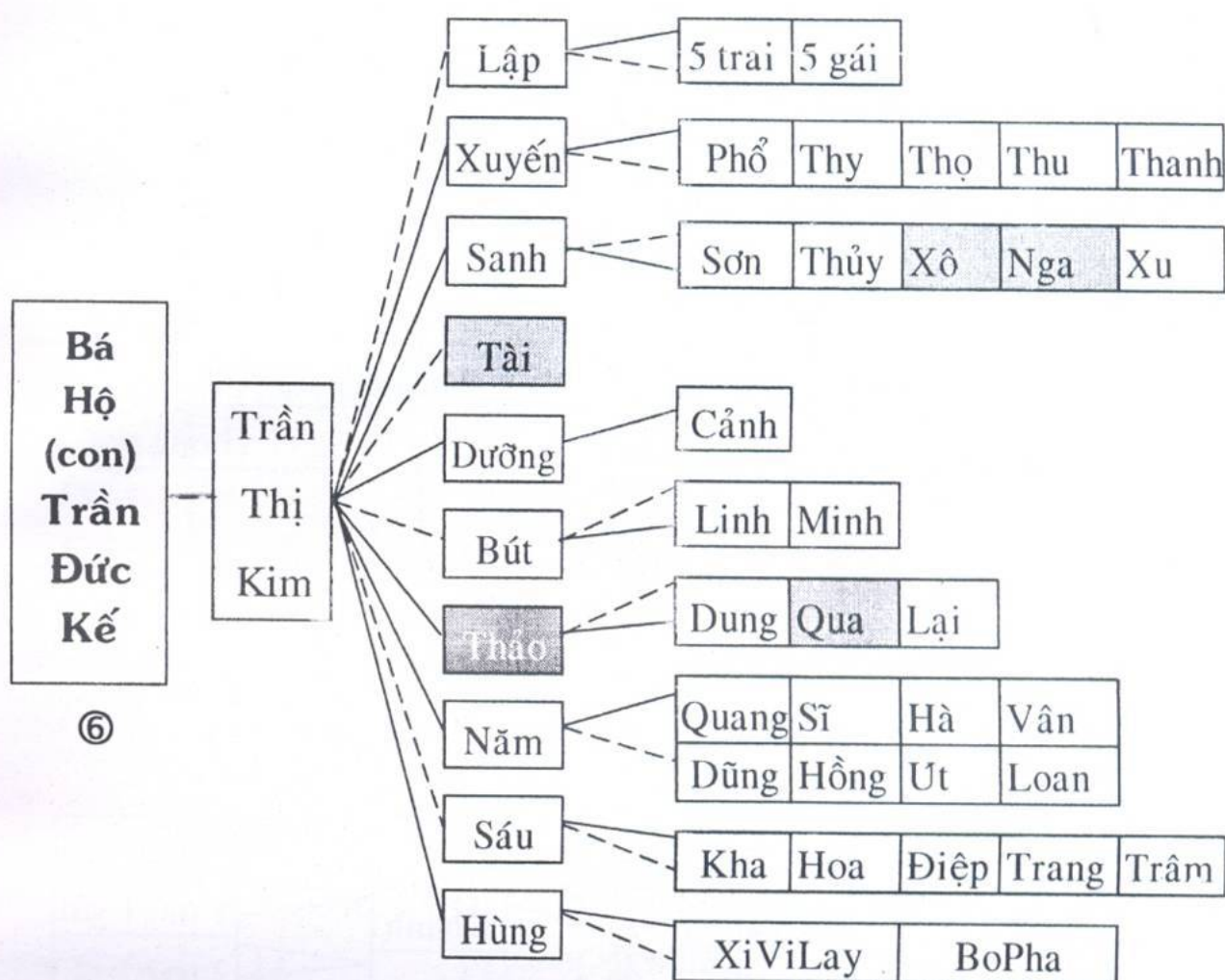


- Mất cha phải cảnh bơ vơ
- Trong vòng tay mẹ tuổi thơ tháng ngày
- Bệnh tình số phận không may
- Ra đi vào thưở tuổi ngoài sáu mươi

Chuyện kể về bà Trần Thị Thàng.

Từ đời IV đến đời VII:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu và chất.



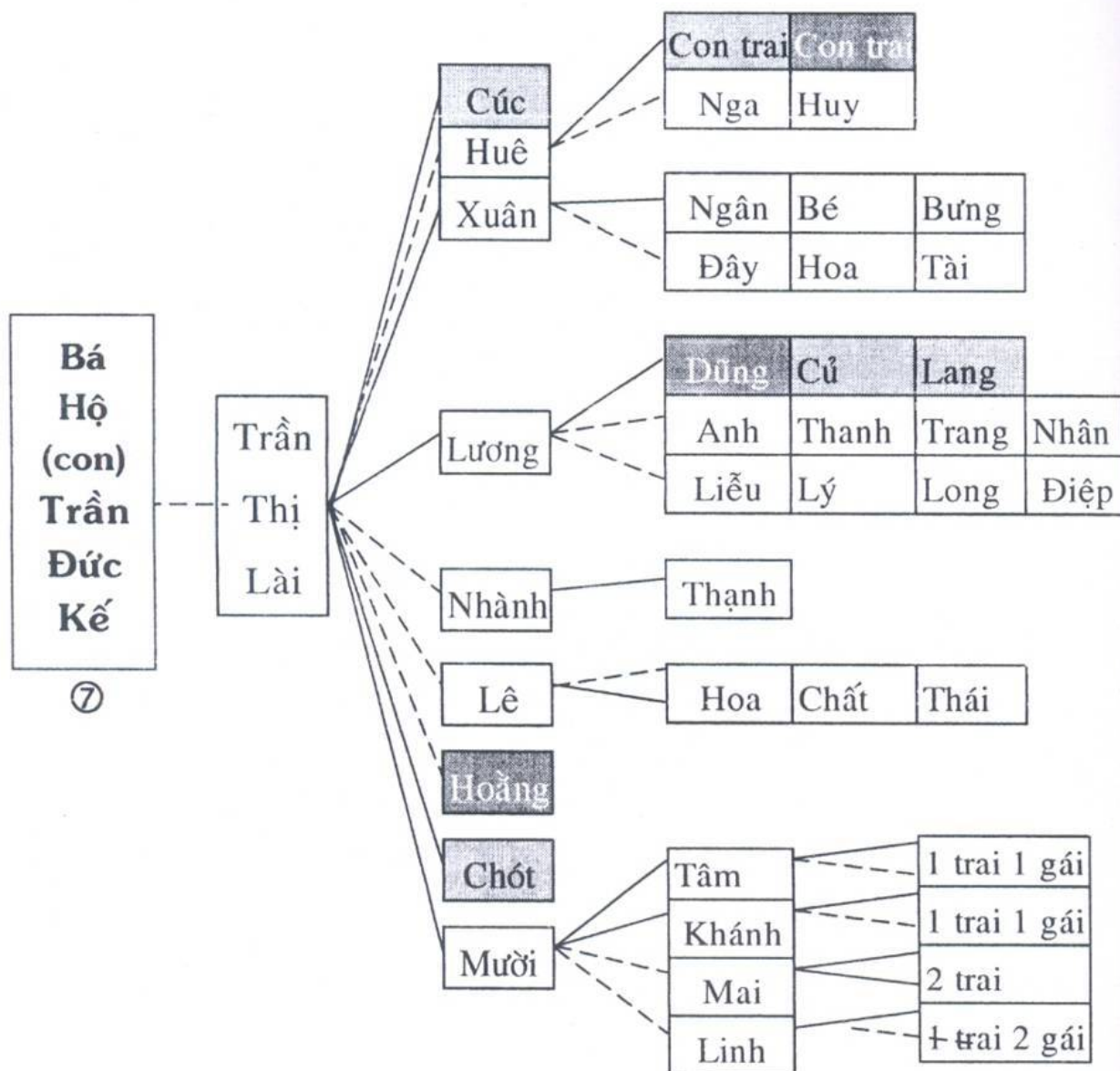
- Nhà bà khá giả ngày xưa
- Nơi làng An Thạch nắng mưa chưa nhà.

Chuyện kể về bà Sáu Kim.



Từ đời IV đến đời VII:

Ông Trần Đức Kế với con, cháu và chắt.

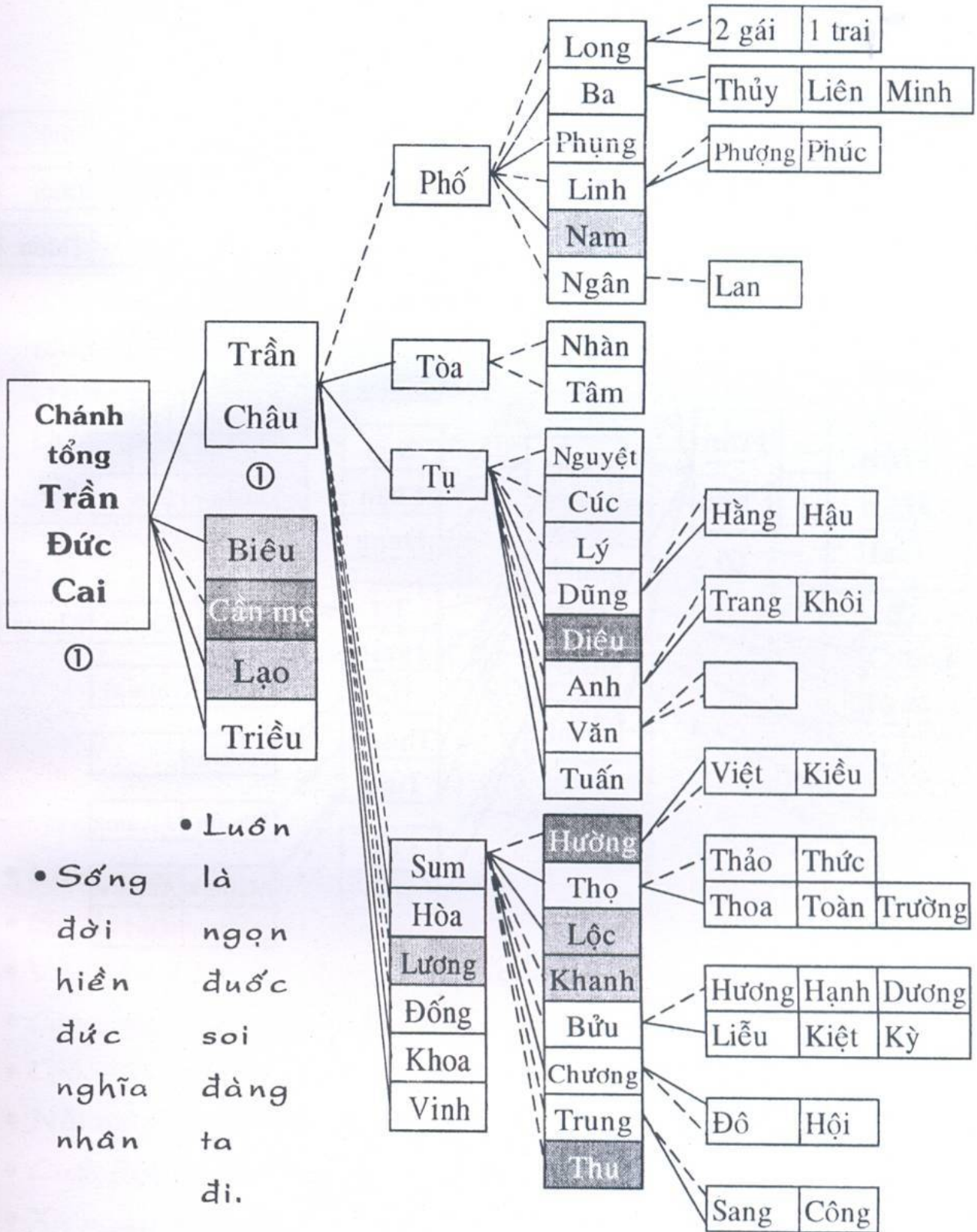


- Đạn bom sao nữ vô tình ?!
- Rơi vào hầm trú gia đình thường dân
- Cả nhà lớn nhỏ chết oan
- Ai gây nên cảnh tương tàn hỡi ai ?!

Chuyện kể về gia đình bà Trần Thị Lài gặp đại nạn.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông chánh tổng với con, cháu, chất, chút.

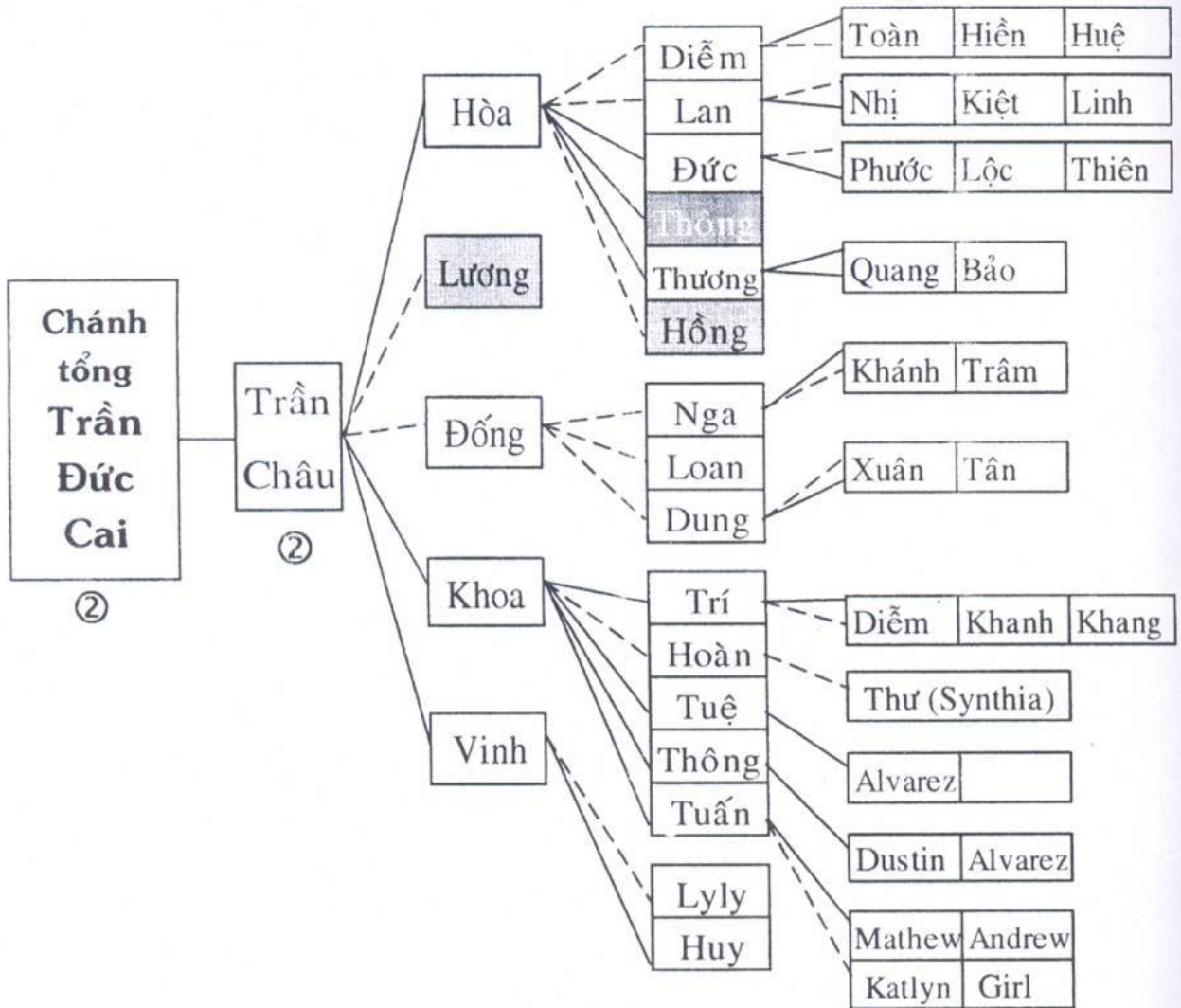


*Ca dao mới*



Từ đời IV đến đời VIII:

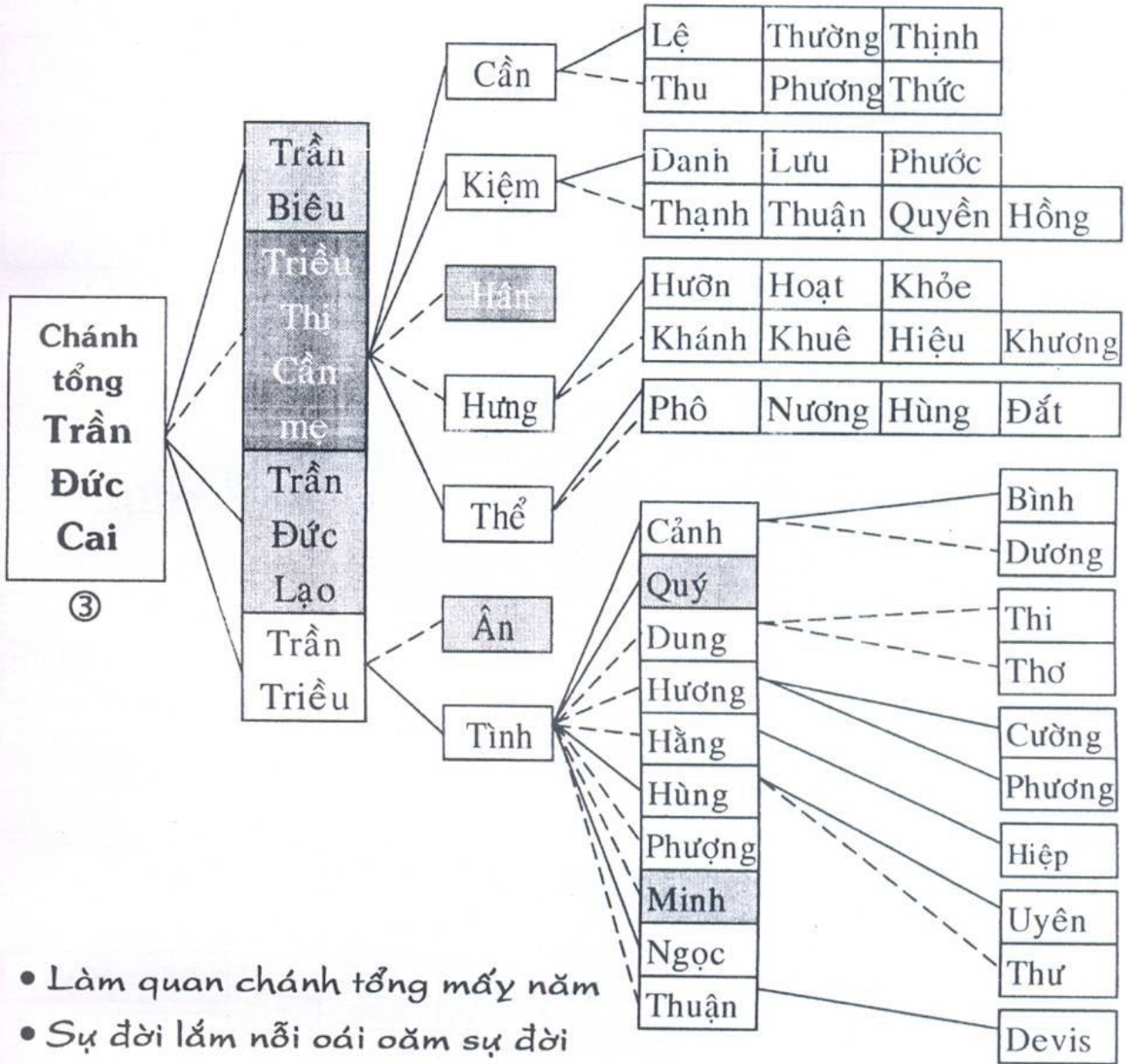
Ông chánh tổng với con, cháu, chắt, chít.



- Bà con nội ngoại như nhau
- Đông là một gốc, trước sau một nhà
- Dấu rằng khác họ nhưng mà...
- Chung dòng huyết thống, ông bà mà thôi

Chuyện kể về con cháu nội ngoại nhà Trần.

Từ đời IV đến đời VIII:  
Ông chánh tổng với con, cháu, chắt, chít.



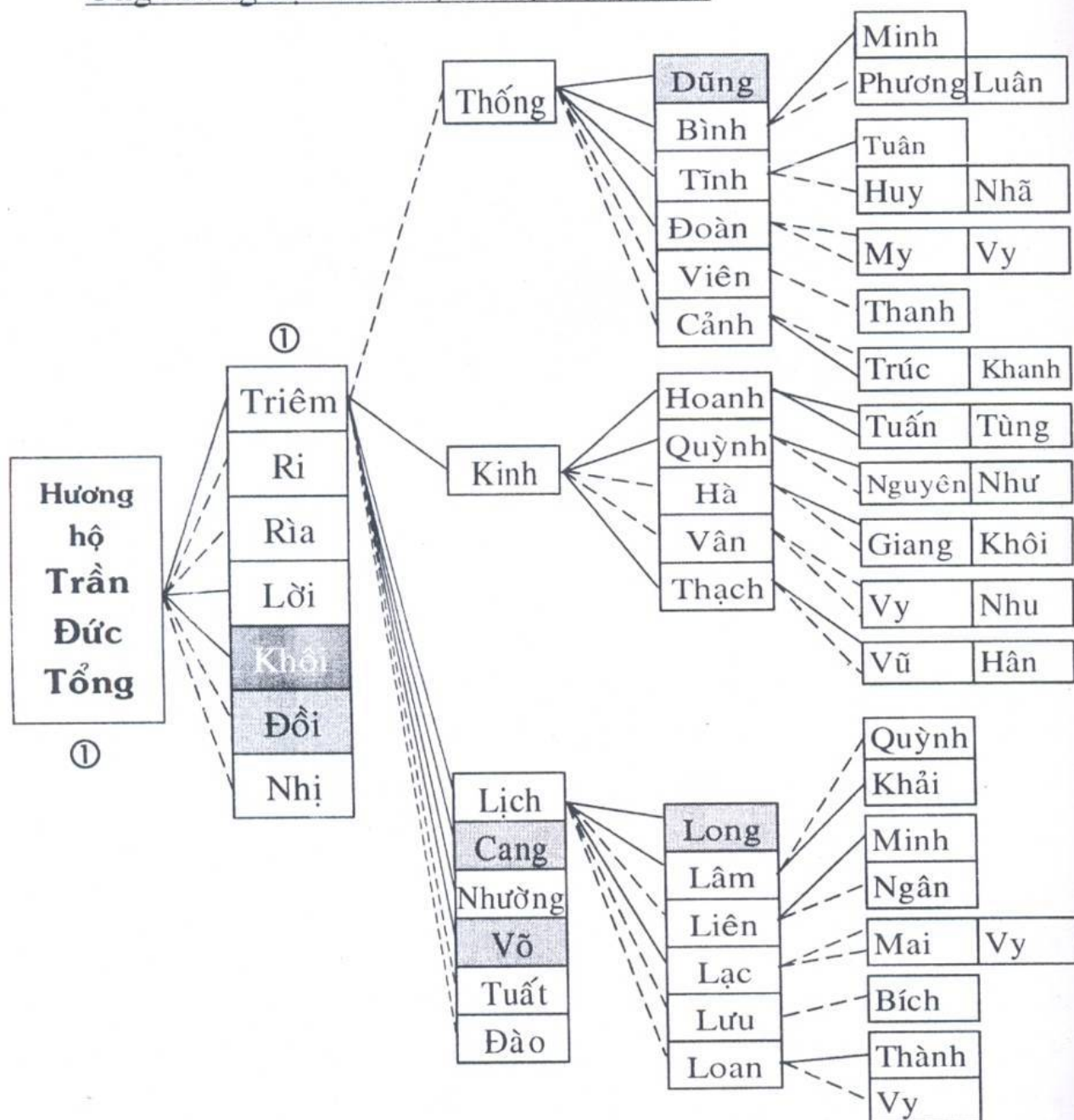
- Làm quan chánh tổng mấy năm
- Sự đời lắm nỗi oái oăm sự đời
- Về vườn cuốc đất thành thơ
- Gió trăng mây nước bầu trời Cần Thơ
- Gió mây trăng nước lững lờ
- Nỗi niềm u ẩn vắng thơ sự tình
- Cuối đời gửi thể phách mình
- Xứ người năm tháng bóng hình mờ xa.

Chuyện kể về ông chánh Tổng Trần Đức Cai (Nhuận).



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông hương hộ với con, cháu, chất, chút.

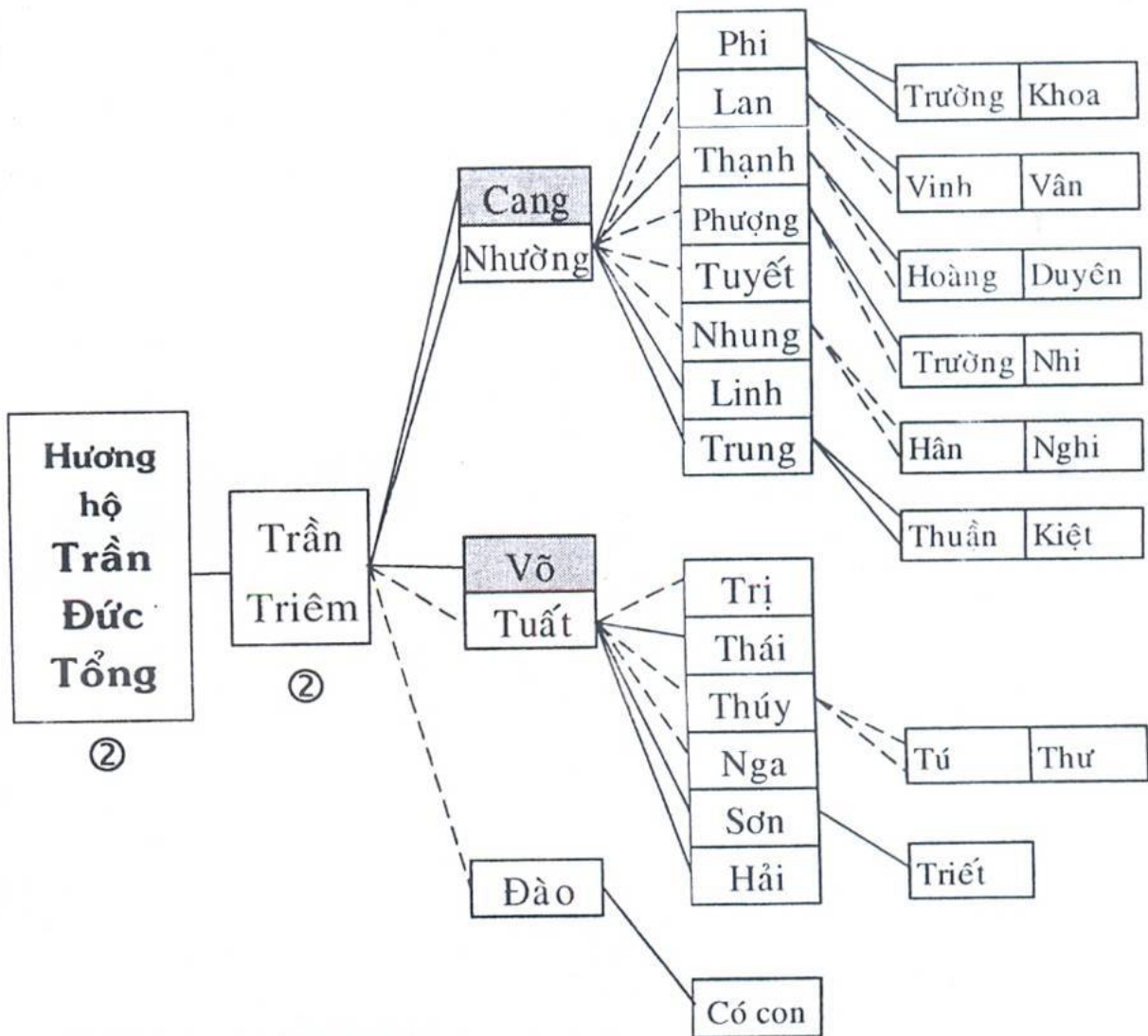


- Bảy mươi tám tuổi ông đi (1928-2006)
- Họ hàng thương tiếc thăm thì thở than
- Đôi nơi âm cảnh dương gian
- Từ nay hồn xác gió ngàn bay xa!

*Chuyên kể về ông Trần Kinh (Ngọc Anh).*

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông hương hộ với con, cháu, chắt, chót.



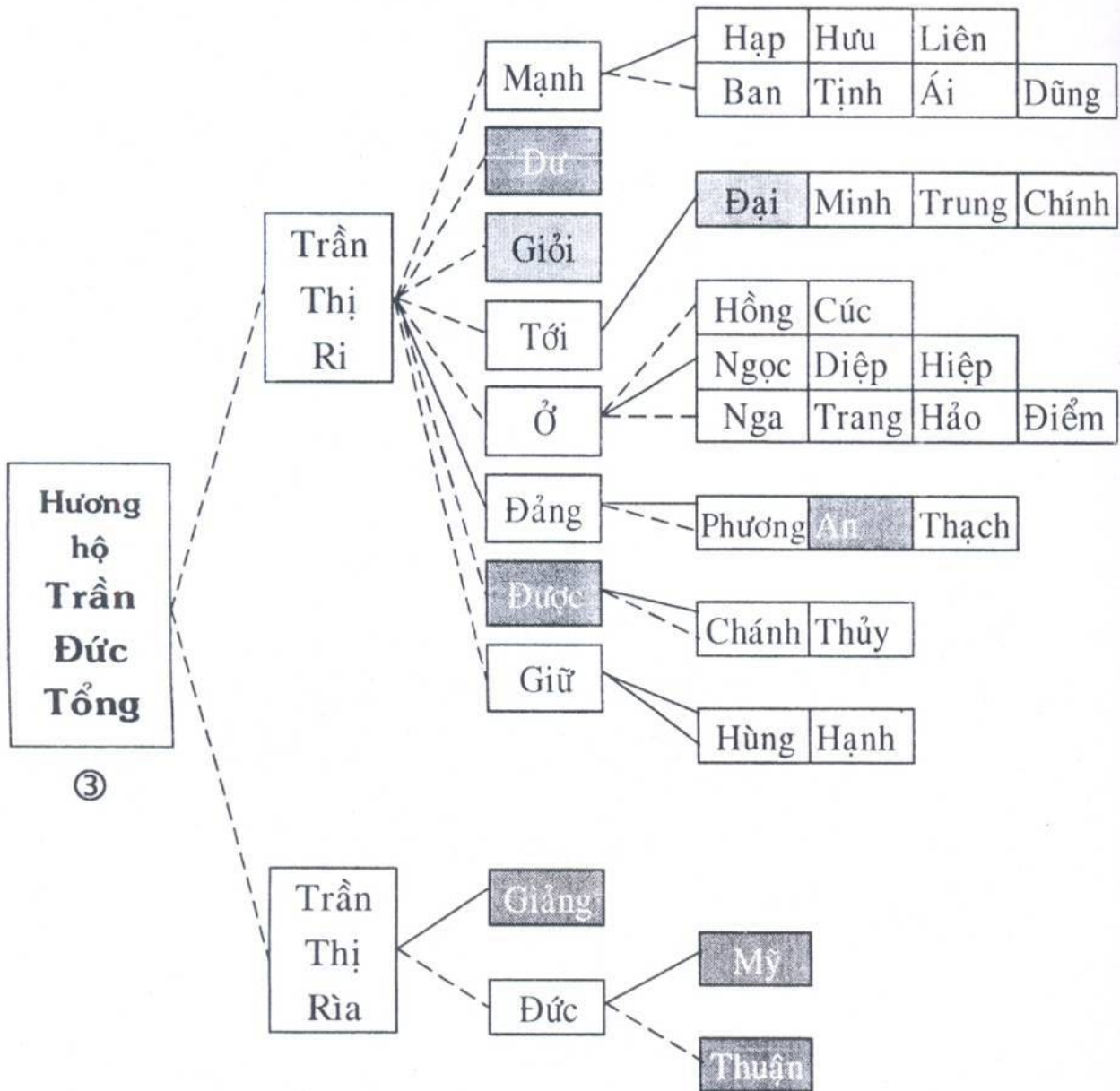
- Năm lên tám tuổi mất cha
- Ông là con út như hoa giữa dòng.
- Mệnh mông bát ngát mệnh mông
- Tuổi thơ ngơ ngác ngập lòng tuổi thơ.

Chuyện kể về ông hương hộ Trần Đức Tổng.



Từ đời IV đến đời VII:

Ông hương hộ với con, cháu, chắt.

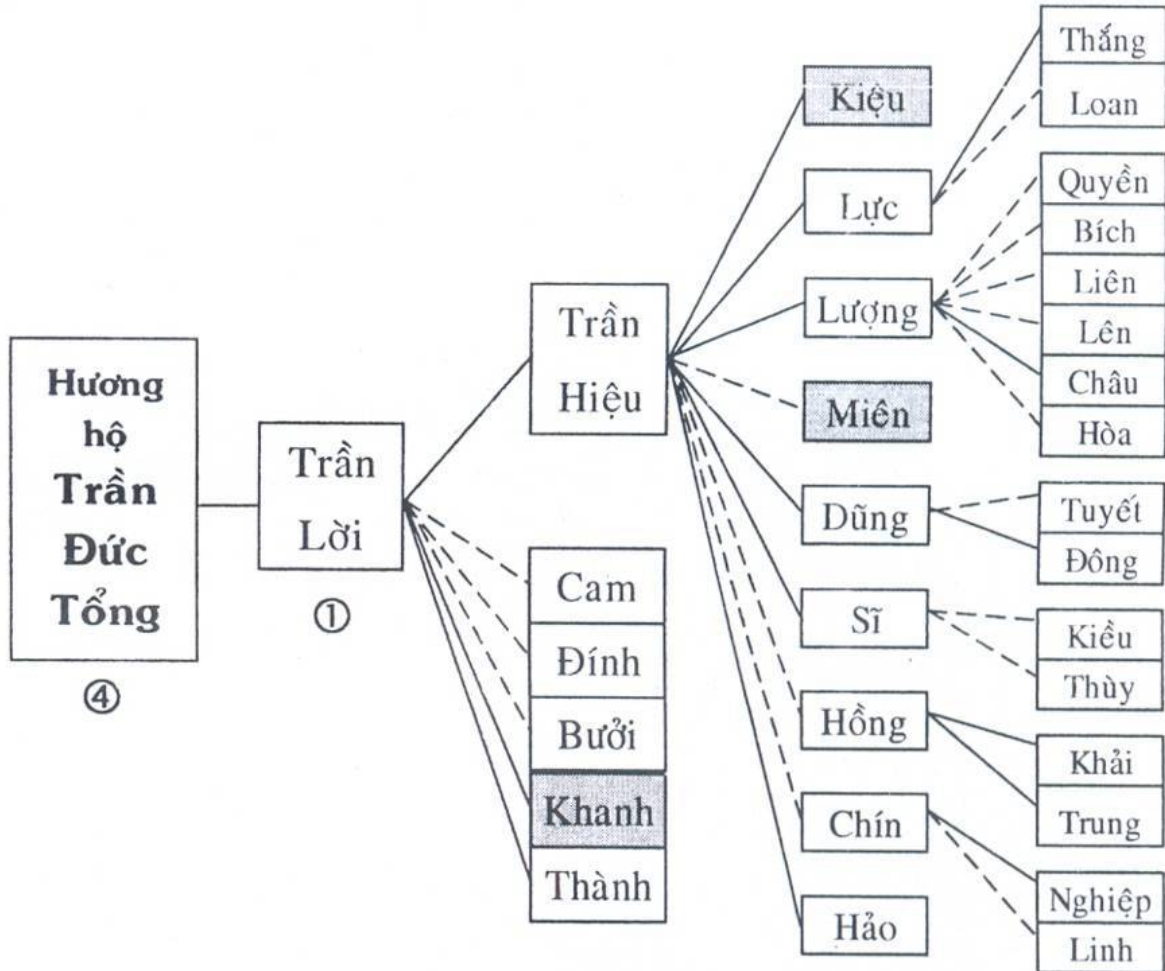


- Ông đi, bà lúc mang thai
- Con lên năm tuổi, không may mệnh bà
- Ông bà mất ở nơi xa
- Hai con nhỏ dại, mẹ cha không còn!

Chuyện kể về bà Trần Thị Rìa (Bà Bốn Giảng).

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông hương hộ với con, cháu, chắt, chót.



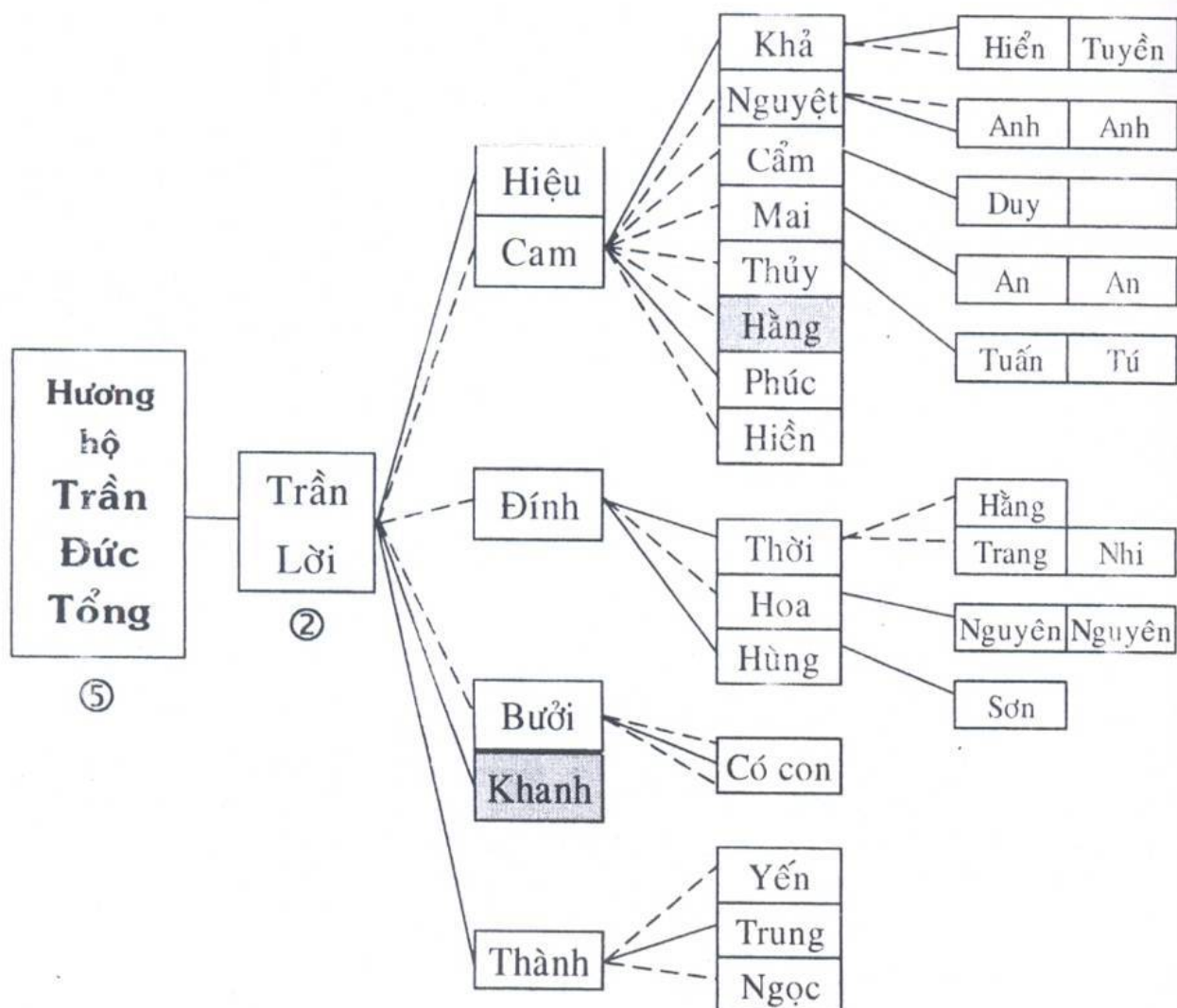
- Một chiều ông lợi thăm đồng
- Ruộng khô đất cứng vấp vồng lối đi
- Trục thẳng bay đến biết chi
- Vô tình đạn nổ ông thì chết oan.

Chuyện kể về ông Trần Lỗi.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông hương hộ với con, cháu, chắt, chít.

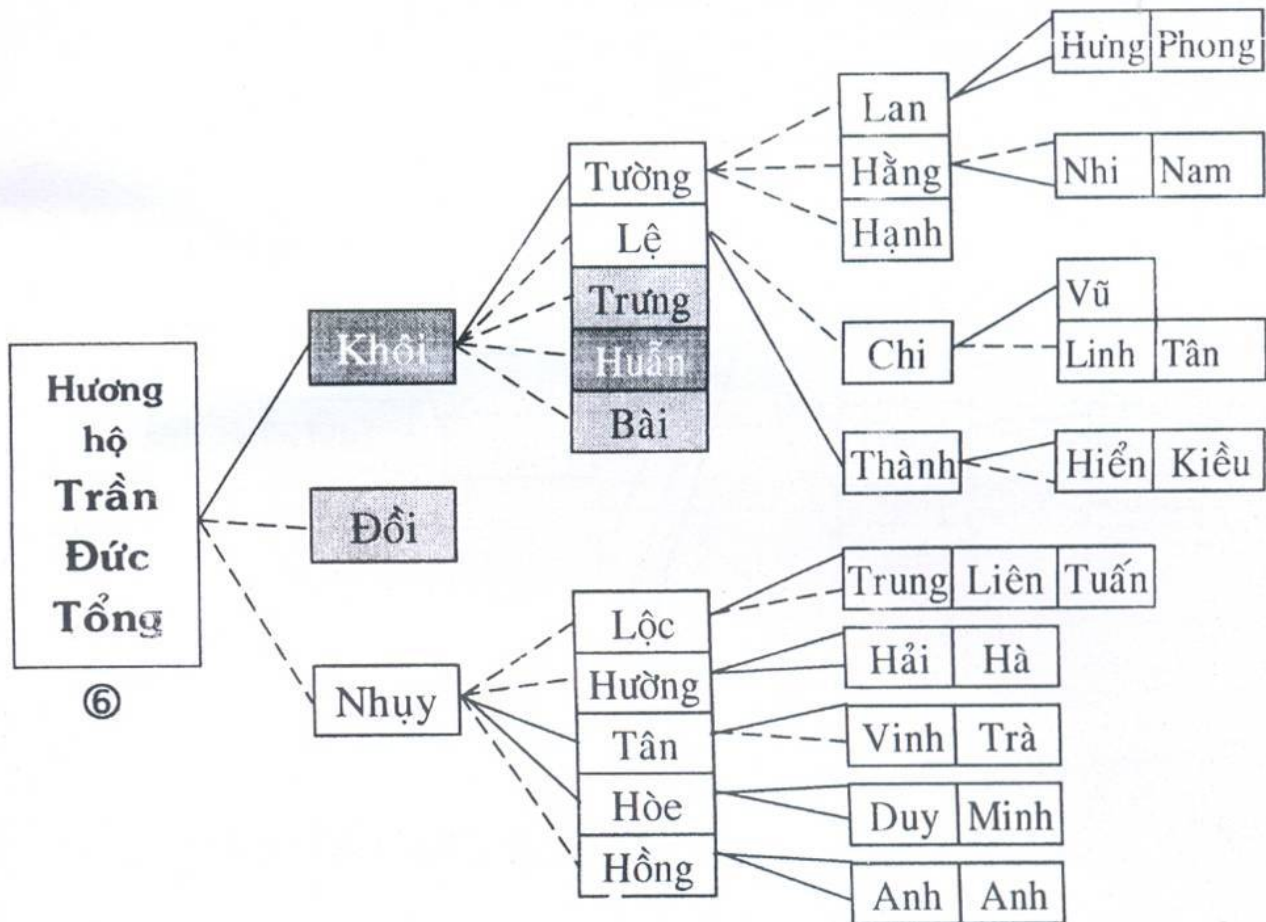


- Rể như ông Phạm Tấn Cơ
- Họ Trần nội ngoại xưa giờ mấy ail
- Mấy ai có được một hai?
- Một hai nghĩa tế ai ngoài Tấn Cơ
- Tấm lòng tặng một bài thơ
- Bài thơ tặng một Tấn Cơ, tấm lòng.

Chuyện kể về ông Phạm Tấn Cơ (rể họ Trần)

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông hương hộ với con, cháu, chắt, chít.



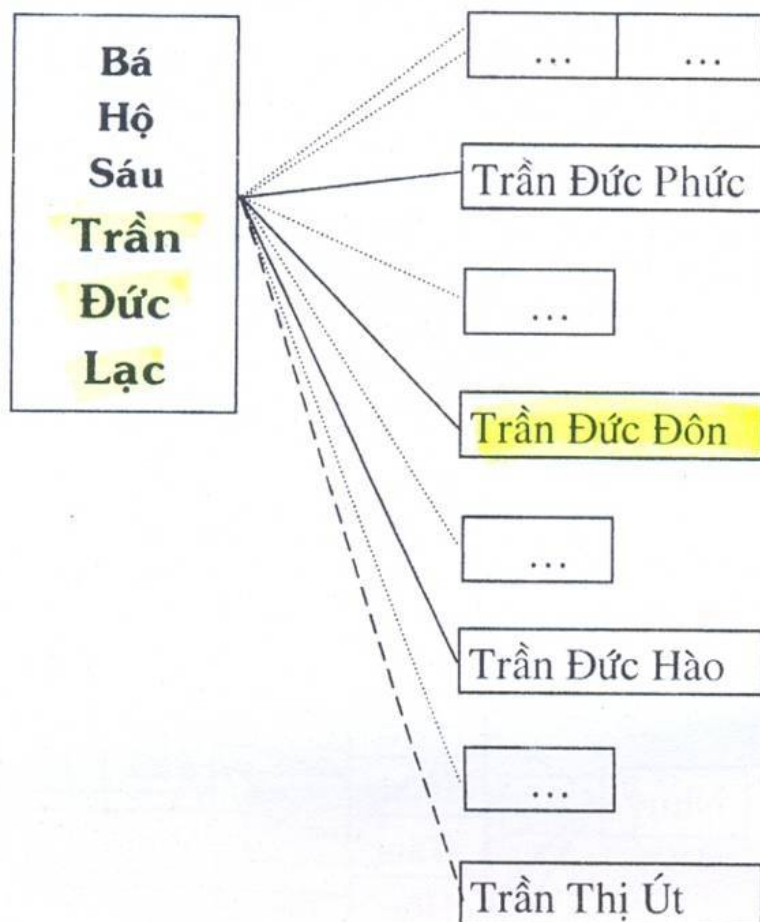
- Bệnh tình ông quá nguy nan
- Thuốc thang không bót, lập đàn cầu xin...

Chuyện kể về ông Trần Khôi.



Từ đời III đến đời IV:

Ông Bá Hộ Sáu với những người con.

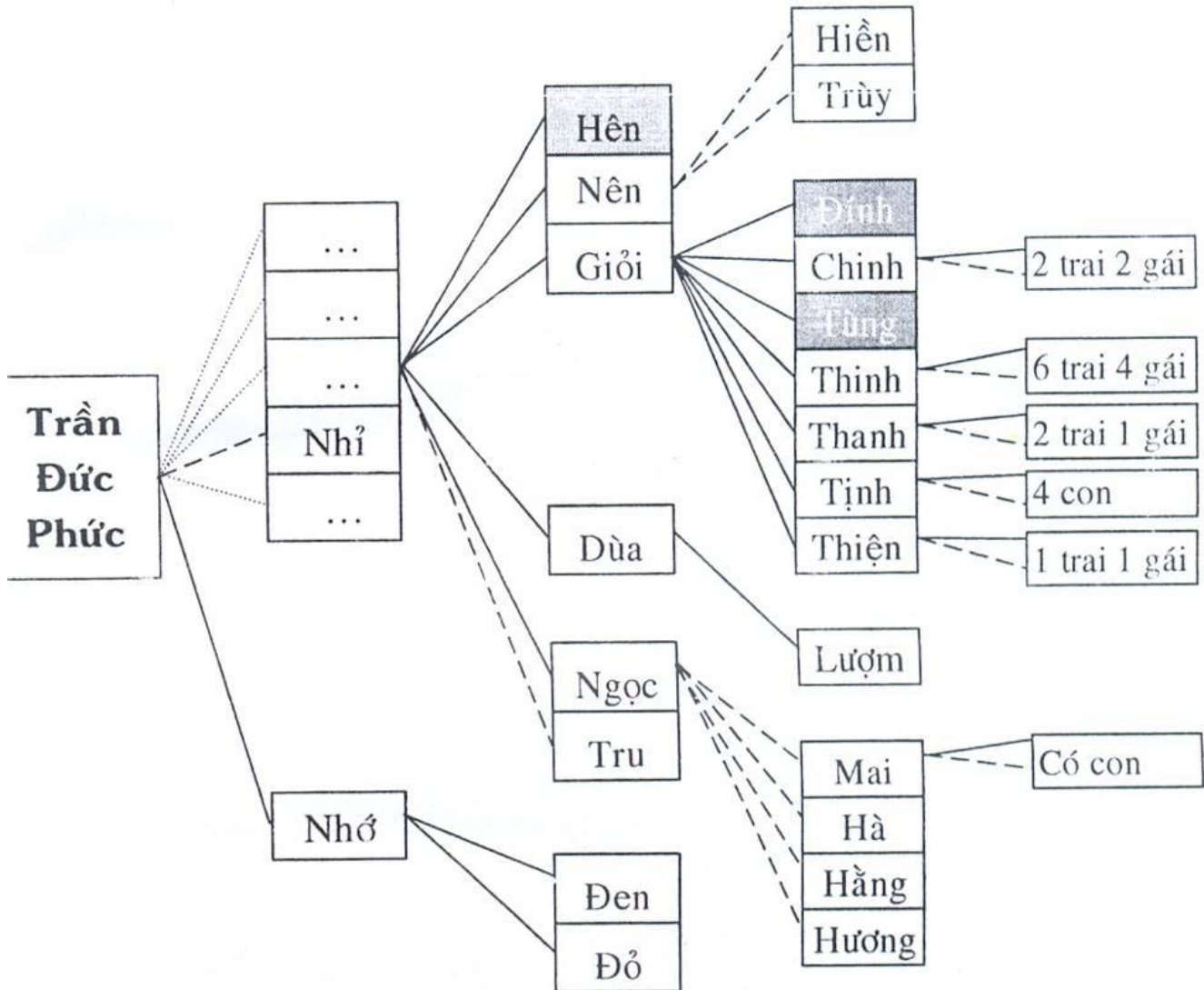


- Cửa tiền vàng bạc nhà ông
- Đầy kho nức lẫm để không làm gì
- Ăn chơi quá mạng đến khi...
- Lẫm khô kho trống rồi thì nợ mang
- Một ông bá hộ giàu sang
- Cuối đời tay trắng bỏ làng ra đi
- Còn chi đâu nữa còn chi...
- Mà còn!

Chuyện kể về ông bá hộ Sáu Trần Đức Lạc.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Phúc với con, cháu, chắt, chót.



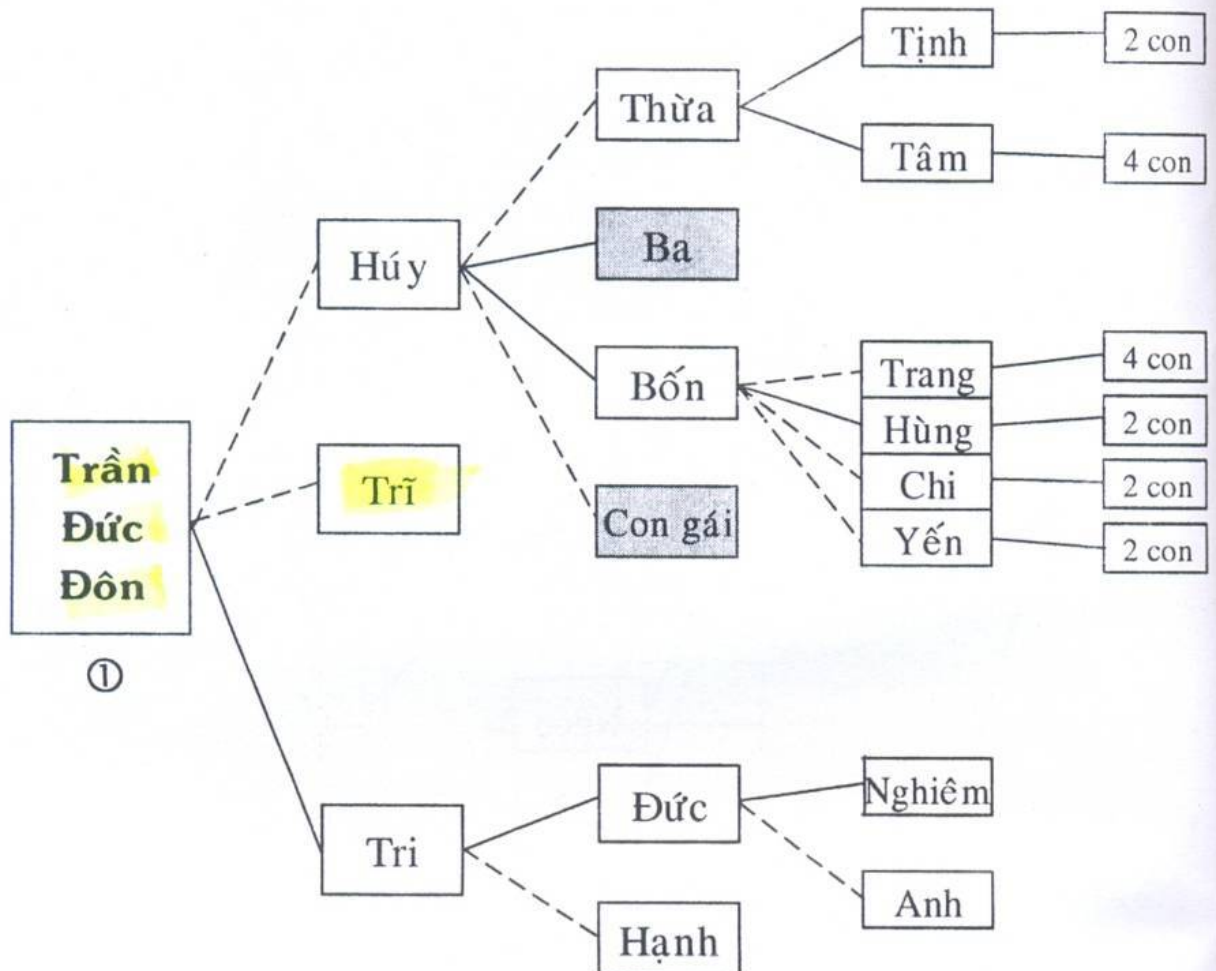
- Sang giàu bá hộ đời cha
- Mà đời con phải lìa xa xóm làng
- Đi tìm nơi mới lập thân
- Miền Tây sông nước làm dân Cầu Kè.

Chuyện kể về ông Trần Đức Phúc.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Đôn với con, cháu, chất, chút.

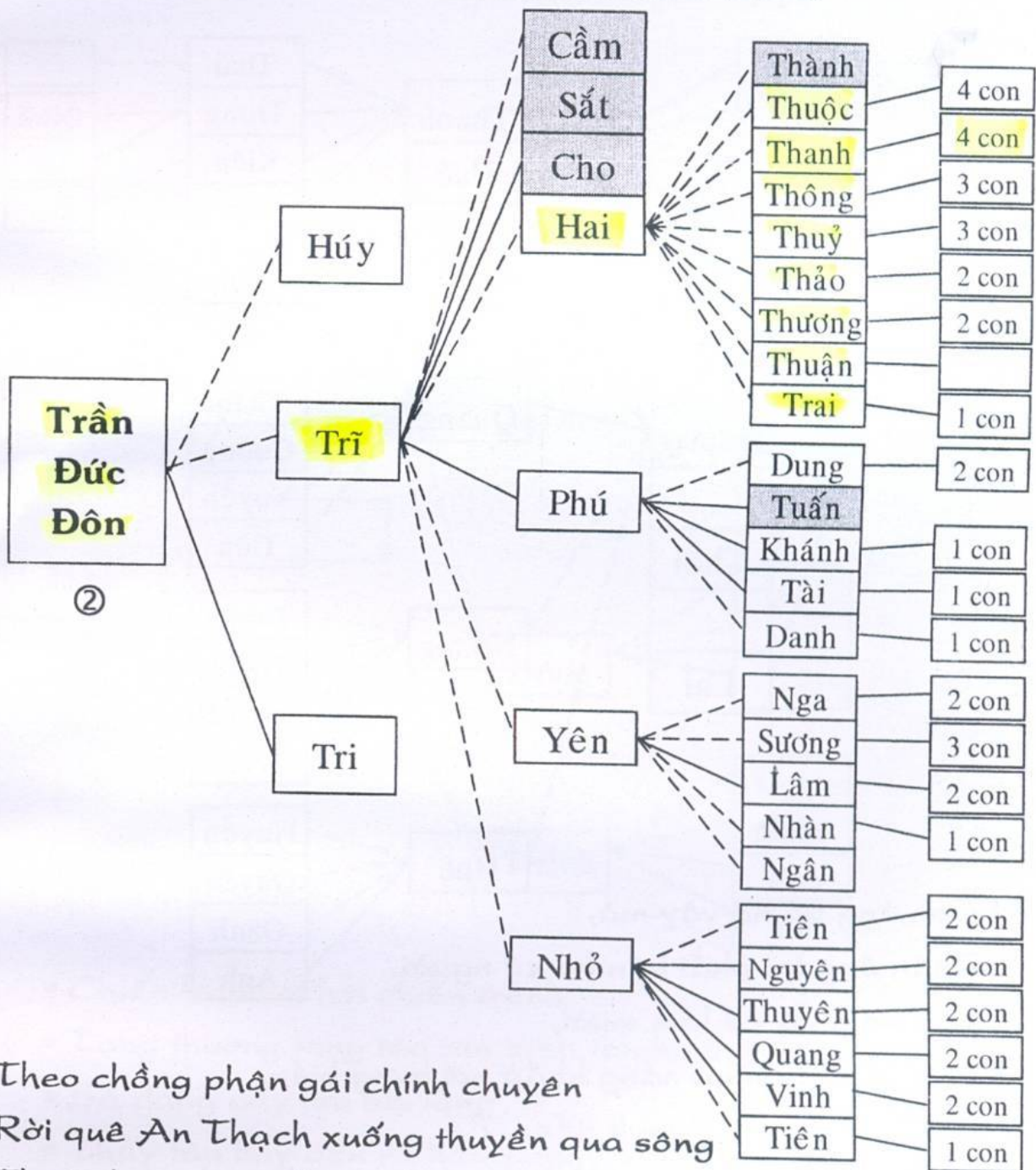


- Ông đi vào độ sáu mươi
- Bỏ người con lại lên mười ba đồng
- Con trai duy nhất của ông
- Nội tôn bá hộ mệnh mệnh bốn bờ
- Vượt lên năm tháng tuổi thơ
- Vào đời với cả ước mơ vào đời...

Chuyện kể về ông Trần Đức Đôn và ông Trần Minh Tri.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Đôn với con, cháu, chắt, chót.



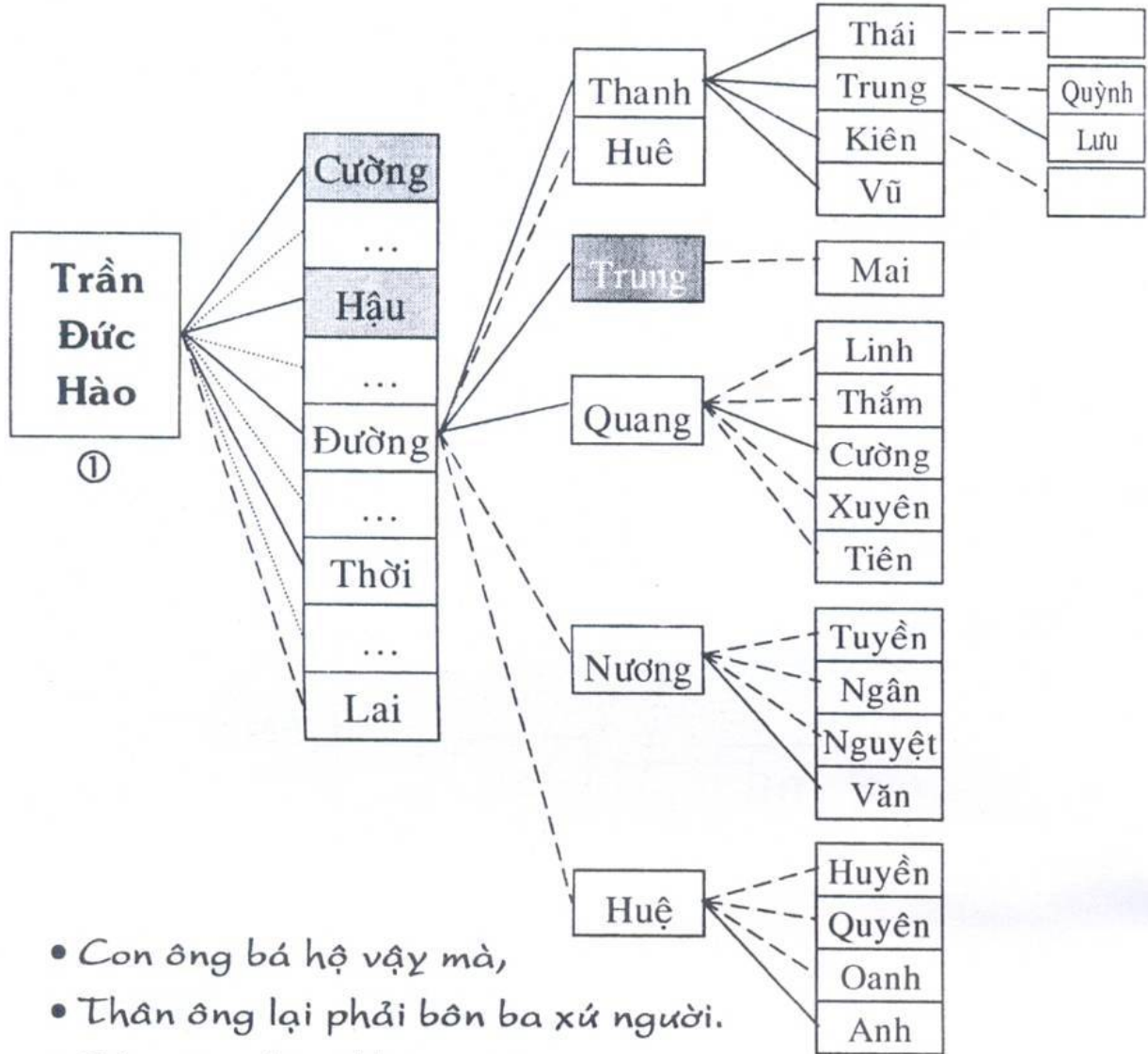
- Theo chồng phận gái chính chuyên
- Rời quê An Thạch xuống thuyền qua sông
- Thủy chung son sắt một lòng
- Làm dâu Đờ thống thuộc dòng thế gia
- Nội tôn Bá hộ ấy mà
- Giàu thời nức tiếng làng nhà ngày xưa.

Chuyên kể về bà Trần Thị Trĩ.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Hào với con, cháu, chất, chút.

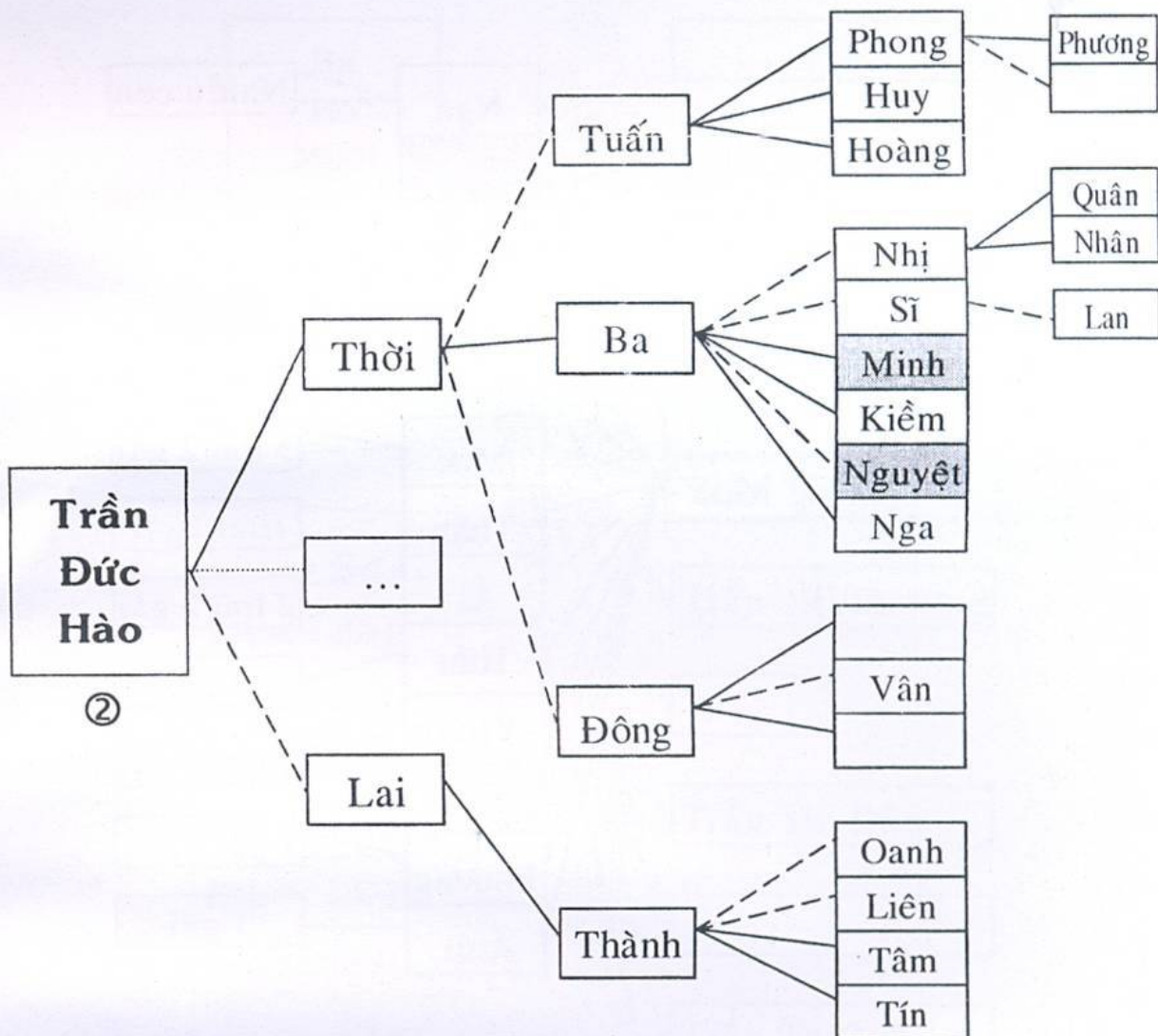


- Con ông bá hộ vậy mà,
- Thân ông lại phải bôn ba xứ người.
- Sức năm đã cố làm mười,
- Tháng ngày mưa nắng khắp nơi bung biển.
- Bán buôn dành dụm ít tiền,
- Mang về chuộc lại thổ điền canh trung.
- Ba mươi công cấy mừng mừng,
- Một phần nhỏ xiu, chưa dừng lại đây...

Chuyện kể về ông Trần Đức Hào.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Đức Hào với con, cháu, chắt, chít.



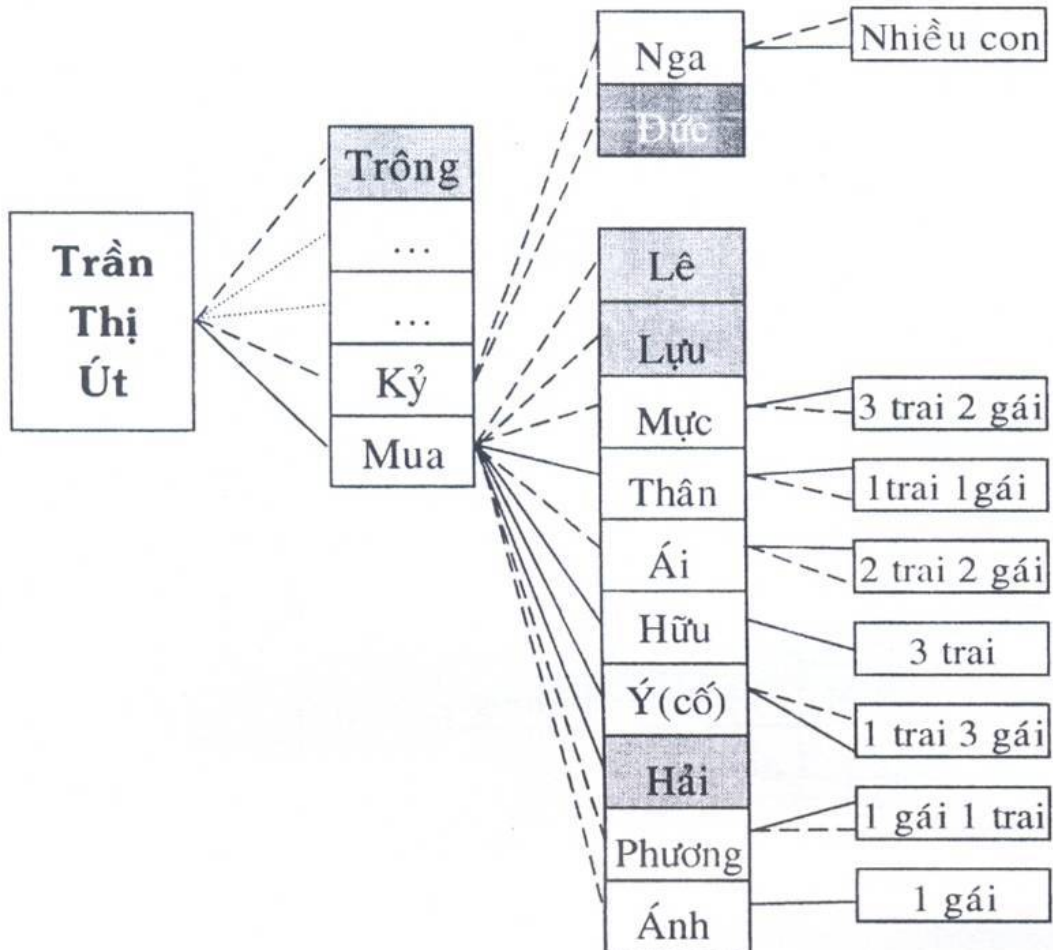
- Chiến tranh ơi hỡi chiến tranh
- Tang thương tang tóc tan tành tan hoang
- Bà đang cấy lúa bìa làng
- Thấy tàu bay đến rã hàng chạy buôn
- Tàu nghi không phải dân thường
- Bắn bà chết cạnh bờ mương lối về.

Chuyện kể về bà Trần Thị Lai.



Từ đời IV đến đời VII:

Bà Trần Thị Út với con, cháu và chắt.

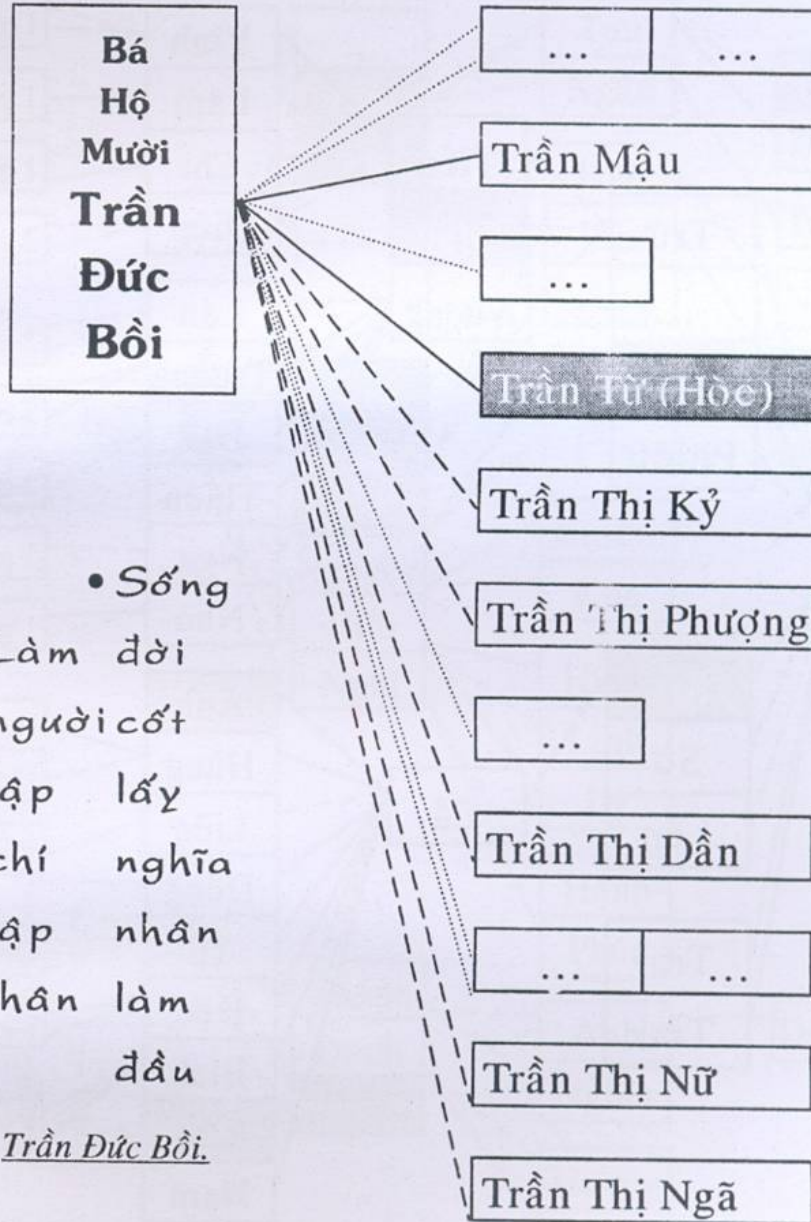


- Đời cha bá hộ giàu sang
- Mà đời con chịu gian nan biết là...
- Sang giàu phung phí đời cha
- Để đời con phải bôn ba tháng ngày...

Chuyện kể về bà Trần Thị Út.

Từ đời III đến đời IV:

Ông bá hộ Mười với những người con.



- Sống
- Làm đời người cốt lập lấy chí nghĩa lập nhân thân làm đầu

Trần Đức Bôi.

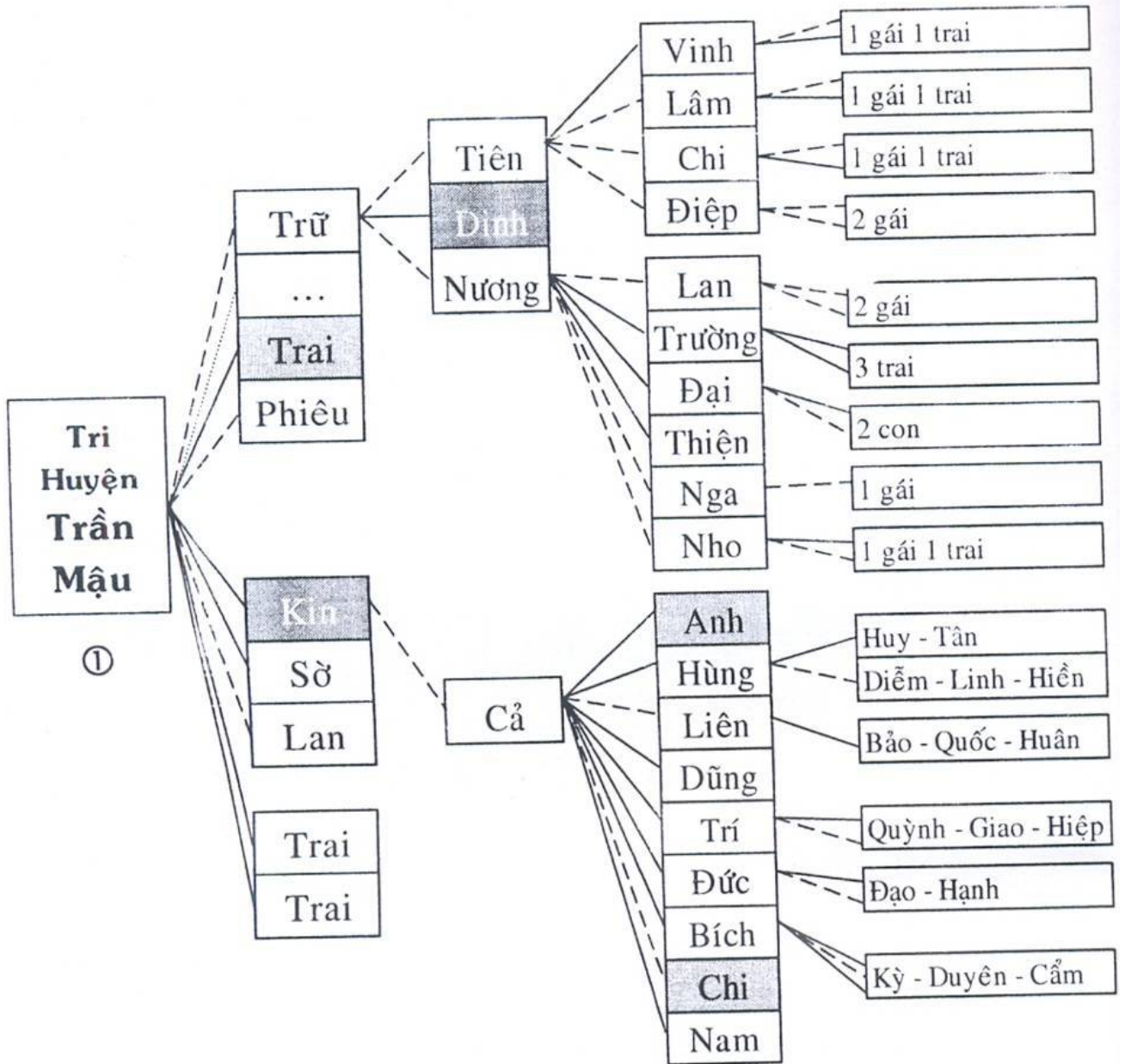
- Ông người đạo đức hiền lành
- Dưỡng nuôi các cháu thay anh bấy giờ
- Giúp người những lúc sa cơ
- Cứu người gặp cảnh tai ơ nguy nàn.

Chuyện kể về ông bá hộ Mười.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Tri huyện với con, cháu, chắt, chót.

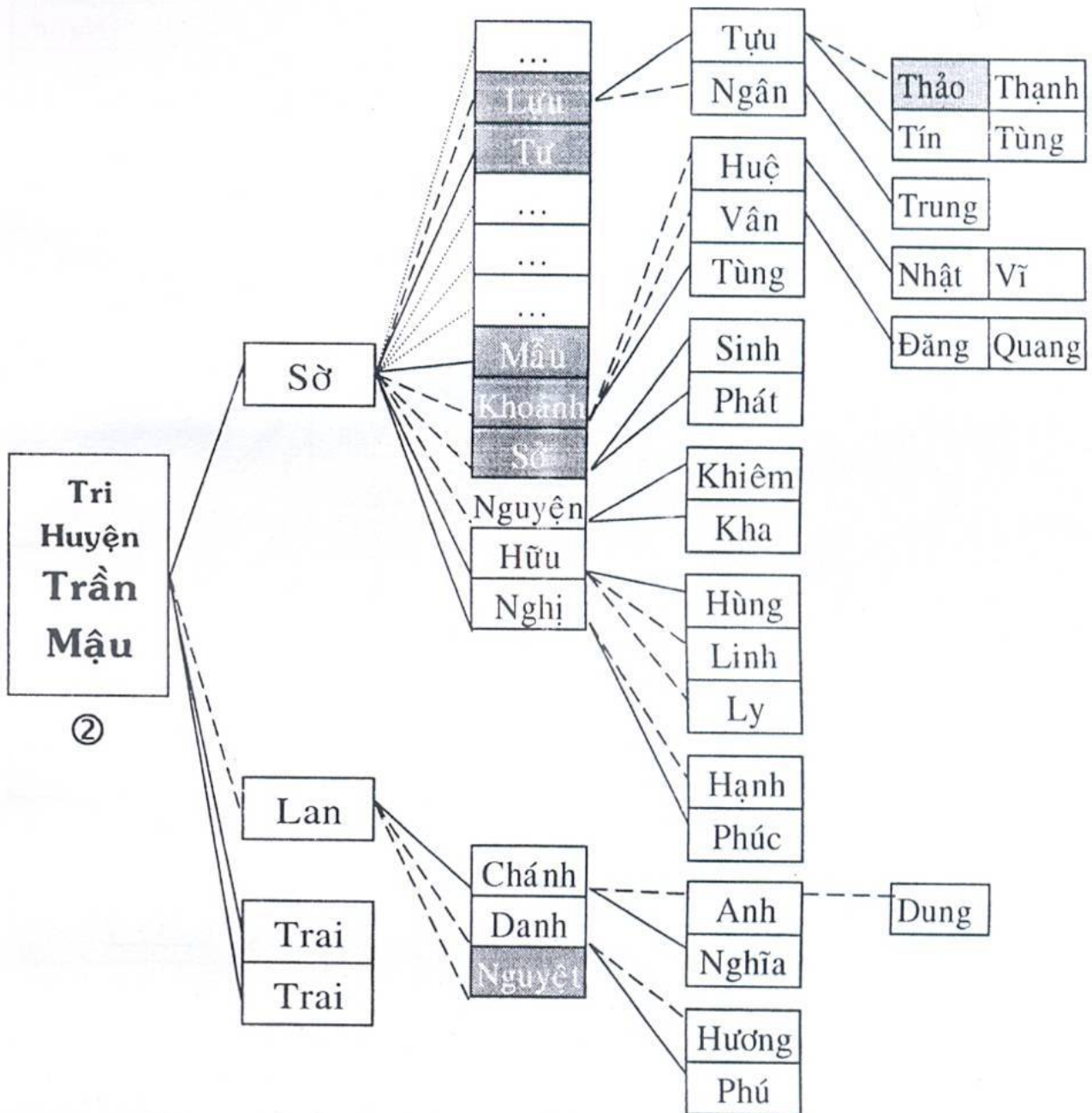


- Thông minh có dễ mấy ai,
- Ngang tàng bướng bỉnh bạc bài chơi sang.
- Cử nhân thi đỗ về làng,
- Vỡng khiêng dù lọng hai hàng vinh quy.

Chuyện kể về ông Tri huyện Trần Mậu.

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Tri huyện với con, cháu, chắt, chót.



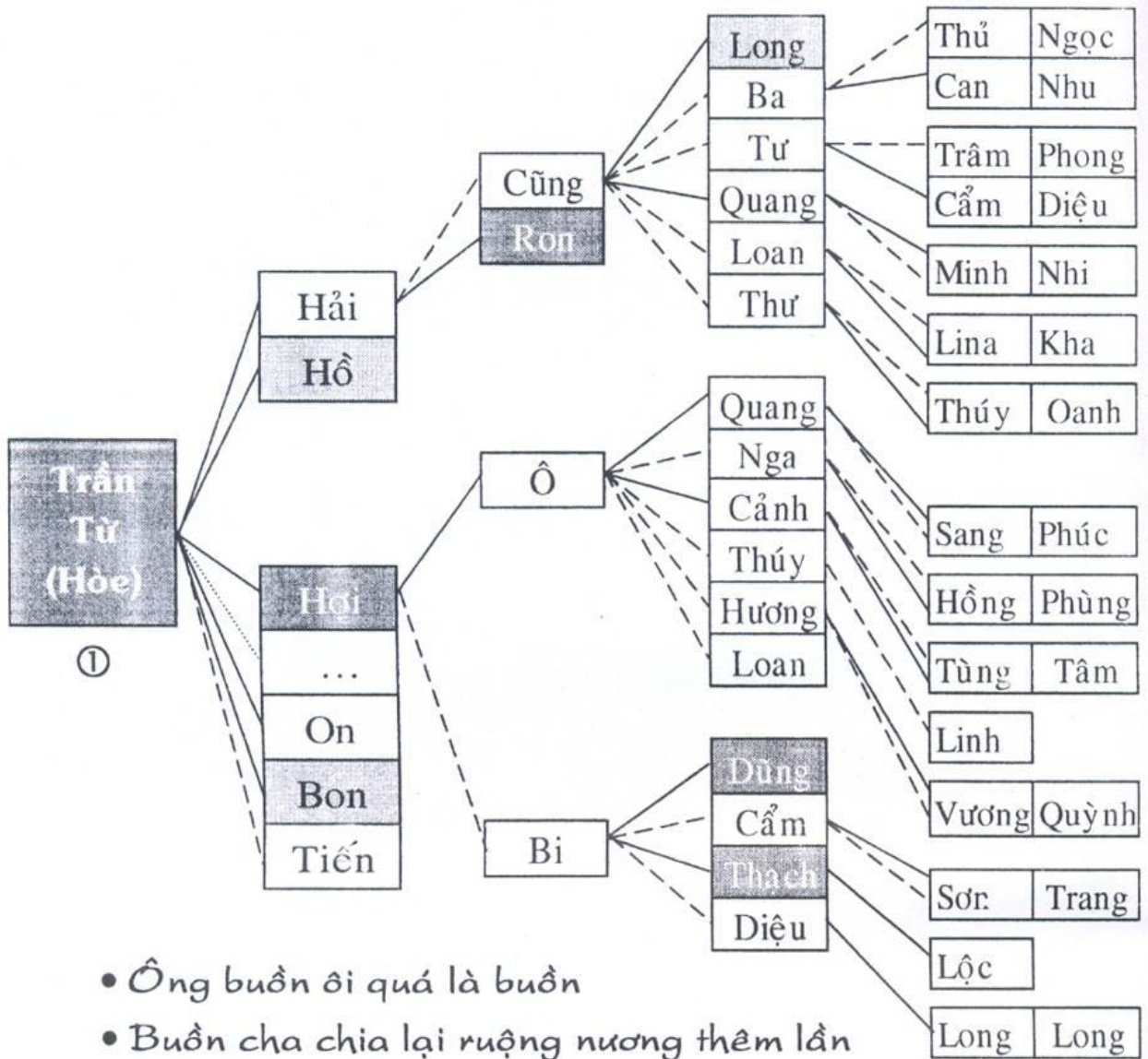
- Người hiền lại sớm ra đi
- Trách trời sao nữ phân ly cho đành!?
- Mệnh phần ôi quá mong manh
- Lá vàng còn đó, lá xanh rụng rồi

*Chuyện kể về cô Trần Thị Sờ (Như Ngọc)*



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Từ với con, cháu, chắt, chót.

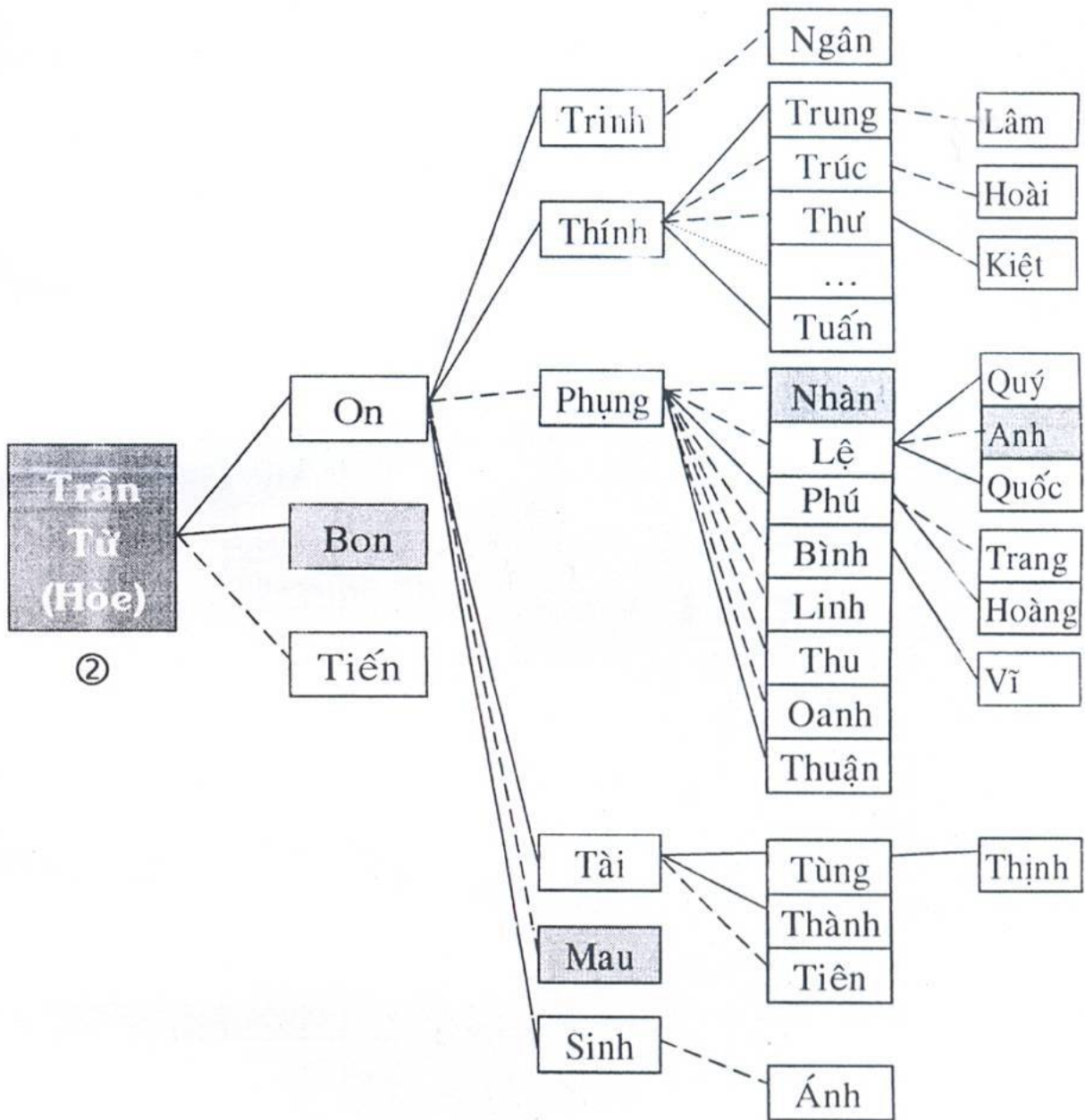


- Ông buồn đi quá là buồn
- Buồn cha chia lại ruộng nương thêm lần
- Cho người anh đậu cử nhân
- Trước kia bán hết, có phần như nhau.
- Buồn buồn, buồn đến u sầu
- Bạc bài thuốc phiện ngô vào ăn chơi.
- Đời con nghèo khổ tả tơi
- Đời ông phiêu bạt xứ người Tuy Phong!

Chuyện kể về ông Trần Từ (Hòe).

Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Từ với con, cháu, chắt, chít.



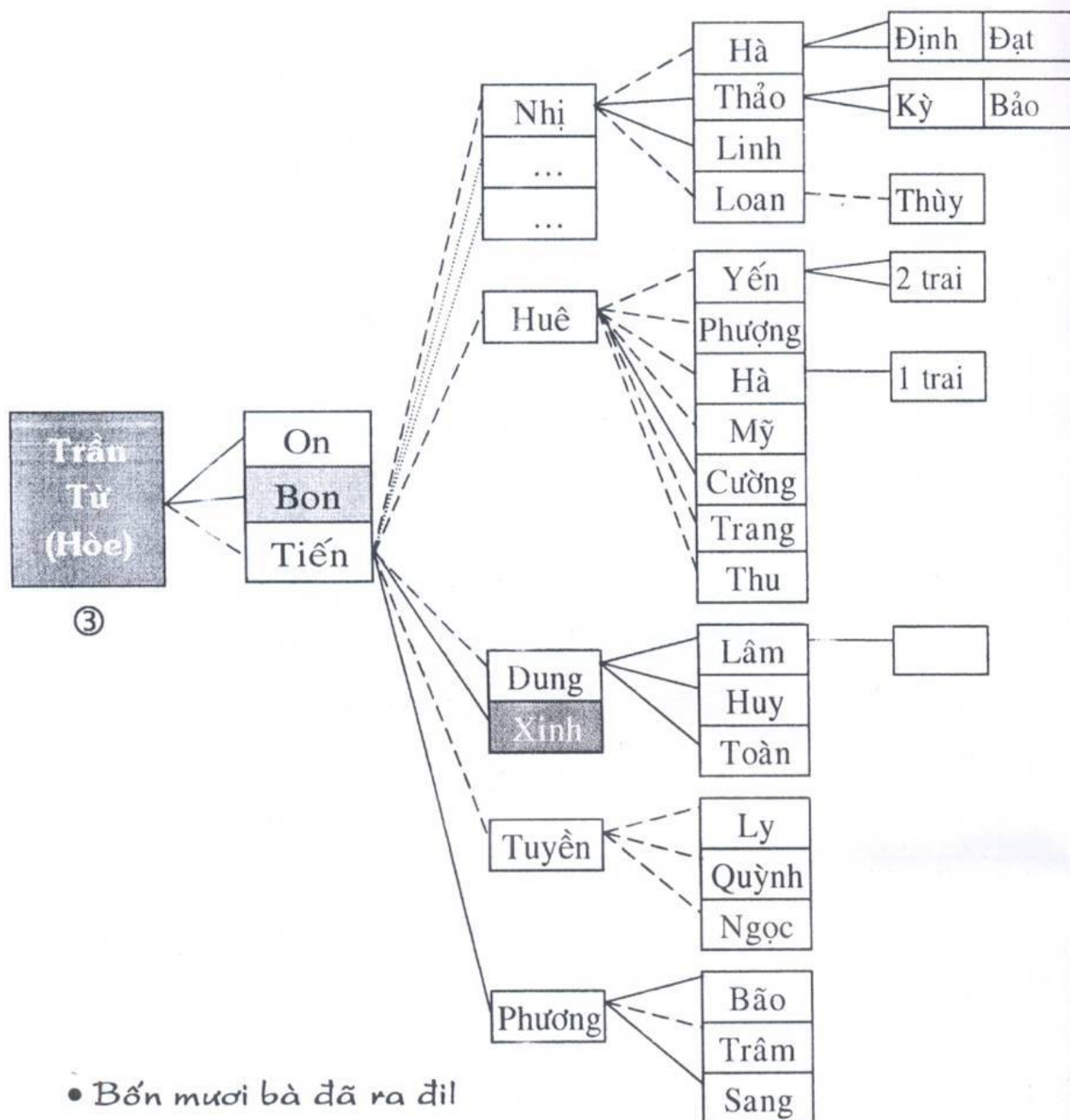
- Đời cha không được đến trường
- Ông bà bán hết ruộng vườn chơi sang
- Thân cha vất vả gian nan
- Khuyên con cố học mở mang với người
- Đi cày cực lắm con ơi...

Chuyện kể về ông Trần On.



Từ đời IV đến đời VIII:

Ông Trần Từ với con, cháu, chắt, chít.

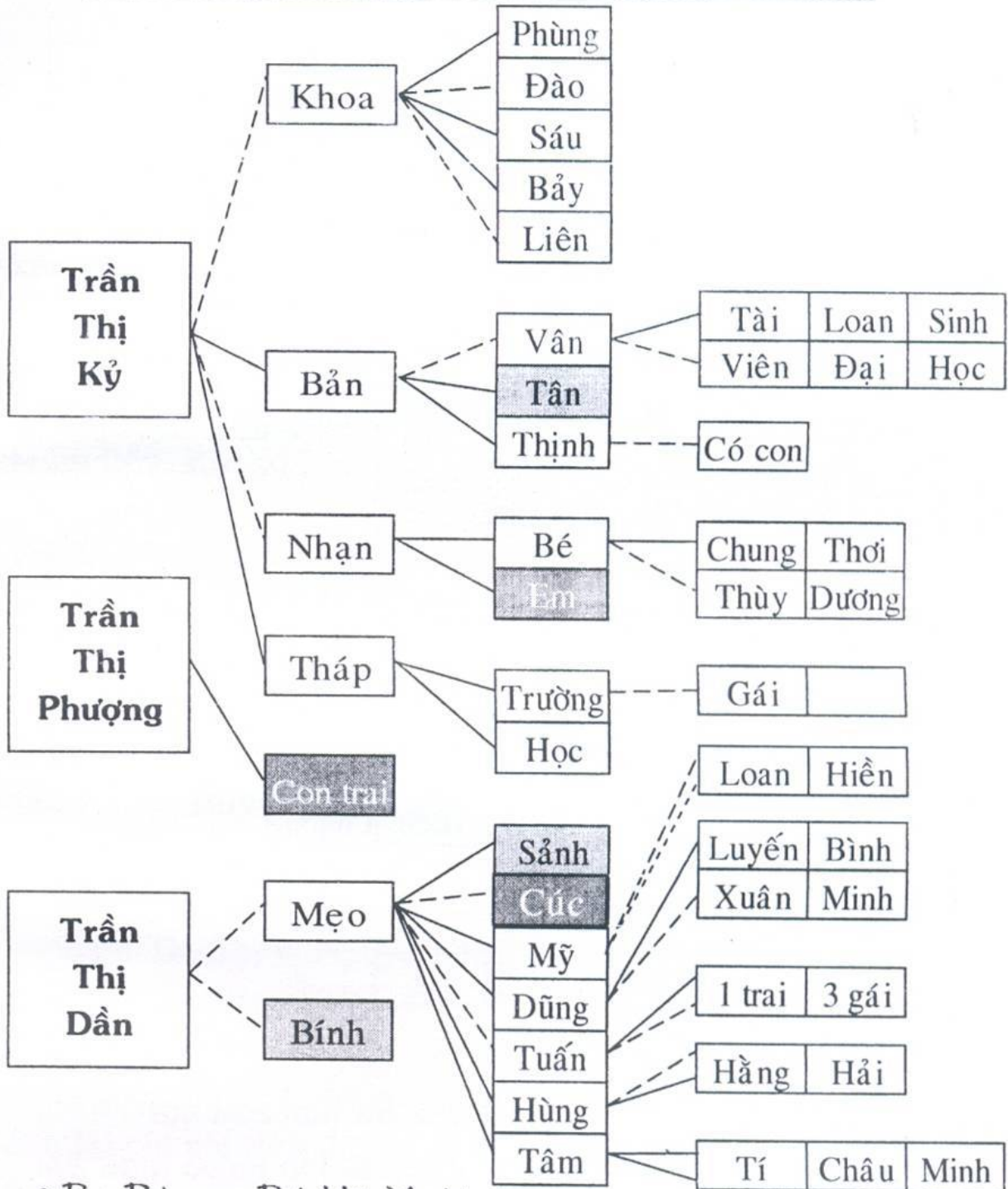


- Bốn mươi bà đã ra đi
- Bỏ đàn con dại biết chi hỡi trời
- Út trai mới lãng chững thôi
- Nào đâu có hiểu mở cõi là gil?

Chuyện kể về bà Trần Thị Tiến (em).

Từ đời IV đến đời VII:

Các bà: Kỷ - Phương - Dân với con, cháu và chất.



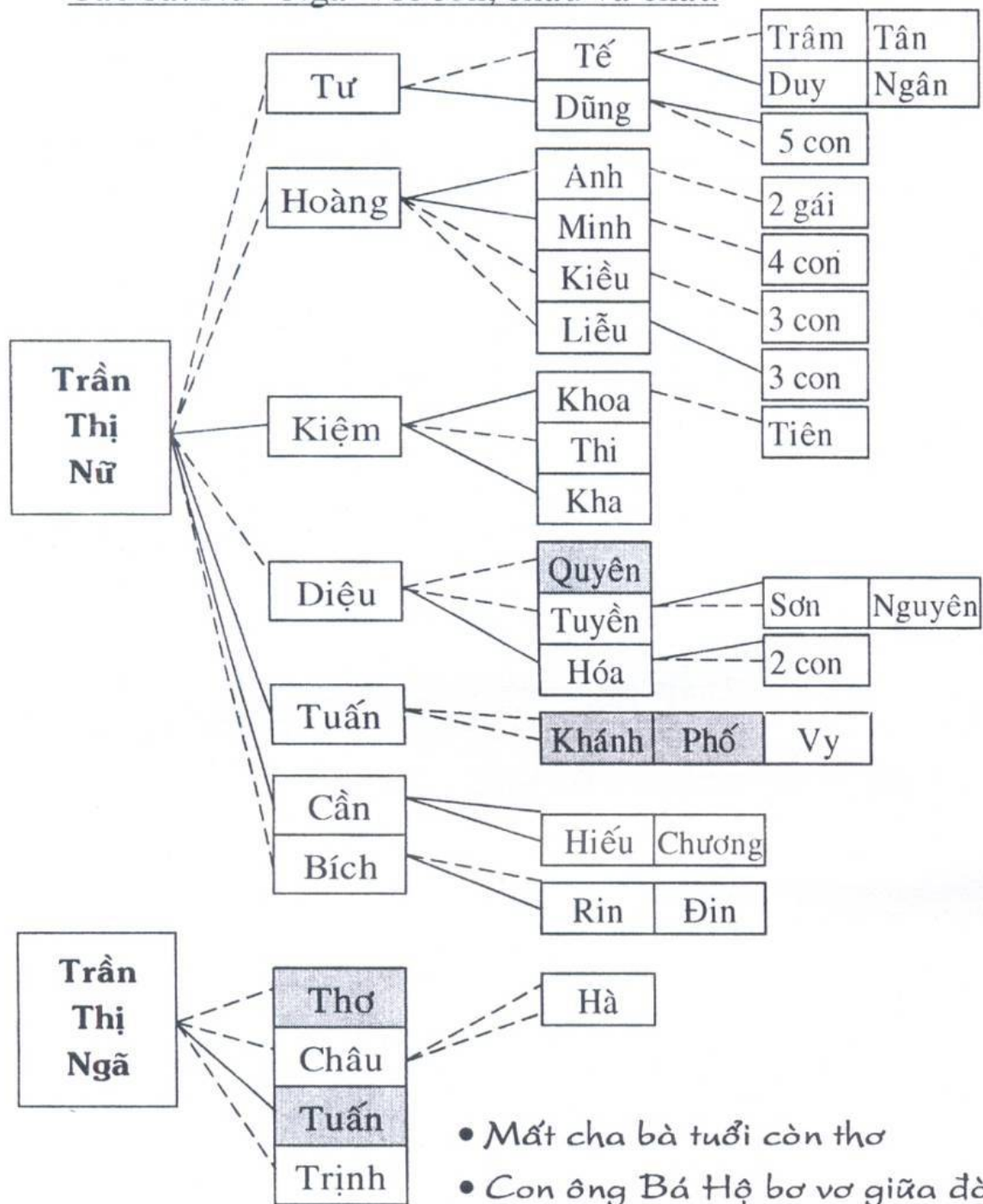
- Ba Bà con Bá Hộ Mười
- Nước non mấy thuở, đời người mấy khi
- Người đi rồi lại người đi
- Núi sông còn đó thắm thì gọi tên.

Chuyên kể về 3 bà: Kỷ - Phương - Dân.



Từ đời IV đến đời VII:

Các bà: Nữ - Ngã với con, cháu và chất.



- Mất cha bà tuổi còn thơ
- Con ông Bá Hộ bơ vơ giữa đời
- Truân chuyên số phận hời trời
- Cao xanh sao nữ trêu người lắm điều?

Chuyện kể về bà Trần Thị Ngã.

## Lời cuối tự bạch của người biên soạn:

**B**ộ gia phả này tôi đã khởi công làm từ đầu năm 2000 và hoàn tất vào cuối năm 2006. suốt bảy năm một mình tôi, có khi với xe Honda, có khi với xe đạp, có khi đi xa như về miền Trung phải đi xe đò, đèo theo xe đạp để đến nơi có phương tiện đi lại. Chiếc xe đạp của tôi đã gần 30 năm vẫn còn tốt.

Bảy năm không phải đi suốt, vì còn phải làm (may quần áo) kiếm tiền. Khi có ít tiền rồi thì khăn gói lại đi. Những năm sau cùng, có nhiều bà con nội ngoại ủng hộ cho một ít tài chánh, khích lệ tinh thần, ấy là ông Nguyễn Thanh Quang, cô Trần Thị Thanh Nhàn, cô Trần Thị Ngọc Sương, bà Nguyễn Thị Tuyết Anh, ông Huỳnh Tấn Đốc, ông Trần Tường, cô Phạm Thị Xuyên, cô Trần Thị Sở (Như Ngọc), cô Trần Thị Như Nguyệt, ông Trần Bá Nha, ông Trần Văn Lành, cô Nguyễn Thị Hoa (bà Thành), cô Huỳnh Thị Ngọc Lan, bà Ba Tòng, cô Trần Thị Lan (Đồng Phú), ông Trần Hóa (Nga), ông Huỳnh Thanh Tịnh, ông Huỳnh Công Tâm, cô Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Thông, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Thuận và những người con gái khác của bà Nguyễn Thị Hai, cháu ngoại bà Trần Thị Trĩ. Tổng cộng được trên ba triệu. Tôi dùng gần một nửa số tiền này đóng góp cho quỹ nhà thờ (nhỏ) ở quê Hòa Thượng An Thạch, còn lại chi phí trên đường đi. Hai năm sau cùng, tôi được phép trích một ít tiền quỹ họ ở Sài Gòn để chi phí tiền xe cộ đi lại cũng như bồi dưỡng thời gian đúc kết tư liệu, thiết kế kỹ thuật, trình bày khuôn mẫu cho gia phả v.v... Số tiền trên được hơn



một triệu. Tôi tự nguyện làm việc này, không yêu cầu thù lao công sức và trí tuệ. Tuy nhiên bà con thương tình cho thì nhận, rất hân hạnh và chân thành cảm ơn.

Trong bảy năm đi các nơi: miền ngoài xa nhất là Quảng Bình; miền trong xa nhất là Cần Thơ; Tây Nguyên cao nhất là Đà Lạt; miền biển đẹp nhất là Khánh Hòa... Đi về nhiều nhất và ở lâu nhất là Quảng Ngãi. Những lúc một mình không thể giải quyết được sự việc, tôi có nhờ các ông như ông Trần Trọn, Trần Cần, Trần Nhường, Trần Tố Hữu, Trần Bá Nha v.v... cùng đi một đôi lần với tôi đến nhà bà con ở gần khu vực các ông ở để lấy tư liệu, nên mọi việc đều tốt đẹp trước sau.

Hầu hết các gia đình bà con nội ngoại dâu rể đều sốt sắng, nhiệt tình cung cấp tư liệu của gia đình mình, cũng như các gia đình người thân mà mình biết rõ cho tôi. Tất cả vui vẻ, thiết tha, chân thành, biểu lộ sự đồng tình cho việc làm này. Tuy nhiên cũng có vài gia đình thờ ơ, chẳng mấy thiết tha.

Có nhiều gia đình bà con quê ở Quảng Ngãi, muốn đến nhà phải leo dốc, vượt đèo hoặc quãng đường quá xa, xe đạp không đủ sức đi nên tôi phải nhờ ông Trần Tố Hữu dùng Honda để ôm. Nhiều khi đoạn đường chỉ độ năm bảy cây số, đạp xe đi trong đêm trời không trăng, không sợ ma mà chỉ sợ đâm vô bờ rào hoặc lủi xuống ruộng. Mười giờ khuya qua cầu (cũ) Chợ An (dắt xe không dám cỡi vì sợ rớt xuống sông) đi chậm chậm hít thở không khí trong lành, hương đồng cỏ nội nơi quê mà mình sinh ra và lớn lên...

Về Long An đi tìm bà con dòng họ. Mênh mông rừng Tràm, bạt ngàn cánh đồng lúa xanh. Sông nước hiền hòa như sự hiền

hòa của người dân vùng sông nước. Đồng Tháp Mười giờ đây muối vẫn còn nhiều, nhưng đĩa thì đã chết hết, không còn đĩa lợi như bánh canh. Mỗi năm hai mùa lúa, thay cho mỗi mùa lúa nổi ngày xưa.

Ra Quảng Bình đi tìm gia đình người con của dòng tộc. Một vùng cát trắng đầy dương xanh. Gần 30 năm sau chiến tranh, nhưng vết tích của đạn bom vẫn còn đó. Về Đồng Phú giữa tháng ba, nắng đổ nhạt nhòa...

Đi Hàm Tân, đến Tuy Phong của Bình Thuận. Đất đai cằn cỗi; rừng thấp, rừng thưa; đàn bò, đàn dê lớn dần nương theo rừng chồi, rừng lá... Huyện Hòa Đa nơi mà ngày xưa ông huyện Mậu trấn nhậm một thời, có người vợ Chàm tài sắc cả hai. Gió cuốn mây bay...! Huyện Tuy Phong, mũi La Gàng nơi mà ông nội tôi đã nằm yên trong lòng đất “lạnh” muôn đời.

Thoáng mà đã bảy năm! Mọi người lần lượt nối tiếp nhau ra đi! Bảy năm trước vẫn còn đây, bây giờ thấy đâu! Thấy người đi mà chạnh nghĩ đến mình...

Người đi rồi lại người đi! Chỉ có quê hương là trường tồn mãi mãi!

Trần Quang Trinh (Sơn)

--- ❧ --- ❧ --- ❧ ---

- *Nhân sinh tự cổ thùy vô tử*
- *Lưu thủ đan tâm chiếu bãn thanh*

Văn Thiên Tường



Gia phả họ Trần

# PHẦN THỨ TƯ

Tập Truyện Sử Thi Trần Tộc  
và Những Câu Chuyện Đọc Thêm



- *Học, học nữa, học mãi...*

Charles Darwin

- *Càng học càng thấy dốt*

Lénine

- *Việc học như con thuyền*

*đi ngược nước, không tiến tức là lùi*

Vương Dương Minh

- *Mấy lời khuyên nhủ học trò*

- *Nhỏ mà không học lớn mò sao ra*

Ca dao

- *Học mà chơi, học mà không chơi, đánh rơi tuổi trẻ*

- *Học phải khỏe, học mà không khỏe, bán rẻ tương lai.*

Hiền triết phương Tây



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

--- ❖ ---

- 1- Sách: Hướng dẫn biên chép gia phả của Nguyễn Đức Dự.
- 2- Sách: Hướng dẫn viết gia phả của Nguyễn Quang Tiến.
- 3- Sách: Việt Nam phong tục của Phan Kế Bính.
- 4- Sách: Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.
- 5- Các sách viết về triều đại nhà Nguyễn.
- 6- Sách: Lều chõng của Ngô Tất Tố.
- 7- Sách: văn học Việt Nam và sách Việt Nam văn học sử yếu của Dương Quảng Hàm.
- 8- Sách nói về Tư Mã Thiên của Tiêu Bản Hùng.
- 9- Sách: luận ngữ tinh hoa. Nguyễn Hòe biên tập.
- 10- Các sách nghiên cứu về đạo Phật
- 11- Sách: Non nước Quảng Ngãi (*quên tên tác giả*).
- 12- Sách: Các nhà khoa bảng của Quảng Ngãi từ năm 1819 đến năm 1919 (*quên tên tác giả*).
- 13- Sách: Phong tục cưới hỏi và tập quán ma chay, tang chế của Phạm Côn Sơn.
- 14- Văn thư di chúc của ông Thủy Tổ Trần Văn Cẩn.
- 15- Gia phả họ Bùi của ông Bùi Quang Cẩn.
- 16- Gia phả họ Nguyễn Thạch Trụ của ông Nguyễn Công Quyển và Nguyễn Công Chi.
- 17- Gia phả họ Huỳnh của họ tộc ông Huỳnh Tấn Đố.
- 18- Các bà con nội ngoại trong dòng họ và ngoài dòng họ ở An Thạch và ở ngoài An Thạch.
- 19- Các nhà sử học, văn học, nhà thơ, nhà văn ...
- 20- Các đài truyền thanh và truyền hình như đài TP.HCM, đài Bình Dương và đài Trung ương...
- 21- Các báo như Tuổi trẻ, Thanh niên, Phụ nữ, Pháp luật v.v..



## Mục Lục

Lời nói đầu	15
1. Ông Thủy Tổ Trần Văn Cẩn	49
2. Ông Cao Tổ 3 Trần Văn Trị	52
3. Ông Cao Tổ 7 Trần Văn Bình (Bảy Bang)	63
4. Bà Trần Thị Quá mẹ	66
5. Bà Huỳnh Thị Quýt	67
6. Ông Trần Nguyên Cát (Quan Quản Cơ)	76
7. Ông Trần Vĩnh	81
8. Ông Trần Quang Hiến (Quan Đội - Vợ)	103
9. Ông Trần Văn Thâu	110
10. Ông Trần Quang Tích (Võ Sư)	112
11. Ông Trần Thuần (Tám Yển)	121
12. Ông Trần Miên (Chín Thìn)	135
13. Ông Trần Tự (Thừa Nhận)	175
14. Ông Trần Văn Đăng cha	197
15. Bà Trần Thị Hiệp	214
16. Ông Trần Văn Hiệp (Y Mai)	218
17. Ông Trần Đức Thuận (Bá Hộ Bốn)	221
18. Bà Trần Thị Tứ (Xã Rân)	223
19. Ông Trần Cẩn (Tư Dinh)	228
20. Ông Trần Văn Cung	247
21. Ông Trần Đức Cai (Chánh Tổng)	262
22. Ông Trần Đức Lạc (Bá Hộ Sáu)	320
23. Ông Trần Đức Đôn	324
24. Ông Trần Đức Bồi (Bá Hộ Mười)	355
25. Ông Trần Mậu (Tri Huyện)	357
26. Ông Trần Từ (Hoè)	375
27. Ông Trần Quang Trinh	388
28. Bà Trần Thị Nữ	406
29. Đối chiếu âm dương lịch	416
30. Lời cuối tự bạch của người biên soạn.	495

# **Gia Phả Họ Trần**

**Biên soạn**

Thiết kế Kỹ thuật, in ấn và đóng sách

**Trần Quang Trinh (Sơn)**

**Đánh máy**

Trang trí mỹ thuật và chế bản

**Trần Thị Kim Ngân**

**Trần Chí Thành**

- *Trời hết nắng rồi mưa, hết mưa rồi nắng*
- *Ta vẫn là ta, ta vẫn đi trong nắng trong mưa...*



---

In lần đầu 100 bộ (200 quyển) ở 327A Chu Văn An, phường 12, quận  
Bình Thạnh - TP.HCM - ĐT: (08)5164944.  
E-mail: quangson1949@vnn.vn